

VÕ NGUYỄN GIÁP
qua lời kể của những người thân

2 ❖ **ĐẶNG ANH ĐÀO** tuyển chọn và giới thiệu

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

Võ Nguyên Giáp qua lời kể của những người thân / Đặng Anh Đào
tuyển chọn và giới thiệu. - T.P. Hồ Chí Minh : Văn hóa - Văn nghệ T.P. Hồ
Chí Minh, 2014.

tr. 280 ; 20cm

1. Võ Nguyên Giáp, 1911-2013 2. Tướng -- Việt Nam. I. Đặng Anh Đào.

959.704092 -- dc 22

V872

ISBN-978-604-68-0972-2



9 786046 809722

VÕ NGUYỄN GIÁP

qua lời kể của những người thân

ÑA|NG ANH ÑA|O

Tuyển chọn và giới thiệu

(Tái bản lần thứ nhất)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ
TP.HỒ CHÍ MINH - 2014

4 ❖ **ĐẶNG ANH ĐÀO** tuyển chọn và giới thiệu

Lời giới thiệu

Đặng Anh Đào

Đã có rất nhiều cuốn sách thuộc mọi thể loại viết về Đại tướng Võ Nguyên Giáp và nếu làm một bức chân dung bằng các mảnh ghép như một họa sĩ đã thực hiện bằng 8.800 tấm hình của đại tướng, thì có lẽ số lượng các mảnh ghép bằng tác phẩm văn chương nhiều đến mức không thể kể xiết!

Cuốn sách này tiếp tục đi theo hướng vẽ nên một bức tranh chấm phá chân dung Võ Nguyên Giáp và nét độc đáo là nó gồm những mảnh ghép từ cái nhìn của các cộng sự chiến hữu gần gũi, bạn bè và người thân trong gia đình. Từ mối liên hệ riêng tư của người viết với nhân vật chính, những chi tiết được kể trong cuốn sách sẽ rất đa dạng, song đôi khi lại có sự trùng hợp, gặp gỡ. Điều này là tất nhiên, thế nhưng vẫn có trường hợp sự “gặp gỡ” ấy lại rất bất ngờ, nực cười. Ví dụ trong câu chuyện về anh Giáp tới gặp viên thống sứ Bắc Kỳ Châtel (vào năm 1936-1939), anh Phạm Hồng Cư kể lại: Đang ngồi, y đã đứng vụt dậy chỉ tay vào anh Giáp mà hét lên “Đặng Xuân Khu!” (tên thật của anh Trường Chinh)... Dẫu chưa hề biết chuyện này, nhưng trong một bài hồi ký gần đây, bản thân tôi (Đặng Anh Đào) đã kể lại lần đầu tiên gặp anh Trường Chinh, lúc ấy tôi còn là một đứa trẻ, nhưng

lại rất ấn tượng về việc trông anh và anh Văn giống nhau như hai anh em!...

Trong khi sưu tầm các bài viết, chúng tôi chỉ làm việc sửa lại một vài lỗi về chữ nghĩa do đánh máy sai; sau đó cố gắng sắp xếp các bài theo một trình tự hợp lý nhất. Rút cục, tôi đã chọn trình tự thời gian (của lịch sử nhân vật) dầu không thể nào tránh được ngã rẽ khác. Chúng tôi rất tiếc là đã có nhiều người thân viết về anh Văn, nhưng tác phẩm của họ đã in thành sách, nên không thể đưa vào cuốn sách này.

Chúng tôi vô cùng cảm ơn các tác giả đã hưởng ứng bằng những hồi ức sâu sắc, văn phong độc đáo. Cuốn sách được sinh động thêm do những tấm ảnh minh họa, dầu đôi khi đã mờ nhòe vì thời gian. Chúng tôi cũng xin cảm ơn sự giúp đỡ của đại tá Nguyễn Huyền và đại tá Trịnh Nguyễn Huân đã cung cấp cho chúng tôi một số tư liệu riêng và ảnh ở Văn phòng trợ lý của đại tướng; đại tá Kim Sơn cũng giúp cho một số tư liệu hiếm hoi. Chúng tôi cũng xin cảm ơn nhiếp ảnh gia Trần Hồng và Phùng Bắc vì những tấm ảnh thật độc đáo, song vẫn rất tiếc vì không tìm thấy được đầy đủ tên tác giả của những ảnh khác để gửi lời tri ân, và chú thích xuất xứ cận kề hơn.

Thay mặt các tác giả đã tạo dựng nên những mảnh ghép của bức tranh này, chúng tôi xin cảm ơn chị Bích Ngân đã đề xuất ý tưởng cho chúng tôi về cuốn sách và hy vọng rằng nó sẽ đáp ứng một phần nào mong mỏi của Nhà xuất bản Văn hóa - Văn nghệ cũng như độc giả gần xa.

MỘT TUỔI HAI MƯƠI

Phạm Hồng Cư*

Anh Giáp ra tù ngày 15-11-1931 vào lúc anh vừa tròn hai mươi tuổi.

Tuổi hai mươi của Võ Nguyên Giáp là một tuổi hai mươi đầy khó khăn vào thời kỳ thoái trào của cách mạng sau cuộc đàn áp dữ dội của thực dân Pháp đối với phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh (1930).

Tuổi hai mươi của Võ Nguyên Giáp là một tuổi hai mươi sôi động trong phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương vào thời kỳ Mặt trận Bình dân Pháp thắng thế (1936-1939).

Rồi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (9-1939), cách mạng lại bị đàn áp. Đảng Cộng sản Đông Dương rút vào bí mật. Anh Giáp được lệnh vượt biên giới sang Trung Quốc gặp Bác Hồ. Anh Giáp đã kể sự kiện này trong Hồi ức “Từ nhân dân mà ra”, mở đầu cho bộ Hồi

* Trung tướng Phạm Hồng Cư, chồng của bà Đặng Thị Hạnh, em vợ Đại tướng

ức trứ danh mà nhiều người đã biết. Tuy nhiên về tuổi trẻ của Võ Nguyên Giáp thì chưa nhiều người biết. Năm 2004, với sự cộng tác của chị Đặng Bích Hà, tôi đã viết cuốn sách “*Đại tướng Võ Nguyên Giáp thời trẻ*” gồm 3 chương: *Tuổi thơ*, *Tuổi thiếu niên*, *Bước vào đời*. Nay tôi xin kể tiếp về tuổi 20 của anh Giáp, cùng với những kỷ niệm được chị Hà gợi lại.

Nhìn lại, tuổi hai mươi của Võ Nguyên Giáp trong bối cảnh xã hội Việt Nam thập niên 30 của thế kỷ XX, tôi có cảm tưởng đó là một đoạn đời gian truân chìm nổi, “bảy nổi ba chìm với nước non”, thăng trầm theo trào lưu của cách mạng. Lúc thoái trào cũng như lúc cao trào, Võ Nguyên Giáp luôn vươn tới với một niềm tin, một nghị lực, một sức sống. Anh lớn lên cùng với thế kỷ và đất nước. Một con người đi qua thế kỷ và để lại dấu ấn.

Tuổi hai mươi của Võ Nguyên Giáp cũng là tuổi của tình bạn. Trên đoạn đường này, anh gặp lại anh Đặng Thai Mai và hai người đã trở thành đôi tri kỷ.

Tuổi hai mươi của Võ Nguyên Giáp cũng là tuổi của tình yêu. Người con gái anh gặp lần đầu tiên trong chuyến tàu Vinh – Huế, gặp lại trong nhà tù, rồi gặp lại tại Vinh đã trở thành người yêu, người vợ của anh.

Tuổi thơ của Võ Nguyên Giáp diễn ra ở quê hương An Xá, Lệ Thủy, Quảng Bình.

Tuổi thiếu niên và bước vào đời ở Huế.

Tuổi 20 của Võ Nguyên Giáp diễn ra ở Vinh và ở Hà Nội.

MAI – GIÁP – THÁI

“Mai - Giáp” là cái tên kép xuất hiện trong thư từ của Quang Thái gửi từ Vinh ra Hà Nội từ cuối năm 1932 khi Đặng Thai Mai và Võ Nguyên Giáp đã ra Hà Nội còn một mình Quang Thái ở lại Vinh. Quang Thái chăm viết thư, vài ngày lại có một chuyến thư gửi ra Hà Nội. Đặng Thai Mai và Võ Nguyên Giáp cũng đều đặn viết thư trả lời. Những bức thư ấy nói lên tình thân giữa Mai và Thái – Giáp. Sau đây là một đoạn thư:

“Anh Mai, anh là người chứng giám cho ái tình của Giáp – Thái từ đầu đến nay. Từ nay về sau, anh cũng là người có quyền trông coi đến. Ngày nay chắc anh phải vui lòng về Giáp, về Thái. Anh hãy hiểu cho lòng em và thay em trong những khi gần Giáp”.

“Thái - Giáp” là một cái tên kép mà Đặng Thai Mai gọi hai người trong các bức thư. Bao giờ cũng gọi Thái trước.

Đặng Thai Mai thân với Nguyễn Thị Quang Thái không chỉ vì Quang Thái là người yêu của Võ Nguyên Giáp mà còn vì Quang Thái có những đức tính mà Đặng Thai Mai rất quý.

Quang Thái thông minh và yêu văn học. Đọc được một đoạn văn hay thể nào Quang Thái cũng tìm gặp Đặng Thai Mai để bàn luận.

Võ Thuần Nho kể: Một lần Nho cùng với Quang Thái đến thăm anh Mai, nói chuyện Quang Thái thích loại văn xuôi có nhịp điệu (prose rythmée), anh Mai

đọc luôn cho hai người nghe một đoạn văn của André Gide:

Le ramier qui exulte parmi les branches, les branches qui se balancent au vent, le vent qui remue les barques blanches.

(Chim ríu rít trên cành, cành đu đưa trước gió, gió đưa đẩy những con thuyền trắng).

Quang Thái sống có lý tưởng, lãng mạn cách mạng, yêu hết mình, sẵn sàng xả thân vì người mình yêu, vì điều mình tin tưởng. Tính tình dịu dàng nhưng kiên nghị, vừa hiền từ vừa bướng bỉnh, gan góc kiểu con gái xứ Nghệ, giàu lòng trắc ẩn, mau nước mắt, dễ xúc động nhưng đầy ý chí và nghị lực.

Quãng đời chung sống của Quang Thái và Võ Nguyên Giáp quá ngắn ngủi, có thể đếm được trên đầu ngón tay. Không kể thời kỳ vị hôn bốn năm từ 1932 đến năm 1935, hai anh chị chỉ chung sống được 5 năm, từ tháng 9-1935 đến tháng 5-1940 là ngày anh Giáp ra đi.

Quãng đời chung sống của Quang Thái và Võ Nguyên Giáp bắt đầu từ lễ cưới ngày 28-9-1935. Đó là một đám cưới chạy tang, chuẩn bị gấp gáp vì bà ngoại của Quang Thái đột nhiên ngã bệnh. Ông bà Hàn Bình một mặt lo chữa chạy cho cụ, một mặt hối thúc Thái – Giáp làm ngay lễ cưới.

Lương y Hồ Phi Thống (bố vợ của Đặng Thai Mai), được mời qua bên Đức Thọ - Hà Tĩnh là quê bà Hàn Bình để thăm bệnh, chữa chạy cho bà cụ. Sau khi thăm bệnh,

kê đơn bốc thuốc, cụ Hồ Phi Thống ra về, để lại một người học trò kiêm phụ việc là anh Chắt Văn chăm sóc thuốc thang cho bà cụ. Anh Chắt Văn hàng ngày báo tin về Vinh: “Cụ bà đã yếu lắm, khó qua khỏi”.

Bà Hàn Bình quyết định:

- Thế ông ạ! Ta phải báo cho ông Đốc và anh Tú ngoài kia và hai cụ trong nớ. Rồi tang tóc ba năm biết làm sao?

Ông Hàn Bình rất đồng ý. Riêng Quang Thái không đồng ý. Chị không muốn niềm vui hạnh phúc của hai người lại dây vào những sự buồn bã. Nhưng đành vậy. Chị phục tùng ý muốn của cha mẹ. Quang Thái lui vào buồng riêng, viết lá thư cuối cùng của thời kỳ vị hôn gửi cho Võ Nguyên Giáp.

Bà Hàn Bình đã qua bên Đức Thọ, Hà Tĩnh thăm mẹ. Tối 23-9-1935 bà đã về Vinh. Bà không chắc bà cụ có thể qua khỏi nay mai nên bà gấp gấp lắm. Bà quyết định sẽ làm lễ cưới cho con gái chậm nhất là vào ngày 28-9-1935.

Ngày 28-9-1935. Đặng Thai Mai và Võ Nguyên Giáp đã túc tồ từ Hà Nội về hôm trước. Hai người ôm về rất nhiều hoa tươi. Thời ấy chỉ ở Hà Nội mới có nhiều hoa tươi đẹp. Hai người không hề tính có hôn lễ vào thời điểm ấy. Đó là thời điểm đúng vào dịp vừa mới khai trường, Đặng Thai Mai rất bận. Anh dạy học cả ở hai trường Gia Long và Thăng Long. Võ Nguyên Giáp thì mới bắt đầu bước lên bục giảng ở trường Thăng Long.

Ông Võ Quang Nghiêm thân sinh anh Giáp và bà Nguyễn Thị Kiên thân mẫu anh Giáp đã từ Quảng Bình ra. Võ Thuần Nho đã từ Hà Nội về.

Quần áo cưới của Quang Thái và Võ Nguyên Giáp không kịp may. Ông Hàn Bình quyết định không phải vào Tòa sứ làm thủ tục đăng ký kết hôn nữa mà chỉ khai với lão Cu Ước là được. Ông nói: “Thầy đẻ cũng muốn làm đám cưới thật đàng hoàng nhưng gấp quá, đành giản tiện vậy”.

Tiệc cưới đặt ở hiệu khách, nhà không nấu. Thuê một căn nhà để đón dâu vì anh Giáp không có nhà ở Vinh. Thuê nhà ngay ở phố Maréchal Foch. Vì đi có một đoạn đường ngắn nên không phải thuê xe ô tô.

Ông Hàn Bình bảo: “Thuê xe tay”

Quang Thái nói: “Như thế thà đi bộ”.

Hôn lễ xong, anh Giáp thuê một xe ô tô Renault đưa cha mẹ, chú Nho và vợ mới cưới về quê. Dọc đường, anh cho dừng xe để chị Thái thăm thắng cảnh Đèo Ngang. Chị Thái đọc bài thơ của bà Huyện Thanh Quan:

“Bước tới đèo Ngang bóng xế tà”...

Về An Xá, ông Nghiêm làm lễ cúng gia tiên và ra mắt họ hàng làng xóm.

Đám cưới được năm hôm thì có tin bà ngoại chị Thái mất. Thái - Giáp vội vã trở ra Vinh chịu tang. Tuần trăng mật của hai người là như vậy.

Mùa khai trường năm 1935, Võ Nguyên Giáp đã có việc làm: dạy học ở trường Thăng Long. Anh quyết định đón chị Thái ra Hà Nội.

Trước khi ra Hà Nội, chị Thái trở lại An Xá thăm bố mẹ chồng.

Về chuyển đi lần thứ hai về quê chồng của chị Thái, tôi được nghe kể: Chị Thái đi dò dọc từ ga Mỹ Trạch về, có cô Lài và mấy người chèo đò ra đón.

Về đến làng, không có cảnh tượng người làng đổ xô ra bờ sông đứng nhìn như lần trước. Chỉ có cô Bá nheo mắt trông theo.

Về đến nhà, thấy mẹ mừng rỡ. Họ hàng làng xóm đến rất đông, mừng anh chị. Họ hỏi: - “Cậu Giáp đậu thứ mấy? Cô về một mình à?”. Ông chú bên nhà bảo đi mua pháo đốt, bàn đi rước.



Nữ liệt sĩ Nguyễn Thị Quang Thái,
vợ đầu của Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Chị Thái biết An Xá đã được tin anh Giáp thi đậu vào trường Luật. Mọi người hoan hỉ. Không gọi anh Giáp là cậu Tú nữa. Một cậu Cử, hai cậu Cử. Và chị là cô Cử. Chị Thái nghĩ bụng: Giáp mà về bây giờ thì phải biết!

Chị Thái muốn đi chào thăm cho khắp mặt. Ông Nghiêm bảo: “Không cần đi chào cho nhiều”.

Chị Thái vẫn cứ đi. Chị sợ nơi đi, nơi không, người ta trách. Chỉ tiếc không mang nhiều quà bánh về để biếu. Ngay tối hôm đầu tiên, chị đã đi khắp lượt, đến thăm mỗi nhà một tí. Đi và về đều mắc mưa dưới dờ.

Hôm sau trời nắng, cảnh vật An Xá tươi rói. Chị Thái quan sát: Thấy nằm coi sách bên chái, trên tường có treo đôi câu đối vải tây điều. Trong buồng, thím nằm võng ăn trầu. Dưới bếp cô Lài đi chợ về đang nấu nướng. Ngoài sân nắng gội bóng cây. Có tiếng dờ ai khua nước ngoài bến.

Thầy bảo: “Thái lấy giấy bút viết lá thư cho anh Giáp”. Bức thư viết: “Bữa mồng ba, có tiếp được dây thép nói con đậu, thầy thím mừng. Còn Thái về trong mình vài bữa rồi thầy thím cho ra Vinh hầu hai cụ rồi sẽ ra Hà Nội”.

Ngày 10 tháng 11 năm 1935, chị Thái ra Hà Nội.

RA VINH

Ra tù, Võ Nguyên Giáp và Đặng Thai Mai bị quản thúc tại quê quán, người ở Quảng Bình, người ở Nghệ An. Tình thân giữa hai người nảy nở từ những ngày cùng

hoạt động cách mạng trong Đảng Tân Việt ở Huế, rồi cùng bị thực dân Pháp bắt bỏ tù, nay dù xa nhau vẫn không phai nhạt. Hai người vẫn thường xuyên trao đổi thư từ, càng gần bó với nhau vì chung một cảnh ngộ: mất liên lạc với tổ chức Đảng và bị mất việc làm.

Đặng Thai Mai bàn với Võ Nguyên Giáp tìm cách xin ra Vinh. Lý do: tìm kiếm công ăn việc làm. Anh Giáp lên thị xã Đồng Hới, thảo một lá đơn gửi viên công sứ Quảng Bình. Anh nhờ một chị bạn học cũ tên là Thu có người cha làm đề lại ở Tòa sứ nộp đơn hộ. Viên công sứ trước đây đã đồng ý cho anh Giáp vào Huế nay cũng đồng ý cho anh Giáp ra Vinh.

Khi nghe anh Võ Thuần Nho (em trai anh Giáp, người cùng hoạt động cách mạng và cũng bị bắt ở Huế) kể với tôi chuyện này, tôi rất đỗi ngạc nhiên: “Viên công sứ Quảng Bình này dễ tính nhỉ!”. Anh Võ Thuần Nho gạt phắt và nói: “Không phải đâu! Nó cho đi là vì ở Huế và ở Vinh có những tên trùm mật thám Pháp khét tiếng: Sogny và Humbert”.

Anh Giáp đáp xe lửa ra Vinh. Anh Đặng Thai Mai đón, đưa về nhà cụ cử Hồ Phi Thống, nhạc phụ của anh Mai, tại phố Cửa Tả. Đây là phòng khám bệnh và bốc thuốc Đông y của cụ cử Hồ, một nhà Nho kiêm lương y nổi tiếng ở Nghệ An thời ấy.

Việc đầu tiên của anh Giáp và anh Mai là đi tìm bắt liên lạc với tổ chức Đảng ở Nghệ An. Nhưng thất vọng. Cơ sở Đảng ở Vinh bị phá vỡ hết sau khi phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh bị khủng bố trắng. Hai người tìm gặp

anh Hoàng Đức Thi, một đảng viên Tân Việt cũ mới ra tù, tìm gặp chị Vịnh (sau này là vợ anh Nguyễn Tài Bát), một đảng viên thanh niên cũ, tìm gặp một số bạn bè thân quen khác đã từng hoạt động cách mạng: chị Lân, anh Tường, anh Chắt Văn...nhưng không một ai có liên lạc với tổ chức Đảng.

Anh Giáp tìm kiếm công ăn việc làm. Có người giới thiệu một chân kế toán ở hãng Tây bò (công ty Le Boeuf) lương tháng 7 đồng bạc Đông Dương. Anh Giáp chỉ đi làm được một tháng rồi thôi luôn vì tên chủ Tây hạch sách quá lắm, anh không chịu được.

Anh Đặng Thai Mai quen biết ông Hàn Thiện, một nhà buôn ở phố Quai Măng, Bến Thủy. Anh được ông Hàn Thiện mời về nhà dạy học tư cho các con ông. Anh Mai kéo anh Giáp cùng đi. Mỗi thầy dạy một trò. Anh Mai dạy đứa con trai tên Phụng, anh Giáp dạy đứa con gái tên là Sinh. Một hôm cô học trò bị sốt, ông bố sai anh Giáp đạp xe lên Vinh mua thuốc về điều trị cho cô.

Chuyện này anh Võ Thuần Nho kể lại với tôi. Anh nói thêm: Hơn bốn mươi năm sau, anh có dịp gặp lại tại Vinh một cụ già trên 70 tuổi. Cụ chỉ người con gái lúc đó đã là một thiếu phụ nữ khoảng gần 50 tuổi, nói: “Nó đấy, học trò của Đại tướng đấy!”.

Ở nhà ông Hàn Thiện, chiều chiều anh Giáp và anh Mai đi dạo. Nhìn về núi Quyết thấy khói nhà máy diêm đùn lên tỏa kín đỉnh núi, anh Giáp nói: “Ống khói nhà máy kia làm xấu cả đỉnh núi!”. Anh Mai đáp lại: “Mình

không muốn thấy cái ống khói ở chỗ ấy! Mình chỉ muốn lấy một hòn núi lửa thay vào chỗ đó!”.

Câu chuyện này, anh Đặng Thai Mai có kể lại trong một bức thư gửi cho gia đình. Anh Mai tả cảnh Bến Thủy hồi ấy: “Trước 1930, cú tối đến, tiếng rao hàng, tiếng phu phen, tiếng còi tàu, xe cộ rộn rịp. Vậy mà năm nay vắng vẻ tiêu điều vô cùng. Cứ 8 giờ tối trở đi là im lặng một cách. Mấy ngọn đèn điện trên đường cũng xờ xạc, cột nọ nhìn cột kia mà tủi hổ”. Bức thư này được gia đình lưu giữ trên nửa thế kỷ và chị Hà cho tôi xem.

Tôi hỏi chị Hà: “Lúc ấy chị đã gặp anh Giáp chưa?”. Chị Hà đáp: “Mẹ tôi, tôi và em Hạnh ở làng Quỳnh quê ngoại, thỉnh thoảng mới vào Vinh thăm ông ngoại và ba tôi. Tôi thấy anh Giáp học chữ Nho với ông ngoại. Lúc ấy tôi còn nhỏ. Có một lần anh Giáp định đưa tôi đi chơi thăm Cửa Lò. Tôi lên cơn buồn không đi. Anh Giáp cau mặt: “Ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn!”. Tôi khóc, anh Giáp phải dỗ dành, đền cho một chiếc mùi xoa, tôi mới chịu. Chiếc mùi xoa này thêu rất đẹp, do các chị tặng cho anh Giáp. Các chị đây là các học trò của cha tôi và là bạn của anh Giáp: Chị Hải Đường, chị Lý, chị Lại. Các chị đều là con gái Nghệ Tĩnh vào Huế học, mang phong cách nữ sinh Huế, rất dễ thương... Có chị có cảm tình với anh Giáp. Nhưng anh Giáp đã yêu chị Thái.

Nói về Nguyễn Thị Quang Thái, sau lúc ra tù chị cũng bị giải về Vinh, quản thúc tại căn nhà của cha mẹ ở số 132 Maréchal Foch, nay là phố Quang Trung.

Có lần tôi hỏi anh Giáp: “Chị Thái lúc ấy như thế nào?”

Anh Giáp trầm ngâm: “Des yeux grands et vastes comme l’eau des lacs” (Những con mắt to và rộng như mặt nước hồ).

Chị Thái lúc ấy 17 tuổi, gương mặt còn những nét ngây thơ nhưng tính tình thì khắc khổ. Anh Giáp nói với tôi: “Chị Thái austère” (khắc khổ)

Khi ấy chị Minh Khai đã ra đi. Chị Thái vô cùng thương nhớ, mỗi lần nhắc đến chị Minh Khai là chị Thái khóc.

Gia đình chị Minh Khai – Quang Thái, người cha là ông Hàn Bình, làm công chức nhà ga Vinh, bà mẹ buôn hàng tẩm, có lúc buôn gạo, nhà có cửa hàng vào loại khá ở Vinh.

Gia đình này có người con gái đầu thoát ly gia đình đi làm cách mạng, người con gái thứ hai mới ra tù nên bị mật thám theo dõi gắt. Ông Hàn Bình hiền lành, ít nói, làm việc cần mẫn. Bà Hàn Bình kinh doanh buôn bán giỏi, một tay gây dựng cơ đồ, tính nết cương quyết.

Bà cấm đoán chị Thái không cho giao du với bạn bè cũ, không cho đi tìm liên lạc với tổ chức cách mạng.

Con gái đến tuổi lấy chồng, bà có ý định chọn một đám có địa vị, giàu sang.

Nhưng Quang Thái là một người con gái có suy nghĩ độc lập, tư tưởng đã theo trào lưu tiến bộ, chị không

chịu theo khuôn phép cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy.

Rồi chính anh Đặng Thai Mai là người se duyên. Anh Mai dẫn anh Giáp đến giới thiệu với ông bà Hàn Bình. Hai ông bà rất nể ông “Đốc Mai”. Còn đối với anh Giáp lúc ấy, ông bà chỉ mới biết là một cậu học trò nghèo, một nhà báo bị mất việc, một người vừa mới ra tù. Qua sự giới thiệu của ông Đốc Mai, ông bà Hàn Bình cũng nể trọng, nhưng phải đến vài năm sau, anh Giáp thi đỗ tú tài Tây dạy học ở trường Thăng Long rồi đỗ cử nhân Luật, khi ấy ông bà Hàn Bình mới thực sự quý trọng anh Giáp. Ông bà có lời mời anh Giáp mỗi khi nghỉ hè thì về Vinh thăm ông bà.

Võ Nguyên Giáp ở Vinh với Đặng Thai Mai chừng một năm. Đến tháng 9 năm 1932, Đặng Thai Mai tìm được việc làm: dạy học ở trường Gia Long Hà Nội. Đặng Thai Mai kéo Võ Nguyên Giáp cùng đi. Việc xin phép ra Hà Nội khá phức tạp, phải đệ đơn xin công sứ Nghệ An rồi lại phải chuyển đơn lên Phủ Toàn quyền Pháp duyệt. Khi ra đi phải báo cáo với chánh mật thám Nghệ An Humbert, đến Hà Nội phải trình diện với tên trùm mật thám Đông Dương Marty.

MỘT THOÁNG LÀNG QUỲNH

Rất nhiều năm sau này, mỗi khi nhớ lại những ngày ở Vinh, anh Giáp có cảm giác rằng ngay từ lúc đó, anh đã là một thành viên của gia đình anh Đặng Thai Mai. Cả nhà yêu quý săn sóc anh. Anh sống trong một bầu không

khí gia đình đầm ấm, nhất là khi anh cùng với anh Đặng Thai Mai về thăm làng Quỳnh, quê vợ anh Mai..

Chị Hồ Thị Toan, vợ anh Mai là con gái thứ hai của cụ cử Hồ Phi Thống. Chị là một phụ nữ rất dịu hiền. Võ Nguyên Giáp đã quen biết chị từ những ngày ở Huế, khi anh cùng với anh Nguyễn Chí Diểu nhiều buổi tối đến hội họp khuya ở nhà ông “Đốc Mai” và được chị Mai thắt đai món cháo gà đựng trong những bát sứ Tàu men tinh khiết.

Khi kể với tôi về những kỷ niệm đối với chị Mai, anh Giáp còn nhớ rất rõ gương mặt của chị hồi ấy, gương mặt trái xoan, tóc vấn trần, da mặt trắng mịn, đôi mắt tuy nhỏ nhưng đen và hiền biết bao nhiêu.

Sau khi anh Mai bị bắt giam ở Huế, chị Mai ẩm hai đứa con gái nhỏ là Đặng Bích Hà, khi ấy lên ba tuổi và Đặng Thị Hạnh mới đầy năm chạy về quê chồng ở làng Lương Điền, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Lúc đó, nếu cụ cử Hồ Phi Thống không cho người lên đón mấy mẹ con về làng Quỳnh thì mẹ con chị Hồ Thị Toan chỉ có chết. Làng Lương Điền cũng như toàn huyện Thanh Chương sau Xô Viết Nghệ Tĩnh bị khủng bố trắng. Làng mạc bị càn quét, phụ nữ bị hãm hiếp, trẻ em chết đói.

Đặng Thai Mai sau khi ra tù nói: “May quá, ông ngoại đón được ba mẹ con về!”. Đặng Thai Mai nhiều lần kể lại chuyện này với một lòng biết ơn vô hạn đối với bố vợ.

Cụ cử Hồ Phi Thống đậu cử nhân khoa Canh Tý

(1900), đồng khoa với các cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh. Cụ là một người yêu nước đã từng tham gia phong trào Duy Tân. Cụ là thầy đồ Nghệ nổi tiếng dạy giỏi, là thầy dạy Đặng Thai Mai khi anh còn nhỏ tuổi tại làng quê Lương Điền. Cụ là tác giả cuốn *Nhân đạo quyền hành*, một tác phẩm triết học duy nhất có giá trị thời ấy, bìa màu tím xám, ngoài bìa có vẽ một cái cân, tựa cuốn sách viết bằng chữ Hán năm 1928, được dịch và in năm 1936 ở Vinh, được tái bản lần thứ ba năm 2006 cùng với *Đạm trai văn tập* là tập thơ văn của cụ nói lên nỗi đau buồn của một người đã không thực hiện được hoài bão giúp dân cứu nước.

Những lúc cụ Hồ Phi Thống, anh Đặng Thai Mai và anh Võ Nguyên Giáp về thăm vợ con anh Mai ở làng Quỳnh là những giờ phút êm đềm hiếm có. Người lớn kê chõng trò chuyện ngoài sân, còn Hà và Hạnh thì chạy loăng quăng chơi đùa dưới trăng sáng.

Quỳnh Đôi, một làng quê ẩn hiện sau lũy tre xanh như mọi làng quê Việt Nam. Đường vào làng rắc đầy hoa sỏi trắng. Giếng làng ở giữa đồng, các thôn nữ quẩy về những nổi đình sóng sánh nước.

Quỳnh Đôi là một làng khoa bảng: có 700 người đậu tú tài, có 12 tiến sĩ trong số 17 tiến sĩ của toàn huyện Quỳnh Lưu.

“Làng Quỳnh lắm kẻ đặng khoa

Ông nghề ông cử như hoa vườn quỳnh”.

Quỳnh Đôi còn là một làng dệt lụa. Lụa Quỳnh Đôi

nổi tiếng khắp vùng. Con gái làng Quỳnh thanh mảnh trắng trẻo do làm nghề dệt cửi quay tơ không lam lũ như con gái các vùng làm ruộng, làm muối, đánh cá xung quanh. Dân làng Quỳnh sống dư dật, tự hào con gái làng Quỳnh đẹp và con trai làng Quỳnh có học.

Bà cụ cử Hồ mười một lần đem lụa đi bán ở phiên chợ tỉnh cách quê hơn năm mươi cây số, phải đi tàu hỏa, lên tàu ở ga Cầu Giát. Các cô con gái bà đều dệt lụa quay tơ.

Về làng Quỳnh, Võ Nguyên Giáp có một ấn tượng về lụa mà nhiều năm đã qua, anh vẫn chưa quên: đó là mùi thơm ngậy ngậy của tơ tằm tỏa ra từ những tấm lụa đã nhuộm màu vàng óng.

Một ấn tượng nữa khó quên: Đằng sau tiếng thoi đưa nhện nhện là tâm trạng trống trải, là bầu không khí ảm đạm trong nhiều gia đình. Hầu như gia đình nào cũng có người bị bắt, bị giết, bị tù đầy, bị tra tấn trong cơn khủng bố trắng sau phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh. Cạnh nhà bà cử Hồ là nhà bà Dung, em dâu bà. Ông Dung bị Tây đánh chết, anh con trai lớn của bà bị bắt và chết trong tù. Nhà bà Dung là một xác nhà ngói cũ, bàn ghế đuỗi đoảng, giường thờ lạnh ngắt. Đâu đó văng vẳng tiếng ru con rất buồn của một thiếu phụ:

Chốn ải Bắc mây sầu ảm đạm.

Cõi trời Nam gió thảm điều hiu...

Trong làng này, hễ cứ ai ru con cũng đều cất lên mấy câu thơ của Trần Tuấn Khải. Có lẽ vì lời thơ phù

hợp với hoàn cảnh và tâm trạng con người thời thoái trào cách mạng.

Tuy nhiên, những khi tiếp xúc riêng với anh Giáp, dân làng vẫn nói về những ngày oanh liệt của Xô Viết Nghệ Tĩnh với giọng tự hào pha chút nói “trạng” của người dân Xứ Nghệ: “*Cộng sản ba mươi trống nổ trời*”. Ở làng Quỳnh, ai ai cũng thuộc bài thơ mà nghe nói tác giả là ông Hồ Tùng Mậu:

*“Cái nợ non sông trót hẹn hò
Đường đời bao quân bước quanh co
Tuy không bằng kẻ phong da ngựa
Song cũng hơn phường vác mặt mo
Cách mạng đã gieo thì kết quả
Cường quyền không đốt cũng ra tro
Anh hùng khôn luận nơi thành bại
Thà chết còn hơn mất tự do.”*

Chị Hà kể: Hồi ở làng Quỳnh, chị đã một lần gửi thư nhắn anh Giáp khi ấy còn ở Quảng Bình rằng khi nào ra Vinh, anh ghé lại thăm làng Quỳnh. Chị Hà nói: “Thế là tôi được một bài học về địa lý đầu tiên, là từ Quảng Bình ra Vinh thì không thể nào ghé thăm làng Quỳnh được vì làng Quỳnh ở phía ngoài”.

Chị Hà nói: “Gọi là gửi thư chứ không nói là viết thư, vì hồi ấy, cậu Tường, em mẹ, cầm tay cho tôi viết. Thực ra thì cậu viết theo lời nói của tôi và tôi chỉ ký mỗi một chữ: Hà.

Những kỷ niệm trên đây, anh Giáp và chị Hà kể lại cho tôi vào một buổi sáng mùa đông năm 1991, khi anh Giáp đã vào tuổi bát tuần và chị Hà thì đã sáu mươi tư. Những kỷ niệm về làng Quỳnh được đánh thức dậy từ trong chiều sâu ký ức. Chúng rất nhỏ nhoi, dường như có thể bị che lấp sau bao nhiêu sự kiện to lớn của lịch sử. Nhưng chúng không bị rơi vào quên lãng, mặc dù không có gì cưỡng lại được với thời gian.

RA HÀ NỘI

Ra đến Hà Nội, việc đầu tiên của Đặng Thai Mai và Võ Nguyên Giáp là phải đến trình diện với trùm mật thám Đông Dương Marty.

Gặp Đặng Thai Mai, tên cáo già Marty tỏ ra nhã nhặn, hần nói:

- Hoan nghênh giáo sư ra dạy ở trường Gia Long. Ở đó có hiệu trưởng là giáo sư Bailet tốt lắm. Hoan nghênh giáo sư Đặng Thai Mai tiếp tục dạy văn học Pháp và văn học Việt Nam. Nghe nói giáo sư dạy giỏi lắm phải không?

Khi tiếp Võ Nguyên Giáp, Marty nheo mắt nhìn anh thanh niên 21 tuổi, hần chế nhạo:

- Thế nào? Chưa có nghề nghiệp gì phải không? Tiếp tục đi học chứ? Học cho giỏi chủ nghĩa Mác vào nhé!

Ra về, Võ Nguyên Giáp rất bức – anh nói với anh Đặng Thai Mai một câu bằng tiếng Pháp: “Un jour, je lui

logerais une balle dans la cervelle”. (Sẽ có ngày tôi cho hấn một phát đạn vào óc).

Khi nghe kể chuyện này, tôi cười phá lên và bình luận: “Đúng là một lời nguyền. Hay thật! Lời nguyền ấy thể mà thiêng! Hai mươi hai năm sau, lời nguyền ấy được thực hiện tại Điện Biên Phủ!”.

Việc Đặng Thai Mai và Võ Nguyên Giáp ra Hà Nội được là nhờ các bạn đồng môn của Đặng Thai Mai trước đây cùng học ở Trường Cao đẳng Sư phạm Đông Dương tìm kiếm việc làm cho. Đó là một ghế giảng dạy văn học Pháp và văn học Việt Nam ở trường tư thực Gia Long do một người Pháp làm hiệu trưởng, coi đó là một sự đảm bảo để được hành nghề.

Trường Gia Long có trụ sở tại một ngôi nhà nhiều tầng ở đầu phố Phủ Doãn phía Hàng Bông. Trong thư từ của Đặng Thai Mai, có những đoạn kể về cuộc đấu khẩu với Bailet hiệu trưởng trường Gia Long:

“Gia Long năm nay rentrée (khai trường) có đến 5 première année (năm thứ nhất). Bailet sung sướng lắm nhưng Mai biết rằng trường Gia Long, nếu như thằng Bailet cứ kiêu và sên thì chả lâu nữa đâu. Nó hay thù vật lắm, lúc bọn mình chửi nó thì nó cười, nhưng sau rồi tìm cách để “đẩy nhẹ”. Tôn Thất Bình cũng đã đi rồi...”.

Một thư khác:

“Những bài giảng về Littérature française (văn học Pháp) của Bailet, ngó bộ học trò nguời không được”. Hôm trước nó năn nỉ với Mai trả tiền một giờ Annamite (ý nói

văn học Việt Nam) 2 đồng rưỡi. Mai không chịu. Nó nói: “Thôi mà, ông chịu khó một chút, hy sinh cho nhà trường nhờ với!”.

Mai cười: “Tôi không phải là người khó tính, nhưng tôi không thích rằng: người ta tưởng dân này đi xin lấy một vài giờ mà dạy. Một lẽ nữa là của tốt không bao giờ rẻ!”.

Một đoạn thư khác nói về dự định bỏ trường Gia Long sang dạy ở trường Thăng Long: “Năm nay phải hết sức tiết kiệm để sang năm có thể bỏ Gia Long mà qua Thăng Long. Qua Thăng Long thì thế nào cũng ít tiền hơn. Thôi thì có rau ăn rau, có cháo ăn cháo. Cũng chưa đến nỗi ăn cháo đâu! Nhưng cũng không bám lấy Gia Long mãi, Bailet nó sẽ làm thần thế. Mặt khác nếu qua Thăng Long thì hẳn sẽ có thêm học trò, vì học trò bên Thăng Long muốn Mai dạy lắm!”.

Một đoạn thư khác: “Mai đã trả tiền học cho Nho 10 \$ rồi”. Đọc đoạn thư này, tôi hiểu là Đặng Thai Mai đã phải làm việc cật lực như thế nào để kiếm tiền nuôi cả nhà (lúc này chị Mai mới sinh con gái thứ ba là Đặng Thanh Lê), đồng thời giúp Võ Nguyên Giáp và Võ Thuần Nho đi học.

Võ Nguyên Giáp tìm cách giảm bớt gánh nặng cho Đặng Thai Mai. Mục tiêu trước mắt của Võ Nguyên Giáp là phải đoạt lấy bằng tú tài Tây toàn phần để có điều kiện đi dạy học đỡ dần cho anh Mai. Võ Nguyên Giáp giúp Đặng Thai Mai chấm bài và lấy cả bài của các giáo sư khác về chấm, mỗi bài được trả 12 xu.

Thời gian này, Võ Nguyên Giáp phải có một sự nỗ lực rất lớn vì anh chỉ có chưa đầy một năm để học tất, vượt chương trình của bốn năm học, giành lấy bằng tú tài phần thứ nhất. Chúng ta còn nhớ: Võ Nguyên Giáp rời ghế nhà trường trong cuộc bãi khóa ở Huế năm 1927, khi đang học lớp Dự bị niên Cao đẳng tiểu học.

Võ Nguyên Giáp tìm mua sách giáo khoa ở hiệu Taupin, hiệu sách lớn nhất thời bấy giờ ở Hà Nội. Anh cũng ra Thư viện trung ương học.

Mùa thi năm 1933, Võ Nguyên Giáp với tư cách là thí sinh tự do dự thi. Anh đỗ tú tài phần thứ nhất vào loại ưu. Anh Giáp gửi một bức điện báo tin vui cho gia đình ở Quảng Bình. Cả làng An Xá chúc mừng ông Nghiêm và gọi anh Giáp là “Cậu Tú”.

Trong thời gian dạy học ở trường Gia Long, Đặng Thai Mai thuê một căn nhà ở phố Julien Blanc (nay là phố Phủ Doãn) để ở gần trường. Phía sau là Nhà thờ lớn Hà Nội. Vào các buổi sáng, Đặng Thai Mai và Võ Nguyên Giáp nghe tiếng chuông nhà thờ ngân nga. Vào dịp lễ Giáng sinh năm ấy, hai người còn đi xem hành lễ.

Chị Hà kể rằng chị được ra Hà Nội trước với ba và anh Giáp. Mẹ, em Hạnh và em Lê mới sinh còn ở lại làng Quỳnh hai năm nữa rồi mới ra Hà Nội. Mùa hè, cô bé Hà thấy cha và anh Giáp thức đêm, trời nóng như thiêu, hai người mặc áo may ô ngồi chấm bài dưới ngọn đèn điện nóng rực, mỗi người ôm một xấp bài.

Chị Hà kể: Anh Giáp chăm tập thể dục, thường

xuân đến Septo (nay là sân vận động Hàng Đẫy). Anh tập xà đơn, xà kép rồi tắm nước lạnh. Chị Hà nói chị biết việc này vì anh Giáp chở cô bé Hà trên xe đạp đến Septo, anh đi tập còn cô bé đứng chơi ở gần đó.

Niên khóa 1933-1934, anh Giáp xin học chương trình tú tài phần thứ hai ở Lycée Albert Sarraut là trường dành cho con em người Pháp. Giữa hai chuyên khoa: toán và triết học, anh Giáp chọn môn triết học.

Tôi hỏi: Vì sao? Anh cũng giỏi toán cơ mà?

Anh Giáp đáp: Mình đọc Marx có một ý: Philo, Droit, Histoire (Triết học, Luật học, Sử học).

Lúc ấy ở trường Albert Sarraut có một lớp Philo B dành cho thí sinh tự do, anh Giáp nộp đơn xin học và nhà trường báo nhận. Cùng vào học với anh Giáp ở lớp này có các anh Phạm Huy Thông, Hoàng Xuân Nhị sau này đều là những nhà sư phạm nổi tiếng.

Anh Giáp học giỏi, đứng đầu lớp. Có bài anh đạt 17 điểm trong khi người thứ nhì chỉ đạt 14 điểm. Giáo sư chủ nhiệm lớp là ông Marcel Ner rất mến anh Giáp và anh Giáp cũng rất quý mến thầy Ner. Giáo sư Ner có kiến thức rộng, giảng dạy sâu sắc. Ông có xu hướng chính trị thiên tả, là hội viên hội Franc- Maçonnerie (hội Tam điểm ở Pháp).

Giáo sư Ner nhanh chóng phát hiện người học trò giỏi và thường có ý kiến độc đáo. Trong một lần tập phép ghép ý (association d'idées) thầy nêu một ý, trò ghép ý tiếp sau, khi giáo sư Ner nói:

- Occident (phương Tây)
- Võ Nguyên Giáp tiếp: barbare (dã man)
- Giáo sư Ner nói: Bảo Đại
- Võ Nguyên Giáp tiếp: traître (kẻ phản bội)

Giáo sư Ner không nói gì. Ông biết quan điểm chính trị của Võ Nguyên Giáp, biết Giáp đã bị thực dân Pháp bắt bỏ tù, nhưng ông hết sức giúp anh Giáp học tập.

Có một lần Võ Nguyên Giáp bị ngắt xiu trong lớp học. Vào đúng lúc ấy, có Thanh tra học chính Đông Dương đến. Viên thanh tra không phải ai xa lạ mà chính là ông Bourotte nguyên hiệu trưởng trường Quốc học Huế năm xưa, người đã từng là đối tượng phê bình của bài báo đầu tiên của Võ Nguyên Giáp: “A bas le tyranneau du Quốc học” (đả đảo tên tiểu bạo chúa trường Quốc học) viết năm 1927 đăng trên tờ L’Annam của luật sư Phan Văn Trường xuất bản tại Sài Gòn.

Có thể ông Bourotte cũng nhớ tới người học sinh giỏi và là người cầm đầu cuộc bãi khóa 7 năm về trước.

Võ Nguyên Giáp đêm trước thức suốt đêm không ngủ, thức trắng để học và chấm bài. Khi bước lên bảng đen, anh bị ngắt, phải đưa xuống cấp cứu tại y xá nhà trường.

Giáo sư Ner xuống y xá thăm hỏi:

- Sức khỏe thế nào?

Anh Giáp cảm ơn rồi đáp: “Học nhiều và làm việc

suốt đêm”. Giáo sư Ner can thiệp với nhà trường miễn học phí cho Võ Nguyên Giáp một tam cá nguyệt. Nhà trường đồng ý.

Xu hướng chính trị của Võ Nguyên Giáp bộc lộ rõ không những khi học triết học mà còn ở môn sử học. Võ Thuần Nho kể anh Giáp nói với Nho:

“Người ta dạy cho mình về Công xã Paris nhưng họ không hiểu gì về ý nghĩa của Công xã. Thái độ của họ là căm thù và sợ hãi. Giọng điệu của họ giống in như Gustave Flaubert: “Một cuộc trở về với thời Trung cổ”. Mình không mong họ như Jules Vallès hay Eugène Pottier, bản thân là chiến sĩ công xã thì ít ra họ cũng có thể như Verlaine, Rimbaud, Victor Hugo đã có những vần thơ hay về Công xã. Còn với chúng ta thì đó là “một cuộc tấn công lên tận trời, một sáng kiến lịch sử” (Marx)”.

Mùa thi năm 1934, Võ Nguyên Giáp đậu tú tài toàn phần. Anh từ biệt Trường Albert Sarraut và thầy, bạn.

Võ Nguyên Giáp đã có đủ điều kiện để dạy học. Nhưng Sở Mật thám Đông Dương ngăn cản, Sở Học chính không cấp phép. Sở Mật thám triệu Võ Nguyên Giáp tới hỏi:

- Dạy học có làm chính trị không?
- Dạy làm ăn thôi.

Họ vẫn gây khó khăn. Rồi chính giáo sư Marcel Ner phải đứng ra can thiệp với nhà cầm quyền Pháp, khi ấy họ mới cho phép Võ Nguyên Giáp dạy học tư.

THẦY GIÁO TRƯỜNG THĂNG LONG

(9/1935 - 5/1940)

Nhiều năm sau này, anh Giáp có dịp gặp lại học trò cũ ở trường Thăng Long.

Vào những dịp lễ Tết, ngày kỷ niệm, ngày sinh của anh Giáp, nhiều học sinh cũ trường Thăng Long đến thăm và chúc mừng anh Giáp. Người đến thăm đứng chật cả phòng khách. Anh Giáp rất xúc động. Câu chuyện hàn huyên tràn đầy tình cảm thầy trò, chuyển sang kể chuyện kỷ niệm xưa. Tất cả như sống rộ lên. Không khí cuộc gặp gỡ càng thêm ấm áp. Các học trò nói:

... “Chúng tôi rất thích các bài giảng của thầy về môn sử Việt Nam. Những bài giảng có hồn đầy tự hào, có bài lại xót xa... Thầy nêu cao tấm gương của Bà Trưng, Bà Triệu. Khi giảng bài “*Hà thành thất thủ*”, thầy nói cho chúng tôi hiểu cái nhục của người dân mất nước và khơi dậy trong chúng tôi lòng căm thù chủ nghĩa đế quốc thực dân. Chúng tôi còn nhớ hôm thầy dẫn chúng tôi đi dã ngoại, đến nơi Francis Garnier bị chết trên bờ đê Giảng Võ, đến nơi Henri Rivière bị giết ở gần Cầu Giấy. Tại nơi chiến địa cũ, thầy đã trình bày cho chúng tôi cuộc chiến đấu anh dũng của nhân dân ta chống lại các cuộc hành binh của giặc Pháp. Thầy đặt ra cho chúng tôi câu hỏi: “Tại sao Hà thành với hơn nửa vạn quân mà nhanh chóng thất thủ như vậy, lần thứ nhất trước hai trăm quân Pháp, lần thứ hai trước năm trăm quân Pháp?”. Đó là điều thầy suy nghĩ và trong học sinh chúng tôi, không ai ngờ rằng những suy nghĩ hồi ấy có thể góp vào những ý

tướng quân sự của thầy sau này, khi thầy lĩnh trọng trách tổng tư lệnh cầm quân trong hai cuộc kháng chiến.

“Nhớ lại bài sử nào ông giảng

Xót xa nước mất nhà tan”

(thơ Nguyễn Bùi Vợi)

... Về sử thế giới, thầy giảng những bài về cách mạng Pháp rất hay. Thầy đã làm cho chúng tôi hiểu tính chất tiến bộ của cách mạng tư sản Pháp, đề cập đến những mầm mống đầu tiên của chủ nghĩa xã hội. Thầy giảng về cách mạng 1789, về những người cách mạng: Robespierre, Saint-Just... Chúng tôi đều thấy sức mạnh của quần chúng cách mạng là to lớn như thế nào. Chúng tôi bị cuốn hút, chúng tôi muốn giương cao ngọn cờ cách mạng: “L’étendard sanglant est levé” (Ngọn cờ nhuộm máu đã phất cao).

Lúc bấy giờ, phong trào Mặt trận Bình dân chống phát xít đã dậy lên rất mạnh ở Pháp, ở Tây Ban Nha. Trong giờ lên lớp về địa lý châu Âu, thầy đã trình bày cho chúng tôi nghe trận chiến đấu oanh liệt của nhân dân Tây Ban Nha chống phát xít Franco trên mặt trận thủ đô Madrid – đó là một bài địa lý đặc biệt hay.

Thầy viết cuốn sách “*Muốn hiểu rõ tình hình quân sự Tàu*”, thầy kể cho chúng tôi về cuộc chiến đấu anh dũng của nhân dân Trung Quốc chống quân phiệt Nhật Bản xâm lược. Tình hình còn khó khăn nhưng thầy rất tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của nhân dân Trung Quốc”.

Anh Giáp cười: “Lúc đó mình tưởng Chu – Mao là một người!”.

Mọi người cùng cười rộ.

Về việc thành lập trường Thăng Long, đó là một chuyện tâm huyết. Năm 1934, một nhóm trí thức yêu nước lập “Hội mở mang nền tư thực” dịch ra tiếng Pháp là ADEL (Association pour le développement de l’enseignement libre). Hai chữ tư thực gợi nhớ đến “Đông Kinh nghĩa thực” cũng là một trường tư thời kỳ 1907 đã bị thực dân Pháp đóng cửa và kết án nặng nề những người sáng lập.

Ý nguyện sâu xa của các sáng lập viên trường Thăng Long là muốn trường phải xứng đáng là một nghĩa thực mới theo gương Đông Kinh nghĩa thực. Hội ADEL lúc đó chỉ gồm một nhóm không đầy chục người: Phan Thanh, Đặng Thai Mai, Phạm Hữu Ninh, Nguyễn Cao Luyện, Đặng Vũ Xích, Nguyễn Dương, Hoàng Minh Giám. Mỗi người đóng góp một cổ phần mấy trăm đồng.

Trường Thăng Long đã thực sự trở thành một “nghĩa thực” góp phần đào tạo cả một thế hệ học sinh trở thành những người ích quốc lợi dân.

Tháng 9 năm 1935, khóa đầu tiên khai giảng. Võ Nguyên Giáp dạy các môn Pháp văn, Lịch sử, Địa lý từ lớp đệ nhất niên đến lớp đệ tứ niên, dạy cả 5 lớp ABCDE. Đối với bậc tú tài, anh chỉ dạy Lịch sử. Thường anh dạy vào buổi sáng, mỗi buổi hai ba tiết. Riêng ngày thứ Sáu, anh Giáp dạy cả sáu tiết.

Chị Hà nói: “Cậu hãy ghi nhớ lấy ngày thứ Sáu. Sau này khi chuyển vào hoạt động bí mật, anh Giáp đã ra đi vào một ngày thứ Sáu”.

VÕ NGUYÊN GIÁP - SINH VIÊN TRƯỜNG LUẬT

Trong thời gian 1935-1939, Võ Nguyên Giáp vừa dạy học, vừa làm báo, viết sách, vừa tham gia các cuộc vận động cách mạng của Mặt trận Dân chủ Đông Dương, là thành viên Ủy ban vận động cách mạng nửa công khai của Đảng, là Chủ tịch Ủy ban Báo chí Bắc Kỳ...

Tuy bận rộn như thế, nhưng Võ Nguyên Giáp vẫn kiên trì học tập đến bậc đại học. Niên khóa 1934-1935, anh nộp đơn xin theo học năm thứ nhất trường Cao đẳng Luật khoa.

Trường Cao đẳng Luật khoa (École supérieure de Droit) thuộc Viện Đại học Đông Dương (Université Indochinoise) đến năm 1941 chuyển thành Đại học Luật khoa, có mục đích chuẩn bị thi bằng Cử nhân Luật. Hạn học là 3 năm. Muốn học thêm bảo vệ luận án tiến sĩ thì phải sang Pháp.

Tôi hỏi Võ Thuần Nho: “Anh Giáp bận nhiều như thế, làm sao có thì giờ mà học?”.

Anh Nho cho biết: Sở dĩ anh Giáp vừa dạy học, vừa làm báo, vừa học luật được là vì nhà trường không bắt buộc sinh viên phải thường xuyên dự lớp miễn là cuối năm học thi đậu là được.

Đối với các bài giảng của giáo sư (khi giảng họ mặc áo thụng) ai muốn đến nghe thì đến, không đến thì xin bài giảng.

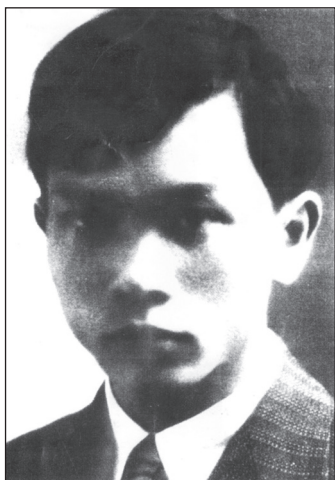
Võ Thuần Nho nói: Giáo sư Grégoire Khérian chủ nhiệm bộ môn kinh tế chính trị rất yêu mến anh Giáp, và anh Giáp cũng ham thích nhất môn kinh tế chính trị và rất kính trọng thầy Khérian.

Niên khóa 1935-1936, anh Giáp học năm thứ hai. Năm ấy, có một kỳ thi (Concours général) tập trung các sinh viên giỏi nhất về môn kinh tế chính trị.

Anh Giáp viết một bản tường trình về “Cán cân thanh toán ở Đông Dương”.

Giáo sư Khérian phê:

Il a fait un exposé sur la “Balance des comptes de l’Indochine”.



Đại tướng Võ Nguyễn Giáp
khi còn là sinh viên của Đại học Luật
khoa Đông Dương năm 1934

Excellent exposé sur un sujet peu commun

De la clarté. De la méthode et aussi de la personnalité
17.

(Anh ấy đã làm một bản tường trình về Cán cân thanh toán ở Đông Dương. Bản tường trình xuất sắc về một vấn đề ít được biết đến. Trong sáng, có phương pháp và có cá tính nữa). Giáo sư cho 17 điểm.

Năm 1972, trên tờ báo Anh *The Sunday Times Magazine* (số ra ngày 5 đến 12 tháng 11 năm 1972) có bài viết của ký giả James Fox nói đến giáo sư Khérian và anh Giáp. Qua bài báo, tôi được biết là năm 1972 giáo sư đã 86 tuổi. Ông sống tại một căn nhà ở phố St Ambroise, trong nhà có trang trí đồ cổ Trung Quốc và cây bách diệp. Năm 1945, khi người Nhật đảo chính người Pháp, một sĩ quan Nhật cho phép giáo sư đến phòng làm việc của ông để thu nhật giấy tờ. Giáo sư chỉ cầm đi một hồ sơ của một sinh viên: hồ sơ về Võ Nguyên Giáp và cho đến năm 1972, giáo sư vẫn còn lưu giữ hồ sơ đó. Trong hồ sơ có bản tường trình của Võ Nguyên Giáp về “Cán cân thanh toán ở Đông Dương” và lời phê của giáo sư.

Tờ báo *L'Express* của Pháp số 1243 (từ 5 đến 11-5-1975) đã đăng bản chụp lời phê này.

Bài viết của ký giả James Fox có nói tới ý kiến của giáo sư Pirou:

“Năm 1938, Võ Nguyên Giáp đỗ ngoại hạng về môn kinh tế chính trị. Giáo sư Khérian giải thích: Hàng năm, chúng tôi có một giáo sư về kinh tế từ Paris sang

để kiểm tra sinh viên. Năm đó là ông Gëatan Pirou của Trường Luật ở Paris. Ông ta là Đồng lý văn phòng của Chủ tịch Thượng nghị viện Paul Doumer từ 1927-1931. Ông nói với tôi ông có rất nhiều ấn tượng về tác phẩm của ông Giáp và hỏi tôi về ông Giáp. Tôi nói ông Giáp đang có chuyện rắc rối với các nhà cầm quyền ở đây và là một người sôi động.

Pirou nói: “Chúng ta phải kéo anh ta ra khỏi môi trường thực dân. Hãy đưa anh ta sang Paris. Chúng ta sẽ trợ cấp học bổng cho anh ta”. Tôi nói chuyện này với ông Giáp. Hôm sau ông Giáp trở lại cho biết ông không thể rời bỏ bạn bè và hành động như một người ích kỷ”.

Thật ra, câu trả lời của anh Giáp đối với thầy Khérian là: “Ma conviction est faite” (Niềm tin của tôi đã xác định).

Còn ý kiến của ông Pirou thì nhà cầm quyền thực dân ở Đông Dương không thể bác bỏ nhưng họ yêu cầu anh Giáp phải làm một *certificat de loyalisme* (cam kết trung thành với chính phủ Pháp).

Anh Giáp từ chối phắt.

Về sự kiện này, James Fox có lời bình luận như sau:

“Đây không phải là một quyết định bất ngờ đối với bản thân ông Giáp, lúc đó ông đã tham gia sâu vào các hoạt động chống thực dân, nhưng đó là một quyết định tai hại cho người Pháp sau này, khi Pháp bị một thất bại nhục nhã dưới bàn tay của một Võ Nguyên Giáp đại tướng”.

NHÀ BÁO TRONG PHONG TRÀO MẶT TRẬN DÂN CHỦ ĐÔNG DƯƠNG (1936-1939)

Năm 1936, tình hình chính trị nước Pháp có những chuyển biến có lợi cho nhân dân Đông Dương. Trước họa phát xít và nguy cơ chiến tranh đe dọa loài người, phong trào chống phát xít, chống chiến tranh dâng cao ở Pháp, ở Tây Ban Nha...

Tháng 7 năm 1935, Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản đề xướng việc thành lập Mặt trận nhân dân rộng rãi chống phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do dân chủ, bảo vệ hòa bình, cải thiện đời sống nhân dân.

Tại Pháp, tháng 1 năm 1936, Mặt trận Bình dân Pháp thành lập, bao gồm Đảng Cộng sản, Đảng Xã hội, Đảng Cấp tiến, Tổng Liên đoàn lao động Pháp... Trong cuộc Tổng tuyển cử tháng 4 năm 1936, các đảng phái tham gia Mặt trận giành được đa số phiếu bầu. Tháng 6 năm 1936, Chính phủ phái tả lên cầm quyền, bao gồm những người thuộc Đảng Xã hội và Đảng Cấp tiến do Léon Blum, lãnh tụ Đảng Xã hội làm thủ tướng.

Trong những năm 1936 - 1939, nghề chính của Võ Nguyên Giáp là dạy học ở trường Thăng Long, đồng thời anh cũng tiếp tục học trường Luật, nhưng phần lớn thời gian của anh lại dành cho hoạt động báo chí.

Thời cơ anh trở lại làm báo là lúc Mặt trận Bình dân Pháp giành được thắng lợi trong cuộc Tổng tuyển cử ở Pháp.

Ở Việt Nam, vào thời gian này, Đảng Cộng sản Đông Dương phát động phong trào Mặt trận Dân chủ và cuộc vận động Đông Dương đại hội.

Thời đó, ở một góc ngã tư phố Tràng Tiền có đặt một bảng thông tin của ARIP (tên viết tắt của Agence de Radio, d'Information et de Propagande: Hãng Phát thanh, Thông tin và Tuyên truyền). Hàng ngày đi dạy học qua đây, anh Giáp đều dừng lại. Một buổi chiều tháng 5 năm 1936, tin thắng lợi của Mặt trận Bình dân Pháp được công bố. Tình hình đang chuyển biến theo chiều hướng thuận lợi. Anh Giáp nghĩ ngay tới chuyện ra một tờ báo để đón thời cơ.

Theo luật pháp của chính quyền thực dân, muốn ra báo bằng tiếng Pháp, chỉ cần nộp trước tờ khai tên báo, chủ nhiệm, quản lý, nếu vi phạm pháp luật, những người này sẽ bị đưa ra tòa xét xử. Nhưng muốn xuất bản một tờ báo tiếng Việt thì phải xin phép, thủ tục rất phiền phức, và thường phải chờ đợi lâu.

May sao có tờ *Hồn trẻ* của Hướng đạo sinh, vì thua lỗ phải tạm ngừng xuất bản, chủ nhiệm báo sẵn sàng nhượng lại bản quyền. Anh Võ Nguyên Giáp bàn với anh Đặng Thai Mai và các giáo sư trường Thăng Long cùng nhau góp tiền để làm cho tờ báo sống lại với một nội dung hoàn toàn mới. Chỉ hai ngày sau khi Léon Blum tuyên thệ nhậm chức Thủ tướng Chính phủ Pháp, ngày 6-6-1936, tờ *Hồn trẻ* tập mới ra đời. Có thể nói đây là tờ báo tiếng Việt đầu tiên công khai cổ động đấu tranh cho các khẩu hiệu dân sinh, dân chủ, đòi đại xá chính trị phạm, ủng

hộ Mặt trận Bình dân Pháp và tập hợp nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân Việt Nam nhằm phản ánh với phái đoàn điều tra của Chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp do Godart cầm đầu sẽ sang Đông Dương.

Báo rất được bạn đọc hoan nghênh, in ra không đủ bán. Học sinh Thăng Long tình nguyện đi bán báo và góp tiền ủng hộ báo.

Báo ra đến số 5 thì bị nhà cầm quyền thực dân Pháp đóng cửa. Tuy nhiên đây là tiếng chuông báo hiệu phong trào hoạt động báo chí công khai của Mặt trận Dân chủ Đông Dương trong thời gian 1936-1939.

Không thể sớm có một tờ báo tiếng Việt trong tình hình ấy. Lúc đó có anh Nguyễn Thế Rục, đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, về nước bị lao phổi rất nặng, nhà cầm quyền cho điều trị tại gia đình. Anh Rục cùng với một số đồng chí trong đó có anh Giáp hình thành một nhóm chỉ đạo, quyết định cho ra một tờ báo tiếng Pháp. Ngày 16-9-1936, báo *Le Travail* (Lao động) ra số đầu tiên.

Anh Giáp trở thành một biên tập viên chính, được phân công viết khá nhiều đề tài: cổ vũ Đông Dương đại hội, Mặt trận Dân chủ, thời sự quốc tế, đời sống nông dân với các cuộc đấu tranh ruộng đất như Cần Thoi, những cuộc đấu tranh bãi công của thợ xẻ, thợ giày, thợ mỏ.

Thời gian này, anh Giáp làm việc rất hào hứng, mặc dù sức khỏe của anh không tốt gì cho lắm. Nghe tin có cuộc bãi công lớn của công nhân vùng mỏ, anh đã đạp xe đạp 200km từ Hà Nội về tới Cẩm Phả để viết bài

đăng báo. Cuộc bãi công nổ ra ngày 13-11-1936 lúc đầu tại Cẩm Phả, với trên một vạn thợ mỏ tham gia, sau một tuần lan ra khắp vùng mỏ với trên năm vạn người tham gia. Chính quyền thực dân Pháp điều động lính lê dương về vùng mỏ, uy hiếp tinh thần thợ bãi công. Anh Giáp viết bài tố cáo đăng liên tiếp trên mấy số báo *Le Travail*. Những bài báo này đã gây được sự chú ý của dư luận trong nước và cả ở Pháp, tạo ra sự ủng hộ đối với cuộc đấu tranh của thợ mỏ.

Le Travail tồn tại được 7 tháng với 30 số báo. Ngày 16-4-1937, nhà cầm quyền thực dân Pháp ra lệnh đóng cửa.

Cuối năm 1936, Luật ân xá chính trị phạm của Chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp được ban hành ở Đông Dương. Nhiều chiến sĩ cộng sản từ các nhà tù trở về. Các anh Đặng Xuân Khu (Trường Chinh), Hạ Bá Cang (Hoàng Quốc Việt), Khuất Duy Tiến, Đặng Châu Tuệ, Tống Phúc Chiểu... nhập ngay vào nhóm *Le Travail*. Anh Trường Chinh đầu tiên viết báo tiếng Pháp, từ mùa thu 1937, được chỉ định phụ trách về chính trị ở tất cả các cơ quan ngôn luận của Đảng ở Bắc Kỳ.

Xứ ủy Bắc Kỳ Đảng Cộng sản Đông Dương lập ra một Ủy ban vận động cách mạng nửa công khai do anh Trường Chinh lúc đó là Xứ ủy viên phụ trách. Anh Giáp được chỉ định là một thành viên của Ủy ban này.

Ủy ban đặc biệt quan tâm đến các hoạt động báo chí của Đảng. Hàng loạt tờ báo tiếng Pháp và tiếng Việt

xuất bản công khai. Tờ này bị cấm, tờ khác xuất hiện, chiếm lĩnh trận địa dư luận. Báo tiếng Pháp là các tờ *Rassemblement* (Tập hợp), *En Avant* (Tiến lên), *Notre Voix* (Tiếng nói của chúng ta), Báo tiếng Việt có các tờ *Thế giới*, *Đời nay*, *Tin tức*, *Ngày mới*. Thanh niên dân chủ có tờ *Bạn dân*. Riêng tờ *Giải Phóng* xuất bản bí mật, ra được 3 số thì phải ngừng vì cơ quan ấn loát bị phát hiện.

Anh Giáp viết cho những tờ báo tiếng Pháp là chính nhưng cũng tranh thủ viết cho nhiều báo tiếng Việt.

Trong phong trào đấu tranh đòi tự do ngôn luận, Xứ ủy Trung Kỳ đề xướng tổ chức Hội nghị Báo giới toàn xứ. Hội nghị họp vào ngày 27-3-1937 tại Đông Ba, Huế. Anh Giáp thay mặt báo *Rassemblement* và anh Hà Huy Giáp thay mặt cho báo *Tiếng Trẻ* vào Huế dự. Đối với anh Giáp đây là một dịp trở lại Huế, gặp gỡ nhiều bạn bè cũ trong một bầu không khí đấu tranh cách mạng sôi động.

Trở ra miền Bắc, anh báo cáo với Ủy ban và đề nghị Xứ ủy Bắc Kỳ cho tổ chức Hội nghị Báo giới toàn xứ theo gương của Trung Kỳ và thành lập Hội Ái hữu Báo giới Bắc Kỳ. Anh được trao nhiệm vụ cùng với các anh Khuất Duy Tiến, Trần Huy Liệu, Đào Duy Kỳ, Phan Tử Nghĩa tổ chức cuộc hội nghị này.

Hội nghị lần thứ nhất của báo giới Bắc Kỳ họp ngày 24-4-1937 tại Hội quán CSA số 1 phố Charles Coulier (nay là Câu lạc bộ Thể dục Thể thao phố Khúc Hạo). Hội nghị cử Võ Nguyên Giáp làm Chủ tịch và Trần Huy Liệu làm Phó Chủ tịch Ủy ban báo chí.

Trong công việc báo chí, anh Giáp đã trải qua hầu hết các khâu của nghề báo, từ viết xã luận, thời đàm nghị luận, điều tra, phóng sự, biên tập, duyệt bài, sắp xếp nội dung, cho tới bố cục, lên trang, trình bày, đưa nhà in, sửa morasse và không ít khi cả việc phát hành báo.

Trong thời gian anh Giáp làm báo *Notre Voix*, có những kỷ niệm khó quên trong đời làm báo của anh.

Có lần cùng một lúc, các anh Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Hoàng Hữu Nam đều bận việc đột xuất không kịp viết bài, anh Giáp ngồi từ 6 giờ chiều đến 6 giờ sáng hôm sau, viết kín một thếp giấy 48 trang và bố cục, trình bày xong cả một số báo cho kịp đưa xuống nhà in, sau khi ăn điểm tâm, lại tới trường Thăng Long dạy học.

Một hôm tòa soạn báo *Notre Voix* nhận được một bài báo gửi theo một con đường riêng từ Quế Lâm (Trung Quốc) tới, với bút danh là P.C.Lin. P.C.Lin là ai? Anh em trong tòa soạn đoán là Nguyễn Ái Quốc. Nguyễn Ái Quốc đã về đến Quế Lâm! Qua việc gửi bài cho *Notre Voix*, Người bắt liên lạc với phong trào cách mạng trong nước. Khó mà tả được sự sung sướng và xúc động của anh Giáp và anh em trong tòa soạn. Loạt bài đó được đăng dưới tiêu đề *Thư từ Trung Quốc* với chữ in nghiêng. Nguyễn Ái Quốc luôn nhắc phải xây dựng một mặt trận dân chủ thật rộng rãi, đoàn kết mọi lực lượng có thể đoàn kết, tạo nên sức mạnh mới để giành thắng lợi.

Năm 1991, Hội Nhà báo Việt Nam tặng huy hiệu dành cho những người đã có từ 25 năm làm báo trở lên,

anh Giáp đã đón nhận phần thưởng này với ít nhiều tự hào. Có thể nói suốt quá trình hoạt động cách mạng, anh không mấy khi xa rời công tác báo chí. Anh có nhiều kinh nghiệm làm báo. Anh đã trao đổi ý kiến về vấn đề này trong bài báo “*Mười lăm năm làm báo trước Cách mạng tháng Tám*”, đăng trên tạp chí *Nhà báo và Công luận* số tháng 8-1991 như sau:

“Nghề báo là một nghệ thuật đầy hứng thú. Sau này, khi chuyển qua công tác quân sự, tôi thấy làm một số báo cũng giống như tổ chức một trận đánh hiệp đồng.

Đó là một công việc luôn luôn khẩn trương, phải phát hiện kịp thời mưu đồ, thủ đoạn của giai cấp thống trị, yêu cầu, tâm lý đa dạng và thường xuyên thay đổi của bạn đọc, nguyện vọng sâu xa của nhân dân, để biết mình phải làm gì. Tính thời gian rất quan trọng. Có được tin sớm để đăng đã khó. Nhưng khó hơn nhiều là nghệ thuật đưa vấn đề đúng lúc, tác dụng sẽ được nhân lên gấp bội. Nội dung đương nhiên cần được bảo đảm chính xác, chặt chẽ, nhưng hiệu quả đối với người đọc thường lại do cách diễn đạt, trình bày quyết định. Bố cục không hợp lý sẽ làm giảm hiệu quả của một số báo có nhiều bài hay. Những bài chính, phụ, ngắn, dài, nặng, nhẹ, phải kết hợp với nhau một cách hữu cơ, tạo nên sự hài hòa như những màu sắc của một tác phẩm hội họa, mới mang lại hứng thú cho người đọc. Đặt tên cho một bài báo rất khó. Tôi thường mất nhiều thời gian cân nhắc tìm những kiểu chữ thích hợp cho đầu đề một bài báo chỉ vài ba dòng. Dòng thứ hai thường quan trọng nhất, nhưng các dòng khác không thể

coi nhẹ vì phải góp phần tạo nên một chỉnh thể. Những kiểu chữ lớn nhỏ, béo gầy, đứng hoặc nghiêng – đều có vai trò và hiệu lực riêng của nó trên trang báo mà người làm báo không thể không biết tới. Nghề làm báo hao tâm tổn trí, gian khổ, nhưng người làm báo được sự đền bù xứng đáng là niềm vui khi thấy tác dụng và hiệu quả của tờ báo trong đông đảo bạn đọc”.

THAM GIA THÀNH LẬP HỘI TRUYỀN BÁ QUỐC NGŨ

Năm 1938, Võ Nguyên Giáp và Đặng Thai Mai tham gia thành lập Hội Truyền bá Quốc ngữ.

Việc thành lập Hội Truyền bá Quốc ngữ là một thành công lớn trong hoạt động hợp pháp của Xứ ủy Bắc Kỳ Đảng Cộng sản Đông Dương.

Trong phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương, sách báo của Đảng phát hành rất nhiều, nhưng quần chúng lao động nhiều người thất học, không đọc được sách báo.

Trên các báo công khai của Đảng, có nhiều bài đề cập đến vấn đề chống nạn thất học. Khẩu hiệu “Chống nạn thất học” được in đậm chữ to trên mặt báo, được nêu trên biểu ngữ trong cuộc mít tinh lớn ngày 1-5-1938.

Anh Hoàng Quốc Việt kể trong hồi ức “*Nhân dân ta rất anh hùng*” (Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội 1960):

Một ngày cuối năm 1937, anh đến thăm anh Trường Chinh bị đau phổi nằm điều trị tại bệnh viện Bạch Mai. Hai người bàn chuyện phong trào, nhận thấy sách báo của ta tuy in nhiều nhưng số độc giả là thợ thuyền, dân cày và các tầng lớp lao động khác chiếm tỷ lệ rất ít, vì đại đa số anh chị em này đều không biết đọc, biết viết. Để giải quyết vấn đề khó khăn này, hai người nảy ra ý kiến cử anh Phan Thanh đến mời cụ Nguyễn Văn Tố đứng ra xin lập Hội Truyền bá Quốc ngữ.

Cuộc họp đầu tiên được tổ chức tại nhà anh Phan Thanh ở 165A phố Henri d'Orléans (nay là phố Phùng Hưng). Có mặt các anh: Phan Thanh, Đặng Thai Mai, Võ Nguyên Giáp, Trần Huy Liệu và các cụ Bùi Kỳ, Nguyễn Văn Tố. Cuộc họp bàn việc xin phép thành lập hội, trước định lấy tên là “Hội Chống nạn thất học” sau đổi là “Hội Truyền bá Quốc ngữ”.

Anh Đặng Thai Mai kể trong lời giới thiệu cuốn sách “Hội Truyền bá Quốc ngữ” của các tác giả Vương Kiêm Toàn và Vũ Lân (Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 1980): Hôm đoàn đại biểu các sáng lập viên được mời lên phủ Thống sứ Bắc Kỳ để bàn bạc việc cấp phép thành lập Hội, ấy là ba tháng sau ngày Hội gửi điều lệ, danh sách các sáng lập viên của Hội lên phủ Thống sứ. Rõ ràng chúng nó đã tiến hành một cuộc điều tra chu đáo và cũng đã thấy rằng về pháp lý, chúng không có lý do gì để khước từ. Cho nên hôm đó, viên Thống sứ người Pháp, một tay cáo già thực dân khét tiếng, đã đón tiếp đoàn khá niềm nở và đồng ý ngay, và còn nói trước khi chia tay:

“Tôi rất cảm ơn các ngài đã đặt cho hội của các ngài một cái tên rất hiền từ: “Hội Truyền bá Quốc ngữ”. Hay! Hay đấy! Nếu các ngài gọi nó là “Chiến tuyến thống nạn thất học” hay “Trận tuyến bảo vệ và phát triển tiếng nói dân tộc” chẳng hạn, thì các ngài sẽ đặt tôi vào một tình thế thật khó xử, tuy rằng Chính phủ “mẫu quốc” giờ đây là “khuyh tả” ”.

Ban Trị sự của Hội gồm: Chánh hội trưởng: Cụ Nguyễn Văn Tố, Phó hội trưởng: Cụ Bùi Kỳ, Thư ký: Phan Thanh kiêm Trưởng ban cổ động, Phó thư ký: Quản Xuân Nam kiêm Trưởng ban khánh tiết, Thủ quỹ: Đặng Thai Mai, Phó thủ quỹ kiêm Trưởng ban dạy học: Võ Nguyên Giáp. Các cố vấn: Nguyễn Văn Huyền, Hoàng Xuân Hãn kiêm Trưởng ban tu thư, Trần Văn Giáp kiêm giám sát.

Võ Nguyên Giáp phụ trách việc đào tạo bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, tổ chức các lớp học, mở các thư viện bình dân, tổ chức việc đọc sách.

Hội chính thức ra mắt quốc dân vào ngày 25-8-1938. Báo *Trung Bắc tân văn* số ra ngày 28-8-1938 có bài tường thuật: “Mới khoảng 8 giờ rưỡi (cuộc họp bắt đầu 9 giờ tối) trên sân quần vợt của CSA và các ngã đường đi đến hội quán phố Charles Coulier đã đông nghịt những người. Dưới hàng chục ngọn đèn mấy trăm nến, sân quần vợt Hội CSA đông đặc những người. Số người đông quá nên đứng một sân không đủ, phải tràn sang cả sân phía ngoài và bãi cỏ. Đứng trên gác hội quán CSA, ta có cảm tưởng như đứng trước một rừng người”.

Phong trào nhanh chóng lan rộng. Khắp hang cùng ngõ hẻm đến các vùng mỏ, đồn điền, tối tối vang lên:

i tờ giống móc cả hai

i ngắn có chấm, tờ dài có ngang

Đặng Thai Mai kể một kỷ niệm: Một hôm Ban Trị sự của Hội được mời tới thăm một lớp học ở một khu phố nghèo thuộc thành phố Nam Định.

Hết giờ học, một người trong đoàn có sáng kiến chặn lại, hỏi một vài cô cậu học trò (hồi ấy gọi là những con sen, thằng nhỏ): “Tối đây học, các em nghĩ thế nào?”.

Các cô, chú chỉ bẽn lễn cười rồi chạy, không trả lời. Nhưng có chú tuổi trạc mười tám đôi mươi đứng lại, suy nghĩ một lát rồi nói. “Ở đây người ta quý trọng con người”.

Câu trả lời giản dị đó đã làm anh Mai suy nghĩ rất nhiều và đi đến một kết luận: “Đảng quý con người, Đảng đã đánh thức được trong con người cái ý thức ấy. Chỉ có con người là đáng quý, chỉ con người có ý thức là thật sự đáng quý”.

“VẤN ĐỀ DÂN CÀY”

Tham gia Ủy ban vận động cách mạng nửa công khai của Đảng Cộng sản Đông Dương do anh Trường Chinh phụ trách, anh Giáp và anh Trường Chinh tâm đầu ý hợp.

Hai người viết chung cuốn sách “*Vấn đề dân cày*” dưới hai bút danh: Qua Ninh (Trường Chinh) và Văn Đình (Võ Nguyên Giáp).

Anh Giáp bắt được liên lạc với tổ chức Đảng qua anh Trường Chinh. Quan hệ giữa hai người ngày càng gắn bó từ những ngày ở Hà Nội năm 1936 cho đến suốt quá trình cách mạng, kháng chiến, xây dựng và bảo vệ đất nước sau này.

Chị Hà nói: “Anh Năm (Trường Chinh) và anh Văn (Võ Nguyên Giáp) quý nhau lắm”.

Chị Hà kể: Trong một dịp tiếp khách nước ngoài, anh Trường Chinh đã giới thiệu anh Giáp với khách bằng một câu tiếng Pháp:

“Je vous présente le général Giap, le vainqueur de Dien Bien Phu” (Tôi xin giới thiệu với ngài tướng Giáp, người chiến thắng Điện Biên Phủ).

Trở lại câu chuyện anh Giáp và anh Trường Chinh những năm 1936-1939, có một chuyện nực cười:

Khi anh Giáp dẫn đoàn đại biểu dân chúng đến gặp nhà cầm quyền Pháp để đưa yêu sách về vấn đề dân cày (Revendications sur le problème paysan) thì viên Thống sứ Bắc Kỳ hồi ấy là Châtel đang ngồi bỗng đứng bật dậy, chỉ tay vào anh Giáp mà hét lên: “Đặng Xuân Khu!” (Đặng Xuân Khu là tên của anh Trường Chinh). Anh Trường Chinh có vóc người và khuôn mặt hao hao giống anh Giáp nên viên Thống sứ Pháp bị nhầm.

Ngày ấy, anh Trường Chinh và anh Giáp cùng nhau nghiên cứu vấn đề nông dân và vấn đề dân tộc giải phóng. Từ đó ra đời cuốn sách “*Vấn đề dân cày*” đứng tên hai người và một cuốn sách anh Giáp viết riêng là “*Con đường chính. Vấn đề dân tộc giải phóng*”.

Những cuốn sách này trình bày vấn đề có phương pháp, có tính khoa học, rõ ràng mạch lạc, tư liệu lịch sử rất chính xác, chân thực, sinh động, xúc động lòng người.

Lời nói đầu của cuốn “*Vấn đề dân cày*” cho ta biết ý định của hai tác giả:

“Vấn đề dân cày” ra đời giữa lúc dân cày vừa ngót tranh đấu, giữa lúc một số dân cày đương bị tù tội vì đã dự vào mấy cuộc biểu tình “thuế” vừa qua.

Nó muốn cải hộ cho những người ấy chăng? Phải. Không những thế. Không những chỉ cải riêng cho số dân cày hiện ở trong vòng xiềng xích mà còn muốn bênh vực cho tất cả dân cày Đông Dương cũng đương đau khổ dưới cái ách khổng lồ của chế độ.

Dân cày rất ưa bình tĩnh. Tính chất của họ cũng ôn hòa bình tĩnh như việc làm của họ ở trên cánh đồng. Nhưng ôn hòa đến đâu họ cũng chịu khổ được có chừng hạn! Khổ quá, họ phải vùng dậy, mà khi đó tình thế bắt buộc họ phải liều lĩnh hy sinh.

Mấy năm 1930-1931 đã để lại trong trí ta những trang lịch sử dân cày đẫm máu.

Ở xứ Đông Dương, tuy tư bản chủ nghĩa đã bắt đầu phát triển, song vẫn còn nhiều di tích phong kiến. Sống dưới chế độ bóc lột phong kiến tư bản (exploitation féodo - capitaliste) dân cày Đông Dương quá điêu linh xờ xạc. Đã bao năm bị bóc lột, lường gạt, đàn áp, hắt hủi, họ đương khao khát một chính sách mới cải thiện đời sống cho mình.

Ông Toàn quyền Brévié, người đại diện chính phủ Mặt trận Bình Dân ở Đông Dương, hình như đã hé trông thấy chỗ đó, nên đã chú trọng đến dân cày. Ông muốn thi hành một chính sách dân cày ở thuộc địa. Trong cuốn II (tiếp theo cuốn sách này) chúng tôi sẽ đặt chính sách ấy dưới ánh sáng của thực tế, xem nó có thích hợp với nguyện vọng dân cày Đông Dương không?

Nước Pháp bình dân đã lập một Ủy ban điều tra thuộc địa. Trách nhiệm của Ủy ban này là phải nghiên cứu nguyện vọng của các hạng quần chúng thuộc địa, nó cần phải tránh những thủ đoạn che lấp sự thực của bọn phản động. Cuốn sách này mong giúp cho công việc ấy một vài phần.

Sự sinh hoạt ở thành thị và thôn quê rất mật thiết, quan hệ Kỹ nghệ thương mại ở thành thị sống được, một phần lớn là nhờ ở dân cày: Vì ở xứ nông nghiệp như Đông Dương, dân cày chiếm số đông trong bọn người tiêu thụ.

Tuy nhiên, có nhiều người ở thành thị ngó dân cày bằng con mắt lạnh lùng khinh bỉ. Thật là đáng tiếc! Cũng

có người muốn hiểu dân cày nhưng sao nhìn rõ được đời sống của dân cày trên đồng lúa, qua lũy tre xanh.

Thực ra sự sinh hoạt trong hương thôn rất phiền phức và mờ mịt. Những thủ đoạn áp bức, bóc lột dân cày cũng tỉ mỉ và kỳ cục, lắm cái không thể tưởng tượng được. Nhiều người nhìn dân cày qua những thành kiến sai lầm, chủ trương của họ đối với dân cày do đó cũng nhầm theo. Với những người ấy chúng tôi xin hiến một tài liệu nghiên cứu.

Trong sách này trước hết chúng tôi đặt vấn đề dân cày trong tình thế hiện tại. Sau chúng tôi xét tính chất giai cấp của dân cày và tình cảnh hiện tại của họ ra sao. Xét đến tình cảnh dân cày, chúng tôi không quên những vấn đề địa tô, sưu thuế, cho vay nợ lãi, ruộng đất, hối lộ, giáo dục, vệ sinh v.v...

Xét trong tình cảnh dân cày, chúng tôi mới bàn đến chính sách dân cày của ông Brévié, và đề nghị những điều cần phải cải cách. Nhân đó chúng tôi đặt một bản yêu sách của dân cày trước Mặt trận Bình dân Pháp.

“Vấn đề dân cày” vì thế chia làm 5 chương:

I. Tại sao phải bàn đến vấn đề dân cày?

II. Dân cày là hạng người như nào?

III. Tình cảnh hiện tại của dân cày.

IV. Những điều cải cách cần kíp cho dân cày.

V. Dân cày và vấn đề tổ chức xã hội ở thôn quê.

Mấy chương dài ngắn khác nhau, tùy theo sự quan trọng của từng vấn đề. Cuốn thứ nhất này hết giữa chương ba, với vấn đề sưu thuế.

Vấn đề dân cày rất bao la phiền phức. Chúng tôi không dám tự phụ là đầy đủ. Nhất là về tình cảnh dân cày trong Nam thì sự biết của chúng tôi không được là bao.

Bàn đến dân cày, chúng tôi chú ý chứng minh ý kiến chúng tôi bằng sự thực và những sự việc xảy ra trong thôn quê ai nấy đều có thể củ soát.

Chúng tôi không có kỳ vọng viết một cái đề án chính trị (thèse politique). Mục đích chúng tôi không ngoài sự muốn giúp công cuộc cải thiện đời sống dân cày. Cho nên chúng tôi hết sức ghi chép những điều tai nghe mắt thấy về dân cày một cách vô tư và rõ rệt. Chúng tôi lại không muốn chỉ trích suông, nên trong cuốn sau chúng tôi sẽ bày tỏ những phương pháp có thể và cần phải làm cho dân cày đỡ khổ.

Hanoi 25 juillet 1937

QN và VĐ

Võ Thuần Nho cho tôi biết: Để viết *Vấn đề dân cày*, ngoài những tài liệu khác, anh Giáp cho Nho về An Xá cùng các thanh niên Huy, Doãn lấy tài liệu về dân cày ở An Xá, Lệ Thủy, Quảng Bình. Những tài liệu đó đã được đưa vào sách.

VẬN ĐỘNG BẦU CỬ CHO PHAN THANH VÀ ĐẶNG THAI MAI

Tháng 8-1937, có cuộc bầu cử vào Viện dân biểu Trung Kỳ. Đảng Cộng sản Đông Dương đưa Phan Thanh ra tranh cử. Anh Giáp vào Đà Nẵng vận động bầu cử cho anh Phan Thanh. Cuộc tranh cử diễn ra quyết liệt chống lại những phần tử sâu một buôn dân hại nước đang lăm le nhảy vào nghị trường.

Mặt trận Dân chủ liên hiệp với các lực lượng dân chủ, yêu nước, tiến bộ và những lực lượng ôn hòa cấp tiến hình thành một mặt trận cô lập những phần tử phản động, giành thắng lợi lớn. Các chức vụ quan trọng như viện trưởng, phó viện trưởng, ủy viên thường trực đều do những người có cảm tình với Mặt trận Dân chủ nắm giữ. Những tên buôn dân hại nước bị cô lập và thất bại.

Võ Nguyên Giáp theo dõi sát cuộc vận động bầu cử vào Viện dân biểu Trung Kỳ. Anh viết bài báo nhan đề “*La leçon d’ Annam*” (Bài học của Trung Kỳ) đăng trên các báo của Mặt trận. Bài báo được coi như một bản tổng kết về thực hiện chính sách mặt trận trong vận động bầu cử.

Tiếp đó, Mặt trận Dân chủ lại giành được thắng lợi lớn nữa là bác bỏ dự án tăng thuế. Giữa năm 1938, Khâm sứ Trung Kỳ đưa ra dự án tăng thuế buộc Viện dân biểu phải thông qua. Xứ ủy Trung Kỳ Đảng Cộng sản Đông Dương liền phát động một phong trào quần chúng rộng rãi đấu tranh đòi bác bỏ dự án, hỗ trợ cho

cuộc đấu tranh trong nghị viện. Nhiều cuộc biểu tình liên tiếp nổ ra. Quần chúng kéo đến trước Viện dân biểu đưa các bản dân nguyện. Điện tín, thư từ khắp nơi tới tấp gửi cho các dân biểu. Anh Phan Đăng Lưu, Xứ ủy viên Trung Kỳ dùng tờ báo *Dân* để phản ánh nguyện vọng của dân chúng phản đối tăng thuế. Báo *Dân* cũng phản ánh những hoạt động xuất sắc của Phan Thanh và các dân biểu có cảm tình với Mặt trận Dân chủ. Nhờ kết hợp chặt chẽ đấu tranh của quần chúng với đấu tranh trong nghị trường, cuộc chống dự án tăng thuế đã giành thắng lợi. Ngày 16-9-1938, Viện dân biểu Trung Kỳ bác bỏ dự án tăng thuế của Khâm sứ Trung Kỳ.

Mặt trận Dân chủ còn giành thắng lợi trong cuộc bầu cử Hội đồng Kinh tế lý tài Đông Dương (Grand conseil des intérêts économiques et financiers de l'Indochine). Đó là cơ quan dân cử cao nhất thời bấy giờ, thành phần gồm toàn các chủ nhà băng, chủ mỏ, chủ đồn điền, nhiều quan lại, công chức cao cấp của chính quyền thực dân. Hai đại biểu của Mặt trận Dân chủ là Phan Thanh và Huỳnh Văn Dâu đã trúng cử.

Tại các phiên họp Hội đồng, anh Phan Thanh đã nói lên tiếng nói của người dân, bênh vực quyền lợi của thợ thuyền, dân cày và các tầng lớp nhân dân lao động. Những cuộc tranh cãi, những bài diễn văn hùng hồn và sắc sảo của Phan Thanh đã khiến các đối thủ phải kính nể. Các đồng sự gọi Phan Thanh là lãnh tụ phái đối lập. Báo chí đăng tải các bài nói của Phan Thanh và tôn vinh anh là người đã từng chiến đấu trong hơn một

nghey viện, người đương đầu với các thế lực phản động thuộc địa.

Mặt trận Dân chủ còn giành thắng lợi trong cuộc bầu cử Hội đồng Thành phố Hà Nội tháng 12 năm 1938. Bốn đại biểu của Mặt trận Dân chủ đều trúng cử với số phiếu trung bình là 409, riêng hai người đứng đầu bảng là Phan Thanh và Trần Văn Lai trúng cử với số phiếu rất cao: 703 và 550 so với số phiếu trung bình là 157 của các đại biểu khác. Báo *Notre Voix* (Tiếng nói của chúng ta) số ra ngày 1-1-1939 bình luận: Kết quả bầu cử không phải do quảng cáo rùm beng hoặc do dứt lốt mà do phẩm giá của các ứng cử viên.

Hội đồng Thành phố Hà Nội lúc đó gồm 4 đại biểu của Mặt trận Dân chủ do Phan Thanh đứng đầu, 4 đại biểu tư sản do Lê Thăng đứng đầu, 12 đại biểu Pháp do Marliangeas đứng đầu. Đốc lý Galois Montbrun là đại biểu chỉ định.

Phan Thanh đề ra yêu sách: Số ủy viên người bản xứ phải ngang với số đại biểu người Pháp, Đốc lý Hà Nội cũng phải được bầu, tổ chức bầu cử phải mở rộng cho tất cả công dân Hà Nội tham gia.

Các ủy viên người Pháp bác bỏ yêu sách, Phan Thanh và các đại biểu Mặt trận Dân chủ từ chức để phản đối. Sau đó, khi bầu cử bổ sung, họ lại trúng cử trở lại.

Chiều 16-4-1939, giữa lúc Phan Thanh và các đại biểu Mặt trận Dân chủ vừa giành thắng lợi trong tranh cử thì anh lâm bệnh. Do bệnh hiểm nghèo, nên Phan

Thanh qua đời lúc 8 giờ sáng ngày 1-5-1939 khi anh sắp tròn 31 tuổi. Đám tang Phan Thanh biến thành một cuộc biểu dương lực lượng khổng lồ. Hơn một vạn người đã tiễn Phan Thanh từ bệnh viện tư của bác sĩ Phạm Hữu Chương ở phố Ngõ Trạm đến nghĩa trang Hợp Thiện.

Khi kể với tôi về những kỷ niệm với anh Phan Thanh, anh Giáp ngâm ngùi: “Trong đấu tranh nghị trường thời kỳ Mặt trận Dân chủ, anh Phan Thanh nổi lên như một ngôi sao sáng rồi vụt tắt.”

Sau khi Phan Thanh qua đời, Đảng Cộng sản Đông Dương cử Đặng Thai Mai ra ứng cử bổ sung vào Viện Dân biểu Trung Kỳ.

Cũng như những lần trước đi vận động bầu cử và lo cho Phan Thanh đi họp ở các Viện, lần này Võ Nguyên Giáp lại được Đảng giao nhiệm vụ đi vận động bầu cử cho Đặng Thai Mai.

Võ Nguyên Giáp lại trở lại Huế, Quảng Nam, cùng với các bạn bè trong đó tổ chức các cuộc vận động quần chúng và các hoạt động báo chí. Kết quả: Đặng Thai Mai trúng cử vào Viện Dân biểu Trung Kỳ.

CHỐNG SỰ TRỞ LẠI HIỆP ƯỚC 1884

Tháng 8 năm 1939, phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương lại rộ lên một cuộc đấu tranh chống âm mưu của phe Bảo hoàng trở lại Hiệp ước 1884 sáp nhập Bắc Kỳ vào Triều đình Huế.

Các dân biểu tiến bộ, các nhà báo dân chủ, các nhóm chính trị hoạt động công khai liên minh với nhau vận động, gây được một luồng dư luận phản đối mạnh mẽ khiến phủ Thống sứ Bắc Kỳ ngày 11-8-1939 phải ra một bức lai cáo: “Quan Thống sứ Bắc Kỳ lấy làm hân hạnh báo tin cho dân chúng Bắc Kỳ biết rằng: Theo như bức điện tín của quan Tổng trưởng Thuộc địa gửi cho quan Toàn quyền Đông Dương về việc sáp nhập Bắc Kỳ vào Nam triều, quan Thống sứ được phép cải chính những tin đồn này nọ về việc ấy và cho biết rằng việc cải cách đang dự định sẽ cốt yếu có tính cách dân chủ”.

Võ Nguyên Giáp dưới bút danh Vân Đình viết một bài báo dài đăng trên báo *Thế giới* số đặc biệt ra ngày 17-8-1939 công bố chủ trương nói trên của Xứ ủy Bắc Kỳ. Bài báo có đầu đề:

“Liên hiệp lại và tranh đấu!

Chống việc sáp nhập Bắc Kỳ vào triều đình Huế!

Đòi ban hành một hiến pháp dân chủ!

Đòi thống nhất Trung Nam Bắc và toàn thể Đông Dương dưới một chế độ Dân chủ!”

Bài báo đăng ở trang nhất kèm theo một lời kêu gọi: “Hãy thành lập ở khắp nơi những Ủy ban chống 1884”.

Số đặc biệt này phát hành như một tờ truyền đơn. Võ Nguyên Giáp vạch rõ: “Bức lai cáo là một lời cải chính mà chẳng cải chính gì hết. Phủ Thống sứ cải chính “những tin đồn này nọ” nhưng chẳng rõ là có việc sáp nhập hay không”.

Về lời hứa của Bộ Thuộc địa, Võ Nguyên Giáp vạch rõ: “Bộ Thuộc địa hứa một cuộc cải cách có tính cách dân chủ nhưng không nói rõ nội dung cuộc cải cách ấy như thế nào? Năm kia ông Thống sứ Châtel hứa cải cách thuế khóa, ông Toàn quyền Brévié cũng đã từng hứa sẽ ban hành Luật tự do lập nghiệp đoàn. Rốt cuộc ông Châtel đưa lại cho dân chúng Bắc Kỳ một chế độ thuế khóa hết sức bất công. Còn ông Brévié thì chẳng ban hành một chút tự do nào cả”.

Võ Nguyên Giáp giải thích vì sao phải chống lại Hiệp ước 1884 đến cùng, phải đập lại luận điệu ngụy biện của bọn bảo hoàng và bọn giả vờ trung lập và ra tuyên bố rõ ràng: “Chúng ta quyết không muốn đi lùi về dĩ vãng hơn một nửa thế kỷ. Chúng ta chống sự trở lại 1884 đến cùng”.

Về yêu cầu cải cách, Võ Nguyên Giáp vạch rõ:

“Chúng ta không muốn mở rộng quyền của vua quan

Chúng ta không muốn mở rộng quyền của bọn phản động thuộc địa

Chúng ta mong được một đời sống dễ chịu hơn,

Chúng ta chỉ muốn mở rộng quyền lực của chúng ta, của dân chúng.

Chúng ta đòi ban hành một hiến pháp dân chủ cho Trung Nam Bắc và cho toàn Đông Dương:

a/ Tự do dân chủ và lập nghiệp đoàn

b/ Phổ thông đầu phiếu

c/ Cải cách chế độ cai trị theo nguyên tắc dân chủ, một dân viện, một chính phủ, một chế độ tự do và dân chủ, Trung Nam Bắc sẽ sum họp một nhà, không phải sum họp dưới gót sắt của vua quan mà sum họp trong một không khí tự do và dân chủ”.

Đây là một trong những bài báo cuối cùng của Võ Nguyên Giáp trong thời kỳ hoạt động nửa công khai trong phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

Vào thời điểm ấy, mây đen của cuộc chiến tranh thế giới đã trùm lên ở phía chân trời Âu. Mặt trận Bình dân Pháp đang đi đến chỗ tan rã. Mặt trận Dân chủ Đông Dương cũng đang suy yếu dần.

Cuộc đấu tranh chống trở lại Hiệp ước 1884 cùng với cuộc đấu tranh đòi toàn xá chính trị phạm nhân dịp kỷ niệm lần thứ 150 cuộc Cách mạng Pháp (1789-1939), cuộc tổng đình công của thợ thuyền Hải Phòng là những đợt sóng cuối cùng của phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

NGÔI NHÀ THÁI – GIÁP

Đó là căn nhà số 149 phố Henri d'Orléans (nay là phố Phùng Hưng). Trong những ngày chuẩn bị mít tinh kỷ niệm Quốc tế Lao động 1-5-1938, ngôi nhà đông nghịt những người là người. Các chị em đại biểu đoàn thể phụ nữ ở Thái Bình lên dự mít tinh ngụ tại đó. Cô Vân Anh

trưởng đoàn đại biểu gặp anh Giáp, chị Thái trao đổi ý kiến về “Vấn đề Dân cày”.

Từ cuối năm 1935, anh Giáp đã đón chị Thái ra Hà Nội. Hai vợ chồng lúc đầu thuê nhà số 106 phố Hàng Bông thợ nhuộm, sau chuyển sang số nhà 26 Nam Ngư, cuối cùng chuyển về số nhà 149 phố Henri d’Orléans.

Đây là một căn nhà gác hai tầng ở gần nhà hộ sinh Con Rồng của bà đỡ Tụy Phương, học trò của anh Đặng Thai Mai và là bạn của Thái – Giáp. Hai vợ chồng thuê tầng gác có hai phòng. Phía trước có bao lơn trông ra đường phố. Bên kia phố có đường xe lửa chạy qua ven đường. Bên trong đường xe lửa là Thành cổ Hà Nội có lính Pháp đóng. Sáng sáng nghe trại lính thổi kèn “la vầy” (kèn báo thức).

Phòng ngoài kê giường, tủ sách, bàn làm việc. Đây là phòng riêng của anh chị. Phòng trong là phòng ăn và nơi tiếp khách. Hai em trai của anh chị là Du và Nho ra Hà Nội học ở đây cùng với một chú nhỏ giúp việc tên là Ngải quê ở Sầm Sơn, Thanh Hóa.

149 phố Henri d’Orléans là ngôi nhà hạnh phúc của anh chị Thái - Giáp.

Hai anh chị đều hoạt động cách mạng. Anh Giáp tham gia Ủy ban vận động cách mạng nửa công khai của Đảng. Chị Thái tham gia công tác vận động phụ nữ.

Hai anh chị đều ham học. Tủ sách của hai người đầy các loại sách, có các loại sách của anh Giáp dùng để

dạy học, có nhiều sách chính trị. Từ khi Chính phủ phái tả Léon Blum lên cầm quyền ở Pháp, sách báo của Đảng Cộng sản Pháp và Nhà xuất bản Xã hội quốc tế (Editions sociales internationales) được nhập vào Đông Dương dễ dàng hơn, bày bán công khai ở nhiều hiệu sách ở Sài Gòn và Hà Nội. Ở Hà Nội là hiệu sách Đồng Xuân do anh Phạm Văn Huệ làm chủ hiệu, chuyên phát hành sách báo cách mạng, hai vợ chồng Thái – Giáp thường xuyên đến mua ở đấy.

Hai vợ chồng chăm học ngoại ngữ: học tiếng Trung Quốc và tiếng Thái Lan, với ý định chuẩn bị cho một ngày nào đó, sẽ xin với tổ chức cho ra hoạt động ở hải ngoại, mong tìm gặp chị Minh Khai.

Với ý định kiên quyết ấy, hai anh chị tránh có con sớm. Lễ cưới từ cuối 1935, đến 1939 anh chị mới sinh con gái đầu lòng đặt tên là Hồng Anh.

Ngôi nhà Thái – Giáp là nơi hội họp của Ủy ban vận động cách mạng nửa công khai của Đảng.

Võ Thuần Nho nhiều lần trông thấy các anh Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Phan Thanh đến họp ở nhà anh chị Thái - Giáp.

Một hôm anh Nguyễn Văn Cừ đến. Lúc đó, anh Cừ là Tổng bí thư của Đảng, được bầu ở Hội nghị Trung ương tháng 3 năm 1938. Anh Nguyễn Văn Cừ mang đến cho Quang Thái một lá thư: thư của chị Minh Khai! Chị Minh Khai với chồng là Lê Hồng Phong đã về nước! Tin mừng này làm cho hai vợ chồng Thái – Giáp vô cùng

sung sướng, mong có ngày gặp anh chị Minh Khai – Lê Hồng Phong.

Một hôm, anh Nguyễn Chí Diểu, bạn học và đồng chí của anh Giáp, thời kỳ hoạt động cách mạng ở Huế trong Đảng Tân Việt có việc ra Hà Nội đến thăm vợ chồng Thái - Giáp. Lúc ấy anh Nguyễn Chí Diểu đã bị bệnh lao nặng, hai lá phổi đã ruỗng, nhưng anh vẫn sôi nổi hoạt động. Anh kể về phong trào Mặt trận Dân chủ ở Huế.

Năm 1939, anh chị Thái - Giáp có một niềm vui lớn: bé Hồng Anh ra đời.

Hai vợ chồng ngắm đứa con không chán. Nó đang ngủ. Nó giờ mình nằm nghiêng như người lớn. Nó ngủ như một con chó con. Đêm nó dậy nhiều lần vì trời nóng bức. Gần sáng nó đã dậy, mặt tươi rói như thiên thần, như báo với cha mẹ rằng sẽ ngoan ngoãn suốt ngày. Bé quần quýt theo mẹ, rồi ăn, rồi chơi đùa.

Bé Hồng Anh lớn lên từng ngày. Học trò anh Giáp đến chơi, bé Anh nhìn hết người nọ sang người kia vẻ lạ mà hơi tinh nghịch chứ không phải gặp người lạ rồi mếu máo như mọi khi.

Chiều chiều, chị Thái bế con ra đường phố chơi. Đó là hạnh phúc của người mẹ.

Nhưng niềm vui của chị Thái chẳng được bao lâu. Tháng 5-1940, từ căn nhà này, anh Giáp đã ra đi. Chị Thái chờ đợi trong vô vọng cho đến chết (21-1-1944).

THAM DỰ NGÀY QUỐC TẾ LAO ĐỘNG

Lần đầu tiên ở Hà Nội xuất hiện một khối người đông đảo, khí thế hùng hực, sầm sập đi tới Khu Đấu Xảo (nay là Cung Văn hóa hữu nghị Việt - Xô).

Đặng Thai Mai và Võ Nguyên Giáp đi trong đoàn báo chí. Quang Thái đi với đoàn thể phụ nữ chợ Đồng Xuân. Mỗi người đeo một huy hiệu trên ngực áo. Đó là ngày 1-5-1938.

Việc tổ chức cuộc biểu tình mít tinh khổng lồ kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động năm 1938 là một thành công lớn của Mặt trận Dân chủ Đông Dương trong chính sách Mặt trận, liên minh giữa nhóm Tin tức (còn gọi là nhóm Cộng sản công khai) với nhóm Ngày nay và chi nhánh Đảng Xã hội Pháp Bắc Đông Dương (Fédération SFIO Nord - Indochine) có cơ quan ngôn luận là báo Demain. Bí thư của họ là Caput, sau là Lemaire. Nhóm Tin tức vận động họ đứng ra xin phép tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động.

Nhà cầm quyền thực dân Pháp khó có thể khước từ. Nhưng họ đưa ra mọi điều kiện hạn chế: hạn chế số người tham gia, hạn chế số diễn giả, đòi kiểm duyệt các bài diễn văn, cấm biểu tình ngoài đường phố, chỉ khoanh lại làm mít tinh trong Khu Đấu Xảo, không được trưng cờ biển, không được hát Quốc tế ca, chỉ được hát bài Marseillaise là quốc ca Pháp.

Ta không phản đối trực tiếp. Ngày 1-5-1938, dòng người như nước lũ đổ về Khu Đấu Xảo, vừa đi vừa hô

khẩu hiệu, hàng ngũ chỉnh tề, có trật tự nghiêm chỉnh, khiến bọn cảnh sát, mật thám không có cơ gì để can thiệp.

Trước lễ đài, có các khẩu hiệu lớn: “Ủng hộ Mặt trận Bình dân Pháp”, “Tự do nghiệp đoàn”, “Chống nạn thất nghiệp”, “Đi tới phổ thông đầu phiếu”, “Tự do dân chủ”, “Chống phát xít, chống chiến tranh”, “Chống sinh hoạt đất đỏ”, “Thi hành triệt để luật xã hội”...

Khai mạc cuộc mít tinh, sau bài Marseillaise, hai vạn rưỡi người đồng thanh hát Quốc tế ca.

Mười hai lá cờ của mười hai đoàn thể giương cao phần phật trước gió.

Đại biểu Đảng Xã hội là bác sĩ Trần Văn Lai phát biểu khai mạc. Đại biểu các đoàn thể lần lượt đọc diễn văn. Quang Thái thay mặt đoàn thể phụ nữ, Mai Văn Thể thay mặt đoàn thể nông dân, Phan Tử Nghĩa nhân danh Đảng Xã hội, Trần Huy Liệu nhân danh Đảng Cộng sản...

Nhà cầm quyền thực dân Pháp rất bức tức, nhưng chúng không thể nào ngăn cản. Cả một biển người sôi sục nhiệt liệt hoan hô các diễn giả, hô khẩu hiệu vang trời.

Đây là lần đầu tiên ở Đông Dương, ngày lễ Quốc tế Lao động được tổ chức công khai và trọng thể dưới con mắt cú vọ của bọn phản động thực dân.

Báo *Tin tức* số 5 (từ 4 đến 11-5-1938) có bài “Cuộc

biểu tình vừa qua đã dạy cho ta những gì?”. Bài báo đánh giá đây là một nhát búa đập vào đầu bọn phản động cầm quyền, là một minh chứng rằng quần chúng Đông Dương đã trưởng thành về chính trị, đòi quyền tự do dân chủ, đòi cơm ăn áo mặc, hòa bình. Phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương đã tiến một bước khá cao.

PHÚT CHIA TAY, PHÚT VĨNH BIỆT

Tháng 9 năm 1939, chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ.

Tại Đông Dương, nhà cầm quyền phản động thuộc địa ra sức bắt lính bắt phu, thắt tay vợ vết đàn áp. Những gì mà dân chúng Đông Dương đã đấu tranh giành được trong phong trào Mặt trận Dân chủ bị thủ tiêu. Sách báo của Mặt trận bị cấm. Nhiều cán bộ của Đảng bị bắt. Mặt thám rình chực như rươi trước các cơ quan ngôn luận công khai của Đảng. Một làn sóng khủng bố lan tràn khắp Đông Dương. Các tổ chức hoạt động hợp pháp, bán hợp pháp của Đảng rút vào bí mật.

Theo quyết định của Đảng, anh Giáp chuyển vào hoạt động bí mật và sẽ vượt biên giới sang Trung Quốc. Chị Thái rất muốn được đi hoạt động bí mật nhưng vì bé Hồng Anh còn quá nhỏ, chưa nhờ ai nuôi dùm được, nên đành chờ khi nào gửi được con, chị Thái sẽ đi sau.

Nhưng chị Thái không thực hiện được ý định ấy. Hai năm sau khi anh Giáp ra đi, chị Thái bị bắt.

Lúc ấy chị Thái tiếp tục hoạt động cách mạng, làm giao liên cho Trung ương Đảng. Chị đã gửi bé Hồng Anh về Quảng Bình cho bà nội nuôi. Có thời gian chị theo học một lớp nữ hộ sinh.

Quang Thái đã vào Sài Gòn tìm gặp người chị ruột: chị Minh Khai, gặp lần cuối cùng trước khi chị Minh Khai bị đế quốc Pháp xử bắn (26-8-1941).

Tháng 6-1942, Quang Thái bị bắt. Bọn đế quốc dùng mọi cực hình tra tấn để truy tìm mối dây liên lạc với anh Hoàng Văn Thụ.

Chị Thái kiên quyết không khai, giữ trọn khí tiết của người cộng sản.

Chế độ lao tù hà khắc và những nỗi đau buồn chống chọi, nhất là nỗi nhớ con, đứa con gái vừa lên ba bốn tuổi, làm cho sức khỏe của chị suy kiệt. Sau một năm rưỡi bị giam cầm, bị mắc bệnh thương hàn, bọn cầm quyền thực dân phải cho chị ra điều trị ở nhà thương làm phúc tại bệnh viện Bạch Mai. Chị qua đời ngày 21-1-1944, lúc đó chị Thái 29 tuổi.

Cuộc đời của chị Thái và quãng đời sống chung với anh Giáp quá ngắn ngủi. Nhưng là một cuộc sống có biết bao nhiêu ý nghĩa.

Những nét chính về cuộc đời của chị Thái mà tôi đã kể đủ để ca ngợi chị là một trong những người phụ nữ tiên phong cách mạng vào thời kỳ ấy.

Nói về gia cảnh bà Hàn Bình thời gian đó thật là

đau khổ. Chị Minh Khai sau cuộc Nam Kỳ khởi nghĩa bị hai án tử hình và bị xử bắn. Ông Hàn Bình tạ thế trước khi chị Thái bị bắt vài ngày. Hai cái tang dồn dập lại thêm nỗi lo chị Thái bị bắt, bị giam cầm ở nhà tù Hỏa Lò đè nặng lên trái tim bà mẹ và các em.

Sau khi chị Thái mất, hơn một năm sau anh Giáp mới biết tin. Tại Hội nghị quân sự Bắc Kỳ họp tháng 4-1945, gặp lại anh Trường Chinh, anh Giáp mới biết tin dữ ấy.

Buổi đầu gặp lại anh Trường Chinh sau bao năm xa cách, anh Giáp vui mừng khôn xiết. Bỗng anh Trường Chinh nói:

- Quang Thái chưa kịp đi bí mật thì bị chúng bắt. Cũng không ngờ chị lại mất trong tù.

Anh Giáp lặng người đi.

Một lát sau, anh hỏi lại:

- Anh nói sao? Quang Thái mất rồi ư?

Anh Trường Chinh có vẻ ngạc nhiên hỏi lại:

- Anh chưa biết à?

Anh Giáp bàng hoàng đi sang buồng bên cạnh, anh vẫn chưa tin hẳn điều anh Trường Chinh nói là sự thật.

Khi chia tay với chị Thái và Hồng Anh một chiều thứ Sáu tháng 5 năm 1940 bên Hồ Tây ở đoạn đường Cổ Ngự phía chùa Trấn Vũ, anh Giáp đã không ngờ rằng phút chia tay ấy lại là phút vĩnh biệt.

ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYỄN GIÁP VÀ THIẾU SINH QUÂN CHIẾN KHU 1 - LIÊN KHU 10

Nhiều tác giả

ẤN TƯỢNG BAN ĐẦU

Một trong những kỷ niệm không thể nào quên trong cuộc đời hoạt động của tôi là lần tiếp xúc đầu tiên với anh Võ Nguyên Giáp, người anh cả của Quân đội Nhân dân Việt Nam tại thị xã Phú Thọ vào tháng 8 năm 1946.

Năm đó tôi mới 15 tuổi, là đội viên Đội Tuyên truyền Thiếu sinh quân Chiến khu 1. Đội chúng tôi gồm những thiếu niên tuổi từ 12 đến 16, do một số các anh lớn tuổi phụ trách với nhiệm vụ hoạt động tuyên truyền trên địa bàn thuộc các tỉnh: Thái Nguyên, Phúc Yên, Vĩnh Yên, Phú Thọ, Yên Bái, Lào Cai v.v...

Phương thức hoạt động chủ yếu là: tổ chức các cuộc diễn thuyết ở các phiên chợ, chia từng tổ nhỏ đi vào từng gia đình thăm hỏi, trò chuyện, kể khẩu hiệu,

vẽ tranh cổ động cỡ lớn trên các đường phố, những nơi công cộng và tổ chức các buổi liên hoan văn nghệ v.v...

Tôi còn nhớ trong một đêm biểu diễn văn nghệ tại thị xã Phú Thọ có rất đông đến xem chật kín cả hội trường. Đến giờ khai mạc, chúng tôi mới được thông báo là trong số các đại biểu hôm nay có cả đồng chí Võ Nguyên Giáp, Chủ tịch Quân ủy Hội, nhân dịp xuống công tác ở địa phương cũng đến dự.

Sự hiện diện bất ngờ của một vị lãnh đạo cấp cao trong đêm liên hoan văn nghệ khiến cho toàn Đội vô cùng phấn khởi và không khí của buổi biểu diễn trở nên trang trọng khác thường.

Theo thông lệ, khi mở màn khai mạc, đại diện của Đội ra đọc lời phát biểu và giới thiệu chương trình văn nghệ, tôi được các anh phụ trách giao làm việc này. Và cũng theo thông lệ của thời kỳ đó, mỗi khi kết thúc bài phát biểu bao giờ cũng có câu: “Đề nghị các vị đại biểu và toàn thể đồng bào đứng dậy cùng chúng em hô mấy khẩu hiệu...” rồi tôi đọc trước nội dung các khẩu hiệu sẽ hô và thống nhất cách hô để tạo sự đồng thanh, biểu hiện khí thế mạnh mẽ.

Vì đã nhiều lần phát biểu nên các khẩu hiệu tôi đều đã thuộc lòng, không cần nhìn vào giấy. Nhưng thật đáng tiếc, trong giờ phút trang nghiêm đó tôi đã quá hồi hộp và xúc động trước sự có mặt của anh Giáp cộng với sự hưởng ứng rất nhiệt tình của đông đảo khán giả thể hiện

trong những tiếng hô: “Quyết tâm!”, “Muôn năm!” vang dội cả hội trường, nên trong khi hô to tôi đã bỏ quên mất một khẩu hiệu.

Kết thúc chương trình văn nghệ, anh Giáp bước lên sân khấu bắt tay động viên anh em trong Đội và nói chuyện luôn với khán giả. Anh tỏ ý khen ngợi về thành tích của Đội và về các tiết mục mà Đội vừa trình diễn, khá về nghệ thuật và nhất là có ý nghĩa cổ vũ mọi người tăng cường đoàn kết, nâng cao ý chí quyết tâm đánh thắng bọn đế quốc xâm lược. Anh nói đại ý:

“Các em còn ít tuổi mà đã làm được như vậy thật đáng biểu dương, thật là tuổi nhỏ chí lớn... Tuy nhiên cũng có điều cần được bổ khuyết, đó là khi khai mạc có một em thay mặt Đội ra phát biểu, nội dung thì tốt nhưng sau khi đọc trước mấy câu khẩu hiệu để mọi người chuẩn bị cùng hô, trong đó có một khẩu hiệu cũng rất quan trọng, nhưng không hiểu vì sao khi hô lại bỏ sót mất? Có lẽ là do quá xúc động nên em đã quên, điều này có thể thông cảm và không có gì đáng trách đối với một chiến sĩ nhỏ tuổi, song điều tôi muốn lưu ý là đề nghị các đồng chí và đồng bào chúng ta đừng bao giờ quên thực hiện khẩu hiệu quan trọng đó trong cuộc sống”.

Thế rồi nhân sự việc này anh đã phân tích rõ thêm về tầm quan trọng của vấn đề “quân dân đoàn kết nhất trí” trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc. Lời phát biểu của anh ngắn gọn, dễ hiểu và được cả hội trường nhiệt liệt hoan nghênh!

Thực ra ngay sau khi kết thúc bài phát biểu lúc khai mạc, tôi đã nhận ra thiếu sót kể trên và tự trách mình đã chủ quan, sơ ý... đến khi nghe những lời nhận xét tinh tế cùng thái độ chỉ bảo ân cần của anh tôi càng vô cùng thấm thía.

Tuy đó chỉ là một giai thoại rất nhỏ và về sau tôi còn có nhiều dịp may mắn được gặp Đại tướng trong những hoàn cảnh khác, song hình ảnh lần tiếp xúc đầu tiên ấy vẫn khắc sâu mãi trong tâm trí của tôi từ thời thiếu niên cho đến tận bây giờ.

Chính vì vậy mà sau này, qua những năm tháng sống và chiến đấu trong quân ngũ, tôi luôn luôn thấm nhuần quan điểm “Quân với Dân như cá với nước” và đã hết sức coi trọng việc vun đắp, củng cố mối quan hệ tốt đẹp giữa đơn vị bộ đội và nhân dân, thực hiện đúng khẩu hiệu: “Quân Dân đoàn kết nhất trí”.

Hà Nội, 22 tháng 12 năm 1999

Hà Tuấn Trung

ANH GIÁP CỦA CHÚNG EM

Kính tặng anh Giáp và chị Hà

Anh dành cho chúng em

Từ năm đầu cách mạng

Những lời khen lời khuyên

Cho Đoàn Thiếu sinh quân

Suốt bước đường kháng chiến

*Anh dành cho chúng em
Những bắt tay ấm áp
Ở “Hội nghị Tuyên truyền”
Từ những năm chống Pháp*

*Anh dành cho chúng em
Tình thương của chị Hà
Tam Đảo còn nhớ mãi
Gánh dưa ngọt năm xưa*

*Anh dành cho chúng em
Sự nghiệp làm chiến sĩ
Trong kháng chiến trường kỳ
Đánh Pháp và đánh Mỹ
Hôm nay được gặp anh
Chúng em xin gọi thế
Vì anh là Anh Cả
Của Quân đội Nhân dân
Cũng của Thiếu sinh quân*

Ngân Bá Kỳ

MỘT KỶ NIỆM KHÔNG BAO GIỜ QUÊN

Em là đội viên Đội tuyên truyền Thiếu sinh quân Liên khu 10. Đội của chúng em sau một thời gian lặn lội đi các nơi để tuyên truyền các chủ trương, chính sách của

Đảng về Trường kỳ kháng chiến, đoàn kết các dân tộc, tôn giáo chống đế quốc Pháp xâm lược tại các tỉnh Phúc Yên, Vĩnh Yên, Phú Thọ, Yên Bái, Lào Cai..., đến năm 1948 chuyển thành Trường Thiếu sinh quân Liên khu 10. Năm 1949 Bộ Tư lệnh Liên khu cho trường lên Tam Đảo học tập và nghỉ ngơi. Lúc đó chúng em được biết chị Hà cũng đang ở Tam Đảo và trong một đêm biểu diễn văn nghệ của Trường Thiếu sinh quân, chị đã tới dự.

Sau buổi biểu diễn hôm đó chị đã bước lên sân khấu bắt tay động viên từng người và còn cho chúng em một con bò để liên hoan, bồi bổ sức khỏe. Em còn nhớ khi chị bắt tay, để tỏ lòng kính trọng, chúng em đã cúi đầu xuống, thấy vậy chị bảo ngay: Các em không được cúi đầu mà phải đứng thẳng, ngẩng đầu lên mà bắt tay!

Chỉ một lời chỉ bảo của chị cũng đeo đuổi chúng em suốt cả cuộc đời, vì điều đó hàm chứa ý nghĩa rất sâu sắc. Nhiều lúc em nghĩ có nên làm khác đi không? Nếu làm khác đi thì trong những hoàn cảnh nhất định nào đó rất có thể có lợi cho bản thân hơn. Song lương tâm đã mách bảo em không thể làm khác lời chỉ bảo ấy của chị. Mặc dù trong thực tế, bản thân có bị thiệt thòi, thành kiến... nhưng em không hề hối tiếc, đến bây giờ em vẫn thấy lời chỉ bảo của chị là hoàn toàn đúng.

Chúng em hứa với chị là luôn luôn ngẩng đầu mà đi, mặc dù bây giờ ngẩng cao đầu không phải là dễ, song chúng em sẽ vẫn ngẩng cao suốt đời.

Chúng em xin kính chào anh chị và tỏ lòng biết ơn

vô hạn đối với lời dạy bảo của chị lúc thiếu thời cách đây đã 50 năm.

Thái Nguyên, 22 tháng 12 năm 2004

Phan An Giang

THĂM VÀ CHÚC THỌ ĐẠI TƯỚNG

Nhớ lại cách đây 5 năm, ngày 25 tháng 8 năm 1991, nhân dịp Đại tướng Võ Nguyên Giáp tròn 80 tuổi và nhận Huân chương Sao vàng do Nhà nước trao tặng, Ban liên lạc Thiếu sinh quân Chiến khu 1 - Liên khu 10 (TSQ CK 1 - LK 10) đã tổ chức một đoàn đại biểu đến chúc mừng Đại tướng.

Ngày hôm đó có rất nhiều đoàn đến chúc mừng Đại tướng nên thời gian rất eo hẹp, may mắn cho chúng tôi là buổi sáng hôm đó sau khi vừa tiếp xong một đoàn khách khác, Đại tướng xuống phòng làm việc nói chuyện với Trung tướng Hồng Cư, thấy chúng tôi đến, Đại tướng vẫy mọi người xuống phòng. Ông tươi cười bước ra bắt tay từng người.

Anh Đặng Văn Thù vội thay mặt Đoàn nói lời chào hỏi và chúc mừng Đại tướng trường thọ. Các chị Kim Tự và Minh Tân (nguyên là diễn viên Đoàn ca múa Tổng cục Chính trị) cùng Chu Phùng ôm những bó hoa tươi đến tặng Đại tướng và chị Hà. Sau đó anh Thù cầm tờ báo Quân đội Nhân dân mới, trong đó có bài: “Vệ quốc em - Thiếu sinh quân” do anh và Chu Phùng viết, kính

tặng Đại tướng. Bài báo này đã khắc họa những nét hoạt động chính của TSQ CK1 và Trường TSQ LK10 trong thời gian từ 1946 đến 1950.

Tiếp theo anh Thú giới thiệu các thành viên trong Đoàn.

Khi giới thiệu Nguyễn Thụ là họa sĩ, Phó giáo sư, Nhà giáo nhân dân, Hiệu trưởng Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội, tác giả của bức tranh nổi tiếng: “Bác vẫn cùng chúng cháu hành quân”, Đại tướng nói luôn: “Năm ngoái, mình đã xem tranh triển lãm của Nguyễn Thụ, rất tốt, mình có ghi cảm tưởng”. Sau buổi đó, trong một lần đến thăm Thụ tại nhà riêng tôi đã đọc được đoạn ghi cảm tưởng của Đại tướng khi xem triển lãm của Thụ, xin chép ra đây để mọi người cùng biết: “Con người, nhất là những thiếu nữ người Thái, người Tày mà tôi rất yêu: thiên nhiên, miền núi, đồng bằng, sương mù buổi sáng, cảnh tượng đêm khuya tất cả những cái ấy, cảnh và người trên những tấm tranh lụa của nghệ sĩ Nguyễn Thụ trở nên sinh động, có thần, như thật, như mộng, như ca, như thơ. Tôi rất thích, chúc Thụ có nhiều tác phẩm mới, nhiều tác phẩm lớn – ngày 24/12/1990” – ký tên: Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Khi nghe giới thiệu Chu Phùng là Đại tá, Tổng Biên tập báo Công an nhân dân (CAND), Đại tướng nói: Mình cũng chưa có điều kiện đọc kỹ tờ báo CAND của các cậu (sau này Phùng có kể lại là sau cuộc đến thăm và chúc mừng đó, Phùng đã chỉ đạo tòa soạn thường xuyên gửi báo CAND biếu Đại tướng).

Anh Thú chỉ vào các thành viên trong Đoàn giới thiệu tiếp rồi quay về phía Trung tướng Hồng Cư, anh nói: Thưa anh đây là các chú TSQ CK1 đã được gặp Đại tướng từ tháng 8 năm 1946 khi lên công tác tại thị xã Phú Thọ. Thẩm thoát 45 năm đã trôi qua, các chú bé Cao Bằng, Thái Nguyên, Vĩnh Phú kể trên đều trưởng thành, tiến bộ và đã được anh em tổ chức “lục tuần đại khánh” cả rồi, vui lắm anh ạ!

Anh Văn rất phấn khởi và tỏ vẻ hài lòng về sự trưởng thành của TSQ CK1 – LK10, con em các dân tộc Việt Bắc.

Nhiều anh chị em trong Đoàn còn muốn phát biểu ý kiến, muốn kể chuyện với Đại tướng nữa nhưng rất tiếc là lại có khách đến. Chúng tôi đành phải xin phép rút lui sau khi được chụp chung một bức ảnh với anh Văn và chị Hà làm kỷ niệm cho cuộc hội ngộ đáng ghi nhớ này.

Kim Sơn

THỎA NỖI ƯỚC MONG

Ngày 7/11/1998 Ban liên lạc TSQ CK1 – LK10 tổ chức một đoàn đại biểu Cựu chiến binh Chi đội A Giải phóng quân Cao Bằng và TSQ CK1 – LK10 từ các nơi tập trung về Thủ đô Hà Nội vào Lăng viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh và để thăm Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

(...) Đúng 9h 50 tất cả đã có mặt tại khuôn viên nhà Đại tướng. Mọi người lặng lẽ trật tự bước vào phòng

khách theo sự hướng dẫn của đại tá Nguyễn Văn Huyền (thư ký riêng của Đại tướng). Phòng khách khá rộng, một bàn to để giữa, 4 bộ ấm chén bốn phía. Đủ các loại tranh tường, câu đối, bình phong, tranh dân gian, phù điêu, tượng bán thân và những lời tâm huyết thêu trên những bức hoành phi..., của các đơn vị và cá nhân đến tặng chứng tỏ sự kính trọng các thế hệ đi sau đối với người Anh Cả của Bộ đội Cụ Hồ.

Lê Anh đề nghị xếp chỗ ngồi bên phải sát ngay Đại tướng là Đại tá Trưởng đoàn Nông Công Dũng. Cô Nguyễn Thị Lạc mặc một bộ áo Tày cùng các cô chú Cao Bằng được xếp bên cạnh phía trái Đại tướng, cánh Thái Nguyên, Vĩnh Phú ngồi kế bên anh Dũng, chỉ có các cô, các cậu ở Hà Nội phải lùi vào góc phòng dành chỗ tốt nhất cho các bạn ở xa.

Mọi người vừa ổn định chỗ ngồi thì anh Huyền vào báo: Anh Văn sắp đến! Rồi anh nhìn Lê Anh như muốn nhắc lại lần nữa những điều đã hẹn cùng nhau, đại ý: Tài liệu về Đội, cụ đã biết rồi, không cần nói nhiều, giữ nhịp độ thật tốt, không được để cụ mệt, không được để cụ đứng lâu quá 15 phút, khoảng 30 phút thì mời đại biểu uống nước để cụ có phút thư giãn v.v...

Kim đồng hồ chỉ đúng 10 giờ, anh Văn bước vào phòng. “Nghiêm! Kính thưa Đại tướng Tổng Tư lệnh QĐNDVN, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 81 CMXHCN Tháng 10 Nga vĩ đại, Đoàn đại biểu Đội Tuyên truyền TSQ CK1 và Trường TSQ LK10 gồm 50 đại biểu từ Cao Bằng, Thái Nguyên, Vĩnh Phú, Bắc Ninh và Hà Nội do

đại tá Nông Công Dũng làm Trưởng đoàn rất sung sướng đến chào hỏi Đại tướng cùng gia đình, Kính chúc Đại tướng trường thọ!”.

Đại tướng tươi cười vẫy tay mời mọi người ngồi rồi hỏi luôn: “Nông Công Dũng đâu?”. Việt Hùng đỡ anh Dũng đứng lên báo cáo: Thưa anh đây ạ. Đại tướng đỡ bó hoa trên tay anh Dũng đưa sang anh Huyền rồi ôm lấy anh Dũng. Hai mái đầu bạc phơ gục vào nhau thật xúc động! Anh Quốc Dương nói: “Thưa anh Văn, anh Dũng mắt không còn nhìn rõ, tai cũng nghe rất khó nhưng anh Dũng rất muốn được gặp và tâm sự với anh Văn”.

Đại tướng cười rất tươi, mắt long lanh, chăm chú nghe anh Dũng nói: “Từ sau khởi nghĩa Tháng Tám 45 đến giờ cũng có nhiều lần được gặp đồng chí Văn, nhưng chưa bao giờ được tiếp xúc gần gũi như thế này, tôi còn nhớ một hôm cách đây 54 năm (1944) đồng chí Văn bất ngờ đến chỗ tôi, tôi đang lúng túng đứng dậy đón chào thượng cấp thì đồng chí Văn cầm lấy tay tôi nói luôn: “Dạo này Dũng làm chủ nhiệm Việt Minh Tổng hoạt động có nhiều hiệu quả, phong trào lên cao, tổng mình đã góp phần đắc lực vào việc phát triển Mặt trận Việt Minh và xây dựng, củng cố căn cứ địa cách mạng. Vừa rồi Ông Kế giao cho mình thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân (VNTTGPQ) đã chọn đủ quân số rồi nhưng vũ khí thì nghèo nàn quá. Em đang giữ trọng trách ở địa phương nên anh không mời đi, chỉ yêu cầu em ủng hộ khẩu súng em đang giữ, có được không?”.

Khẩu súng đó là do tôi mua lại được của một thằng

Tây con (enfant troupe) với giá 2 đồng (tiền Đông Dương hồi đó), nghe đồng chí Văn nói vậy tôi đồng ý giao súng ngay mặc dù trong bụng vẫn rất tiếc, muốn giữ khẩu súng đó để dùng”.

Sau khi cùng anh Nông Công Dũng tâm sự về những kỷ niệm trước kia, Đại tướng quay sang phía anh chị em người Cao Bằng hỏi bằng tiếng Tày: “Bà con quê ta đã được ăn no, mặc ấm chưa? Các cháu có được đi học không? Pác Bó có nhiều khách du lịch không? Các di tích có tồn tại không? Cao Bằng phải xây dựng nhanh để đón đồng bào cả nước và khách quốc tế lên tham quan vùng căn cứ địa bậc nhất của đất nước ta”.

Nghe Đại tướng nói vậy, cánh Cao Bằng, Thái Nguyên sướng quá! Những tiếng cười, tiếng “A lúi” nổi lên, đặc biệt mọi người rất đỗi ngạc nhiên vì anh Văn đã xa Cao Bằng từ lâu và đã kinh qua biết bao công việc bộn bề trọng đại của cả đất nước mà anh vẫn không quên tiếng nói thân thương của vùng biên ải này, phát âm rất chuẩn không khác gì người địa phương!

Để anh Văn thư giãn ít phút, Lê Anh xin phép giới thiệu các thành viên trong Đoàn: Cô mặc bộ áo người Tày này là em Lạc, người Hòa Anh, Cao Bằng, lúc mới 12 tuổi đã theo anh Vũ Anh đi tham gia đội Tuyên truyền Giải phóng quân, cô Nông Thị Hòa cũng ở Hòa An, nguyên là diễn viên ca múa Đoàn văn công Quân khu Việt Bắc, vợ Tuấn Trung, cô Hòa là cháu ruột đồng chí Đức Xuân.

Nghe nhắc đến Đức Xuân, anh Văn rướn cao đôi

lông mày bước đến bắt chặt tay đứa cháu gái của người đồng đội thân thương năm xưa đã cùng mình lặn lội đi xây dựng cơ sở cách mạng từ Cao Bằng xuống Bắc Cạn. Anh nói: “Đức Xuân là một đảng viên rất tích cực, giỏi vận động quần chúng, có tài sáng tác những bài ca, bài lượn cách mạng, rất vui tính, được anh em quý mến. Năm 1943 là Đội trưởng một đội tuyên truyền xung phong nam tiến, có nhiệm vụ tổ chức phong trào tại tổng Hà Vĩ gần Phủ Thông (Bắc Kạn) và đã anh dũng hy sinh tại đó.”

Lê Anh giới thiệu một số thành viên trong Đoàn rồi xin phép để các em Nguyễn Thanh Hải và Ngân Bá Kỷ đọc mấy bài thơ mới sáng tác kính tặng anh Văn, tiếp theo cô Lạc xung phong hát bài “Hai rừng quang” (Một bài hát tiếng Tày khá phổ biến trong thời kỳ tiền khởi nghĩa để nói về nỗi khổ của nhân dân các dân tộc Cao Bằng dưới thời đế quốc, phong kiến). Lê Anh giới thiệu cô Hòa hát ca khúc “Bác ra trận Đông Khê” của Hoàng Hoa Cương (cũng là đội viên Đội Tuyên truyền Chi đội A Giải phóng quân Cao Bằng) sáng tác để chuẩn bị kỷ niệm 50 năm cách mạng tháng Tám và Quốc Khánh 2/9 sắp tới (năm 2000). Bài ca có đoạn: “Mùa thu quê tôi, chưa bao giờ đẹp hơn thế. Nơi đây Bác ngồi ung dung trên núi vạn trùng mây”, sau đó cô Hòa hát tiếp mấy làn điệu dân ca “then” và “nàng ới”. Trong lúc mọi người đang im lặng nghe hát thì Lê Anh sốt ruột liếc nhìn đồng hồ rồi bước lại gần chỗ cô Hòa ra hiệu thôi đừng hát tiếp nữa, thấy vậy anh Văn nói ngay: “Cậu lui ra để cô ấy hát tiếp

ta cùng nghe”. Lê Anh vội chống chế: “Thưa anh, vì đây là bài hát mới em phải đến để hỗ trợ cô ấy đấy ạ”. Mọi người cười rộ lên. Nghe xong mấy bài hát anh Văn rất vui, anh khen: Các em hát hay lắm!

Lê Anh tranh thủ báo cáo thêm: Kính thưa anh Văn, trong đoàn chúng em có một chú không thuộc TSQ nhưng cũng là đội viên Chi đội A Giải phóng quân Cao Bằng, đó là Ngân Bá Hồng (bí danh là Quốc Hoa) người ở Pò Tấu (Trùng Khánh), nguyên là nhân viên cơ yếu, chính Ngân Bá Hồng là người trực tiếp nhận lệnh toàn quốc kháng chiến đêm 19/12/1946 của Tổng Tư lệnh để báo cáo lại với đồng chí Bằng Giang – lúc bấy giờ là Khu trưởng Chiến khu 10 đóng ở Việt Trì. Thưa anh, Ngân Bá Hồng hiện mắt kém, chỉ mong được đến chào hỏi anh và nghe nói chuyện đấy ạ! Anh Văn rất cảm động.

Cô Lạc đứng dậy thưa: “Chúng em có chút quà quê hương mang về biếu anh Văn, chị Hà. Đó là hai bức khăn trải bàn bằng thổ cẩm, dệt theo hoa văn truyền thống của Cao Bằng, chung quanh viền dòng chữ: “Đội TT CĐA GPQ Cao Bằng, Đội TT TSQ CK1 – LK10 Kính tặng Đại tướng Võ Nguyên Giáp -7/11/1998”. Bức kia chúng em thêu dòng chữ “Kính tặng Phó Giáo sư Sử học Đặng Bích Hà”. Chúng em mong muốn mỗi khi anh, chị ngồi vào bàn viết, trông thấy bức thổ cẩm là anh, chị nhớ đến đồng bào các dân tộc tỉnh Cao Bằng và vùng giải phóng Cao Bắc Lạng Hà Tuyên Thái là những người thân thiết nhất của anh, chị từ những ngày còn trong bóng tối cho đến tận bây giờ và mãi mãi!

Lạc nói hay quá, đúng ý mọi người nên được hoan hô nhiệt liệt, Lan Phương nói tiếp luôn : “Còn đây là hai túi thổ cẩm có thêu chữ Pác Bó – Cao Bằng để chị Hà mang theo đi pích-ních với Anh Cả của chúng em (anh Huyền cho biết: hôm nay chị Hà bận đi họp chi bộ nên không ở nhà để cùng anh Văn tiếp Đoàn được).

Cậu Phan Nhâm, từ Thái Nguyên về đứng dậy xin nói: Báo cáo anh Văn, anh Dũng và các anh phụ trách, có một việc em nhớ mãi và cương quyết thực hiện đến nay đã gần 50 năm. Hồi đó là năm 1949, sau một đợt công tác vất vả, chúng em được Bộ Tư lệnh Liên khu 10 cho lên nghỉ mát tại Tam Đảo. Một đêm, sau buổi biểu diễn văn nghệ của chúng em, chị Hà bước lên sân khấu bắt tay động viên và nói sẽ tặng chúng em một con bò để bồi dưỡng sức khỏe, chúng em rất phấn khởi cứ cúi đầu cảm ơn mãi. Chị Hà cười nói: “Các em phải hiên ngang ngẩng đầu lên vì các em xứng đáng được nhận những phần thưởng nhỏ nhoi này, bồi dưỡng sức khỏe tốt để công tác và học tập tốt góp sức cùng các anh Vệ Quốc Quân, các anh chị dân quân tự vệ chiến đấu giải phóng đất nước”. Thừa các anh, 50 năm nay TSQ LK10 đã học hỏi vươn lên hiên ngang chiến đấu và công tác đạt nhiều thành tích trên tất cả các lĩnh vực mà Đảng và Chính phủ giao phó.

Cuối cùng anh Đặng Văn Thù thay mặt Đoàn phát biểu ý kiến. Anh Thù hai tay cầm một cuốn băng video xúc động nói: “Kính thưa anh Văn, em xin được phép thay mặt anh chị em TSQ CK1 – LK10 kính tặng anh

Văn, chị Hà cuốn băng tràn đầy tình nghĩa này. Tụ tay em với Kim Sơn quay từ cuộc hội thảo *Bác Hồ với Cao Bằng* năm 1994 do Tỉnh ủy Cao Bằng phối hợp với Viện Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh tổ chức. Chúng em ghi hình và thu thanh gần 50 bản tham luận, đặc biệt là những lúc giải lao anh Văn tiếp xúc với các kè, các bác, các lão thành cách mạng tại địa phương rất thân tình. Kim Sơn còn quay được hình ảnh của anh cùng các đồng chí lãnh đạo khánh thành Nhà bia ghi tên 34 chiến sĩ VNTTGPQ tại Tam Kim. Tiếp sau là hình ảnh các cụ ông, cụ bà theo các đồng chí đại biểu cựu chiến binh từ khắp nơi: Việt Bắc, Tây Bắc, Khu 4, Khu 5, các đơn vị pháo binh, công binh, Trường sĩ quan lục quân Trần Quốc Tuấn... vào thắp hương tưởng niệm các liệt sĩ mà chúng em đã vinh dự được ghi vào cuốn băng này. Ngoài ra, sáng nay chú Nguyễn Hiền, tức Bạch Sơn (1 trong 5 “tiểu anh hùng” ở Thái Nguyên hồi Cách mạng tháng Tám/1945) và chú Đặng Minh Hòa, người Cao Bằng đã quay cảnh Đoàn chúng em vào lăng viếng Bác và thăm nơi ở và làm việc của Bác: nhà sàn, vườn cây, ao cá, chụp ảnh chung. Chúng em sẽ in vào đây, làm kỷ niệm một lần về lăng viếng Bác Hồ và đến chào thăm sức khỏe Đại tướng. Kính chúc anh Văn của chúng em sống lâu trăm tuổi!.

Anh Văn đứng dậy nói to: Chúng ta có thể sống 120 tuổi.

Anh Huyền lo quá, chạy vào đỡ anh Văn ngồi xuống rồi chỉ huy luôn: Các đồng chí ra ngoài cửa chuẩn

bị chụp ảnh chung với anh Văn, chụp từng tỉnh, chụp riêng các chị phụ nữ với anh Văn và anh Dũng rồi giải tán để anh Văn nghỉ.

Phút chia tay ai cũng bịn rịn. Anh Huyền và anh Thú thì rất lo bởi đã quá giờ tới 15 phút. Anh Huyền rủ tai anh Thú: Đoàn các ông được ưu ái quá đấy. Chưa bao giờ cụ tiếp khách mà đứng lâu tới quá 45 phút! Anh Thú cười: đó là tình cảm của cụ đối với con em Việt Bắc đấy.

Bắt tay tạm biệt anh Văn, mọi người trong Đoàn vô cùng xúc động và cảm thấy mãn nguyện, thật là thỏa nỗi ước mong!!! Càng biết ơn anh nhiều, tuy tuổi đã cao nhưng đã dành thời gian quý báu để tiếp và nói chuyện thân tình với anh em trong một không khí rất tự nhiên, thoải mái, vui vẻ! Đây là một niềm vinh dự, một trong những kỷ niệm không bao giờ quên được trong cuộc đời của mỗi người chúng tôi.

Chiều hôm đó chúng tôi kéo xuống nghĩa trang Mai Dịch, anh Đặng Văn Thú đã thuê riêng một chiếc xe con đến mời chị Trang và các cháu cùng đi với Đoàn để làm lễ dâng hương tưởng niệm anh Bằng Giang, người đã khai sinh và hết lòng chăm sóc đàn em Thiếu sinh quân CK1 – LK10 chúng tôi từ thuở niên thiếu cho tới khi trưởng thành. Đoàn cũng đã thắp hương tưởng niệm các tướng lĩnh khác rất gần gũi với chúng tôi như: Đại tướng Hoàng Văn Thái, Đại tướng Lê Trọng Tấn, Thượng tướng Đàm Quang Trung, Thượng tướng Vũ Lập, Thiếu tướng Tạ Xuân Thu cùng các vị lão thành cách mạng của Cao Bằng như: Đoàn Hồng Kỳ, Bùi Bảo Vân, Đặng Văn Cáp

v.v... với tấm lòng “Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây”.

Lê Anh

TÔI VẼ ĐẠI TƯỚNG

Cuối năm 1949, tôi rời Thiếu sinh quân để về Phòng Chính trị LK10. Tôi được trao nhiệm vụ trình bày sách báo và trang trí hội trường cho các hội nghị quân sự, chính trị của Liên khu. Nhân một lần trang trí cho Đại hội quân sự, tôi vẽ chân dung các lãnh tụ như Các Mác, Lênin, Bác Hồ và cả chân dung Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Sau Đại hội, Thiếu tướng Văn Tiến Dũng xin bức chân dung của Đại tướng Võ Nguyên Giáp mang về.

Mãi sau này, năm 1990, tôi gặp lại Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong cuộc chiêu đãi của đại sứ quán Indonesia tại Hà Nội. Tôi đến cùng ly với Đại tướng và nói: Thưa anh, ngày xưa tôi chưa được học vẽ đến nơi đến chốn, tôi đã vẽ chân dung Đại tướng, nay tôi đã học thành nghề, tôi muốn vẽ lại chân dung Đại tướng.

Đại tướng vui vẻ hẹn tôi đến nhà Đại tướng để vẽ.

Đúng hẹn, tôi mang cặp vẽ đến nhà Đại tướng. Tôi đợi ở phòng làm việc, một lát Đại tướng đến. Anh mời tôi uống nước và nói: “Sở dĩ tôi khỏe mạnh là vì khi tôi làm việc, tôi không ngồi”. Rồi anh đi lững thững quanh một cái bàn khá to. Anh nói trên bàn này khi anh làm việc là có một bản đồ chiến dịch, trên tường có một bản đồ hậu cần.

Tôi hiểu đây là cách làm việc của Đại tướng. Anh không ngồi mà cứ đi vòng quanh cái bàn hàng giờ để nghĩ cách bài binh bố trận cho mỗi chiến dịch.

Năm 1992, tôi và hai họa sĩ quân đội Văn Đa và Quang Thọ triển lãm tranh tại Trung tâm Văn hóa Pháp, cạnh Trường Mỹ thuật. Anh Văn (cách gọi Đại tướng một cách thân mật), chị Hà (phu nhân Đại tướng) đến xem triển lãm tranh của ba chúng tôi. Xem xong, Quang Thọ nói: “Nhà Nguyễn Thụ ở ngay trong trường, mời anh chị vào chơi”. Anh Văn, chị Hà vui vẻ nhận lời. Trong khi ngồi nói chuyện, tôi có nhắc đến việc tôi đang tiếp tục hoàn chỉnh bức tranh vẽ về anh từ năm 1990. Nghe tôi nói vậy, anh nói: Nếu vẽ thì nên vẽ mình trong thời kỳ chống Pháp.

Mãi đến năm 1996 (tức là 6 năm sau) tôi mới hoàn thành bức tranh lụa *Đại tướng Võ Nguyên Giáp* và trưng bày tại triển lãm của Trường Đại học Mỹ thuật. Nhà trường có mời Đại tướng đến xem triển lãm. Sau đó tôi đã tặng Đại tướng bức tranh này.

Nguyễn Thụ

HOAN HÔ ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYÊN GIÁP

Anh Võ Nguyên Giáp kính yêu

Chỉ huy rất giỏi thu nhiều chiến công

Sông Lô chiến thắng thu đông

Biên giới đông bắc địch không đường về

Tây bắc đã quyết chí thể
Đánh cho quân Pháp nhà nghề phải thua
Điện Biên chấn động địa cầu
Chiến thắng lừng lẫy công đầu là Anh

Sự nghiệp thống nhất chưa thành
Đất nước chia cắt chưa lành nỗi đau
Hai miền chung sức cùng nhau
Đánh cho Mỹ ngụy đòn đau nhớ đời

Ba Gia, Bình Giã sáng ngời
Khe Sanh, Đường Chín... mọi người còn ghi
Mỹ ngụy hùng hổ lúc đi
Khi về tan tác mười đi hai về
Quân ta đã quyết chí thể
Miền Nam giải phóng mới về quê hương
Thế là tất cả chiến trường
Thần tốc, thần tốc mở đường vượt qua

Quyết tâm của Đảng đề ra
Chiến dịch đã lấy tên Cha anh hùng
Đánh vào sào huyệt cuối cùng
Mỹ chạy, ngụy phải đầu hàng chịu thua

.....

*Công ơn Đảng, Bác và Dân
Nhưng Anh cũng góp một phần rất cao
Nhân dân nhớ mãi công lao
Đời đời kiếp kiếp có bao giờ mờ*

*Từ xưa cho đến bây giờ
Các anh “vệ túm” bao giờ quên Anh
Những năm khói lửa chiến tranh
Đói rét nhưng vẫn có Anh đi cùng*

*Non sông gấm vóc chập chùng
Mong Anh mạnh khỏe vui cùng toàn quân
Chúc Anh thượng thọ trăm xuân
Suốt đời vì Đảng vì dân Anh hùng.*

Tuyên Quang, 01 tháng 01 năm 1999

Trần Khắc Tuyên

UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN

Mai Sơn*

Một buổi sớm mùa thu năm 1986, có một đồng chí công an thị xã Vĩnh Yên đến gia đình tôi báo tin: Có khách đến thăm cụ bà Vĩnh, xin báo để gia đình biết chuẩn bị đón. Không kịp hỏi thêm gì vì đồng chí công an đã quay ra ngay. Tôi vội vào báo cho mẹ tôi biết tin. Tôi sửa khăn áo cho cụ và dắt cụ ra nhà ngoài ngồi chờ. Tôi nói với cụ, có thể là khách nhà nước, rồi tôi ra ngay cổng đón.

Trông lên đường cái ra chợ đã thấy có hai xe con tới. Trên xe bước xuống ba người. Hai người đi đầu mặc dân sự người đi thứ ba mặc quân phục, quân hàm Đại tướng. Tôi nhận ra ngay là Đại tướng Võ Nguyên Giáp, đang đi trên đường mòn để vào cổng nhà tôi. Tôi đứng đón chào và mời Đại tướng vào nhà. Sau khi mọi người yên vị, Đại tướng hỏi mẹ tôi: “Cụ còn nhớ tôi không?”. Bà cụ trả lời: “Tôi còn nhớ”. Tiếng nói của anh Văn vẫn như những năm ở trên Tam Đảo. Đại tướng cười và hỏi

* Con trai út cụ Vĩnh.

thăm sức khỏe của mẹ tôi. Sợ mẹ tôi cảm động, mắt nhìn kém nên tôi đứng sau giúp cụ giao tiếp. Đại tướng cho phép tôi ngồi xuống ghế. Lạ thay hôm nay mẹ tôi vui vẻ, phần chần và trả lời rõ ràng đầy đủ những câu hỏi thăm của Đại tướng, rồi cụ nói: Hàng năm cứ đến mùa thu tới, làm tôi nhớ tới Bác Hồ, nhớ tới anh Văn. Vì là mùa anh đi chiến dịch. Đánh hết chỗ này lại tới chỗ khác. Có năm mãi đến gần Tết ta, tôi mới nhận được tin các cháu nhà tôi, lớn bé cũng theo anh đi chiến dịch tất cả. Đại tướng lại cười vui, nói: “Vì thế Bác Hồ có viết báo biểu dương gia đình nhà ta là Cả nhà Kháng chiến đó.”

Trong lúc Đại tướng nói chuyện với mẹ tôi, tôi phát hiện có điều gì bất thường vì đồng chí cán bộ tỉnh đi tháp tùng Đại tướng cứ nhìn ra cổng nhà tôi, rồi lại nhìn vào tôi như muốn nói gì. Tôi xin phép Đại tướng ra cửa xem có tình huống gì. Ra tới cổng thấy dân trong ngõ ra, ngoài chợ vào đã đứng chật cổng nhà tôi và đang ủa vào trong sân, trong vườn. Tôi xin bà con trật tự cho vì nhà có khách. Bà con nói: Thấy Đại tướng vừa vào nhà thăm cụ nhà ta. Chúng tôi muốn vào sân để trông cho rõ ông Đại tướng đánh trận Điện Biên năm xưa. Chúng tôi chưa ai được trông thấy Đại tướng bao giờ. Chỉ thấy trên ảnh, trên ti vi. Xin cho chúng tôi đứng ngoài sân thôi để xem ông có khỏe không rồi chúng tôi ra ngay. Tôi đành để bà con vào và nói: Chỉ xin bà con giữ trật tự cho.

Lúc này trong sân gạch đã chật như nêm mà vẫn còn nhiều người đang chen đi vào. Các cháu thanh niên thì dẹp cả bờ rào để vào vườn sau cho dễ. Trong sân có

một thầy giáo dạy trường Phổ thông thị xã, tay cầm mũ đứng giữa sân, thỉnh thoảng ông lại gật đầu hình như để chào Đại tướng. Chỉ thấy Đại tướng giơ tay và nở nụ cười rồi lại quay vào nói chuyện với mẹ tôi. Thế rồi thầy giáo đột nhiên nói: Thôi tôi xin cảm ơn ông chủ nhà, tôi xin lui để bà con vào. Ông nói: “Tôi rất mừng đã trông thấy rõ Đại tướng. Ông vẫn còn khỏe mạnh. Ông vẫn còn mặc quân phục, ông vẫn là Tổng tư lệnh chỉ huy toàn quân đánh giặc giữ nước. Tôi yên tâm. Thật yên tâm.” Khi ra cổng thầy giáo còn chỉ vào mấy cháu thanh niên đang đẹp bờ rào để vào và nói không được làm thế.

Khi tôi quay vào nhà thì mẹ tôi đang kể lại việc mấy chục năm trước đã được gặp bà cụ Kiên thân mẫu Đại tướng và ông Võ Thuần Nho em trai Đại tướng ở Tam Đảo khi lên nghỉ. Đại tướng khen mẹ tôi nhớ lâu, không lẫn. Chúc mẹ tôi thọ 120 tuổi. Đại tướng cũng cho biết thân mẫu Đại tướng đã qua đời năm 1961.

Đại tướng ra hiệu cho thợ ảnh chụp ảnh lưu niệm cùng gia đình xong thì ra xe. Vừa ra đến xe thì đoàn người lại vây lấy xe Đại tướng. Tôi đang lo mất trật tự thì hai đồng chí công an đã xuất hiện. Một đồng chí nói nhỏ với tôi: bác yên tâm, chúng tôi đã có kế hoạch bảo vệ mục tiêu. Thế nhưng lúc xe chạy bốn, năm thanh niên vẫn bám theo tới khi xe chạy nhanh mới quay lại khoe là đã trông rõ Đại tướng và tỏ ra rất phấn khởi, chỉ vì là lần đầu tiên trông thấy Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Sau khi Đại tướng ra về, các cụ hàng xóm mới sang hỏi thăm và mừng cho mẹ tôi được Đại tướng đến thăm.

Trông cảnh vườn cây xác xơ, bờ rào nghiêng ngả các cụ cười vui nói khéo hôm qua vỡ chợ mất cụ nhỉ. Mẹ tôi cùng trò chuyện với các cụ hồi lâu vui vẻ. Cụ nói dân người ta có quý ông Võ Nguyên Giáp người ta mới chen nhau vào chứ sao. Bờ rào để rồi các cháu nó dựng lại, có mất gì. Cái quý nhất là lòng dân.

Ngày 2 tháng 12 năm 2011

HAI MƯƠI NĂM LÀM CẦN VỤ CHO TƯỚNG GIÁP

Nguyễn Thúc Quỳnh

(Báo Tiền Phong)

Biết ông từng là cần vụ lâu năm của Đại tướng, một số phóng viên báo chí đã đến xin được trò chuyện và phỏng vấn, nhưng ông đều từ chối. Bởi với ông, những gì thuộc về Đại tướng là rất đổi thiêng liêng, đến mức ông không đành và không muốn chia sẻ với người khác, mà chỉ muốn giữ cho riêng mình. Vì thế, việc ông dành cho tôi một buổi sáng để trò chuyện thực sự là điều may mắn với tôi.

Ông là Trần Văn Thìn, ở tổ 23 phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên, người đã có vinh dự được ở bên Đại tướng Võ Nguyên Giáp suốt 21 năm - phần lớn cuộc đời quân ngũ của mình. Lý do để ông không muốn chia sẻ bởi với ông, những gì thuộc về Đại tướng là rất đổi thiêng liêng, đến mức ông không đành và không muốn chia sẻ với người khác, mà chỉ muốn giữ cho riêng mình.



Ông Trần Văn Thìn (ngoài cùng bên trái) cùng các đồng đội cũ chúc mừng phu nhân Đại tướng nhân dịp Đại tướng bước sang tuổi 100 (tháng 8-2010)

21 năm và lời dặn của Đại tướng

Ông Trần Văn Thìn sinh năm 1940 tại thị xã Thái Nguyên. Ông kể, ngày ấy thị xã Thái Nguyên chỉ có vài con đường gọi là phố, Quốc lộ 3 đi Bắc Cạn, Chợ Mới chỉ vừa đủ rộng cho cái ô tô tải loại bé bấy giờ, lau sậy um tùm, ngả ra đường.

Ngày Cách mạng tháng Tám, ông mới 5 tuổi, nhưng giờ vẫn nhớ không khí tung bừng của những người đi mít tinh giành chính quyền, nghe tiếng hô khẩu hiệu vang vang, cậu bé Thìn còn hơn hờ chạy đi xem. Gia đình ông làm ruộng, cuốc đất trồng sắn ở xóm Phủ Liễn, đất đai

vừa ở vừa vỡ hoang, làm ruộng. Đến lúc vào hợp tác xã, gia đình ông đóng góp 2,7 mẫu đất.

Tháng 3 năm 1959, ông Thìn được gọi nhập ngũ. Đợt ông đi cũng chính là đợt gọi nghĩa vụ quân sự đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên. Sau ba tháng huấn luyện, ông được phân công về đơn vị bảo vệ cơ quan Bộ Quốc phòng.

Sáu năm ở đơn vị bảo vệ cơ quan Bộ Quốc phòng, đến tháng 10 năm 1965, ông được lệnh chuyển sang phục vụ Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Lúc ấy, Đại tướng là Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bí thư Quân ủy Trung ương.

Tôi hỏi ông Thìn: “Khi nhận lệnh bác có bất ngờ không? Bác có “sợ” khi làm việc với đại tướng không?”. Ông bảo:

“Trước lúc được phân công sang thì tôi cũng có vài lần đi theo để bảo vệ vòng ngoài, phục vụ Đại tướng nên cũng đã quen, vả lại Đại tướng rất dễ gần, có gì đâu mà sợ. Anh Lưu trung đội trưởng sang trước, thỉnh thoảng anh gọi tôi đến, anh em giúp nhau.

Sau thì anh phân công tôi: “Chú sang giúp anh Văn”. Lúc đầu tôi gọi ông là “Đại tướng”, xưng “tôi”, sau Đại tướng bảo là chỗ gia đình rồi, cứ xưng hô là “anh em”. Anh gọi tôi là Thìn, Thìn lấy cho anh cái này, cái kia. Tôi gọi là “anh Văn, chị Hà”. Gia đình nề nếp gia phong nên rất giữ lễ, vì thế tuy bằng tuổi tôi, nhưng Hồng Anh - con gái cả của anh Văn, vẫn gọi tôi là chú”.

- Công việc cần vụ gồm những gì ạ?

Là tất cả những gì liên quan đến việc phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày của Đại tướng. Bộ phận phục vụ cho Đại tướng (cũng như các tướng lĩnh cao cấp khác của Bộ Quốc phòng lúc bấy giờ) gồm một cần vụ, một bảo vệ, một lái xe, hai người nấu ăn, biên chế một chi bộ thuộc Đảng bộ Văn phòng Cơ quan Bộ Quốc phòng.

Đại tướng sinh hoạt cùng chi bộ chúng tôi. Anh Văn làm việc nhiều, sau tám tiếng ở cơ quan thì ở nhà lúc nào bên cạnh anh cũng có sổ, bút viết, bút chì Hồng Hà xanh đỏ và đồng hồ. Cái đồng hồ Thụy Sĩ được Bác tặng cho, anh ấy dùng suốt, có khi bây giờ vẫn dùng. Trong sinh hoạt và cuộc sống gia đình, anh Văn rất bình dị, đặc biệt quan tâm đến con cái...”

21 năm làm công việc của một người cần vụ thầm lặng, bên cạnh vị Đại tướng lấy lòng, người anh cả của Quân đội Nhân dân Việt Nam, đến tháng 6 năm 1986, ông Thìn về hưu với quân hàm thiếu tá. Về địa phương, ông được giao nhiệm vụ làm Bí thư chi bộ, Trưởng ban kiểm soát ở hợp tác xã nông nghiệp Đội Cấn.

Liên tục 15 năm đảm nhiệm chức vụ Bí thư chi bộ, đến năm 2003 ông làm Chủ tịch Hội Nông dân của phường Hoàng Văn Thụ, năm 2007 mới nghỉ. 45 tuổi Đảng, 27 năm trong quân đội, về địa phương lại đóng góp tiếp 20 năm công tác nữa, được Nhà nước trao tặng Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất, Huân chương Chiến sĩ Vô vang hạng Nhất, Nhì,

Ba; Huy chương Quân kỳ quyết thắng hạng Nhất, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng,...

Ông bảo, mình đã làm đúng lời căn dặn của Đại tướng khi chia tay ông: “Cố gắng giữ bản chất tốt của một người lính, đừng để mắc sai lầm gì”.

CÓ NHỮNG ĐIỀU CHỈ KHẮC GHI TRONG DA

Trước khi đến nhà ông Thìn, tôi nghĩ mình chuẩn bị được tiếp cận với một kho “tư liệu sống”, cùng những điều bí mật, bất ngờ về cuộc đời và sự nghiệp của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Nhưng hóa ra ông Thìn rất ít lời. Viện lý do tuổi tác, trí nhớ giảm sút, ông đã không cho tôi cơ hội thỏa mãn trí tò mò nghề nghiệp.

Nhưng đôi lúc tôi hỏi kỹ về một vấn đề, một sự kiện nào đó, thì ông buột miệng: “Có những điều không thể nói được đâu”. Ý thức kỷ luật của một người lính không cho phép ông phát ngôn ngay cả khi ông đã là một “phó thường dân” tuổi cao sức yếu.

Có lẽ đó là một trong những phẩm chất tốt đẹp của ông, để tôi tự lý giải vì sao Đại tướng đã giữ ông ở bên cạnh mình suốt hơn hai mươi năm. Vì thế, những gì tôi nghe được từ ông chỉ là những câu chuyện rời rạc về Đại tướng và ông.

Như chuyện về những chuyến đi công tác. Tháp tùng Đại tướng, ông đã có dịp đi khắp các vùng miền của đất nước. Nhớ nhất là chuyến công tác đặc biệt, chuẩn bị

cho chiến dịch giải phóng miền Nam vào tháng 10/1973. Lần ấy Đại tướng dẫn một đoàn công tác gồm các tướng lĩnh ở Bộ Quốc phòng đi vào Trường Sơn, sang cả Lào. Để chuẩn bị cho chuyến đi của Đại tướng, ông Thìn đã tham gia nhóm công tác tiền trạm, vào làm việc trước với các đơn vị để đảm bảo an toàn và bí mật mọi mặt cho đoàn.

Xong việc, ông quay ra Bắc, rồi lại tháp tùng Đại tướng trở vào. Đoàn đi bằng các loại phương tiện, lúc ô tô, lúc đi thuyền. Sang Lào, thấy trò còn phải ngủ đêm ở trong rừng. Rừng nơi ấy nhiều mối lạ lùng, trải bạt xuống nằm một lúc là mối ở đâu đã mò lên, rào rào cắn người, quân tướng lại phải gọi nhau dậy mắc võng.

Ông đi nước ngoài cũng nhiều, đi hầu hết các nước xã hội Chủ nghĩa. Xa nhất là đi Cuba vào dịp Đại hội Đảng Cộng sản Cuba lần thứ nhất, năm 1975, Đại tướng Võ Nguyên Giáp là Trưởng đoàn Việt Nam sang dự. Ba Lan ông được sang hai lần.

Lần đầu sang khi Việt Nam mới giải phóng, ra chợ ở Ba Lan thấy hàng hóa đầy ắp, ông thèm cho nước mình bao giờ mới được như vậy. Nhưng lần thứ hai là dịp Đại hội bất thường Đảng Cộng sản Ba Lan đúng lúc Ba Lan rơi vào khủng hoảng kinh tế mang màu sắc chính trị (1980-1981), thì ông bị bất ngờ vì thấy Ba Lan xơ xác chẳng khác gì Việt Nam sau chiến tranh.

Lúc ấy, phong trào đình công do Ủy ban Đình công, sau này là Công đoàn Đoàn Kết, đã ảnh hưởng đến đời sống chính trị - xã hội của Ba Lan.

Rồi chuyện về mối quan hệ thân thiết giữa Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Đại tướng Nguyễn Chí Thanh. Ông Thìn kể:

- Nếu nói trong hàng ngũ tướng lĩnh thì anh Thanh và anh Văn hiểu nhau nhiều hơn cả. Anh Văn từng kể với tôi: “Khi anh cầm quân đi chiến dịch Điện Biên Phủ, hai người chỉ gặp nhau, bàn với nhau khoảng hơn một tiếng đồng hồ rồi sang báo cáo với Bác là đi”. Trong kháng chiến chống Mỹ, hai người vẫn thường bàn bạc công việc với nhau.

Thời gian anh Thanh vào miền Nam, mỗi khi anh ra báo cáo với Bộ Chính trị, Bộ Quốc phòng xong, anh thường làm việc riêng với anh Văn. Những lần làm việc



Ông Trần Văn Thìn.

như thế đều diễn ra khá nhanh chóng, vì họ rất hiểu ý nhau. Vì thế, khi anh Thanh mất đột ngột, anh Văn rất đau lòng.

Sau này, khi cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi, anh Văn tỏ ý hài lòng, chia sẻ với cấp dưới rằng mọi việc diễn ra như anh và anh Thanh đã trù liệu trước, kể cả khi có người khác làm thay việc của anh Thanh.

Những năm tháng ở bên Đại tướng, ông Thìn có may mắn là hay được gặp Bác Hồ và các vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước, nhưng ông cũng đã từng được Bác dạy cho một “bài học nhớ đời”.

Bác sang thăm gia đình anh Văn mỗi năm một vài lần. Gia đình tiếp Bác thân tình như một người ông trong nhà. Mỗi lần Bác sang, bọn này rất lo vì luôn bị động, không biết Bác vào cửa nào, bởi Bác luôn chủ động đường đi của mình, lúc đi cửa chính, lúc vào cửa ngách. Vì thế một lần, tôi vừa nghe điện báo Bác đến, chỉ kịp chạy ra cổng báo bảo vệ, quay lại thì xe đã đến cổng.

Gia đình anh Văn ra đón Bác. Bác rút dép ngồi luôn xuống bậc thềm. Tôi sợ bẩn, chạy vào nhà lấy quyển họa báo đem ra đưa Bác ngồi, thế là Bác phê bình luôn: “Tôi nói với chú nhá, thứ này là để đọc, để học tập, không phải để ngồi!”. Sau lúc ấy, ông Kháng, Cục trưởng Cục Cảnh vệ nhắc nhở: “Một - không, nhớ chưa?”.

Ông Thìn bảo, tiếp các vị lãnh đạo khác, như Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng thì dễ hơn. Trong xưng hô với lãnh đạo, thì chỉ Bác Hồ, bác Tôn, ai cũng gọi

là “bác”, còn thì đều xưng hô là “anh, em”, anh Nguyễn Lương Bằng, anh Trường Chinh, anh Lê Duẩn,...

Lãnh đạo và cấp dưới rất thân mật, gần gũi. Quan hệ giữa các lãnh đạo Đảng, Nhà nước cũng rất thân tình, không chỉ trong công việc hay thăm hỏi dịp lễ Tết, mà chia sẻ cả các việc vui buồn trong nhà, đến thăm con cái khi ốm đau.

Tôi gợi chuyện: “Sự an nguy của Đại tướng trong suốt chừng ấy năm chắc hẳn là có liên quan đến sự an nguy của những người cận vụ, bác nhỉ? Có tình huống nào đặc biệt không bác?”

Ông Thìn chỉ gật đầu: “Cũng có chứ”, rồi... im lặng. Tôi hiểu, mình sẽ không biết được gì thêm.

TRỌN ĐỜI VỚI NGHĨA CẢ

Khi tôi hỏi tình cảm của ông dành cho Đại tướng, ông Thìn đã khóc.

Nước mắt ông rơi không chỉ một lần, trong buổi sáng trò chuyện với tôi.

Nước mắt ông rơi khi kể về những nỗi đau buồn trong cuộc đời Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Những nỗi đau buồn đến từ nhiều phía, cả khi chiến tranh vẫn đang ác liệt và khi nó đã kết thúc.

Như cuộc biệt ly ở Hồ Tây vì nhiệm vụ cách mạng của ông Võ Nguyên Giáp với bà Nguyễn Thị Quang Thái

- người vợ đầu cùng đứa con đầu lòng còn đỏ hỏn, rồi bà hy sinh trong ngục tù. Không được chứng kiến, vậy mà khi kể lại với tôi, ông Thìn cũng rơm rớm nước mắt.

“Sau khi Đại tướng thôi giữ chức Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Trung ương giao làm nhiệm vụ phát triển khoa học kỹ thuật. Ông chấp hành, còn làm tốt nữa. Lúc sang Ủy ban Dân số kế hoạch hóa gia đình, dư luận bàn ra tán vào chuyện đó thế nào, Đại tướng biết cả. Ông nói với chúng tôi trong sinh hoạt chi bộ: Đảng phân công, mình là đảng viên thì cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ...”.

MỘT ĐỜI NGƯỜI NHƯ THẾ...!”

Tôi hiểu, ngoài sự thành kính thiêng liêng là tình cảm chung của nhân dân cả nước dành cho Đại tướng, tình cảm của ông Thìn dành cho Đại tướng đã vượt qua tình đồng chí, trở thành tình nghĩa gia đình sâu nặng, mà ông nói, đã “như anh em, như bố con”.

Ở địa phương, nhưng hơn hai mươi năm qua, không bao giờ ông bỏ sót một bản tin, một chương trình truyền hình nào về Đại tướng. Xem rồi, ông còn theo dõi giờ phát lại để xem tiếp. Ông bảo, tình cảm gia đình Đại tướng với ông, cũng như với anh em giúp việc khác, vẫn không hề thay đổi, mỗi lần về gặp gia đình anh Văn chị Hà và các cháu là một lần đoàn tụ đầm ấm.

Ông còn bảo ngày 21-8 tại nhà Đại tướng có cuộc gặp mặt mừng Đại tướng tròn 100 tuổi. Anh em từng

phục vụ Đại tướng từ thời kháng chiến chống Pháp cũng sẽ về, người cao tuổi nhất đã hơn 80 tuổi.

- Tôi cũng muốn về lắm, nhưng không biết có về được không. Nhà cửa, đất đai đang ngổn ngang thế này...
- Ông Thìn buồn rầu.

Căn nhà kiên cố được làm từ sự dành dụm cả đời, trên mảnh đất 1.845 mét vuông tự tay ông bà và các con khai phá, giờ nằm trọn trong Dự án khu tái định cư đường Bắc Sơn. Tiền đền bù nhận rồi, đất giao cho dự án rồi, mà gia đình ông chưa được nhận phần đất tái định cư theo đúng chính sách của Nhà nước nên ngôi nhà và chủ nhân của nó vẫn còn lại lơ lửng giữa khu đất mênh mông trống vắng. Chuyện nhà cửa đất đai linh sinh liên quan đến dự án này đã lấy của ông rất nhiều sức lực, còn chút lòng tin ông vẫn chờ đợi để chính sách được thực thi thỏa đáng, hợp lý hợp tình.

Ra về, tôi chúc ông mạnh khỏe, để thỉnh thoảng có dịp lại về Hà Nội, gặp lại những người mà ông yêu kính. Mái đầu bạc phơ của ông nói với tôi câu trả lời thật mong manh. Cuộc đời còn lắm bất trắc, chỉ mong bình yên và những niềm vui đến với ông, người suốt đời luôn tự dặn lòng: “Đừng làm gì ảnh hưởng đến một người như anh Văn”, và ông đã sống như thế.

Ngày 18-8-2011

ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYÊN GIÁP: TÌNH NGHĨA LỚN VÀ CHI TIẾT NHỎ

Thiếu tướng Chu Phác

Lần nào, đi tìm hài cốt liệt sĩ ở Điện Biên Phủ, đoàn nhà ngoại cảm và chúng tôi lại có dịp vào thăm Mường - Phăng, Sở chỉ huy chiến dịch Trần Đình ⁽¹⁾ năm 1954.

Tới đây, chúng tôi lại nhớ tới những câu chuyện do tướng Vương Thừa Vũ và tướng Lê Trọng Tấn ⁽²⁾ kể lại, gần đây tướng Dũng Chi kể thêm nhiều chi tiết.

Đợt 2 chiến dịch, cuộc tấn công đồi A1 của quân ta gặp nhiều khó khăn. Một số cán bộ chỉ huy đơn vị đã dao động, giảm sút ý chí chiến đấu, thương vong cao, cán bộ không sâu sát, có cán bộ đã bị kỷ luật. Lúc đó, Đảng ủy, Bộ chỉ huy chiến dịch do đại tướng tổng chỉ huy chiến dịch Võ Nguyên Giáp chủ trì một hội nghị từ cấp trung đoàn trở lên song cũng có một vài tiểu đoàn trưởng được dự. Khi nhận được điện triệu tập về Sở chỉ huy chiến dịch họp, nhiều cán bộ cho rằng đây sẽ là “Hội nghị sấm sét!”

Đại tướng sẽ nổi lời đình. Chuẩn bị tinh thần chịu đựng để khỏi bị bất ngờ...

Về dự hội nghị kiểm điểm, cán bộ gọi là “Hội nghị sấm sét”. Nhưng thực chất không phải là sấm sét vì không có trận lời đình nào, không có cấp trên nào quát mắng ai.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp – Tư lệnh chỉ huy chiến dịch người thấp, ngoài 40 tuổi. Sương gió chiến trường đã làm ông gầy đi, hơi già đi so với trước một chút, nhưng trông đại tướng vẫn trẻ. Tư lệnh mặc bộ quần áo màu tím than, đi dép cao su xấu quai. Ngồi trước mặt tư lệnh là các đại đoàn trưởng, chính ủy đại đoàn cao, to hơn tư lệnh chiến dịch. Nhưng lúc này mọi người đều thấy Tư lệnh chiến dịch – Võ Nguyên Giáp cao to hơn hẳn, nhất là phong thái uy nghiêm đỉnh đặc của ông.

Những lúc căng thẳng ác liệt, tất cả mọi người đặt niềm tin vào Bác Hồ, vào Bộ Chính trị, Trung ương Đảng và vào Bộ chỉ huy chiến dịch mà người đứng đầu thay mặt cấp trên để truyền đạt chủ trương và quyết tâm chính là đại tướng; trách nhiệm chỉ huy thao lược cũng là đại tướng. Uy tín đức độ của Đại tướng Võ Nguyên Giáp về tài năng điều binh khiển tướng về chiến lược, chiến dịch và cả chiến thuật đã làm cho cấp dưới càng yêu mến và kính phục.

Mọi người ngồi nghiêm chỉnh, lặng yên chờ một cơn dông tố sấm sét, một cơn thịnh nộ từ Đại tướng dội xuống..., nhưng không! Đại tướng trầm tĩnh giọng

Quảng Bình nhỏ nhẹ nhắc nhở những cán bộ chủ quan, chỉ huy mà ngồi một chỗ, xa thực tế mà cứ ra mệnh lệnh dẫn đến chiến sĩ thương vong nhiều. – Nói đến đây, Đại tướng cảm động, mắt đọng nước và như nghẹn không nói được nữa.

Mọi cán bộ dự hội nghị đều xúc động thấy đau xót và thấy Đại tướng thực lòng yêu thương cấp dưới, yêu thương chiến sĩ. Mọi người ngồi lặng đi tự liên hệ với bản thân mình.

Đại tướng – Tư lệnh chiến dịch nói rất ngắn. Chúng ta phải thực hiện bằng được chỉ thị của Bác Hồ của Trung ương Đảng. Đồng thời mỗi cán bộ phải thực sự coi trọng xương máu của cấp dưới, của chiến sĩ và phải thực sự yêu thương bộ đội.

Cả hội nghị trầm hẳn xuống im lặng, suy nghĩ... Ra về mọi người nghĩ về chiến sĩ và về Đại tướng với tình cảm chân thành và mến phục.

Sau 50 năm ở quân ngũ, về nghỉ hưu, chúng tôi cùng một số nhà ngoại cảm tiếp tục đi tìm hài cốt liệt sĩ. Chúng tôi lại được gặp Đại tướng nhiều lần. Vì sau mỗi đề tài khoa học hoặc có những trường hợp đặc biệt, Đại tướng lại gọi chúng tôi đến báo cáo. Từ khi thành lập Bộ môn Cận Tâm lý, thuộc Trung tâm nghiên cứu tiềm năng con người, ngoài việc tìm mộ liệt sĩ thường xuyên, chúng tôi hoàn thành 12 đề tài khoa học, có đề tài kéo dài nhiều năm như đề tài TK06 và đề tài TK08 ⁽³⁾.

Riêng đề tài TK06, Đại tướng dành nhiều thời gian

nghe nhiều lần. Đó là việc tìm liệt sĩ trong một trận đánh từ năm 1965 ở K' NAK, huyện K' Bang, tỉnh Gia Lai. Cuộc tìm hài cốt lần này có thượng tướng Nam Khánh, nguyên Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, thiếu tướng Châu Khải Định, đại tá Hàn Thụy Vũ và nhiều cựu chiến binh tham gia do anh Phạm Văn Mẫn em ruột liệt sĩ Phạm Văn Thành khởi xướng và tổ chức, lúc đầu có các nhà ngoại cảm Nguyễn Khắc Bấy, Thẩm Thúy Hoàn, riêng Phan Bích Hằng tìm liên tục mấy năm nữa. Kết quả tìm được 267 bộ hài cốt liệt sĩ. Đảng bộ, chính quyền tỉnh Gia Lai đã tổ chức mai táng vào nghĩa trang liệt sĩ chu đáo.

Khi nghe báo cáo, nhiều lần Đại tướng cảm động lau nước mắt... và hỏi lại:

- Còn tìm kiếm nữa không? Ở những nơi đâu?

Chúng tôi đáp:

- Thưa anh, chúng tôi còn tiếp tục tìm... Ở nhiều nơi khác nữa.

Mỗi lần gặp Đại tướng báo cáo về tìm hài cốt liệt sĩ, chúng tôi cố tránh nói những sự việc gây xúc động.

Nhưng lần nào Đại tướng cũng lau nước mắt.

* * *

Những ngày sôi động giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước, cơ quan Bộ Tổng tham mưu thường xuyên túc trực tại phòng làm việc, sẵn sàng chờ mệnh lệnh, chỉ thị của thường vụ Quân ủy Trung ương hoặc của Bộ Chính trị.

Anh Nguyễn Thanh, cán bộ Cục Quân báo chạy đi chạy về như con thoi để báo cáo với lãnh đạo những tin tức mới. Mỗi lần đi qua phòng làm việc của chúng tôi, anh Thanh lại thông báo. Có ba chuyện nhỏ mà tôi nhớ mãi.

Một lần, anh Thanh giờ cao tay nói to: Quân ta đổ bộ lên đảo Trường Sa rồi.

Một lát sau, từ phòng họp Quân ủy về anh Thanh lại nói:

“Anh Văn hỏi: Đài của các nước khu vực đã đưa tin chưa? – Dạ, đây là báo cáo của bộ đội ta, còn... , thấy tôi ấp úng, anh Văn bảo: Quân ta chưa có kinh nghiệm chiến đấu trên biển, đổ bộ lên đảo nào đó, đối chiếu hải đồ, báo cáo về là đã lên đảo Trường Sa. Công bố lên thế giới, sau lại cải chính à? Ngừng một chút, anh Văn chỉ thị: Cục 2 phải theo dõi ngay các đài khu vực báo cáo lại”.

Ít phút sau, anh Thanh vội vã đi lên, qua phòng làm việc của chúng tôi nói: Máy đài khu vực, cả BBC đều đưa tin, quân đội miền Bắc đã đổ bộ, cắm cờ trên đảo Trường Sa.

Anh Thanh lại vội vã đi lên phòng làm việc của anh Văn.

Một lần khác, Nguyễn Thanh đi như chạy, vừa cười vừa nói: Dương Văn Minh đã tuyên bố đầu hàng. Bọn mình đã ghi âm được lời của Dương Văn Minh rồi.

Lên gặp anh Văn, anh Thanh quay lại nói: “Anh

Văn hỏi, hàng không mẫu hạm của Mỹ đang đi hướng nào? Tôi lúng túng chưa trả lời, anh Văn lại bảo: Liệu có tình huống hàng không mẫu hạm Mỹ quay lại, cho trực thăng bắn phá, đổ quân cứu Dương Văn Minh không? Dương Văn Minh có đầu hàng thật không hay trá hàng? Anh Văn chỉ thị: Cục 2 theo dõi ngay hướng đi của hàng không mẫu hạm Mỹ, báo cáo ngay.

Lúc này, chúng tôi nhớ lại câu chuyện bất sống tướng Đờ Cát ở Điện Biên Phủ. Anh Văn yêu cầu cầu đại đoàn 312 và cơ quan mặt trận tìm mọi cách kiểm tra xem có đúng là tướng Đờ Cát không hay là họ trá người.

Sau khi theo dõi chắc chắn quân ta đã chiếm được Dinh Độc Lập, Dương Văn Minh đầu hàng thật, cơ quan Bộ đề nghị Đại tướng Tổng tư lệnh cho đốt pháo mừng chiến thắng. Hơn một chục bánh pháo được nối vào nhau treo lên cây xoài tại sân “Nhà Rong”. Mấy sĩ quan văn phòng và chiến sĩ sẵn sàng chờ lệnh.

Anh Cao Văn Khánh, Phó Tổng tham mưu trưởng về gặp văn phòng nói không được đốt pháo trước khi Bộ Ngoại giao nổ pháo.

Khi tiếng pháo nổ ran từ phía Bộ Ngoại giao, đến Bộ Quốc phòng, chúng tôi vui mừng reo hò, các đồng chí lãnh đạo và cả Đại tướng Tổng tư lệnh cũng chạy xuống cơ quan ôm chầm lấy chúng tôi cười rơi nước mắt.

Sau này có dịp tôi hỏi nhỏ Tổng tư lệnh sao phải đốt pháo sau các nơi khác. Đại tướng mỉm cười nói nhỏ: “Vì mình là Quân đội Nhân dân thì không làm cái

việc để người ta hiểu lầm rằng mình tự nêu công mình trước”.

** Thời điểm 30/4/1975, tác giả bài báo, đồng chí Nguyễn Chu Phác là thư ký của tướng Vương Thừa Vũ, Phó Tổng tham mưu trưởng, công tác tại Phòng Bí thư – Văn phòng Bộ Tổng. Từ năm 1990 là thiếu tướng, tiến sĩ, Cục trưởng Cục Nhà trường, Bộ Tổng tham mưu.*

(1): Mật danh của chiến dịch Điện Biên Phủ.

(2): Trong 50 năm ở quân ngũ có gần 20 năm tôi sống ở đơn vị chiến đấu, khoảng 30 năm tôi làm việc ở cơ quan tham mưu thuộc Bộ Tổng tham mưu, Bộ Quốc phòng nên có điều kiện tiếp xúc với nhiều tướng lĩnh

(3): Để tài xác định danh tính liệt sĩ dưới mộ vô danh, rất khó thực hiện kéo dài hơn 2 năm.

“BÁC HỒ” VÀ “ANH CẢ” GIÁP THẦY VÀ TRÒ, NHÀ BIÊN TẬP VÀ NHÀ VĂN

Bà Lady Borton
(Nhà báo Mỹ)

Dĩ nhiên là Việt Nam thật độc đáo, trên nhiều phương diện.

Việt Nam là quốc gia duy nhất gọi người lập nước là “Bác”, và người Tướng nổi tiếng nhất thời đương đại của mình là Anh. Cách gọi “Bác” của Chủ tịch Hồ Chí Minh và “Anh Cả” của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp chứa đựng cả sự kính trọng lẫn sự thân tình đối với hai lãnh tụ thuộc về hai thế hệ liền nhau. Ngày 22/12/1949, kỷ niệm lần thứ năm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ghi nhận một cách gọi tướng Giáp, rất phổ cập, như sau: “Quân đội ta quen gọi Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp là Anh Cả. Cách gọi thân ái ấy rất đúng với tinh thần và lịch sử của quân đội ta”...

Hồ Chí Minh là người thầy nổi tiếng nhất của lịch sử Việt Nam đương đại, còn Võ Nguyên Giáp là người học trò nổi tiếng nhất của Người. Tướng Giáp cũng là một người thầy luôn nhắc nhở ta về các bài học mà ông đã học được từ người thầy của mình.



Sinh nhật Bác Hồ tại Điện Biên Phủ

Tôi có hai bài giảng yêu thích (mỗi lần về giảng dạy ở Mỹ), chính là hai mẩu chuyện về Hồ Chí Minh đã biên tập các bài viết của Võ Nguyên Giáp trên cả hai phương diện: người làm báo, và nhà sử học. Tôi thường nghĩ về hai mẩu chuyện này, và thường kể lại mỗi lần lên lớp ở Mỹ, vì chúng phản ánh những thời điểm có tính chuyển đổi đối với Võ Nguyên Giáp, một trong những tác giả nổi tiếng nhất.

Mẩu chuyện thú nhất xuất phát từ năm 1941. Sống

và làm việc trong rừng Pác Bó, Hồ Chí Minh và cộng sự đã in báo *Việt Nam độc lập* (còn gọi là *Việt Lập*) bằng phương pháp khắc axit lên đá. Giấy in báo được các phụ nữ là cơ sở cách mạng mua giúp. Vì những người phụ nữ này lúc đó còn mù chữ, mỗi buổi chợ họ chỉ mua một tờ giấy in báo, để mật thám Nhật, Pháp và Nam triều khỏi để ý.

Theo hồi ký *Từ nhân dân mà ra* của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, một lần Hồ Chí Minh đã đề nghị ông viết một bài báo về phong trào phụ nữ chỉ với 100 chữ. “Thấy tôi ngồi viết khó khăn, Bác cười rồi bảo: “Báo của các chú có gửi về nhưng mình không xem hết, mà ở đây cũng không mấy ai xem. Báo của các chú văn hay, chữ nhiều, nhưng khó đọc, và có đọc được cũng không mấy ai hiểu. Báo Việt Lập tuy đơn giản, nhưng dễ đọc, dễ hiểu”.

Võ Nguyên Giáp đã khởi nghiệp bằng nghề làm báo và dạy sử. Nhiều thập kỷ qua, ông đã xuất bản vài chục đầu sách, viết hàng trăm bài báo. Ông còn kể lại những ký ức, hay đọc từng đoạn cho các cộng sự ghi chép. Đại tướng thường yêu cầu người chấp bút viết đi viết lại có khi tới bảy, tám lần, thậm chí mười mười hai lần những đoạn ông chưa ưng ý. Kết cục, ông rà soát kỹ từng chữ trước khi đặt bút ký duyệt bản thảo. Hồ Chí Minh đã luôn theo sát nghiệp bút nghiên của Võ Nguyên Giáp.

Đại tướng có lần kể cho một thư ký của mình, Đại tá Phạm Chí Nhân, rằng trong những năm kháng chiến chống Mỹ ác liệt, ông từng được Chủ tịch Hồ Chí Minh góp ý như sau: “Chú viết mấy cuốn sách về chiến tranh

nhân dân, về quân đội nhân dân, như thế là tốt; nhưng nên suy nghĩ làm sao viết cho được một cuốn ngắn gọn hơn về chiến tranh nhân dân, nêu được những việc chính phải làm, mà thanh niên, phụ nữ, các cụ ông, cụ bà cho đến các cháu thiếu niên đều thích đọc và đọc thì đều hiểu.”

Võ Nguyên Giáp ghi nhận rằng bản sắc văn hóa sâu đậm và hai ngàn năm lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc chính là nhân tố đảm bảo thắng lợi của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Tuy nhiên, nếu chỉ có nền văn hóa phát triển và kinh nghiệm chống ngoại xâm lâu dài thì chưa đủ điều kiện để chiến thắng.

Để giành thắng lợi, sự nghiệp phải có được nhân tài lãnh đạo. Tài lãnh đạo thể hiện ở nhãn quan về tầm chiến lược và cả chiến thuật, bao gồm cả khả năng lựa chọn cán bộ; ở sự chói sáng để chiêu hiền đãi sĩ, để huấn thị, để khuyến khích những cộng sự; ở sự tận tụy, chân thành cả trong đối nhân xử thế và trong văn phong. Bác Hồ Chí Minh và người học trò gần gũi nhất của Người – Anh Cả Võ Nguyên Giáp – không chỉ hội tụ được các phẩm chất của người lãnh đạo, mà còn thông qua các lời dạy và bài viết, tác phẩm của mình, để hôm nay vẫn chuyển tải được các phẩm chất ấy cho những người đi sau, nhờ đó mà phát huy thành quả, thúc đẩy công cuộc cách mạng tiến tới thành công.

Người dịch: Lê Đỗ Huy

ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYỄN GIÁP

Trần Đăng Khoa

Nhà thơ Daghextan nổi tiếng thế giới Raxun Gamzatov thật có lý và cũng thật sâu sắc khi ông cho rằng, khi anh đi ra thế giới rộng lớn, người ta muốn biết anh là người thế nào, thì anh có thể chia chứng minh thư, chia tấm hộ chiếu ra, trong đó đã ghi mọi điều cần thiết. Còn nếu khi có ai hỏi một dân tộc, xem dân tộc đó thế nào, thì dân tộc đó cũng cần phải đưa ra “giấy tờ” của mình, là các nhà bác học, các nhà thơ, nhà văn, nhạc sĩ, họa sĩ, nhà hoạt động chính trị kiệt xuất hay các vị tướng lĩnh tài giỏi. Họ chính là giấy thông hành để dân tộc đó đi ra với thế giới rộng lớn.

Có lẽ cũng vì thế chăng, mà có lần tham gia trong đoàn Việt Nam dự Festival thanh niên thế giới, tôi rất ngạc nhiên khi phái đoàn của ta vừa xuất hiện thì cả cầu trường vang dội những tiếng hô nồng nhiệt của cả một biển người trên hành tinh: “Hồ Chí Minh - Giáp Giáp! Hồ Chí Minh - Giáp Giáp!” Hồ Chí Minh thì đã rõ rồi. Bác là vị lãnh tụ lỗi lạc, là danh nhân văn hóa thế giới.

Thế còn Giáp Giáp là gì? Tiếng Tây chẳng? Tôi lần hỏi mới hay, họ đã hô vang tên của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Đối với thế giới, cái tên quen thuộc ấy đồng nghĩa với Việt Nam, nên không cần phải phiên dịch, diễn giải. Cùng với Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Quang Trung, Nguyễn Du, Hồ Chí Minh, vị tướng huyền thoại ấy cũng đã trở thành cái giấy thông hành để dân tộc ta có thể hiện ngang đi vào cõi mệnh mông bát ngát của xứ người.



Trần Đăng Khoa & Bác Văn

Bây giờ thì vị tướng huyền thoại ấy đang ngồi trước mặt tôi. Một ông già hiền lành, đôn hậu. Nước da đỏ au, mái tóc bạc trắng như mây. Trông ông có dáng dấp của một ông Tiên trong những câu chuyện cổ tích dành cho con trẻ.

- Nhân dịp năm mới, tôi xin chúc Đại tướng khỏe mạnh, hạnh phúc. Cầu mong Đại tướng luôn gặp những chuyện tốt lành.

- Mình cảm ơn thiện tâm của các cậu!

Còn nhớ cách đây mấy năm, tôi cùng nhà văn Lê Lựu và nhóm phóng viên Tạp chí *Văn nghệ quân đội* đến gặp Đại tướng, và viết bài *Hỏi chuyện anh Văn nhân kỷ niệm 40 năm ngày giải phóng Điện Biên Phủ, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp*. Bài viết in trên *Tạp chí Văn nghệ quân đội* đầu tháng 5 năm 1994. Trung tuần tháng đó, tôi có dịp sang thăm Mỹ theo lời mời của của các nhà văn cựu chiến binh Mỹ. Nhà thơ nổi tiếng Mỹ Bruce Weigl cười tủm tỉm: “Tôi có xem bài viết của ông với ông Lựu trong thư viện của Trường đại học Harvard, cũng xem cả bức ảnh ông và ông Lựu chụp chung với tướng Giáp. Trong ảnh, tôi thấy tướng Giáp là người trẻ trung nhất, sau đó mới đến ông Lựu, còn người già nua nhất thì lại là... ông”.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp cười hiền hậu:

- Họ đùa đấy! Dân nước ngoài họ rất hay đùa. Sự thật thì mình đâu còn trẻ mà cậu thì cũng đâu đã già!

- Vâng, tôi cũng biết là họ đùa, nhưng trong câu nói đùa ấy cũng hàm chứa ít nhiều sự thật, là cụ rất được yêu mến. Dân mình, lính mình yêu cụ đã đành, nhưng ngay cả những kẻ thù từng bị cụ đánh bại cũng rất kính phục cụ. Được kẻ thù của mình kính phục và trọng nể, kẻ cũng không phải dễ.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp dường như không để ý đến câu nói ấy. Ông chỉ tủm tỉm cười. Nụ cười thật hiền hậu. So với lần gặp trước cách đây chừng chục năm, tôi

thấy Đại tướng chẳng có gì thay đổi, mặc dù ông cũng đã qua cái tuổi cổ lai hy. Đường như Đại tướng Võ Nguyên Giáp sinh ra để chống lại tạo hóa. Sự già nua không đánh được vào ông. Một ánh mắt tinh nhạy, trẻ trung, một trí tuệ rất minh mẫn. Nhân ngày đầu xuân, tôi hỏi ông có bí quyết gì mà có được sức lực dẻo dai như thế? Ông cười hiền lành:

- Mình chẳng có bí quyết gì đâu. Chỉ chịu khó tập thể dục, sống thanh thản và không vẩn vơ nghĩ về cá nhân.

Theo cô con gái rượu của ông, giáo sư - tiến sĩ Vật lý Võ Hồng Anh, thì hàng ngày, Đại tướng sống rất điều độ. Buổi sáng ông dậy sớm tập thể dục, rồi đi bách bộ quanh khu vườn. Bày rưới ăn điểm tâm. Mỗi bữa thường chỉ có một bát xúp nhỏ, một lát bánh mì. Buổi trưa ông ăn rất ít. Tối cũng vậy, chỉ thêm bát xúp ngô với một ít rau tươi. Còn cơm, ông ăn không đầy một bát. Nhưng ngày nào ông cũng làm việc. Công việc vẫn bề bộn. Bắt đầu từ tám giờ sáng. Ông tiếp khách trong nước, quốc tế, hoặc dự hội thảo, thăm nơi này, nơi kia theo kế hoạch mà đồng chí thư ký đã chuẩn bị từ trước. Rồi thì ông đọc sách. Ông đọc khá nhiều. Đủ các loại sách. Sách quân sự. Sách khoa học. Sách danh nhân. Rồi tiểu thuyết. Rồi thơ. Rồi lý luận phê bình. Đại tướng tặng tôi mấy cuốn sách, và cả những bài báo rất hay viết về khoa học, kinh tế mà ông thấy tâm đắc, ông photô tặng tôi. Tôi thực sự ngạc nhiên vì thấy ông đọc rất nhiều. Tôi hiểu vì sao ông có được sự minh mẫn đến thế. Trí tuệ loài người nằm hết

trong sách. Không phải ngẫu nhiên, khi cô con gái rượu của Các Mác hỏi bố: Công việc gì mà ba yêu thích nhất? Mác đã trả lời: Lọc loại ở trong sách.

- Vừa rồi tôi có đọc cuốn hồi ký của anh Trà. Anh ấy có viết về tôi. Trong đó có một câu làm tôi rất xúc động: Đại tướng Võ Nguyên Giáp là người tiếc đến từng giọt máu của lính. Anh ấy là người rất hiểu tôi...

Nói rồi, Đại tướng Võ Nguyên Giáp ngồi lặng. Gương mặt thâm thắm một nỗi gì hiu hắt. Trông ông như một đỉnh núi vừa tắt nắng. Hình như ông đang nhớ lại một thời oanh liệt đã qua. Trong trận Điện Biên Phủ, ông là Đại tướng Tổng Tư lệnh, nhưng nắm chắc đến từng đại đội một. Nghĩa là ngay một anh đại đội trưởng dưới cơ sở cũng có thể báo cáo thẳng cho Tổng Tư lệnh về đơn vị của mình, kể cả những con số hy sinh và thương vong. Đại tướng Võ Nguyên Giáp là người rất thận trọng. Vào trận, bao giờ ông cũng nắm rất chắc địa hình, tính toán thật chi li, cụ thể. Bộ đội hành quân, tập kết trận địa, nếu trong đội hình tiểu đoàn, hoặc đội hình trung đoàn, có trang bị từng loại vũ khí cụ thể thì đi hết bao lâu. Trận đánh diễn ra bao nhiêu phút, rồi sau đó anh em rút ra như thế nào cho thật an toàn trước khi máy bay địch ập đến. Chỉ khi nào Đại tướng tính toán kỹ lưỡng, tìm được cách rút lui sau trận đánh để bảo toàn tính mạng cho từng người lính rồi, ông mới ra lệnh tấn công. Có trận thắng vang dội, nhưng mất nhiều lính quá, người ta vỗ tay rầm trời, còn Đại tướng thì lặng lẽ khóc ở sở chỉ huy. Nhiều khi úp mặt xuống phen tre mà khóc. Nước mắt đầm đìa cả cái gối mây. Nhưng điều ấy thì không phải ai

cũng biết được. Tôi chợt nhớ đến hồi Mậu Thân, nhớ đến câu thơ Hữu Thỉnh:

Có trận đánh trở về

Nhìn đồng súng thừa như nhìn thừa đũa bát

Thừa đến nỗi những người sống sót

Cũng không nỡ nhận mình là may

Hồi Mậu Thân toan tính biết bao điều...

Có lẽ cũng vì thế mà Thiếu tướng Nguyễn Chuông, Tư lệnh Quân đoàn 29, một trong những người lính quả cảm của tướng Giáp, khi về hưu, được quân đội chia cho ít đất để làm nhà, ông đã dành một khoảng đất để xây một cái miếu ngay ở trước cửa nhà để ông thờ lính. Các em đã lặn lội theo anh vào sinh ra tử bao nhiêu năm nay, không may phải nằm lại dọc đường, bố mẹ già khuất núi rồi, vợ con lại chưa kịp có thì biết lấy ai hương khói trong những ngày tết nhất hay ngày rằm, mồng một. Anh may mà thoát chết, vừa được quân đội cho tý đất đây, anh lập cái am này để các em về đây quây quần với anh. Rồi ông dặn dò con cháu, nếu không may ông có phải ra đi thì những ngày Tết hay ngày rằm, mồng một, hoặc ngày 27-7, chúng nhớ thay ông thắp hương cho những người lính của ông đã, rồi sau đó mới thắp cho ông.

Có lẽ cũng vì thế chẳng mà khi tôi có nhã ý muốn được đọc một cuốn hồi ký của Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết về chính mình thì ông đã từ chối. Thực tình thì ông cũng đã viết hoặc kể cho người khác viết. Nhưng đó là những trang hồi ký viết về Bác, về Đảng, về cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân. Đó là một giai đoạn lịch

sử hào hùng của dân tộc, là chuyện của lãnh tụ, của đồng bào chiến sĩ, là toàn bộ cuộc chiến tranh cách mạng được nhìn qua con mắt của một vị tướng. Còn thực sự vị danh tướng ấy thế nào, số phận ra sao, thì cho đến nay, vẫn chẳng có mấy ai biết.

- Đời mình có gì đâu mà viết. So với Bác, với đồng bào, chiến sĩ, mình chỉ là một giọt nước rất nhỏ giữa đại dương mênh mông...

Đại tướng Võ Nguyên Giáp nói vậy. Ông vốn là một người rất khiêm nhường. Ông mong gì ư? Nếu có sức lực và có điều kiện, ông muốn được trở lại những vùng chiến trường xưa, thăm lại những người dân nghèo đã từng san sẻ với ông nửa củ sắn lùi, đắp chung với ông một cái chăn rách. Tôi chợt nhớ đến một ông già bản mà tôi gặp trên đường vào Mường Phăng. Ông già hồ hởi:

- Chuyện Đại tướng chứ gì? Đại tướng thì tôi biết. Tôi cũng đã mấy lần gặp Đại tướng rồi. Vùng này là quê của Đại tướng đấy. Năm nọ Đại tướng có về quê. Đại tướng nói chuyện với đồng bào bằng tiếng dân tộc. Đại tướng là già làng của chúng tôi đấy. Nhà Đại tướng ở chỗ kia kia...

Nói rồi, ông già chỉ lên núi Mường Phăng. Một dải rừng xanh um giữa mênh mông đồi trọc. Ở Điện Biên và cả mấy vùng lân cận, rừng cơ bản đã bị phá xong. Nửa đêm, tôi còn thấy những dải lửa cháy rừng rực vắt giữa lưng chừng trời. Đồng bào đốt nương đấy. Chẳng còn cách nào ngăn được. Rừng núi nhiều nơi đã trơ trụi,

nhưng Mường Phăng thì vẫn um tùm rậm rạp như rừng nguyên sinh. Tôi đã đi dưới những tầng cây ấy, nghe chim rừng hót ríu ran. Một làn suối âm thanh trong trẻo và mát rượi rót xuống từ lưng chừng trời. Không một danh cây nào bị chặt phá hay bị bẻ gãy. Ở đây, người dân còn đói cơm, thiếu mặc, nhưng họ vẫn nâng niu gìn giữ khu rừng. Họ tự đặt tên cho khu rừng là *Rừng Đại tướng*. Đây là ngôi đền thiêng, ngôi đền xanh thiên nhiên mà người dân đã tự lập để thờ ông. Đối với vị tướng trận, đó là hạnh phúc lớn. Một hạnh phúc mà không phải ai cũng có được.

NGÀY XUÂN, NGHĨ VỀ BÁC

Thi thoảng, trong đời sống công chức, chúng ta vẫn thường làm một việc không lấy gì làm mới mẻ: Kê khai tài sản. Nhìn bản kê khai, ta lại tủi lòng: Sao mãi mình vẫn chưa giàu được nhỉ? Và rồi, ta lại được an ủi. Hóa ra ta vẫn chưa phải là người nghèo nhất. Ngay cả một người nông dân chân lấm, tay bùn, ở dưới đáy xã hội, nhưng vẫn có mảnh vườn, cái ao, hay chí ít cũng có con lợn, con gà. Nghĩa là vẫn có tài sản. Chỉ duy nhất một người dường như không có gì cả, một người nghèo nhất nước. Người đó là Bác Hồ, Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Lục lợi trong tiểu sử Bác, đến cả nhà riêng của Người, ta thấy Người có gì? Một tấm áo ka ki, đôi dép cao su, chiếc quạt bằng lá cọ... Vật chất là thế đấy. Còn tinh thần ư? Bác cũng là người duy nhất không có bất kỳ các

loại Huân, Huy chương gì, đến cả sơ đẳng nhất là Bằng khen, Giấy khen, Người cũng không có. Bác còn là người nghèo nhất cả trong cỏi riêng tư. Đồng chí Vũ Kỳ, Thư ký riêng của Bác kể lại, có những đêm, khuya rồi, Bác đã tắt đèn, nhưng trong phòng vẫn có tiếng đài. Đồng chí Vũ Kỳ tưởng Bác đã ngủ, rón rén đến tắt. Bác ngăn lại: “Đừng... Cứ để thế cho căn phòng Bác nó ấm, vì có tiếng người, tiếng phụ nữ”...

Ồi! Đài Tiếng nói Việt Nam! Vinh quang biết bao! Hạnh phúc biết bao khi Đài đã trở thành người bạn đường, người sẻ chia, an ủi Bác, trong những khoảnh khắc Người cô đơn nhất!

Nghĩ đến Bác, ngay cả một người bất hạnh đến cùng cực, cũng thấy được an ủi, sẻ chia. Hóa ra mình cũng vẫn chưa phải là người bất hạnh nhất.

Một người nghèo nhất nước như Bác, nhưng lại để cho chúng ta một di sản đồ sộ. Đó là một đất nước độc lập, toàn vẹn, một sự nghiệp cách mạng chói ngời, một tấm gương trong sáng và lối sống cao đẹp đến tinh khiết.

Ta hiểu vì sao Bác luôn quan tâm đến những người nghèo, người lao động. Bác luôn hướng đến người lao động. Bác đặt tên Đảng là Đảng Lao động Việt Nam. Nghĩa là Đảng của tất cả mọi người, vì ai mà chẳng là người lao động. Bác còn dành lương mua quà cho người nghèo. Vào những dịp Tết đến, xuân về, Bác thường chọn những gia đình nghèo nhất để đến thăm và chúc Tết. Chuyến thăm rất bí mật, không báo trước để địa

phương nghênh đón, rồi tuyên truyền, đưa tin. Thường chỉ có Bác và đồng chí Vũ Kỳ. Một chị lao công ở trong khu hẻm nhỏ, đêm 30 Tết còn đi gánh nước thuê. Bàn thờ trống hoang, không có cả nải chuối, tấm bánh. Tết đến với mọi nhà, nhưng Tết lại quên căn nhà chị. Bởi thế, chị bàng hoàng đến sững sốt, buông rơi cả hai thùng nước, khi thấy Bác đột ngột xuất hiện trong căn nhà tồi tàn của mình: “Trời ơi, Bác... Gia đình cháu khổ lắm... Cháu không ngờ Bác lại đến với cháu”... “Thế Bác không đến với cháu thì Bác còn đến với ai?...”. Chị bật khóc. Và Bác cũng khóc. Đó là một trong những cái Tết cuối cùng của Bác trong ký ức của đồng chí Vũ Kỳ.

Dân còn nghèo như thế, nên Bác sống rất đạm bạc tận tiện. Bữa ăn của Người là bữa ăn của một nông dân nghèo. Tiếp khách quốc tế, Bác vẫn mang trang phục của một người nông dân nghèo. Bộ quần áo nâu và đôi dép cao su. Một đồng chí cán bộ tỉnh ái Ngại: “Thưa Bác, Bác thay mặt cho Đảng, cho Dân, Bác vất vả thế này, có khi bạn bè quốc tế lại trách Đảng trách Dân không chu toàn với Bác...”. Bác cười điềm đạm “Bác sống thế này mà ở dưới, có chú còn những nhiều làm khổ dân. Bác mà sống xa hoa thì ở dưới các chú đục khoét hết của dân à?”

Cuộc đời của Bác, nếp sống của Bác là một bài học lớn cho các cán bộ cấp dưới. Ta hiểu vì sao trong những năm chiến tranh, đất nước loạn lạc, mà xã hội lại rất thanh bình, lòng dân không ly tán. Ra đường không lo trấn lột. Về nhà không sợ trộm cắp. Cũng không có tham nhũng, đĩ điếm. Một đời sống lành mạnh giữa một bầu khí quyển trong veo.

Một người suốt đời sống vì dân, lo cho dân, ngay trong những giây phút cuối cùng già từ cõi đời, phần nói về mình, VỀ VIỆC RIÊNG, Người cũng chỉ dành cho mình đúng 79 chữ. 79 chữ tổng kết cả một đời người 79 năm, trong một ít chữ phong phanh ấy, Người cũng lại chỉ canh cánh lo cho dân, không muốn tổ chức tang lễ điều phúng linh đình để đỡ tốn thời giờ và tiền bạc của dân.

Chúng ta đang học tập tấm gương Đạo đức và Tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhưng thế nào là Tư tưởng Hồ Chí Minh? Tôi cũng đã theo học và nghiên cứu. Có rất nhiều định nghĩa. Nhưng cũng không ít những quan niệm áp đặt và chủ quan. Nói về Tư tưởng Hồ Chí Minh, có lẽ không có ai nói hay hơn và chuẩn xác hơn cựu Tổng Bí thư Đỗ Mười. Mà ông cụ lại nói vo ở Hội Nhà văn, nói suốt 4 giờ liền về nhiều vấn đề mà giới văn chương rất tâm đắc. Khi bàn về Tư tưởng Hồ Chí Minh, cụ Đỗ Mười đưa ra một định nghĩa rất ngắn mà vô cùng chuẩn xác: “Tư tưởng Hồ Chí Minh là gì? Là Việt Nam hóa tất cả những tư tưởng tiên tiến nhất, đặc sắc nhất của nhân loại và biến chúng thành hiện thực ở Việt Nam!”

Quả đúng như vậy. Ta có thể tìm thấy trong những câu nói bất hủ của Người, những kinh nghiệm được đúc kết của rất nhiều thời đại. Và một trong những bài học sâu sắc Người để lại cho chúng ta là sự chiêm cảm tinh vi đến chuẩn xác và nghệ thuật dùng người. Đây chính là một bí mật của Bác mà chúng ta cần nghiên cứu, khám phá. Bác có tầm nhìn rất xa và rất chuẩn xác. Năm 1941, Bác có bức tranh, vẽ cây kèn, con số 1945 cùng câu thơ

“Việt Nam Độc lập thổi kèn loa”. Sau quả đúng như vậy. Và như thế, Bác đã “nhìn” thấy ngày Độc lập từ năm 1941. Sau này Người cũng đoán chuẩn xác năm giải phóng Sài Gòn. Tối 30 tháng Tư năm 1960, trong diễn văn chào mừng Quốc tế Lao động tại Nhà hát lớn Hà Nội, có một dòng rất đặc biệt, lúc đó Người đã giấu đi bằng một nét gạch xóa, nhưng vẫn còn được lưu giữ trong Bảo tàng Hồ Chí Minh “...Cùng lắm cũng chỉ 15 năm nữa, nước nhà sẽ thống nhất, đồng bào Nam, Bắc sẽ sum họp một nhà”... “15 năm nữa...” tính từ thời điểm năm 1960 thì đúng là năm 1975. Rất chuẩn xác. Bởi thế, có người coi Bác như một vị Thánh. Tài nhất là nghệ thuật dùng người. Đây chính là mấu chốt quyết định sự thắng lợi của Cách mạng. Năm 1946, khi phải rời Tổ quốc, Người lại trao toàn quyền điều hành đất nước cho cụ Huỳnh Thúc Kháng và chỉ dặn một câu: “Ứng vạn biến, dĩ bất biến”. Với một nhà Nho uyên thâm như cụ Huỳnh, chỉ nói thế là đủ. Điều đáng ngạc nhiên, sao lúc ấy, tình thế rất phức tạp, thù trong, giặc ngoài, trong Chính phủ có bao nhiêu đảng viên cốt cán, Bác không trao, mà lại trao quyền điều hành đất nước cho một nhân sĩ không phải đảng viên là cụ Huỳnh Thúc Kháng? Đưa một người không phải đảng viên lên chức vụ lớn, lại trao cho cả vận mệnh đất nước là một quyết định táo bạo. Nhưng bằng lối ứng xử rất đẹp ấy, Bác đã quy tụ được tất cả những tinh hoa của dân tộc đến với cuộc kháng chiến cứu nước và kiến quốc. Bởi thế, rất nhiều nhân sĩ, trí thức, ở nhiều đảng phái khác nhau đều tìm đến với Người, có không ít người từ bỏ đời sống nhung lụa, trở về Tổ quốc, cùng đồng cam cộng

khổ với Người. Những năm tháng cam go ấy, không có nhiều ban bệ, tư vấn, mà sao Bác dùng người chuẩn thế. Những cán bộ được Bác chọn, trao việc đều trở thành những nhân vật xuất sắc của lịch sử đất nước. Đặc biệt là Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Nhiều lúc tôi cứ vân vi tự hỏi, bằng phép nhiệm mầu nào mà Bác đã nhìn thấy khả năng thiên tài quân sự trong Võ Nguyên Giáp, một người chưa từng qua bất kỳ một khóa học quân sự nào? Lúc ấy, ông Giáp chỉ đơn thuần là một ông giáo dạy sử ở trường tư thực Thăng Long. Một con người hoàn toàn xa lạ với quân binh, trận mạc, vậy mà Bác lại trao cho việc phụ trách quân sự, rồi phong thăng lên Đại tướng và ủy nhiệm cho toàn quyền quyết định việc quân: “Chú là Tướng biên ải, Tướng ngoài mặt trận, có gì cần thiết, chú cứ quyết rồi báo cáo Bác sau!”. Sau này, ta mới biết việc chọn Tướng Giáp của Bác tài tình đến như thế nào. Võ Nguyên Giáp quả là một thiên tài quân sự. Tên tuổi ông có thể đặt bên cạnh những tên tuổi lừng danh nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc: những Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt, Quang Trung... Vậy bằng cách nào Bác phát hiện được khả năng tiềm ẩn một Thiên tài quân sự trong dáng vẻ bạch diện thư sinh của một ông giáo dạy sử ở một trường phổ thông? Đó chính là một bí mật. Nhà báo nổi tiếng Mỹ Ladi Boston kể lại rằng, có lần, mấy nhà báo Pháp cũng rất ngỡ ngàng hỏi Chủ tịch Hồ Chí Minh một câu hỏi khá hóc búa: “Thưa ngài Chủ tịch, ngài phong ông Giáp lên thẳng chức Đại tướng, là phong theo tiêu chí nào?”. Bác bảo: “Nước tôi là nước du kích. Chúng tôi đánh giặc theo lối du kích, thì phong hàm cũng

là phong theo kiểu du kích. Ông Giáp của chúng tôi đã đánh thắng tất cả các ông tướng tài giỏi của nước Pháp, vậy thì ông ấy phải là Đại tướng thôi”. Nói rồi, Bác cười rất sảng khoái. Mấy nhà báo quốc tế cũng cười. Câu hỏi móc mõi nhuộm màu bùa chú đã bị hóa giải.

Bác của chúng ta là thế đấy! Người rất tài biến những chuyện to tát, nghiêm trọng thành những điều hết sức giản dị, mộc mạc. Chỉ những người từng trải, uyên thâm và lịch lãm lắm mới có thể làm được như thế...

MỪNG ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYÊN GIÁP ĐẠI THỌ TRÒN 100 TUỔI

Đại tá Nguyễn Huyền

Trợ lý của Đại tướng Võ Nguyên Giáp

Mùa thu, tháng Tám năm 2011 đã đến, năm nay anh Văn - Đại tướng nguyên Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã tròn 100 tuổi (Anh sinh ngày 25/8/1911). Tính tuổi theo phong tục dân tộc, năm nay Tân Mão, anh đã tròn 101 xuân.

Nhìn lại lịch sử nước ta và lịch sử thế giới, từ xưa đến nay, anh là một vị tướng kiệt xuất sống lâu nhất, thọ nhất. Thật là tự hào cho đất nước và hạnh phúc cho anh cùng gia đình.

Hơn một năm nay, tuổi ngày càng cao, sức khỏe ngày càng giảm, anh phải nằm điều dưỡng ở bệnh viện Trung ương Quân đội 108. Nhiều đồng bào, đồng chí

* Bài phát biểu tại cuộc họp mặt thân mật mừng thọ Đại tướng tại 30 Hoàng Diệu ngày 21 tháng 8 năm 2011

trong nước, ngoài nước đã hướng về Hà Nội theo dõi sức khỏe anh, mong anh sống lâu, sống thọ trên 100 tuổi.

Lòng mong ước ấy nay đã trở thành hiện thực. Chúng ta cảm ơn bệnh viện Trung ương Quân đội 108 đã thực hiện xuất sắc nhiệm vụ chăm sóc anh.

Trong không khí tưng bừng kỷ niệm 66 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9, với tất cả tấm lòng yêu thương, quý trọng anh Văn - Đại tướng nguyên Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp, chúng ta vui mừng kính gửi đến anh lời mừng thọ, lời chúc mừng thấm thiết nhất. Chúc anh với sự chăm sóc tận tình của bệnh viện, sức khỏe tiếp tục ổn định, tinh tảo, trường thọ để chứng kiến sự phát triển tiến lên của đất nước trong công cuộc đổi mới vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh và bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Sự nuôi dạy của gia đình, quê hương, truyền thống và văn hóa của dân tộc, lý tưởng và cuộc đấu tranh cách mạng của Đảng - Bác Hồ, của toàn dân toàn quân ta đã hun đúc nên một nhân vật lịch sử tiêu biểu, một vị tướng kiệt xuất, người con anh hùng của dân tộc, người anh cả của Quân đội Nhân dân Việt Nam - Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp.

Nhìn lại cuộc đời anh, từ đầu thế kỷ XX sang đầu thế kỷ XXI đến nay, một thế kỷ qua, anh đã sống, học tập, hoạt động, chiến đấu hết sức phong phú và sáng tạo, hết sức sôi nổi và hào hùng, trọn đời vì nước vì dân.

Thời tuổi trẻ, anh học giỏi thông minh, thường đứng đầu lớp, đứng đầu kỳ thi lúc học trường tổng, trường huyện, giỏi tiếng Việt, tiếng Pháp, tự học vươn lên đậu tú tài, vừa đi dạy, vừa hoạt động, vừa đi học đã đỗ thủ khoa môn Kinh tế - Chính trị học trong kỳ thi học sinh giỏi toàn Đông Dương, sau đó đỗ đầu kỳ thi tốt nghiệp cử nhân Luật. Anh sớm nhận biết nỗi nhục mất nước, ghét Tây, nên ngay từ đầu đã chọn đúng hướng đi cho cuộc đời: từ chối học bổng của chính quyền thực dân cấp cho sang Pháp học để về làm việc cho họ, mà dấn thân vào phong trào yêu nước, tham gia Đảng Cộng sản để đấu tranh chống áp bức bóc lột của thực dân, phong kiến, cứu nước, cứu dân. Đang hoạt động ở trong nước, khi cách mạng cần, anh đã sẵn sàng rời bục giảng, xếp bút nghiên, từ giã vợ con yêu dấu để lên đường đi hoạt động theo sự phân công của Đảng.

Là một trí thức tham gia cách mạng, anh đã may mắn sớm gặp được Bác Hồ, được Bác giao nhiệm vụ, rèn luyện thử thách trong thời kỳ đầu cách mạng. Với nhãn quan sắc sảo, Bác Hồ đã sớm phát hiện ra phẩm chất và tài năng của anh. Một thầy giáo, người làm việc văn mà tiềm ẩn bên trong một tài năng về võ. Bác và Đảng đã tin tưởng giao cho anh phụ trách quân sự, có nhiệm vụ thành lập ra đội quân chủ lực đầu tiên, xây dựng đội quân ấy nhanh chóng phát triển thành Việt Nam Giải phóng quân - Quân đội quốc gia về sau gọi là Quân đội Nhân dân Việt Nam và ủy quyền làm Tổng Chỉ huy về sau là Tổng Tư lệnh trực tiếp chỉ huy quân đội ấy đánh giặc cứu

nước. Mặc dầu giao cho anh việc Võ, nhưng Bác vẫn gọi anh là Văn. Phải chăng, Bác Hồ muốn căn dặn làm việc Võ nhưng phải trên nền Văn. Đúng như câu đối của một cựu chiến binh phường Thành Công - Hà Nội khái quát về anh thật biền ngẫu, sâu sắc: “*Văn lo vận nước văn thành Võ. Võ thấu lòng dân võ hóa Văn*”. Qua sự kiện này, chúng ta càng thấy Bác Hồ thật sáng suốt, Bác đã chọn đúng người, giao đúng việc. Có thể nói, đây là một hạnh phúc cho dân tộc ta, quân đội ta. Anh đã thực hiện xuất sắc nhiệm vụ Bác giao. Là người thấm nhuần sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh và là người học trò xuất sắc, gần gũi nhất của Bác Hồ anh thuộc thể hệ những người lãnh đạo cùng với Bác Hồ chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam.

Anh là một vị tướng không qua trường lớp quân sự nào và ngay từ đầu không phải đã có sẵn quân đội mà qua hoạt động chính trị, đi vận động quần chúng, phát triển lực lượng chính trị rồi tiến lên xây dựng lực lượng vũ trang, thành lập và xây dựng đội quân cách mạng từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, càng đánh càng mạnh, càng thắng, trở thành Quân đội Nhân dân Việt Nam anh hùng. Qua tôi luyện trong thực tế chiến đấu và nghiên cứu học tập kinh nghiệm đánh giặc của dân tộc ta và của thế giới, anh đã trở thành một vị tướng kiệt xuất, đã từng đánh bại nhiều đại tướng sừng sỏ của các đội quân xâm lược.

Anh là một vị tướng bậc thầy của chiến tranh nhân dân. Đánh giặc luôn dựa chắc vào nhân dân, vào sức

mạnh đoàn kết quân dân, vào sức mạnh của ba thứ quân, lấy quân chủ lực làm nòng cốt. Đánh giặc với tinh thần tiến công quyết chiến, quyết thắng, kết hợp với trí thông minh sáng tạo, dũng cảm và mưu trí. Đánh giặc bằng mọi cách: kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy, với tư tưởng chỉ đạo: “Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt”. Tư tưởng chiến lược là tấn công nhưng cách đánh thì có tấn công và có phòng ngự khi cần thiết. Đánh giặc bằng mọi thứ vũ khí có trong tay, kết hợp thô sơ và hiện đại; lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít địch nhiều; luôn coi trọng bí mật bất ngờ nghi binh lừa địch; coi trọng làm đường quân sự để bảo đảm hậu cần và bảo đảm cơ động lực lượng. Anh luôn xuất phát từ thực tiễn, phân tích so sánh lực lượng một cách biện chứng, làm rõ chỗ mạnh, chỗ yếu, thuận lợi, khó khăn của địch, của ta để tìm ra cách đánh phù hợp, hiệu quả cao, thương vong ít, quyết đoán, táo bạo nhưng chắc thắng, không chủ quan duy ý chí. Anh luôn coi trọng tổng kết thực tiễn rút kinh nghiệm để quân đội càng đánh càng trưởng thành, coi trọng công tác nghiên cứu khoa học để xây dựng nền khoa học quân sự Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

Trong 34 năm cầm quân, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, anh đã góp phần lãnh đạo Tổng khởi nghĩa thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám; với tư cách là Tổng Tư lệnh, Bí thư Tổng Quân ủy sau này là Quân ủy Trung ương, anh đã trực tiếp chỉ huy quân đội ta cùng với toàn dân chiến đấu lập nhiều chiến công oanh liệt, nhiều thành tích vẻ vang trong cuộc kháng chiến 30

năm đánh thắng hai đế quốc to, góp phần to lớn vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc.

Khi đất nước bước vào thời kỳ xây dựng, anh được phân công phụ trách hai lĩnh vực khoa học và giáo dục, trong đó có một thời gian tập trung nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh. Hơn 20 năm phụ trách các công tác ấy, anh đã góp phần xây dựng nền khoa học và nền giáo dục nước nhà đạt một số thành tựu phục vụ cho sự nghiệp xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc; góp phần quán triệt sâu sắc hơn tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn cách mạng mới, đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và nhân dân ta.

Suốt thời gian về nghỉ, tuy tuổi cao, nhưng anh luôn quan tâm theo dõi tình hình đất nước và quốc tế, tích cực đóng góp ý kiến với lãnh đạo những vấn đề mà anh cho là quan trọng. Anh đã có nhiều đóng góp vào công cuộc đổi mới: như cổ vũ tinh thần thực tiễn, năng động, sáng tạo, chống giáo điều bảo thủ, tham gia ý kiến về chiến lược phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục; chiến lược phát triển kinh tế và khoa học biển; chiến lược bảo vệ Tổ quốc; về công tác xây dựng chính đồn Đảng; về chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, chống quan liêu, tham nhũng, tiêu cực...

Anh là một vị tướng hầu như được toàn quân tuyệt đối tin tưởng, kính trọng, yêu mến. Tướng lĩnh của quân đội ta đã từng ca ngợi anh là “vị tướng văn võ song toàn”,

“nhà chiến lược thiên tài, nhà quân sự lỗi lạc”, “vị tướng huyền thoại”, “vị tướng kiệt xuất”, “là tướng của các vị tướng, tư lệnh của các tư lệnh, chính ủy của các chính ủy”, “là vị Tổng Tư lệnh không phạm sai lầm trong chiến lược, chiến thuật”. Có vị tướng cho rằng: Đại tướng Võ Nguyên Giáp thực chất là Đại nguyên soái thời đại Hồ Chí Minh. Đúng, anh là người Anh Cả của quân đội ta.

Anh là một vị tướng được đồng bào đồng chí trong cả nước quý trọng, tin tưởng, biết ơn. Trong nhiều năm qua, khi anh đã về nghỉ, cứ đến ngày lễ, ngày Tết, sinh nhật, đồng bào đồng chí, đồng chí đã đến thăm, chúc mừng anh. Nhiều đồng chí cho rằng đây là một hiện tượng hiếm có. Một đồng chí lãnh đạo mà khi về nghỉ, người đến thăm hỏi đông hơn, nhiều hơn khi còn làm việc và thể hiện tình cảm thăm thiết, sâu nặng. Đúng anh là một vị tướng của nhân dân.

Anh cũng là một vị tướng được đồng bào bạn bè quốc tế kính phục. Nhiều nguyên thủ quốc gia, nhiều đoàn quốc tế đến Việt Nam đã đến tận nhà thăm anh. Nhiều chính khách, nhiều nhà khoa học, sử học, nhà quân sự nhiều nước, kể cả các tướng lĩnh là đối phương trước đây đều khâm phục anh, có nhiều tác phẩm viết về anh. Họ coi anh “là vị tướng huyền thoại”, “một vị tướng vĩ đại”, “một thiên tài quân sự lớn nhất của thế kỷ XX”, “một trong những thống soái lớn nhất của mọi thời đại”. Anh đúng là một vị tướng kiệt xuất của nhân loại.

Anh là vị tướng có uy tín lớn trong nước và trên

thế giới, không chỉ vì tài năng và sự nghiệp anh đã cống hiến mà còn vì phẩm chất đạo đức trong sáng. Anh đã hết lòng yêu nước, thương dân, “dĩ công vi thượng”, toàn tâm, toàn ý phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc. Anh sống khiêm nhường, bao dung, độ lượng, lắng nghe ý kiến, dân chủ bàn bạc, chan hòa, gần gũi, thương yêu cán bộ chiến sĩ, tôn trọng nhân dân, quan tâm đến gia đình, bạn bè, đồng chí. Anh sống trọng nhân nghĩa, trung thực, liêm khiết, gương mẫu. Đúng anh là một vị nhân tướng.

Tình cảm yêu thương, quý trọng của đồng bào, đồng chí, chiến sĩ cả nước và bạn bè quốc tế đối với anh thật là bao la, thể hiện nghĩa tình thật là sâu đậm. Tình cảm ấy đã đi vào các lĩnh vực văn học, nghệ thuật. Biết bao tác phẩm về thơ, câu đối, nhạc, kịch, phim, ảnh, tượng, tranh, sách, báo trong nước và ngoài nước nói về anh. Biết bao vật phẩm quý báu được mang đến tặng anh. Tất cả đều thể hiện một tình cảm chân thành và nồng hậu.

Anh đã thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ: “Ở đời và làm người là phải yêu nước, thương dân”. Suốt cuộc đời, anh đã cống hiến cho dân, cho nước, nên anh được toàn dân thương yêu, quý trọng. Đó là phần thưởng cao quý nhất, là nguồn động viên to lớn nhất và là tài sản tinh thần vô giá mà anh gặt hái được trong cuộc đời cách mạng.

Năm nay, anh đã vượt 100 tuổi, xin chúc anh vui, thanh thản, trường thọ.

CHÚC MỪNG ANH CẢ VƯỢT TRĂM XUÂN!*

HOÀNG MINH PHƯƠNG

Phó ban thường trực Ban liên lạc Chiến sĩ Điện Biên Phủ
tại TP.HCM.

Nguyên trợ lý Tổng Tư lệnh VÕ NGUYỄN GIÁP
Phó Tư lệnh – Tham mưu trưởng Quân đoàn 4

Ngày 25 tháng 8 năm nay, Đại tướng Võ Nguyên Giáp – nguyên Chủ tịch Quân ủy hội, Bí thư Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam - Chủ tịch danh dự Hội Cựu chiến binh Việt Nam - tròn 100 tuổi tính theo Dương lịch. Đây là một kỷ lục chưa từng có về tuổi thọ của danh nhân danh tướng ở nước ta cũng như trên thế giới từ thời xưa cho đến ngày nay! Đây không chỉ là niềm hạnh phúc lớn của Đại tướng và gia đình, mà còn là

* Bài nói tại cuộc họp mặt ngày 20/8/2011 của Chiến sĩ Điện Biên Phủ tại TP.Hồ Chí Minh mừng Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP tròn 100 tuổi.

niềm vui lớn của cựu chiến binh chúng ta, những người từng chiến đấu và chiến thắng dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và Hồ Chủ tịch, dưới sự chỉ huy tài năng của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp!

Đối với chiến sĩ Điện Biên Phủ, ân tình với Đại tướng lại càng sâu nặng! Vì nếu không có quyết định cực kỳ sáng suốt, quả đoán, dũng cảm, đầy tinh thần trách nhiệm của Tổng Tư lệnh kiêm Chỉ huy trưởng chiến dịch năm xưa, kịp thời hoãn cuộc tiến công chiều 26 tháng 1 năm 1954, từ chủ trương “Đánh nhanh thắng nhanh” chuyển sang “Đánh chắc tiến chắc”, thì đã không có một chiến thắng “chấn động địa cầu”, mà là một thảm bại, dẫn đến những hậu quả khôn lường cho cuộc kháng chiến chống Pháp! Phần lớn chúng ta ngồi đây đã bị thương vong lớn trong lòng chảo Điện Biên, không còn sống để tiếp tục cùng toàn Đảng toàn dân đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc đến ngày toàn thắng!

Chính vì lẽ đó mà trong cuộc họp kỷ niệm 57 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ vừa qua, mọi người đã nhất trí đến tháng Tám năm nay, trong không khí chào mừng kỷ niệm 66 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc Khánh 2/9, chúng ta tổ chức họp mặt để chúc thọ, bày tỏ lòng biết ơn và học tập tấm gương sáng ngời của Đại tướng.

Về thân thế và sự nghiệp của Đại tướng, chúng ta đều rõ; nhưng có thể nhiều đồng chí ít được biết về thời trẻ của ông. Điều may mắn là cách đây hơn 20 năm, tôi đã được Đại tướng kể cho nghe về thời niên thiếu của mình. Đại tướng nói:

“Tôi sinh ngày 25 tháng 8 năm 1911 trong một gia đình trung nông lớp dưới ở xã An Xá, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, nay gọi là thôn An Xá, xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy. Cha là Võ Quang Nghiêm, vừa dạy học vừa làm ruộng, cấy cày trên 2,5 mẫu công điền, cứ 3 năm xã chia lại một lần. Là một nhà Nho yêu nước, đêm đêm, dưới ánh sáng của ngọn đèn dầu, cha thường đọc bài về “*Thất thủ kinh đô*”, tỏ lòng cảm phục Tôn Thất Thuyết, căm ghét Nguyễn Văn Tường. Mẹ tôi là Nguyễn Thị Kiên, cháu của một Lãnh binh Cần vương yêu nước. Bà thường kể cho tôi nghe cảnh chạy loạn vào sâu trong dãy Ngàn Sơn mỗi khi có giặc Tây ruộng bỏ.

Lời của mẹ cha đã gieo rắc trong tôi lòng yêu nước và ghét Tây từ nhỏ. Lên bốn, năm tuổi, cha đã cho học cuốn “*Ấu học tân thư*” xuất bản thời vua Duy Tân, học “*Về Bà phó*” trong có đoạn “Trấn thủ lưu đồn”. Đến nay tôi vẫn còn nhớ mấy đoạn như sau:

Nghĩa là:

“ Ngô Tổ Hồng Bàng thị	Tổ ta là Hồng Bàng,
Triệu Thủy Kinh	Triệu Thủy Kinh
Dương Vương...	Dương Vương...
Tích Kinh Bắc thuộc thì	Sự tích thời Bắc thuộc
Cựu sĩ dĩ nan vong...	Mối nhục cũ khó quên...
...	...
Chi Lăng tẩu Tống binh	Chi Lăng đuổi quân Tống,
Bạch đằng phá	Bạch Đằng phá
Nguyên sư...	quân Nguyên...

Cha tôi là người khí tiết, đòi hỏi con cái phải nghiêm giữ gia phong. Cụ đặt tên tôi là Võ Nguyên Giáp, em trai là Võ Thuần Nho. Khi vào Huế học, tôi bỏ chữ Nguyên cho gọn, chỉ ghi tên là Võ Giáp. Khi tôi bị bắt vào tù, mật thám Pháp cũng ghi tên phạm nhân là Võ Giáp. Sau này cha biết được, bèn gọi về la mắng, yêu cầu tôi phải giữ chữ lót là Nguyên. Mãi đến năm 1935 tôi mới được ghi lại trong hồ sơ học bạ: Võ Giáp tức Võ Nguyên Giáp. Và tôi giữ tên này cho đến bây giờ.

Thuở nhỏ tôi học trường Tổng (bao gồm nhiều xã) từ lớp Đồng ấu, Dự bị, đến lớp Yếu lược, tương đương lớp 1, 2, 3 cấp I ngày nay. Những ngày không học, thường theo cha đi thăm ruộng, kết hợp mò cua bắt cá. Sau lên học tiếp ở trường Huyện 3 năm (lớp nhì đệ nhất niên, lớp nhì đệ nhị niên và lớp nhất). Ở trường Tổng cũng như trường Huyện đều đứng đầu lớp. Năm 13 tuổi (1924) thi đỗ Thủ khoa trường Huyện.

Quê tôi thời ấy đến ngày mùa thường có thuê phường gặt, ngày gặt ngoài đồng, tối về giã gạo, luôn miệng hát: “Khoan khoan hò khoan”. Do vậy mà tôi rất thuộc Hò giã gạo. Những năm mất mùa đói kém, nhà tôi phải đi vay thóc về giã mới có ăn. Sau mùa gặt hái, tôi cùng mẹ đi trả nợ, bị địa chủ Bá Hai ở Mỹ Lộc buộc phải đem thóc ra quạt mạnh cho bay hết hạt lép, cuối cùng chỉ còn lại hai phần ba. Mẹ tôi đành chịu, nhà nghèo lại càng nghèo, khiến lòng tôi vô cùng căm uất.

Đỗ xong tiểu học, nhờ có hai chị ruột buôn thúng bán bưng, tôi có tiền đi Huế thi vào trường Quốc học,

nhưng thi hỏng phải về. Năm sau vào Huế tạm học trường tư, ở cùng nhà với anh Nguyễn Chí Diểu, người bạn thân nhất rồi trở thành người đồng chí chí cốt của tôi. Lên năm thứ ba, tôi được vào trường Quốc học, được ăn ở trong trường. Tôi bí mật đem sách báo vào đọc trộm. Nội trú thời ấy có tên giám thị rất độc ác, luôn rình mò học sinh như cú vọ. Tôi viết bài đả kích bằng tiếng Pháp: “À bas le tyran du Lycée” (Đả đảo tên độc tài trường Quốc học!).

Trong những năm học ở Huế, tôi luôn đứng đầu lớp, cùng hai anh Nguyễn Chí Diểu và Nguyễn Khoa Văn (sau này lấy bút danh là Hải Triều) tham gia phong trào đấu tranh bảo vệ cụ Phan Bội Châu bị giặc Pháp đem về quản thúc tại đây. Thứ năm nào, ba người cũng lên thăm cụ Phan. Trên tường nhà, cụ treo cả ảnh Lênin, Tôn Dật Tiên, Thích Ca Mâu Ni. Cụ Phan rất thương chúng tôi, có lần cụ nói: “Sau này tủ sách của cụ sẽ để lại cho cậu Giáp”. Qua tủ sách cụ Phan, nhóm “Bến Ngự” chúng tôi được đọc báo “Người cùng khổ” và “Việt Nam hôn”. Có cuốn tập nào đẹp, chúng tôi đều dành để chép những bài ca yêu nước.

Năm 1926, chúng tôi tham gia biểu tình đòi để tang cụ Phan Châu Trinh, tham gia bãi khóa chống việc đuổi học anh Nguyễn Chí Diểu. Bãi khóa xong, đến nhà thầy Võ Liêm Sơn; vào Sơn Trà, Mỹ Sơn quê đồng chí Phan Thanh. Thầy Võ Liêm Sơn là người đầu tiên dạy chúng tôi học chủ nghĩa Mác theo cuốn *ABC du Marxisme* do Nhà xuất bản Quốc tế ấn hành, dạy tại nhà riêng. Thầy Sơn khuyên tôi đi làm cách mạng.

Năm 1927, anh Nguyễn Chí Diểu tổ chức tôi vào đảng Tân Việt. Tôi được xem báo cáo của Nguyễn Ái Quốc đọc tại Hội nghị quốc tế các dân tộc bị áp bức tại Bruxelles, thủ đô nước Bỉ. Tôi bắt đầu viết bài cho báo *Tiếng dân* của cụ Huỳnh Thúc Kháng dưới bút danh Văn Đình và làm việc ở Quan hải tòng thư. Lần đầu tiên tôi gặp anh Phan Đăng Lưu ở đây.

Năm 1928, tôi được chỉ định là Ủy viên Trung ương “dự bị” của đảng Tân Việt, phụ trách công tác tuyên huấn và giao thông.

Năm 1929, cùng các anh Nguyễn Chí Diểu và Nguyễn Khoa Văn thành lập “Việt Nam Cộng sản Liên minh”, rồi lần lượt đổi tên thành “Việt Nam Cộng sản Liên đoàn”, “Đông Dương Cộng sản đảng”. Cũng năm ấy tôi đi Vinh để bàn việc chuyển Kỳ bộ đảng Tân Việt Trung Kỳ thành đảng bộ Trung Kỳ của Đông Dương Cộng sản đảng; sau đó ra Hà Nội để triển khai việc thành lập Đông Dương Cộng sản đảng trên phạm vi cả nước. Năm 1929 tôi cũng vào Sài Gòn vận động. Không may gặp vụ Barbier bị ám sát, các đồng chí Hà Huy Tập, Đào Xuân Mai bị bắt, tôi phải tìm cách lẩn tránh.

Sau khi Đào Duy Anh bị bắt, tháng 10/1930 tôi bị bắt ở Huế vì tham gia chi bộ Đảng ở tòa báo *Tiếng dân*. Lúc đầu bị kết án 2 năm tù treo, sau chuyển thành 2 năm tù ngồi. Ngồi tù 13 tháng thì được giảm án và đưa về quản thúc ở quê nhà.

Tôi tự thấy muốn tiếp tục làm cách mạng thì phải

có trình độ học vấn ngày càng cao nên quyết tâm học cho hết bậc Tú tài, tức Trung học phổ thông ngày nay, đi sâu vào các môn triết, luật và Sử học. Tôi ra Vinh gặp anh Đặng Thai Mai vốn là giáo viên trường Quốc học Huế, đảng viên đảng Tân Việt. Thời gian này, tôi quen biết Quang Thái, nữ sinh trường nữ học Đồng Khánh Huế, gia đình ở Vinh và là em ruột chị Minh Khai. Tiếp đó anh Mai thu xếp cho tôi ra Hà Nội ở nhờ nhà anh để tự học và luyện thi; để năm 1933, lấy bằng Tú tài Triết học phần thứ nhất (Bac Philo 1- ère partie).

Gặp lúc trường trung học An-be Xa-rô (Albert Sarraut) của Pháp mở lớp cho thí sinh tự do (candidat libre), tôi được vào học, đứng đầu lớp rồi thi đỗ Tú tài toàn phần (Bac complet) năm 1934. Đỗ xong tôi xin vào dạy ở trường Thăng Long để vừa hoạt động cách mạng, vừa có tiền học tiếp lên bậc Đại học, nhằm lấy cho được bằng Cử nhân.

Trong quá trình tự học, tôi tham gia kỳ thi tổng hợp (Concours général) và đỗ Thủ khoa môn Kinh tế - Chính trị học với luận án “*Tình hình thương mại và cân cán thanh toán ở Đông Dương*”. Tiếp đó, lại đỗ đầu môn này trong kỳ thi học sinh giỏi toàn Đông Dương, rồi đỗ đầu trong kỳ thi lấy bằng Cử nhân Luật năm 1937.

Trong phong trào Mặt trận Dân chủ (1936 - 1939), tôi tham gia Ủy ban hành động nửa hợp pháp của Đảng, đấu tranh trên mặt trận báo chí, giáo dục lý tưởng cách mạng cho học sinh sinh viên, cùng anh Trường Chinh viết cuốn “*Vấn đề dân cày*”. Năm 1936, tôi có dịp vào Sài

Gòn lần thứ hai để phổ biến tài liệu của Đông Dương Đại hội.

Tháng 9 năm 1939, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Bọn phản động thuộc địa quay sang đàn áp phong trào cách mạng ở Đông Dương. Tôi chuyển vào hoạt động bí mật. Sang năm 1940, anh Hoàng Văn Thụ, lúc bấy giờ là Bí thư Ban Chấp hành Trung ương lâm thời, bảo tôi sửa soạn cùng anh Phạm Văn Đồng sang Vân Nam Trung Quốc gặp “Đại diện của Thượng cấp” do giao liên của Đảng dẫn đường...

Từ đó, tôi thoát ly gia đình và chuyển sang một thời kỳ hoạt động mới.”

Lời kể của Đại tướng đến đây là hết. Qua truyện kể, chúng ta học được rất nhiều điều: Đó là lòng yêu nước được mẹ cha hun đúc từ thuở ấu thơ, là tinh thần khắc phục khó khăn, đam mê học tập của con nhà nghèo cộng với trí thông minh đặc biệt để không ngừng vươn lên, có học vấn ngày càng cao, phục vụ cách mạng ngày càng hiệu quả!

Về thời kỳ được Bác Hồ giao nhiệm vụ và hoạt động ở Trung Quốc rồi về nước gây dựng cơ sở cách mạng ở Cao Bằng, tiến tới thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, chuẩn bị và tham gia cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945, mọi người đều rõ. Điều gây ấn tượng nhất với chúng ta trong thời kỳ này là tấm gương của một trí thức yêu nước đã không quản ngại gian khổ khó khăn, hòa mình 3,4 năm liền với

đồng bào các dân tộc thiểu số ở Cao Bằng, Bắc Cạn; học tiếng các dân tộc, “ba cùng” với đồng bào để tuyên truyền vận động cách mạng. Để đồng bào dễ hiểu, đồng chí đã biên soạn *Chương trình Việt Minh* từ văn xuôi thành văn vần 5 chữ, gọi là *Việt Minh ngũ tự kinh* rồi dịch ra các thứ tiếng Tày, Nùng, Giao v.v... khiến hội viên các Hội Cứu quốc đều thuộc lòng. Trong thời kỳ địch tiến hành khủng bố trắng ở Cao Bắc Lạng, thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ: “Phải dựa chắc vào dân, có dân thì có tất cả”, đồng chí đã bám trụ trong dân, không ngại hiểm nguy, lãnh đạo nhân dân chống địch, được đồng bào hết sức tin yêu và cảm phục.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, nét nổi bật về bản lĩnh của Võ Nguyên Giáp là sớm có mặt ở mặt trận Nha Trang và Tây Nguyên từ cuối năm 1945 để chỉ đạo việc chuyển hướng từ đánh trận địa sang đánh du kích. Cuối năm 1946, trong tình huống địch đã đóng quân xen kẽ với ta ở nhiều nơi trước giờ nổ súng, đã chỉ đạo quân và dân thủ đô kim chân quân địch 60 ngày đêm để yểm hộ cho toàn quốc chuyển sang trạng thái chiến tranh, yểm hộ cho Trung ương Đảng và Chính phủ dời lên Việt Bắc. Thu Đông 1947, trước cuộc tiến công quy mô lớn của địch, đồng chí đã chủ trương thành lập Mặt trận Sông Lô, Đường số 3 và trực tiếp chỉ huy Mặt trận đường số 4 để làm thất bại cả 3 mũi tiến công của địch, bảo đảm an toàn cho các cơ quan lãnh đạo.

Qua kinh nghiệm đánh địch có hiệu quả của một đại đội địa phương ở Bắc Giang, đồng chí chủ trương

phân tán hai phần ba các trung đoàn chủ lực của các tỉnh để thành lập các đại đội độc lập, đưa về các địa phương giúp đỡ dân quân du kích trong xây dựng và chiến đấu; giữ lại một phần ba xây dựng tiểu đoàn tập trung để huấn luyện và thực hành tác chiến tập trung. Đó là một chủ trương cực kỳ sáng suốt, phù hợp với quy luật phát triển của chiến tranh nhân dân ở nước ta là từ chiến tranh du kích tiến lên chiến tranh chính quy và kết hợp chặt chẽ chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy để giành thắng lợi.

Về chỉ đạo chiến dịch, việc chuyển hướng đột phá từ Cao Bằng sang Đông Khê trong Chiến dịch Biên Giới và quyết định chuyển từ “Đánh nhanh thắng nhanh” sang “Đánh chắc tiến chắc” trong Chiến dịch Điện Biên Phủ là biểu hiện tuyệt vời về tác phong sâu sát thực tế và cân nhắc thận trọng của người chỉ huy để bảo đảm chắc thắng và tránh thương vong lớn cho bộ đội.

Trong thời kỳ chống Mỹ, bản lĩnh Võ Nguyên Giáp thể hiện trước hết ở chỗ không hề có ảo tưởng hòa bình sau Hiệp định Genève, sớm tiếp thu tư tưởng chỉ đạo của Hồ Chủ tịch là “Thắng lợi tuy lớn, nhưng mới chỉ là bước đầu, chúng ta còn phải đánh Mỹ!”. Để có thể đánh thắng đế quốc Mỹ có tiềm lực kinh tế và quân sự lớn, có quân đội hiện đại hơn thực dân Pháp nhiều lần, theo đề nghị của đồng chí và Bộ Chính trị, từ đầu năm 1957, Trung ương Đảng đã sớm ra nghị quyết về xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng ở miền Bắc. Sau hai kế hoạch 5 năm, đến năm 1965, từ đơn thuần bộ binh, quân đội ta đã trở thành

một quân đội có nhiều binh chủng và quân chủng. Nhiều cán bộ đã được đi học tập ở các nước anh em; bản thân Đại tướng cũng đã sang Liên Xô học tập kinh nghiệm chỉ huy tác chiến hiệp đồng binh quân chủng. Nhờ vậy mà quân và dân ta không chỉ đánh bại được quân nguy mà còn đánh bại được quân đội hiện đại của Mỹ và các nước chư hầu ở miền Nam, đánh bại được hai cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân Mỹ trên miền Bắc mà đỉnh cao là cuộc tập kích đường không chiến lược bằng siêu pháo đài bay B52 vào Hà Nội và Hải Phòng cuối năm 1972.

Về chỉ đạo chiến lược, đó là chủ trương sớm mở đường chi viện cho miền Nam cả trên đất liền và trên biển, chỉ đạo phá ấp chiến lược, kiên quyết và khôn khéo đấu tranh chống khuynh hướng không muốn tiến lên tác chiến hiệp đồng binh chủng quy mô lớn ở miền Nam, không kịp thời xây dựng các Quân đoàn chủ lực gồm nhiều binh chủng hợp thành, hoặc coi chiến tranh cách mạng chỉ có tiến công và tiến công, không có phòng ngự v.v...

Đó là chủ trương mở Mặt trận đường 9 từ năm 1966 để thu hút và kiểm chế địch; dự kiến sớm và đánh thắng Chiến dịch đường 9 Nam Lào năm 1971, chọn hướng tiến công chủ yếu trong cuộc tiến công chiến lược năm 1972. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, đó là việc phát huy trí tuệ tập thể để chọn hướng Tây Nguyên, đột phá vào nơi sơ hở và hiểm yếu của địch là Buôn Ma Thuột; tiếp đó là khẩn trương mở Chiến dịch Huế - Đà Nẵng, không cho địch co cụm về Sài Gòn, khẩn

trường phái lực lượng giải phóng quần đảo Trường Sa cùng lúc với việc nhanh chóng tiến về Sài Gòn với bản mệnh lệnh lịch sử ngày 7/4/75: “Thần tốc! Thần tốc hơn nữa! Táo bạo, táo bạo hơn nữa! Tranh thủ từng giờ từng phút, xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam, quyết chiến và toàn thắng!”.

Không thể nào kể hết được tài chỉ huy của Tổng tư lệnh trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ với thời gian 30 năm; lại do hiểu biết và tầm nhìn của tôi còn hạn chế nên những ý kiến trên đây chắc chắn còn nhiều thiếu sót, rất mong được các đồng chí bổ sung.

Có gì khác giữa Tổng Tư lệnh của chúng ta với Tổng Tư lệnh quân đội các nước khác? Theo tôi, phải chăng có những điểm sau đây:

1. Khác với nhiều vị Tổng Tư lệnh khác trên thế giới, thường được giao nhiệm vụ thống lĩnh toàn quân khi quân đội ấy đã được tổ chức từ lâu, đồng chí Võ Nguyên Giáp có trách nhiệm lớn là người xây dựng và chỉ huy quân đội ta từ ngày đầu thành lập, từ không đến có, từ nhỏ đến lớn, từ yếu đến mạnh.

Trong khó khăn gian khổ, đồng chí đã dìu dắt một đội quân du kích với 34 chiến sĩ và vài chục khẩu súng trường, súng kíp thô sơ, từng bước lớn lên thành những trung đoàn, đại đoàn thiện chiến để làm nên một Điện Biên Phủ “lùng lẩy năm châu, chấn động địa cầu”. Tiếp đó, đã phát triển thành một đội quân cách mạng chính quy hiện đại gồm nhiều binh quân chủng hợp thành, với

những Sư đoàn, Quân đoàn hùng mạnh, quân số có lúc lên tới hơn một triệu rưỡi người để đi đến một Mùa Xuân Toàn Thắng!

Qua hơn 30 năm xây dựng và chiến đấu dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và sự chỉ huy tài giỏi của vị Tổng Tư lệnh của mình, đội quân đó đã góp phần quan trọng vào thành công của cuộc Cách mạng tháng Tám, cùng toàn dân đánh bại quân đội xâm lược của hai đế quốc to, giành lại độc lập thống nhất hoàn toàn cho Tổ quốc. Đội quân đó được nhân dân gọi bằng cái tên triu mến là Bộ đội Cụ Hồ, với bản chất cách mạng tốt đẹp, thể hiện rõ trong Mười lời thể danh dự do đồng chí Giáp soạn thảo từ những ngày chuẩn bị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân. Có thể nói hình ảnh Anh bộ đội Cụ Hồ là biểu tượng cao đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam trong thời đại mới. Thấm nhuần sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, Võ Nguyên Giáp là người có công đầu trong việc tạo nên hình ảnh đó.

2. Trước khi đảm nhận trọng trách của Đảng và nhân dân giao phó, Võ Nguyên Giáp là một nhà hoạt động chính trị, nhà báo, nhà giáo, chưa trải qua một học viện hay trường lớp quân sự nào như Tổng Tư lệnh quân đội nhiều nước khác. Với ý thức trách nhiệm cao trước vận mệnh của Tổ quốc, đồng chí đã ra sức tìm tòi tự học, trân trọng di sản quân sự quý báu của dân tộc, nghiên cứu các tác phẩm quân sự cổ kim đông tây và kinh nghiệm của quân đội các nước anh em, đặc biệt là học tập trong

thực tiễn, coi trọng tổng kết và nâng cao kinh nghiệm của cán bộ chiến sĩ, của nhân dân để bồi bổ kiến thức của mình, phấn đấu không mệt mỏi để vươn lên ngang tầm cao nhiệm vụ, hoàn thành xuất sắc trách nhiệm của người Tổng Tư lệnh trong chiến tranh du kích cũng như chiến tranh hiện đại, lần lượt đánh thắng 11 đại tướng tổng chỉ huy của hai tên đế quốc!

Thượng tướng, giáo sư Hoàng Minh Thảo, nguyên Giám đốc Học viện Quân sự cấp cao, nguyên Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên nói với phóng viên báo *Quốc tế* (1981): “Võ Nguyễn Giáp là bậc thầy về cách đánh. Ông luôn tìm ra cách đánh độc đáo và sáng tạo, vừa đảm bảo thắng lợi cao nhất cho trận đánh, vừa hạn chế đến mức thấp nhất thương vong cho tướng sĩ. Ông là vị thống soái có tài thao lược kiệt xuất...”.

3. Là Bí thư Quân ủy trung ương và Tổng Tư lệnh quân đội, có thời kỳ kiêm chức Tổng Chính ủy, Đại tướng Võ Nguyễn Giáp là một nhà lãnh đạo và chỉ huy toàn diện.

Đồng chí coi trọng công tác Đảng, công tác chính trị, công tác quân sự cũng như công tác hậu cần, kỹ thuật; đi sâu chỉ đạo chiến lược cũng như nghệ thuật chiến dịch và chiến thuật, thường xuyên chăm lo tổng kết kinh nghiệm chiến tranh; kế thừa, phát triển truyền thống và di sản quân sự quý báu của dân tộc lên một trình độ mới dưới ánh sáng đường lối quân sự của Đảng và tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, xây dựng nên học thuyết quân sự Việt Nam trong thời đại mới.

Các nhà xuất bản lớn trong và ngoài quân đội đã in ấn và phát hành hơn 100 tác phẩm của Võ Nguyên Giáp, bao gồm các luận văn về Tư tưởng Hồ Chí Minh, về Đường lối quân sự của Đảng, về nền Khoa học quân sự Việt Nam, về Nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân, về Chiến tranh nhân dân đất đối không, Chiến tranh nhân dân trên chiến trường sông biển, về Võ trang quần chúng cách mạng đi đôi với xây dựng Quân đội Nhân dân, về Chiến thắng Điện Biên Phủ cùng các tập hồi ký từ thời kỳ đầu thành lập quân đội đến khi kết thúc cuộc chiến tranh chống Mỹ, về các đề tài kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học kỹ thuật v.v... Với bao nhiêu tác phẩm quan trọng ấy, Võ Nguyên Giáp vừa là một vị Tổng Tư lệnh toàn năng; vừa là nhà chính trị, nhà Quân sự, nhà Kinh tế, Văn hóa, Khoa học, nhà Lý luận quân sự hàng đầu của Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh...

4. Đại tướng Võ Nguyên Giáp không chỉ là một Tổng Tư lệnh “văn võ song toàn” mà còn là một người chỉ huy “đức tài trọn vẹn”, xứng đáng là học trò gần gũi và xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Là người tích cực đề nghị với Đại hội toàn quốc lần thứ VII lấy Tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng, đồng chí là tấm gương sáng của một nhà lãnh đạo trong việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh.

Đồng chí luôn ghi nhớ và thực hiện lời dạy của Người là “Dĩ công vi thượng”, không đề cao cá nhân mà

luôn đề cao vai trò của Hồ Chủ tịch, của tập thể Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Ban Chấp hành Trung ương; giữ vững nguyên tắc của Đảng, có ý thức tổ chức kỷ luật, nghiêm chỉnh phục tùng sự phân công của lãnh đạo, kể cả trong trường hợp sự phân công ấy không phù hợp với cương vị và sở trường của mình; có ý thức tự kiểm chế và chờ đợi để giữ vững sự đoàn kết nhất trí trong lãnh đạo, nhất là khi có ý kiến khác nhau.

Trong quân đội, đồng chí thường xuyên chăm lo bồi dưỡng cán bộ, thương yêu quý trọng những người có đức có tài, mở rộng dân chủ, lắng nghe ý kiến và phát huy trí tuệ của cấp dưới, khi gặp khó khăn thì cùng nhau bàn bạc để tìm cách vượt qua. Trong những ngày chiến đấu gay go ác liệt ở Điện Biên Phủ, đồng chí đã nhiều lần viết thư tâm tình với chiến sĩ, nêu rõ thuận lợi, khó khăn của hai bên ta, địch, phương hướng phấn đấu của ta và triển vọng thắng lợi của chiến dịch để mọi người thông suốt, quyết tâm xông lên tiêu diệt địch. Có mặt ở Điện Biên Phủ trong những tháng ngày gian khổ đó, nhà văn Nguyễn Đình Thi từng nhận xét: “Một vị Tổng Tư lệnh, đồng thời là người chỉ huy chiến dịch mà viết thư gửi chiến sĩ với những lời thân mật như anh em, quả là điều hiếm thấy trong chiến tranh các nước!”. Cố Thượng tướng Trần Văn Trà, nguyên Tư lệnh các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam nói: “Võ Nguyên Giáp là Tư lệnh của các Tư lệnh, Chính ủy của các Chính ủy”, “là một Tổng Tư lệnh biết đau với từng vết thương của mỗi người lính, biết tiếc từng giọt máu của mỗi chiến binh”.

Xúc động trước tình cảm của người chỉ huy cao nhất của quân đội đối với các liệt sĩ hy sinh trên đỉnh đèo Phu Lê Nhích, Trung tướng Đồng Sĩ Nguyên, nguyên Tư lệnh Binh đoàn Trường Sơn viết trong hồi ký: “Những giọt nước mắt dành cho những chiến sĩ vĩnh viễn nằm lại trên trọng điểm này của vị Tổng Tư lệnh giữa chiều Trường Sơn thật sự thấm đậm tình người, lắng sâu trong tâm khảm chúng tôi, không thể nào quên được!”

5. Với công trạng, tài năng và đức độ như trên, đồng chí Võ Nguyên Giáp có hạnh phúc lớn là được sự tin yêu và ngưỡng mộ hầu như tuyệt đối của toàn quân và toàn dân, sự kính trọng của nguyên thủ quốc gia nhiều nước và bạn bè quốc tế. Đồng chí lại có hạnh phúc lớn là người sống lâu nhất trong những người lãnh đạo chủ chốt của Đảng và quân đội ta kể từ thời kỳ tiền khởi nghĩa cho đến ngày nay.

Ở nước ta, ngoài Hồ Chủ tịch, ít thấy vị nào mấy chục năm sau khi rời khỏi cương vị lãnh đạo mà hằng năm, đến các dịp kỷ niệm sinh nhật, ngày Chiến thắng Điện Biên Phủ, Chiến thắng 30 tháng 4 và ngày thành lập Quân đội Nhân dân, lại được các vị cách mạng lão thành, đồng đảo cựu chiến binh, các học trò cũ và đại diện các tầng lớp nhân dân trên cả nước mang những lẵng hoa tươi thắm hay những bức trưởng với những câu thăm đậm nghĩa tình lần lượt đến chúc mừng. Hàng trăm đoàn, hàng ngàn người kế tiếp nhau, phải nhiều ngày mới hết!

Xin trích dẫn 3 trong hàng trăm bức trưởng ấy:

Năm 2001, các tướng lĩnh, sĩ quan nguyên là cán bộ, học viên khóa 1 Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn tặng trưởng:

*“Theo Bác, vì dân, tầm vũ sủy,
Thao lược, quân công sánh Lý Trần,
Đẹp chín mươi mùa Xuân thế kỷ,
Sao vàng lấp lánh nét nhân văn”.*

Đảng bộ và nhân dân quê hương Quảng Bình để tặng:

*“Quảng bác uyên thâm vị tướng tài,
Bình sinh nợ nước nặng hai vai,
Ghi sâu công trạng ngời trang sử,
Ơn nghĩa nhân sinh thấm đượm hoài!”*

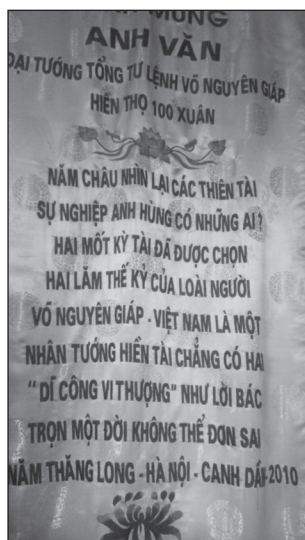
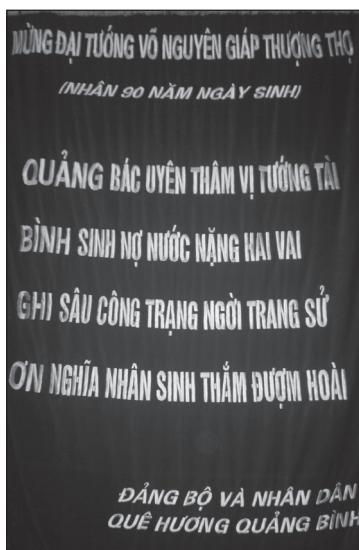
Năm 2010, cán bộ và nhân dân làng Thượng, xã Bảo Lý huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên tặng trưởng:

*“Đại tướng anh hùng dễ mấy ai,
Đức độ, anh, uy, trí, dũng, tài,
Thắng hai đế quốc, bách niên thọ,
Hoàn cầu có một, không có hai!”*

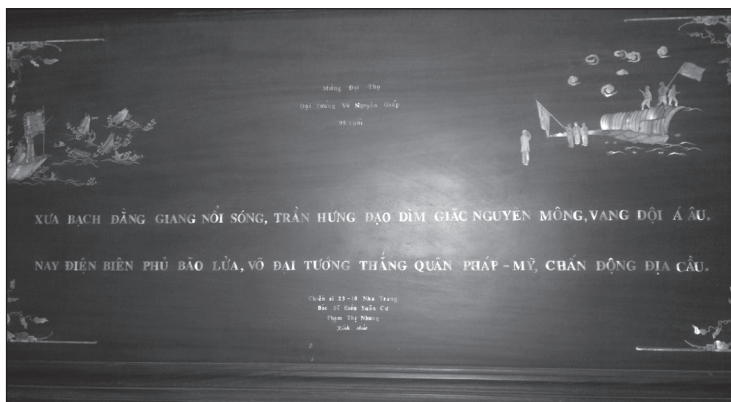
Đây thực sự là phần thưởng vô giá dành cho một trong những vị khai quốc công thần, xứng đáng với 10 chữ vàng: “Võ công truyền quốc sử, văn đức quán nhân tâm” do Viện Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh kính tặng.

Sẽ là thiếu sót nếu không giới thiệu một số nhận xét của các tướng lĩnh và nhà nghiên cứu nước ngoài và cả của đối phương đối với Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp:

- Duncan Townson, tác giả cuốn “*Những vị tướng lừng danh*” xuất bản ở Luân Đôn, coi “Võ Nguyên Giáp là một trong 21 vị danh tướng của thế giới trong 25 thế kỷ qua, từ thời Alexandre Đại đế đến Hannibal rồi đến thời cận hiện đại với Kutudốp, Giucốp v.v..., những người đã có chiến công tạo nên bước ngoặt của nghệ thuật chiến tranh”.



Bức trưởng mừng
Đại tướng Võ Nguyên Giáp
đại thọ tròn 100 tuổi



Bức tranh sơn mài tặng Đại tướng Võ Nguyên Giáp
tròn 95 tuổi

- *Tân bách khoa toàn thư* của nước Anh xuất bản năm 1985, trong chuyên mục giới thiệu các danh tướng thế giới từ thời cổ đại cho đến ngày nay, cùng với Hannibal, Kutudốp, Napoléon v. v... đã giới thiệu hai danh tướng Việt Nam từng đánh bại hai tên xâm lược tầm cỡ quốc tế ở thế kỷ XIII và thế kỷ XX là Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn (Tập 10, tr. 88) và Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Tập 10, tr. 493-494).

- Nhà nghiên cứu khoa học lịch sử quân sự người Anh, tướng Peter Mac Donald đánh giá: “Từ năm 1944 đến 1975, cuộc đời của Võ Nguyên Giáp gắn liền với chiến đấu và chiến thắng, khiến ông trở thành một trong những thống soái lớn của mọi thời đại. Với 30 năm làm Tổng Tư lệnh và gần 50 năm tham gia chính sự ở cấp cao nhất, ông tỏ ra là người có phẩm chất phi thường trong mọi lĩnh vực của chiến tranh. Khó có vị tướng nào có thể

so sánh với ông trong việc kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy. Sự kết hợp ấy xưa nay chưa từng có.”

- Tướng Marcel Bigeard, nguyên Bộ trưởng Quốc phòng Pháp, nguyên thiếu tá chỉ huy Tiểu đoàn dù số 6 tham chiến ở Điện Biên Phủ nói:

“Ông Giáp đã chỉ huy quân đội Việt Nam chiến đấu giành thắng lợi trong một thời gian đặc biệt dài suốt 30 năm, một kỳ tích chưa từng thấy! Vâng, không phải hiện nay mà muôn đời sau, tôi tin rằng cuộc đời và sự nghiệp đầy huyền thoại của Đại tướng Võ Nguyên Giáp mãi mãi là tấm gương, là niềm tự hào của mỗi người Việt Nam.”

- Tướng Mỹ Oétmôlen thừa nhận: “Ông Giáp có tất cả những đức tính của một thống soái quân sự lớn, đó là sự quả đoán, tính kiên quyết, sức mạnh tinh thần, khả năng tập trung suy nghĩ và hành động, trí thông minh.”

- Nhà sử học quân sự Mỹ Cecil Curay trong tác phẩm “*Chiến thắng bằng mọi giá – Đại tướng Võ Nguyên Giáp, thiên tài của Việt Nam*”, sau khi điểm qua quá trình chỉ huy quân đội của vị Tổng Tư lệnh, đã nhận xét: “Trong suốt thời gian đó, ông không chỉ trở thành một huyền thoại mà có lẽ còn trở thành một thiên tài quân sự lớn nhất của thế kỷ XX và một trong những thiên tài quân sự lớn nhất của tất cả các thời đại... Giáp là vị tướng duy nhất trong lịch sử hiện đại tiến hành chiến đấu chống

kẻ thù từ thế vô cùng yếu, thiếu trang bị, thiếu nguồn tài chính, dù mới đầu trong tay chưa có quân, vậy mà vẫn liên tiếp đánh bại tàn quân của đế chế Nhật Bản, quân đội Pháp và quân đội Mỹ... Giáp là chuyên gia hiện hữu vĩ đại nhất về chiến tranh nhân dân..., là một vị tướng hậu cần vĩ đại của mọi thời đại”.

- Bách khoa toàn thư quân sự Bộ Quốc phòng Mỹ xuất bản năm 1993 viết: “Tài thao lược của tướng Giáp về chiến lược, chiến thuật và hậu cần được kết hợp nhuần nhuyễn với chính trị và ngoại giao... Sức mạnh hơn hẳn về kinh tế, tính ưu việt về công nghệ cùng với sức mạnh áp đảo về quân sự và hỏa lực khổng lồ của các quốc gia phương Tây đã phải khuất phục tài thao lược của một vị tướng từng một thời là thầy giáo dạy sử.”

Qua những lời ca ngợi trên đây, chúng ta càng tự hào về vị Tổng Tư lệnh của mình, càng tưởng nhớ và vô cùng biết ơn Bác Hồ vĩ đại: Bác là người đã sáng suốt phát hiện và trọng dụng đúng nhân tài, sớm tin cậy giao cho đồng chí Võ Nguyên Giáp làm người phụ trách quân sự của Đảng ta!

Năm 1949, chỉ mới 5 năm sau khi thành lập quân đội, Người đã nói: “Quân đội ta quen gọi Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp là Anh Cả. Cách gọi thân ái ấy rất đúng với tinh thần và lịch sử của quân đội ta”⁽¹⁾. Qua hơn 30 năm lãnh đạo sự nghiệp xây dựng và chiến đấu của quân đội, từ Chiến thắng Phay Khắt Nà Ngần đến Chiến thắng Điện Biên Phủ và Đại thắng mùa Xuân năm 1975, đồng chí Võ Nguyên Giáp ngày càng xứng đáng với

sự tin cậy của lãnh tụ, sự ngưỡng mộ và yêu mến của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân và bạn bè quốc tế.

Còn 5 hôm nữa là đồng chí Võ Nguyên Giáp tròn 100 tuổi. Toàn thể chiến sĩ Điện Biên Phủ tại thành phố mang tên Bác và các vị khách quý có mặt tại đây kính chúc Đại tướng sớm phục hồi sức khỏe, sống lâu hơn nữa cùng con cháu để tiếp tục chứng kiến những đổi thay của đất nước trên con đường “xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh” như Bác Hồ hằng mong ước trong Di chúc của Người! Vậy có thơ rằng:

“Sống hợp lòng dân nên sống thọ,

Chúc mừng Anh Cả vượt trăm Xuân!”.

(1) Thư gửi Bộ đội chủ lực, Bộ đội địa phương và Dân quân du kích nhân dịp kỷ niệm 5 năm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/1949) - HỒ CHÍ MINH TOÀN TẬP, Tập 5 (1947 - 1949), tr.3.

TÌNH CẢM CỦA ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYỄN GIÁP DÀNH CHO NHẠC SĨ VĂN CAO

Theo bà Thúy Băng -
phu nhân nhạc sĩ Văn Cao

Nhớ lại, mùa thu năm 1987, Hà Nội sôi nổi về những đêm nhạc Văn Cao. Đêm nhạc Văn Cao lôi cuốn hàng nghìn khán giả đến thưởng thức những bản nhạc trữ tình của nhạc sĩ tài hoa: *Thiên Thai*, *Suối Mơ*, *Buồn tàn thu* và cả những ca khúc hào hùng lãng mạn: *Làng tôi*, *Trường ca Sông Lô*, *Bắc Sơn* và đặc biệt là *Ca ngợi Hồ Chủ tịch*, *Mùa xuân đầu tiên*.

Đêm nhạc thứ 37, Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng phu nhân đến dự. Đại tướng muốn gặp nhạc sĩ Văn Cao nhưng không thấy ông. Đại tướng hỏi bà Thúy Băng:

- Sao tôi không thấy anh Văn Cao đâu cả.

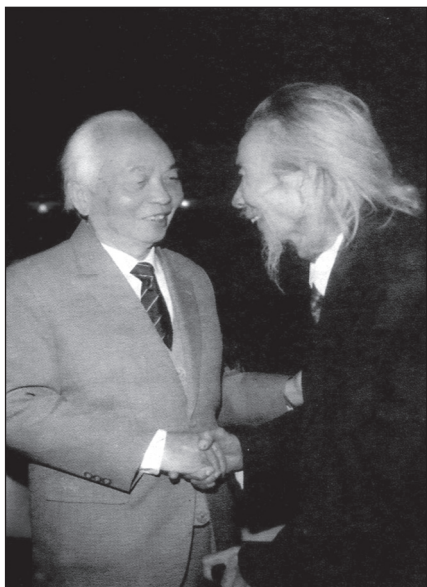
Bà Thúy Băng đáp:

- Dạ, thưa Đại tướng, anh Văn Cao bị ốm đang nằm bệnh viện Việt Xô ạ.

Đại tướng đã dành thời gian đến thăm nhạc sĩ.

Biết Văn Cao bị đau cột sống nặng, liệt nửa người, Đại tướng đã viết thư giao cho thư ký đưa đến tận tay bác sĩ Anh hùng Lao động Lê Thế Trung ở Quân y viện 103. Bác sĩ Lê Thế Trung sẵn sàng tiếp nhận nhạc sĩ Văn Cao về chữa trị tại Quân y viện 103. Bác sĩ Lương – Giám đốc bệnh viện Việt Xô nay là bệnh viện Hữu Nghị làm thủ tục cho nhạc sĩ được chuyển viện ngay.

Bác sĩ Anh hùng chữa bỏng Lê Thế Trung tập trung các giáo sư, bác sĩ giỏi để chữa chạy cho nhạc sĩ Văn Cao trong đó có giáo sư Bùi Tùng.



Nhạc sĩ Văn Cao
chúc thọ Đại tướng
Võ Nguyên Giáp -

ảnh Quang Phùng

Các giáo sư, bác sĩ đã dùng các phương pháp đặc trị đông tây y kết hợp, dành các thứ thuốc quý cho ông, cho ông chuồn nến paraphin ở phần cột sống.

Một tuần lễ bảy ngày, bà Thúy Băng ở bên chồng sáu ngày, nâng giấc cho ông ăn uống. Chủ nhật, các con được nghỉ vào chăm nom bố, bà mới về nhà.

Sau một tháng được chăm sóc tận tình, nhạc sĩ Văn Cao đã ngồi dậy đi lại được. Mọi người đều mừng. Ca sĩ Quý Dương tổ chức ngay một “Đêm nhạc Văn Cao” để cảm ơn các giáo sư, bác sĩ và Anh hùng Lao động chữa bỏng Lê Thế Trung. Sức khỏe Văn Cao dần dần hồi phục. Ông trở lại làm việc bình thường.

Một sáng mùa xuân năm 1991, Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng phu nhân Đặng Bích Hà, nhà văn Đặng Anh Đào đã đến thăm gia đình nhạc sĩ Văn Cao tại 108 Yết Kiêu.

Đại tướng tươi cười thăm hỏi nhạc sĩ:

- Sức khỏe anh hồi này thế nào. Anh có sáng tác thêm được nhiều ca khúc không?

Nhạc sĩ Văn Cao vui vẻ thưa với Đại tướng:

- Thưa anh, sức khỏe tôi dạo này khá. Tôi mới làm nhạc cho bộ phim “Người chiến sĩ biển Đông” của Xưởng phim quân đội, đạo diễn phim là anh Ngô Đặng Tuất. Tôi đã xem những bức họa, qua mỗi bức họa tôi đem vào đấy nội dung bài hát từ *Làng tôi*, *Sông Lô* đến *Chiến thắng Điện Biên Phủ*.

Đại tướng cười hài lòng.

- Vậy anh phải có nhiều suy nghĩ mới có hứng làm nhạc như vậy.

Văn Cao khiêm nhường đáp:

- Vâng, thưa anh, tôi phải đi thực tế mới sáng tác được. Như bài *Làng tôi*, tôi viết trong một nhà thờ bên một cái làng cổ, có dòng sông nước trong xanh chảy hiền hòa, tôi viết *Trường ca sông Lô* sau khi đã gặp các anh Siêu Hải, Doãn Tuế chỉ huy pháo binh đã đưa tôi đi dọc theo bờ sông Lô nơi trận đánh vừa xảy ra, những vật lau hai bên bờ sông vẫn còn ám khói súng.

Văn Cao đã thưa với Đại tướng nỗi xúc động của ông thấy pháo binh ta còn non trẻ mà đã chiến thắng oanh liệt, bắn cháy hai tàu chiến Pháp, bắn bị thương hai cái khác, tiêu diệt hàng trăm tên địch, bẻ gãy hoàn toàn cuộc tiến công lên Việt Bắc của quân Pháp, bảo vệ được căn cứ của ta. Nhờ vậy, tôi đã có *Trường ca sông Lô*.

Chuyến thăm của Đại tướng là một niềm vui, niềm cổ vũ lớn đối với nhạc sĩ và gia đình.

Nhạc sĩ Văn Cao có lần cùng nhà văn Sơn Tùng lên thăm Đại tướng được Đại tướng ân cần tiếp đón. Đại tướng lại nói chuyện với nhạc sĩ về những ca khúc của ông. Đại tướng nói:

- Tôi rất tâm đắc với anh về bài *Bắc Sơn* nhất là những câu:

*“Dân quân du kích cách mạng bùng mùa thu
Sao vương bóng cờ bay trên chiến khu”*

Trên rừng núi Việt Bắc có những cây cổ thụ rất đẹp, giờ lại có cả lá cờ đỏ sao vàng bay phấp phới trên ngọn cây thật là một cảnh tượng hào hùng và lãng mạn.

Đại tướng đến ngồi trước chiếc đàn dương cầm dạo bản nhạc *Bắc Sơn*. Nhạc sĩ Văn Cao cầm bút phác họa chân dung Đại tướng bên cây đàn.

Đại tướng nói thêm:

- Nhạc của Văn Cao rất gần với đời thường. Như bài *Ca ngợi Hồ Chủ tịch*, anh đã có câu mà tôi rất thích như:

“Với tiếng Người còn dịu dàng như tiếng đất trời”

Nhận xét của Đại tướng khiến nhạc sĩ Văn Cao không thể nào quên trong cuộc đời làm âm nhạc của ông. Nhờ sự quan tâm của Đại tướng đích thân viết thư cho giáo sư, bác sĩ Lê Thế Trung chữa cho Văn Cao khiến Văn Cao đã sống thêm tám năm nữa.

Năm 1995, Văn Cao lại bị bệnh tràn dịch màng phổi. Năm 1988, ông cũng đã từng bị bệnh này, chụp phổi, phổi có nước, bác sĩ đã phải mổ, rạch một chỗ ở bên sườn, luồn ống nhựa vào tận phổi hút nước ra. Sau 7 năm bệnh cũ tái phát nhưng tuổi đã cao, bác sĩ không thể mổ lần nữa. Ông nằm tại phòng đặc biệt. Hàng ngày bà Thúy Bằng lại vào, hết lòng chăm sóc chồng. Các bạn

của ông đến thăm ông, đều lo cho ông. Bà Thúy Bằng nói với các bạn:

- Anh Văn Cao không chịu ăn uống một tí gì các anh ạ.

Sức khỏe ông mỗi ngày một cạn kiệt.

Văn Cao đã ra đi vào ngày 10 tháng 7 năm 1995. Thọ 73 tuổi.

Đám tang nhạc sĩ Văn Cao được tổ chức trọng thể tại cơ quan Hội Văn học Nghệ thuật 51 Trần Hưng Đạo. Tòa nhà đông nghịt người đến phúng viếng: Tổng Bí thư Đỗ Mười, Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh, Phó Thủ tướng Nguyễn Khánh v. v... và các đoàn nhạc sĩ, nghệ sĩ từ thành phố Hồ Chí Minh ra: Trịnh Công Sơn, Chánh Tín, Thương Tín, Bảo Yến ... Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đến viếng, đặt vòng hoa và ghi vào sổ tang:

Văn Cao đã ra đi!

Chúng ta vô cùng nhớ tiếc người

nghệ sĩ tài ba xuất chúng.

*Những tác phẩm của anh, đặc biệt là
bài Quốc ca,*

*những bài ca hùng tráng, những bản
nhạc trữ tình, ... sẽ sống mãi với thời
gian, với dân tộc, như một điểm
sáng trong nền nghệ thuật Việt Nam.*

Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Nhân 49 ngày mất của nhạc sĩ, Đại tướng lại đến 51 Trần Hưng Đạo thấp hương cho ông.

Tấm lòng Đại tướng đối với nhạc sĩ Văn Cao là một phần thưởng vô giá trong cuộc đời nghệ sĩ của nhạc sĩ Văn Cao.

Nhà văn Bích Thuận *(ghi)*

Tháng 12 - 2011

TÌNH BẠN NGÀY ĐẦU KHÁNG CHIẾN

Nhà văn Nguyệt Tú

THỜI CON GÁI

Năm 1946, tôi công tác ở Ban Nữ thanh niên thành Hoàng Diệu. Đặng Bích Hà phụ trách thiếu nhi Ấu trĩ viên. Ít khi gặp nhau. Chị Nguyễn Khoa Diệu Hồng đưa tôi đến thăm gia đình giáo sư Đặng Thai Mai và gặp Đặng Bích Hà. Tuổi hai mươi dễ quen và dễ thân. Ngày 19 tháng 12, chúng tôi đều phải rút ra ngoại thành. Chỉ một thời gian ngắn làm công tác cơ yếu, tôi xin chuyển công tác. Trong lúc tôi đang chờ công tác mới, chị Nguyễn Khoa Diệu Hồng bảo tôi: “Ông bà Mai vào Thanh Hóa cả rồi, chỉ còn Bích Hà ở ngoài này thôi. Em đến với Bích Hà ít hôm đi”.

May sao tôi được rơi vào một căn nhà có cơ man nào là sách. Chơi với bạn thì ít, đọc sách thì nhiều, những cuốn sách mới tinh: *Nữ du kích Pháp* của Daniel Cazanov, tiểu thuyết tiếng Pháp *Người mẹ* của Maxime

Goorki, tiểu thuyết của Jack London, lại còn cả sách học tiếng Anh...

Một buổi tối, tôi đang nằm đọc sách trên ghế dài phòng ngoài bỗng nghe tiếng mở cửa. Tôi vẫn nằm yên vờ ngủ. Tôi đoán anh Văn ghé thăm Bích Hà. Sáng hôm sau anh Văn đi sớm. Ấn tượng đầu tiên của tôi về anh Văn rất sâu sắc. Thấy tôi đã dậy anh cười rất tươi, chào và bắt tay tôi rất chặt. Sau hôm đó Hà có cho tôi xem một bức thư ngắn, anh Văn gửi cho Bích Hà phía dưới có câu: “Cho anh hỏi thăm Nguyệt Tú bạn của Hà”.

Mãi sau tôi mới biết là hai người mới cưới được mấy hôm, anh Văn chỉ tranh thủ ghé thăm Bích Hà một tối rồi lại phải đi ngay, vì công việc kháng chiến đang rất khẩn trương.

TRONG VÒNG VÂY CỦA XE TĂNG PHÁP

Tôi đến thị trấn Quốc Oai tìm vào nhà chị Dư rất thân quen. Đội Tuyên truyền xung phong của tôi cần tuyển thêm các em thiếu nhi tập múa hát để chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài. Chị nhắc tôi đến đón hai cháu. Tôi quen chị Dư từ hồi còn ở Hà Nội. Chồng chị là một kiến trúc sư nổi tiếng của quân đội đi học ở Liên Xô mấy năm liền. Anh chị cũng rất quen với ông bà Đặng Thai Mai. Không ngờ khi vào nhà chị Dư tôi lại gặp ngay anh Giáp và Bích Hà ở đây. Tôi chỉ biết sau ngày Trung đoàn thủ đô rút ra ngoài thì các cơ quan Trung ương cũng chuyển dần lên Việt Bắc nhưng tôi không nghĩ rằng Bộ Tổng chỉ

huy quân sự vẫn còn ở Quốc Oai. Anh Giáp đang ngồi ở bàn lúi húi viết, nhưng khi thấy có bạn của Bích Hà đến, anh ngừng tay viết ngẩng đầu cười tươi bắt tay tôi, rồi để tôi và Bích Hà nói chuyện. Lúc này tôi vẫn còn mang chiếc áo dài vân đen của cô cán bộ nữ thanh niên Hà Nội. Bích Hà nhận xét: Hình như Tuệ béo ra đấy!

Tôi nghĩ bụng: Chắc là uống nhiều canh bắp cải nấu cà chua của bà con nông dân đang làm “vườn không, nhà trống”. Nghe tiếng súng xa xa hai cháu gái con chị Dư mới 13, 14 tuổi càng háo hức. Tôi vừa dẫn hai cháu ra khỏi ngõ nhìn lên đê đã thấy xe tăng địch chạy lổn ngổn như cua bò. Tình thế đã chuyển khác, tôi không thể đưa hai cháu đi cùng nữa. Hai cháu về lại nhà, mặt buồn thiu. Tôi lại trở về với công tác tuyên truyền xung phong của Tổng bộ Việt Minh. Đoàn chúng tôi mấy chục người được chia thành từng nhóm nhỏ về các tỉnh để mở lớp huấn luyện về trường kỳ kháng chiến.

Trở về cơ quan tối, hôm ấy tôi cũ nghĩ mãi Bích Hà, anh Văn cùng với các cơ quan Trung ương chắc chắn sẽ lên Việt Bắc, nhưng không biết sẽ đi lên con đường nào.

VƯỢT QUA SÔNG ĐÀ ĐẾN ĐẤT LÂM THAO (PHÚ THỌ)

Sáng dậy vừa ra khỏi trạm giao thông, Sông Đà đã ở trước mặt. Lần đầu tiên tôi nhìn thấy con sông lớn, thật hùng vĩ. Đồng chí giao thông đưa tôi đến gặp bạn Bích Hà. Anh Văn và Hà đang ở trong một nhà dân tường gạch, mái lá thoáng đặng bên kia Sông Đà trên đất Lâm

Thao, tỉnh Phú Thọ. Thấy tôi bước vào nhà ba lô trên lưng, biết tôi vừa đi bộ xa đến, Bích Hà hỏi ngay: - Tuệ ăn gì chưa? Đợi chút nhé.

Nhanh tay, Bích Hà lấy hai quả trứng gà trong chiếc rổ bên cạnh, rồi lấy cốc nước sôi bỏ hai quả trứng vào. Tôi biết đây cũng là món ăn bồi dưỡng duy nhất của anh Văn những ngày đầu kháng chiến. Hai chúng tôi ngồi kể chuyện cho nhau nghe sau lần gặp trước ở Quốc Oai. Tôi nói: “Thế là hôm ấy chúng mình đã ở trong vòng vây của xe tăng Pháp đấy”.

Đúng thế, sau này tôi nghe anh Chu Duy Kính, bảo vệ của anh Lê Quang Đạo kể mới biết, anh Lê Quang Đạo và Thành ủy Hà Nội hôm ấy cũng bị kẹt ở Quốc Oai mãi tối mới vượt sông Đáy sang huyện Chương Mỹ.

Anh Chu Duy Kính kể: Bộ đội chủ lực ta rút ra đây đủ an toàn sau khi vây hãm được quân Pháp trong nội thành hai tháng.

Phát hiện được ta đang chuyển quân lên Việt Bắc. Bộ chỉ huy quân đội Pháp vừa thoát khỏi vòng vây hãm, lỏng lẻo như con thú dữ, tung gần như toàn bộ lực lượng truy đuổi hòng chop bắt cơ quan đầu não kháng chiến của Hà Nội. Ủy ban kháng chiến Hà Nội bí mật chuyển địa điểm từ Tây Mỗ đến huyện Quốc Oai. Suốt đêm vừa đi vừa nghỉ, 8 giờ sáng hôm sau cơ quan vừa đến Quốc Oai thì xe tăng Pháp cũng đến núi So. Cả cơ quan đẩy xe bò chất đầy tài liệu, máy chữ, nồi niêu xoong chảo, chăn chiếu... vừa kịp rẽ vào làng Thạch Thất thì địch cũng vừa

đến thị trấn Quốc Oai. May sao chúng lại rẽ quặt sang phía Hoàng Xá, Sài Sơn trở về Cầu Phùng. Cả cơ quan Trung ương và Thành ủy hôm ấy đã ở trong vòng vây của xe tăng địch..., cả tôi và Bích Hà cũng vậy.

Ngồi chơi với nhau một lúc lại chia tay Hà và anh Văn. Với chiếc ba lô trên vai tôi đi một mạch lên Tuyên Quang. Đến thị xã Tuyên Quang gặp ngay chị Nguyễn Khoa Diệu Hồng đầu chít chiếc khăn nâu, mặc bộ quần áo nâu nhưng chẳng giấu được dáng người và vẻ mặt của người phụ nữ trí thức, thanh lịch. Thế là từ đó tôi trở thành cán bộ phụ nữ của cơ quan cán bộ Phụ nữ Trung ương cùng với chị Diệu Hồng.

MỘT NGÀY MÙA HÈ NĂM 1947

Từ cơ quan Phụ nữ Trung ương tôi đến chơi với Bích Hà và ở lại một tối. Thấy anh Văn làm việc quá nửa đêm chưa nghỉ, tôi nói: Hà nhắc anh nghỉ sớm hơn để làm việc lâu dài. Bích Hà nói: Hôm nào anh cũng thức khuya thế đấy Tuệ ạ.

Anh Trường Chinh với tên gọi thân mật anh Nhân cũng đến làm việc cùng anh Văn đến quá nửa đêm. Khi anh Nhân ra về nhìn thấy tôi và Hà vẫn ngồi đọc tài liệu và thủ thỉ nói chuyện anh bắt tay chúng tôi với nụ cười hồn nhiên và nói: - Hai cô gặp nhau tha hồ ríu rít, ríu rít nhé. Hai chúng tôi mãi mê với đồng tài liệu tin tức chiến sự và các chỉ thị của anh Văn. Tôi nhớ có đọc tài liệu anh Văn viết về việc địch sẽ nhảy dù xuống hậu phương và

khi chúng đã thả dù thì không bắn đạn thật nữa. Chính nhờ tài liệu của anh Văn tôi được đọc mà tôi đã thoát chết khỏi trận nhảy dù ngày 20 tháng 8 năm 1948 của quân Pháp ở Vân Đình. Sáng hôm ấy tôi và chị Tụy Phương vừa đến Vân Đình thì gặp Pháp nhảy dù ngay trên đầu. Chúng tôi chỉ kịp cúi đầu vào gốc cây. Trên đầu chúng tôi máy bay Pháp bắn dữ dội. Nhớ câu anh Văn viết trong chỉ thị: Khi Pháp thả dù rồi thì không bắn đạn thật nữa, tôi nói ngay với chị Tụy Phương: - Chạy đi! Chạy đi chị ơi! Thế là mặc cho máy bay bắn phá, hai chúng tôi chạy hơn mười cây số qua những cánh đồng, qua súng đạn, thoát khỏi vòng vây quân nhảy dù của địch về đến cơ sở ở Mỹ Đức an toàn. Sau này, gặp được cơ quan Thành ủy Hà Nội mới biết hôm ấy Pháp bắt hơn 200 phụ nữ ở Vân Đình.

ĐẾN THĂM BÍCH HÀ SINH CHÁU HÒA BÌNH

Cùng ở chiến khu Việt Bắc, cùng ở trong quân đội, nhưng Bích Hà sống trong khu lán của Bộ Tổng Tham mưu, tôi sống trong khu lán của Tổng cục Chính trị, hai khu lán khá là xa nhau.

Anh Văn và anh Đạo cùng đi chiến dịch Hòa Bình. Nghe tin Bích Hà vừa sinh cháu gái đầu lòng, tôi vội sang thăm. Tôi đang có thai. Phải lội qua mấy con suối và nhiều đường rừng quanh co mới đến lán Bích Hà ở. Vừa vào lán nhìn thấy Bích Hà và cháu nhỏ đỏ hỏn nằm bên cạnh, tôi mừng quá vì thấy Bích Hà khỏe, “mẹ tròn con

vuông”. Anh Văn đang ở chiến dịch Hòa Bình, chắc là Bích Hà “vượt cạn một mình”. Tôi và anh Đạo đã định dù sinh con trai hay gái cũng đặt tên là Hòa Bình để ghi nhớ chiến thắng Hòa Bình. Nhưng trước đấy anh Văn và chị Hà sinh con gái đã chọn tên con là Hoà Bình rồi, anh Đạo bảo tôi: “Ta đặt tên con là Thắng Lợi vậy”. Anh Đạo giải thích Thắng Lợi chiến dịch Hòa Bình mà.

SÂM SƠN, MỘT CHIỀU SAU CƠN BÃO

Đặng Thị Hạnh*

Chị tôi và tôi thân nhau từ khi còn rất bé. Đó là một điều tự nhiên bởi trong một gia đình đông con, hai chị em sát tuổi nhau thường thân nhau. Tuy nhiên, nếu tìm hỏi chân trời xa nhất của ký ức, tôi đã không nhìn thấy chị tôi ở đấy, mà lại là dì tôi, nhưng vẫn có một người đã nhìn thấy hai chị em tôi cùng chơi trong sân nhà ông ngoại tôi ở làng Quỳnh, đó là người sau này chị tôi sẽ gắn bó cả cuộc đời. Anh Văn đã kể lại là sau khi được ra tù năm 1931, anh ra Vinh và có một thời gian học chữ Hán với ông ngoại tôi ở làng Quỳnh. Anh đã nhìn thấy Hà và Hạnh chơi ở ngoài sân, cái sân đất bột vàng vàng mà mỗi khi trời mưa giông mùa hè lại có một mùi khét nắc cú theo tôi suốt cả cuộc đời. Có thể nói những kỷ niệm chung giữa tôi và chị tôi đều gắn với những ngôi nhà và những khu vườn trong hành trình của một thời thơ ấu.

* Em gái vợ Đại tướng

Bích Hà, tên của chị tôi có nghĩa là “ráng biếc”, (nằm trong một hệ khác hẳn với tên các đứa em sau, tên thuộc hệ hoa). Có lẽ vì chị tôi là đứa con duy nhất của ba mẹ tôi sinh ra ở chính quê nội và ba tôi chắc đã nghĩ tới những ráng đẹp mà ba tôi thường ngắm vào các buổi ban mai trên bầu trời quê nhà.

Từ khi tôi lên bốn tuổi, gia đình tôi chuyển hẳn ra Hà Nội, thì ký ức chung với chị tôi bắt đầu xuất hiện, những thời điểm nhỏ li ti nhiều vô kể, đầu tiên là những ngày khai trường. Chị em tôi thường đi mua sách vở ở hiệu Taupin và cùng tìm thấy niềm vui dễ chịu của mùi thơm giấy mới. Ngay sau khi mua sách, chúng tôi thường nhân tiện chạy từ phố Tràng Tiền ra Bác Cổ nhặt những bông hoa gạo cánh dày màu đỏ sẫm, bỏ vào vạt áo rồi lên xe tay về nhà. Cũng có những ký ức chung “tội lỗi” hơn: những cuộc đi xe đạp giấu mẹ tôi ra phố Nhà Thờ để ăn thịt bò khô - điều bị mẹ tôi cấm đoán vì mẹ tôi nói đấy chỉ là da bò, thực ra chúng tôi chỉ thích ăn đu đủ nạo trộn với giấm hơi cay cay. Không hiểu sao phố nhà tôi có đủ các hàng quà: tào phớ, chế ma phù... nhưng không có thịt bò khô. Hai em gái tôi còn quá bé nên không đi xa được. Có một lần không may chúng tôi bị một cô em tóm được và nó tuyên bố: “Ta ra mách mẹ”. Thế là hết chuyện. Nhưng tên gọi “Te re mách” còn lại từ đấy. Mùa đông có những thú riêng. Khi ở phố Duvigneau cũng chỉ hai chị em tôi là đủ lớn để được ngủ trên cái giường giáp phố. Nghe thấy tiếng rao phá xa là chúng tôi chui ra khỏi chăn thò tay ra cửa sổ mua.

Thực ra thế giới bí mật chung mà chị em tôi chia sẻ với nhau nhiều nhất là những cuốn sách truyện tiếng Pháp bẻ nhỏ, bìa có nhũ, giấy dày và ram ráp, chứa đầy những tranh đẹp, những cô công chúa, những hoàng tử và nhiều khi chỉ là con một ông chủ cối xay hay một cô chăn cừu bé nhỏ.

Khi phong trào Bình dân đã kết thúc, gia đình chúng tôi từ trung tâm chuyển đến một ngôi nhà ven hồ Trúc Bạch, có một khu vườn nhỏ, trong đó hai chị em tôi trồng một loại hồng rất bé, sau này chỉ có cô em gái út của tôi là còn mang lại cho tôi một loại hồng như thế. Căn nhà chỉ có hai phòng. Ba mẹ tôi và ba em nhỏ ngủ ở phòng ngoài, phòng trong của chúng tôi rất hẹp và dài. Sau này tôi luôn luôn nằm mơ thấy một căn phòng nhỏ và dài, chắc là vì trong rất nhiều đêm ở đấy, tôi và chị tôi khi nhà ngoài đã đóng cửa tắt đèn, chúng tôi lại bật đèn đêm lên để đọc hàng chục cuốn sách của Dumas.

Thời kỳ này, ba tôi bị đau dạ dày nặng, có lẽ vì nỗi buồn do phong trào Bình dân đã tan vỡ và anh em đồng chí nhiều người đã đi xa, điều mà vào lúc ấy chúng tôi vẫn chưa hiểu được. Tôi và chị tôi vẫn vui mừng được đến Nhà hát lớn xem hai vở kịch của Musset do một đoàn kịch Pháp đóng. Trong vở “ Các cô thiếu nữ mơ mộng điều gì”, hai cô tiểu thư Ninon và Ninette mặc váy dài trắng và hồng tựa trên ban công nhìn lên bầu trời xanh thăm đầy sao, tại sao vòm sân khấu Nhà hát lớn lại có thể lấp tẩm sao và đẹp đến thế? Tôi không bao giờ xác định được thời điểm của buổi diễn ấy cho đến cách đây

dăm năm, một hôm chị tôi gọi điện nói rằng chị vừa soạn lại giấy tờ, (thỉnh thoảng chị tôi lại soạn lại giấy tờ tranh ảnh trong các va li cũ không biết bao nhiêu lần mà kể, tất cả những thứ đó đã đi theo chị tôi suốt cả cuộc kháng chiến chống Pháp). Chị tôi nói: “Hạnh ạ, cả một cuốn nhật ký chỉ còn lại một tờ, trên đó có ghi: “Hôm nay đi xem kịch Musset, sắp mở màn thì có còi báo động, Hạnh rất nerveuse (bút rút) vì sợ không được xem kịch, sau đấy may quá lại báo yên”. Vậy là buổi xem kịch rất hay đó diễn ra vào năm 1943 khi Mỹ bắt đầu ném bom Hà Nội, và chúng tôi sắp phải đi tản cư. Trong suốt thời gian dài ở Hà Nội, thật lạ tôi chỉ còn giữ lại một hình ảnh của anh Văn ngồi bên lò sưởi ngôi nhà phố Henri d’Orléans (nay là phố Phùng Hưng), anh đang vừa đọc sách vừa xát bàn tay vào lòng bàn chân, đấy là một cách tập dưỡng sinh của anh.

Đến Sầm Sơn, tôi đã phải đi học ở trường duy nhất sơ tán về đấy là trường Sarraut. Tôi và chị tôi thường đi dọc con đường tuyến hai của Sầm Sơn, suốt từ ngôi nhà ở chân núi gần đến Độc Cước cho đến ngôi trường ở cuối thị xã gần Rừng Thông. Suốt con đường rải cát, hai bên là các bụi găng xén rất đẹp, chị tôi không bao giờ ngừng nói cho tôi các thứ chuyện trên đời, còn tôi thì yên lặng nghe là đủ.

Ở Sầm Sơn, thú vui lớn nhất của tôi và chị tôi lại không phải là đi tắm biển vào những ngày nắng rực rỡ, biển trong suốt màu ngọc lục bảo, mà là đi chơi vào những ngày mưa. Vào một buổi chiều, cơn bão mới tan,

mưa vẫn còn bay lất phất, tôi và chị tôi mặc áo mưa đầu trần đi chân đất trên cát ướt đầy rong rêu và những mảnh vụn đen, chị tôi nói đây là những mảnh của các con tàu bị đắm. Sau đó nhìn ra đường chân trời, biển đỏ đục ngầu rất hung dữ, chị tôi nói: “Chị muốn là con trai, vì là con gái khó có sự nghiệp”. Tôi yên lặng, đối với tôi, sự nghiệp hay ý nghĩa cuộc đời chưa là gì hết.

Hai chị em tôi tham gia những hoạt động từ thiện do cô con gái đầu của ông Lê Thuốc tổ chức. Vào đầu năm 1945, thị xã Sầm Sơn vốn trước đây mang một bề ngoài sung túc, bỗng thấy đầy người chết đói. Rồi bỗng nhiên vào một ngày tháng Tám rất đẹp, cách mạng nổ ra ở cái thị xã yên tĩnh ấy. Nhưng chúng tôi cũng không kịp biết gì nhiều về Sầm Sơn sau đó, vì ba tôi có lệnh của Trung ương gọi ra và hai chị em tôi được ra Hà Nội trước với ba tôi. Sau này rất nhiều năm, khi Sầm Sơn chỉ còn là ký ức đẹp của thời thơ ấu, vào một thời kỳ rất khó khăn của đời chị, chị tôi không bao giờ phàn nàn mà chỉ có một lần nói với tôi: “Dù sao Sầm Sơn cũng vẫn là lost paradise” (thiên đường đã mất).

Thời kỳ đầu trở lại Hà Nội, hiện nay tôi không sao nhớ lại cảm giác của mình. Ba tôi đau dạ dày và nằm điều trị tại bệnh viện lúc ấy gọi là Đồn Thủy, nay là Bệnh viện 108. Hai chị em tôi thường mang cơm tới cho ba tôi và đi vào bằng cửa sau, lúc đi và lúc về đều tránh thật xa một đoạn đường ở đây những người lính mà chúng tôi gọi là Tàu Tướng, họ ngồi la liệt tay cầm một cành lá và xua ruồi. Không hiểu sao họ bị sâu quảng rất nhiều và được

điều trị trong một khu vực riêng của bệnh viện. Rồi mẹ tôi và các em ra Hà Nội. Chúng tôi được ở một biệt thự rất đẹp: biệt thự Les Saules. Anh Văn đã trở về và Bác Hồ cùng các anh khác trong Trung ương thỉnh thoảng vẫn xuống họp, có khi ngồi ngay ngoài vườn, bên cạnh một bên là cái đình tạ mái bằng, có hoa ti gôn phủ đầy trên nóc, và bên kia là một cái ao, ven ao là những cây lệ liễu. Tôi và chị tôi khám phá ra nhà kho của chủ nhân cũ: bác sĩ De Massias, bố của Nicole, bạn của chị tôi ở Sầm Sơn. Tôi lại tiếp tục có nhiều sách để đọc và khi ba tôi làm Bộ trưởng Bộ Giáo dục thì hai chị em tôi thường đi xe tay lên ngôi nhà ở phố Hàng Bài để dự các cuộc họp cho tiện. Lúc đi và lúc về đều đi qua phố Khâm Thiên, một đường phố bình thường mà sao Văn Cao có thể biến thành hư ảo một cách khủng khiếp đến thế trong bài thơ “Chiếc xe xác qua phường Dạ Lạc”. Nhưng đây là để nói về một thời đen tối đã qua. Còn bây giờ đối với một người ngưỡng mộ lý tưởng như tôi, cuộc sống bên ngoài rạng rỡ chưa từng thấy.

Cũng rất êm ả là tình yêu giữa anh Văn và chị tôi. Từ êm ả là một cái gì sáo mòn nhưng tôi thấy đúng như vậy. Bởi vì tình yêu lúc ban đầu thường rất sôi nổi, nhưng chị tôi vẫn thế, vẫn có thì giờ chia sẻ mọi điều với tôi. Chị tôi vẫn giành thời gian cho mọi người và cho mọi hoạt động xã hội. Vả chăng anh Văn cũng rất bận và ít khi có thể về nhà. Còn tôi, tôi cũng rất bận và mối quan tâm lớn nhất của tôi là tham gia các hoạt động của Đội Thiếu nữ Tiền Phong. Nhưng những ngày rất đẹp rồi cũng qua.

Những ngày cuối cùng trước kháng chiến, tôi chỉ quan tâm đến việc liệu có được ở lại Hà Nội cùng với các bạn trong Đội Thiếu nữ hay không, tới mức tôi không hề biết rằng đám cưới của chị tôi đã được quyết định, vì anh Văn sẽ lên Việt Bắc, còn gia đình chúng tôi sẽ về Khu Bốn. Hôn lễ đã được tổ chức rất đơn giản ở ngay phòng ngoài của ngôi nhà phố Hàng Bài, chỉ có ông Trần Duy Hưng và bà Thục Viên tham dự. Thật kỳ lạ, tôi không nhớ tôi đã chia tay với chị tôi như thế nào, mà chỉ còn nhớ lại ngày cuối cùng tôi ở lại một mình trên gác của ngôi nhà Hàng Bài, lần đầu tiên trong đời, tôi cảm thấy có một biến cố lớn sắp xảy ra mà tôi không thể làm gì trước biến cố ấy. Tôi sẽ phải ra đi trong khi các bạn tôi ở lại Hà Nội.



Hai vợ chồng anh Văn
và chị Hà (Đặng Bích Hà) -
Nghệ sĩ nhiếp ảnh
Trần Hồng chụp

Sáng hôm sau, tôi cùng ba mẹ tôi và các em rời Hà Nội, tôi chỉ còn rất ít thì giờ để cảm thấy một chút bàng khuâng. Tôi rời Hà Nội mà không có chị tôi bên cạnh, rời bỏ thành phố và cả thời thơ ấu của tôi nữa. Tôi đã mười sáu tuổi.

Thực ra tôi chỉ xa chị tôi khoảng bốn năm. Đầu năm 1951, cả gia đình tôi đi bộ ra Việt Bắc, chúng tôi đến Quảng, đầu tiên ở ngay gần nhà chị tôi, sau chuyển đi cách một đoạn đường. Tôi đã học xong Dự bị Đại học ở Thanh Hóa và lần đầu tiên xa nhà, tôi đến dạy ở trường Tân Trào gần thị xã Tuyên Quang. Sau ít tháng, ba mẹ tôi lại chuyển trở về Khu Bốn, lần này là về quê nội. Chị tôi đã thống nhất với ba mẹ tôi là sẽ giữ tôi lại ở Việt Bắc. Tôi đã hai mươi một tuổi, cũng đã đến lúc không thể bám theo mẹ tôi mãi. Tôi phải theo nghề nghiệp và cũng như mọi người sẽ phải lập gia đình. Tôi di chuyển theo các ngôi trường có thể gần nhất với nơi ở của chị tôi. Mỗi lần có thể, chị tôi đều cho người đến đón tôi về nhà. Chị tôi ở những lán cao và thoáng. Lúc ấy chị tôi đã có hai cháu, cháu thứ hai mới được mấy tháng, tôi thường nằm cạnh nó trông cho nó ngủ và đôi khi nếu có chiến lợi phẩm, tôi lại gặm sôcôla, một thứ thật hiếm hoi thời ấy. Chị tôi rất bận vì vừa phải làm việc ở văn phòng với phải chăm sóc gia đình. Tôi thật khó hình dung cô con gái xưa kia ở Hà Nội là chị tôi lúc bấy giờ đã thành người phụ nữ bận rộn và chịu khó. Chị tôi vẫn chăm sóc tôi và có thể nói chị đã có ý kiến quyết định trong vấn đề hôn nhân của tôi. Anh Văn rất bận nhưng có lúc, anh vẫn đưa cho tôi đọc quyển “Trường kỳ kháng chiến” của anh Trường Chinh và còn

giảng giải cho tôi nữa. Đầu óc lòng bông của tôi cách xa những điều ấy hàng trăm dặm. Chỉ có một đêm thức giấc, lúc chừng ba giờ sáng, tôi thấy lán bên cạnh vẫn đang sáng đèn, tôi thấy anh Văn ngồi thức trên bàn làm việc, đôi mắt nâu rất trong của anh vẫn sáng rực. Chắc anh đang đọc một mệnh lệnh rất quan trọng, còn anh thư ký trẻ mắt nhắm nghiền, tay vẫn đánh lia lịa trên máy chữ. Tôi không hề biết là những trận đánh lớn sắp bắt đầu.

Đến nay đã rất nhiều năm trôi qua. Cuộc đời của mỗi chị em chúng tôi đã trải qua những thăng trầm, những vui buồn như nó vẫn thường có trong cuộc đời mỗi người. Cách đây không lâu, tôi đến chơi với chị tôi. Chị tôi bây giờ ít nói hơn trước nhiều. Chị đang soạn lại những sách báo cũ (như xưa kia chị soạn lại thư và ảnh). Chị dừng lại và nói với tôi: “Chị thương Hồng Anh lắm”. Tôi hiểu điều đó, nhưng tôi vẫn nói: “Dù sao Hồng Anh cũng đã ngoài bảy mươi”. Chị nói: “Nhưng ba nó vẫn còn sống mà nó đã mất, đó là một điều đau lòng.” Trước khi về tôi hỏi: “Cuối cùng thì ý nghĩa cuộc đời là thế nào hả chị?”. Chị tôi đáp: “Ý nghĩa cuộc đời của chị là đã có anh Văn”. Trên đường về, tôi nhớ lại ước nguyện của chị tôi vào một buổi chiều sau cơn bão ở Sầm Sơn, đã từ lâu lắm. Tôi nghĩ chị tôi vẫn đã đạt tới ước nguyện đó, bởi sự nghiệp không chỉ là phần rực rỡ đầy hào quang, mà có thể chỉ là rất khiêm nhường âm thầm, miễn là có ích; đó vẫn là sự nghiệp cao quý. Tôi nhớ có lần chị tôi đã nói với anh Văn rằng: “Chúng ta vẫn có thể về dạy sử và tiếng Pháp mà”.

Tôi gặp anh Văn ít lâu trước khi anh vào bệnh viện. Anh ngồi trong buồng, anh vừa tập thiền xong, mặt anh thanh thản một cách lạ thường, đôi mắt nâu và to vẫn trong suốt. Tôi nhìn thấy trong đôi mắt ấy tất cả những gì mà anh đã trải qua trong cuộc đời: những trận đánh, những quyết định khó khăn, nỗi thương xót đồng đội.... còn vinh quang, tôi có cảm giác là anh đã đặt nó ở đâu đấy trong phòng, tôi không biết nữa. Một tâm hồn đủ rộng để dành tất cả cho dân cho nước; (cho đến gần đây, anh cũng đã làm mọi điều anh có thể); nhưng trong tình cảm lại không bỏ sót một ai, anh không bao giờ quên một đứa cháu nhỏ ở xa trong một ngôi làng hẻo lánh. Còn đối với chị tôi, đó là mối tình đẹp nhất mà tôi được biết. Hôm vừa rồi, đứa cháu gái của tôi nói với tôi: cách đây dăm bảy năm, có một lần mẹ nó đến dẫn bà Hà đi cắt tóc. Lúc bà ra đi, ông hỏi: “Mấy giờ Hà về?”. Bà Hà trả lời: “Hà sẽ về muộn, anh ăn cơm trước đi”. Ông đặt tay lên tay bà và nói rằng: “Anh sẽ đợi”. Một mối tình qua bao năm tháng vẫn nguyên vẹn như thời ở Liễu trang.

Tháng 12 năm 2006, chị em chúng tôi mang hoa đến chúc mừng ngày hôn lễ kim cương của anh chị. Anh Văn nói: “Đối với anh, ngày nào cũng là ngày hôn lễ kim cương”.

VIỆT BẮC MỜ XA...

Đặng Xuyên Như*

Tôi luôn yêu thích những khu rừng ở miền núi phía Bắc. Vẻ đẹp có vẻ bí hiểm của nó đã làm tôi say mê từ thuở ấu thơ, khi tôi còn là một cô bé con đi trên con đường nhỏ trong rừng, thích thú với mùi thơm hăng hắc của lá sa nhân cùng bao mùi thơm hoa lá khác. Những kỷ niệm về gia đình, người thân và cô giáo cũ ở khu rừng Chiêm Hóa năm xưa luôn còn mãi trong tôi như “những ngày xưa yêu dấu”.

Những năm qua tôi đã có dịp trở lại những khu rừng Việt Bắc. Tôi thích cái cảm giác sau chuyến đi công tác, ngồi trên xe ô tô qua những nẻo đường Tuyên Quang, chợt thấy con sông Lô thấp thoáng sau những hàng cây, ngắm ánh nắng lấp lánh trên những đồi cọ, dõi theo những khóm cọ đột ngột hiện ra trên cánh đồng ven núi, xa xa là những ngôi nhà nhỏ yên bình cùng đồi thông xanh ngắt. Có khi đi cùng những người bạn đang

* Em gái vợ Đại tướng

ngiên cứu cây rừng lên Hà Giang, ngựa cổ ngẩng những dãy núi đá cao vời vợi, xung quanh cũng toàn là núi đá. Hoặc theo đường 6 qua tỉnh Hòa Bình, từ trên núi nhìn xuống thung lũng lúa chín vàng rải rác những ngôi nhà sàn và nhớ tới câu hát “Đường lên Tây Bắc xa xôi, nếp nhà sàn thấp thoáng...”. Hay chìm vào màn sương dày đặc của cao nguyên Mộc Châu với bạt ngàn chè, và mận, và đào, trong nỗi nhớ những vần thơ không thể quên của Quang Dũng trong bài “Tây tiến”. Rồi đi qua những bản làng người Thái nằm bên dòng suối với những cọn nước trên đường lên Điện Biên, qua Cò Nòi xưa kia là rừng rậm với hổ dữ mà nay hầu như không thấy một bóng cây to nào cả.

Và những ký ức về chuyến đi của gia đình tôi từ Thanh Hóa ra Việt Bắc trong thời kháng chiến chống Pháp cùng những ngày sống ở chiến khu lại hiện về...

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, gia đình tôi rời Hà Nội tản cư về Thanh Hóa, chỉ có chị cả tôi ra Việt Bắc. Thời kỳ này ba tôi làm việc ở Ủy ban Kháng chiến tỉnh Thanh Hóa, dạy lớp Dự bị Đại học và tham gia các hoạt động văn hoá kháng chiến. Trí nhớ non nớt của tôi vẫn còn giữ lại hình ảnh Thanh Hóa với những cánh đồng rộng, con sông Chu êm đềm và ngôi làng đồng bằng có lũy tre bao quanh ở Thiệu Hóa và những bụi nứa cao vút với vườn chè ở Quần Tín. Sau đó gia đình tôi chuyển ra Việt Bắc trong một chuyến đi bộ dài, chỉ có tôi còn bé được ngồi trên xe đạp do anh Tác lái đi. Hình ảnh chuyến đi này tôi vẫn còn giữ lại trong trí nhớ như một cuốn

phim quay chậm với nhiều điều mới lạ đối với một cô bé 6 tuổi. Chúng tôi rời Quần Tín ra đi trong một buổi chiều, trời hơi mờ mờ, tôi nhớ mẹ đứng trong sân cẩn thận đưa chiếc gối nhỏ để buộc vào gióng trước chiếc xe đạp cho tôi ngồi. Mặc dù còn bé tôi cũng đã hiểu phải đi vào buổi chiều để tránh máy bay Pháp ném bom. Cùng đi có rất nhiều người dân công, tôi nghe mọi người trong gia đình nói có 14 người dân công gánh sách của ba tôi, qua mỗi đoạn đường lại đổi tốp dân công khác. Các chị tôi giờ đây không còn mặc áo dài như trong những bức ảnh thời đầu kháng chiến nhưng vẫn kiên trì đi guốc trên đoạn đường mấy trăm cây số từ Thanh Hóa ra Tuyên Quang. Tôi vẫn nhớ một số địa danh nghe người lớn nhắc đến trên đường đi và sau này khi trở về Hà Nội, tôi chấp nó lại để hình dung cuộc hành trình năm ấy. Chị Đào hay nhắc lại trận ném bom ở Ninh Bình khiến mọi người phải nấp trong hang đá. Riêng tôi nhớ lúc đến Ninh Bình, cả gia đình tạm nghỉ vào “Long Anh quán” để uống nước. Quán này nằm trong một hang đá ven đường, trong quán rất đông người – cán bộ, bộ đội đi công tác qua. Tôi thích thú uống nước chanh tại đây, món giải khát tôi vẫn thích cho đến bây giờ.

Lúc qua dốc Cun trời mờ tối, tôi nghe các chị kêu mệt vì đi guốc leo dốc cao quá. Đến Trung Hà, mọi người bảo bột Trung Hà của bọn Pháp rất nguy hiểm, phải chờ đến tối mới qua sông được. Trong lúc chờ đợi bên con đường dẫn xuống bến sông, tôi rất thú vị ngồi bên một chõng tre, ngắm nghía bà hàng nước với một đĩa na có

những quả na thơm nức mà tôi được thưởng thức sau đây. Tôi tưởng như vẫn còn cảm thấy được mùi thơm ấy cho đến tận bây giờ, sau này tôi mới biết chỉ na bờ mới thơm như vậy. Buổi tối qua sông, ngồi trên thuyền tôi ngắm những hàng chuối sẫm đen bên kia bờ đang tiến lại gần, tôi cảm thấy hơi瑟瑟 khi thuyền chòng chành nhưng cũng hiểu là phải bí mật, giữ yên lặng.



Sáu chị em và cậu em họ (Chiêm Hóa - 1951)

Hàng đầu: Đặng Thái Hoàng.

Hàng sau: Hồ Phi Phục, chị Hạnh, chị Hà, Xuyến Như, chị Lê, chị Đào

Trên chặng đường cuối, trước khi đến Chiêm Hóa, hai bên đường toàn là rừng, cây che hết mặt đường làm thành một vòm lá xanh sẫm tối. Ngồi trên xe đạp tôi thấy những chiếc cánh thương binh từ mặt trận vội vã đi ngược lại. Buổi tối dừng lại ở một làng gần đường, những chị dân công người Thái đi từng đoàn đốt đuốc sáng bừng những khuôn mặt trong đêm. Một hôm khác, gia đình tôi nghỉ lại trong một đồn điền trồng cam. Người chủ đồn điền có con gái là vợ một người bạn của ba tôi. Bữa tối được dọn ra trong một căn phòng trông có vẻ trang nghiêm, kiểu cách. Tôi chạy ra hành lang nhìn ra vườn cam xung quanh ngôi nhà lớn, trong bóng đêm mờ mờ vẫn trông thấy những quả cam rụng ngoài vườn, ở phòng bên cạnh có một người phụ nữ cúi đầu đi đi lại lại. Tôi có một cảm giác thật kỳ lạ.

Lúc sắp tới Chiêm Hóa, qua một làng gần cầu Cả, bọc quần áo của tôi bị rơi mất. Mẹ an ủi: “Mai đến chỗ chị Hà, mẹ sẽ may áo mới cho con”. Ở Chiêm Hóa, có hai điều làm tôi ngạc nhiên: khắp nơi toàn là rừng và cơm có màu đỏ chứ không trắng như ở Thanh Hóa. Anh Văn và chị Hà ở trong một ngôi nhà nhỏ làm bằng tre nứa nằm ở phía cuối một khu rừng rậm. Thời kỳ đầu chúng tôi ở cùng nhà với anh chị. Chị Hà có vẻ tất bật vì mới sinh cháu Hòa Bình. Tôi có cảm giác trong nhà hơi tối, có lẽ vì xung quanh toàn cây cao. Tôi mơ hồ nhớ phía sau ngôi nhà hình như nhìn xuống một vực sâu, có lẽ ở dưới có con suối nhỏ, và toàn bộ phía sau nhà cũng mờ tối vì được che rợp bởi bóng cây. Tôi bắt đầu đi học ở một lớp

học trong rừng, gặp cô giáo đầu tiên, cô Ngà trắng trẻo xinh đẹp mà tôi còn nhớ mãi. Sông Quảng nằm ngay phía cửa rừng, thỉnh thoảng tôi ra đứng bên bờ rừng nhìn mãi về phía dòng sông.

Sau này gia đình tôi chuyển sang một ngôi nhà khác ở bên kia sông Quảng. Anh tôi và cậu em họ thường ra sông tắm, nhưng con sông nhỏ này cũng có những vực sâu khiến chị Đào có lần suýt bị chết đuối. Ngôi nhà mới cũng nằm dưới tán cây rừng, nhưng phía trước mặt thì quang hơn, có những ngọn đồi. Tôi thường chạy ra khỏi nhà, thơ thẩn ven rừng và ngạc nhiên thấy một lũ lợn be be từ phía rừng chạy về, chúng đi lại loăng quăng chứ không nằm trong chuồng như lũ lợn ở Thanh Hóa. Thời kỳ này ba tôi hay kể chuyện “Đồng Kisốt” cho tôi nghe nhưng tôi có vẻ thích những chuyện “Cô bé quàng khăn đỏ”, “Tắm Cám”, “Chú bé tí hon”,... hơn. Sau này lớn lên đọc sách tôi mới hiểu hết cái hay của chuyện “Đồng Kisốt”. Có hôm đi trên đồi cùng với ba chợt thấy mấy bông hoa màu tím nhạt, lần đầu tiên tôi biết đến cảm giác thoảng buồn khi nhìn màu tím mong manh ấy, sau này nhớ lại tôi cho rằng đấy là dấu hiệu “lãng mạn” đầu tiên của mình!

Một buổi chiều, tôi nhìn ra trước cửa thấy anh Văn xuống ngựa cùng mấy anh bộ đội sau chuyến đi công tác. Mẹ tôi mở ống tre đựng thịt muối của anh Văn và xớt xa bảo: “Muối nhiều hơn thịt!” Chị Hạnh đã đi dạy ở trường Tân Trào, ngày ngày tôi lấy một hòn than trong bếp của mẹ đánh dấu lên chiếc cột tre để tính ngày chị về. Nhưng

tôi chỉ đánh dấu được 14 vệt thì cảm thấy mệt mỏi quá nên đành thôi. Cũng ở đây tôi đã có những nỗi buồn bực đầu tiên trong cuộc đời bé nhỏ của mình: tôi được mẹ cho phép gọi đầu bằng bồ kết nhưng chị Lê nhất định không cho với lý do “trẻ con không được gọi đầu bằng bồ kết (!?)”, tôi xin phép bỏ guốc đi chân đất chị cũng không đồng ý!



Chị Hà ở Việt Bắc

Sau đó một thời gian ba tôi lại chuyển về Khu Bốn để dạy trường Dự bị Đại học. Cả gia đình về Khu Bốn, chỉ có chị Hà và chị Hạnh ở lại Việt Bắc. Tôi còn nhớ buổi tối chị Hạnh tiễn cả nhà xuống bến sông, sau đó chị chạy lên đồi, từ dưới thuyền nhìn lên tôi thấy chị vừa chạy vừa lấy tay che mặt, trong bóng tối mờ mờ tôi biết chị đang khóc.

Đây là lần đầu tiên chị xa ba mẹ và các em, rất may có chị Hà cùng ở trên Việt Bắc. Rồi cuộc kháng chiến đã biến đổi chị Hạnh từ một cô thiếu nữ Hà Nội nhút nhát sau này có thể đi bộ trong rừng suốt ngày trên đường công tác như lời chị kể cho tôi sau ngày về lại Hà Nội.

Mỗi khi nghĩ đến anh Văn, chị Hà tôi thường nhớ đến những bức ảnh anh chị chụp hồi ở Việt Bắc giống như hồi tôi gặp anh chị ở Chiêm Hóa. Đó là tấm ảnh anh Văn ngồi trên lưng ngựa, mắt nhìn về phía xa với vẻ quả cảm, và bức ảnh chị Hà ngồi trên đồi bên bóng lau phơ phất, mắt chị ngước lên với vẻ trong sáng, hiền hậu. Sau này trở về Hà Nội, tôi nói với chị tôi rất thích bức ảnh có những cảnh lau trên Việt Bắc, chị bảo: “Những buổi chiều thời kháng chiến, nhìn những bờ lau xám buồn nhớ Hà Nội lắm em ạ!”.

Ước mơ quay trở về Chiêm Hóa thăm khu rừng và lớp học xưa của tôi cuối cùng cũng đã thực hiện được nhờ những người bạn tốt ở Tuyên Quang. Nhưng khu rừng xưa đã biến mất tự bao giờ, giờ đây đó chỉ là ngọn đồi rải rác những ngôi nhà. Những gia đình người Tày sống ở đây đối với chúng tôi rất thân ái giống như những người dân ở chiến khu xưa. Tôi được dẫn đến miếng đất trước đây có ngôi nhà nhỏ của anh Văn, chị Hà và đứng như trong trí nhớ của tôi, phía sau khu đất là một bờ vực cao nhìn xuống con suối nhỏ cạnh nước. Bên kia suối là một khu rừng nhỏ cây cối lưa thưa còn sót lại của khu rừng rậm ngày trước. Trên miếng đất có ngôi nhà xưa nay mọc lên mấy cây đu đủ, cạnh đó là những ngôi nhà

được làm trong thời gian vài chục năm qua. Lạ thật, cả một khu rừng rậm biến mất như chưa hề tồn tại. Chỉ có con sông Quảng là vẫn đẹp như ngày nào với làn nước xanh và những bờ cây xanh ngắt, con sông vẫn lấp lánh ngoài cánh rừng như trong ký ức tuổi thơ của tôi. Đêm ấy về tới thành phố Tuyên Quang, tôi nằm mãi không ngủ được dù biết rằng bao nhiêu năm đã qua đi, tránh sao “vật đổi sao rời”. Điều sung sướng nhất là tôi được gặp lại cô Ngà, cô giáo đã dạy tôi viết những nét chữ đầu tiên trong lớp học nhỏ trong rừng. Người bạn học cũ đưa cô giáo và tôi đến thăm mảnh đất trước kia là lớp học, nơi đó không xa ngôi nhà tôi ở ngày xưa. Tôi cũng đến thăm khu đồi gần nhà tôi ngày trước, nơi ở của các bác Hồ Đắc Di, Nguyễn Văn Huyền, Tôn Thất Tùng. Người dân địa phương còn chỉ cho tôi gốc cây khế già gần nhà bác Di. Hồi đó ba mẹ tôi thỉnh thoảng dẫn tôi sang thăm các bác. Anh Văn và chị Hà vẫn giữ mãi mối thân tình với vợ chồng bác sĩ Tôn Thất Tùng, khi lớn lên tôi nhận thấy anh chị luôn nói về vợ chồng bác sĩ Tôn Thất Tùng như những người bạn thân thiết. Khu kỷ niệm trường Y ở Chiêm Hóa bây giờ chỉ còn là một khu đất nhỏ có những khóm cọ, xung quanh là nhà dân và đường đi. Mấy chục năm trước tôi theo các chị vào thăm trường, nơi đây là một khu rừng cọ và tre nửa mọc dày đặc. Lúc ấy tôi thấy nhiều người mặc áo “blouse” trắng trong những ngôi nhà bằng tre nứa, các chị bảo đấy là nơi làm việc của bác sĩ Đặng Văn Ngữ.

Thỉnh thoảng tôi vẫn gặp lại kỷ niệm xưa trên

những nẻo đường đi của cuộc đời. Vài năm sau khi hòa bình lập lại, ba mẹ tôi và tôi đi cùng đạo diễn Phạm Văn Khoa ra Hạ Long trên chiếc xe quay phim có mui bạt của ông. Sau lúc đi phà từ Bãi Cháy sang Hạ Long, chúng tôi vào uống nước ở một quán có tên “Long Anh quán”. Tôi nhắc ba tôi hỏi ông chủ quán xem có phải thời kháng chiến ông mở quán ở Ninh Bình không và thật thú vị khi nghe ông trả lời đúng đấy. Những lần đi Sầm Sơn, lúc qua địa phận Ninh Bình tôi đều chú ý nhìn lại những hòn núi đá nhỏ nằm sát đường quốc lộ. Nhưng gần đây những núi đá ấy cứ dần dần bị biến mất theo đà phát triển của xây dựng. Có lần tôi hỏi chị Hạnh: “Em vẫn nhớ hôm chị tiễn cả nhà từ Việt Bắc về Khu Bốn, buổi tối trước lúc xuống thuyền không hiểu sao chị và em lại đứng cạnh một bức tường cũ không có mái nhà?”. Chị bảo: “Đấy chính là một đoạn thành nhà Mạc đấy!”. Thì ra cách đây mấy chục năm chúng tôi đã chia tay ở một đoạn bờ sông Lô ngay gần thành cổ Tuyên Quang. Tôi đã có dịp đi qua đấy. Thành nhà Mạc không còn rêu phong như trong ảnh cũ, nhiều ngôi nhà to được xây dựng gần bến sông trên những khu đất cao xưa kia chắc là đồi. Những hình ảnh ngày xưa như thuộc về một thế giới rất xa...

Gần đây tôi đến thăm chị Hà, anh Văn vẫn ở bệnh viện. Chị ngồi trước bàn với hai quyển sách mở giữa trang: cuốn “Ai van-hô” bằng tiếng Pháp và cuốn “Đề nhớ Đặng Thai Mai”. Chị nói: “Nhà em ở xa quá”. Tôi tự trách mình từ khi dọn nhà ra phía ngoại thành đã không đến thăm chị nhiều như trước. Chị bảo chị vẫn đọc sách

suốt ngày mặc dù mắt đã kém đi nhiều. Xung quanh chị gối ngang sách vở báo chí. Bao giờ trong phòng chị và anh Văn cũng nhiều sách vở như vậy. Có lẽ đọc nhiều cũng là một trong rất nhiều điểm chung gắn kết anh chị trong cuộc đời. Sau năm 1975, chị Hà vào Sài Gòn. Lúc về chị chở đầy một xe “jeep” toàn sách các loại nhất là sách về lịch sử chuyên ngành nghiên cứu của chị. Chị bảo đã xin được sách khi các thư viện trong đó thanh lý sách. Tôi thấy chị luôn vui vẻ, hiền hậu. Nhưng cách đây mấy năm tự nhiên có lần chị bảo tôi: “Chị Hà cũng là người rất can đảm đấy em ạ!”. Khi còn khỏe mạnh, chị hay kể những chuyện vui vui: “Hôm nọ chị “khoe” với anh Văn là vừa có cuộc họp của dòng họ Đặng toàn quốc, người ta đã tìm ra dòng dõi họ Đặng bắt nguồn từ những vị tướng quân đời Trần cơ đấy! Anh Văn rất hóm: “Còn anh thì... thành phần trung nông!””.

Giờ đây những trận chiến từ thế kỷ trước đã lùi xa. Những chiến binh từ Việt Bắc còn lại đều đã rất già. Các thiếu nữ Hà Nội năm xưa lên Việt Bắc như các chị tôi đều đã trên dưới 80 tuổi. Anh Văn cũng già đi, nhưng những nét chính khắc họa tính cách anh trên khuôn mặt vẫn còn đó. Và trên tất cả là vẻ điềm tĩnh - chứ không phải chịu đựng - của một con người thấu hiểu. Nhiều năm trước tôi kể lại cho anh Văn lời một người bạn: “Nếu không có bè phái thì khó có thể tồn tại được”. Anh Văn bảo: “Không bao giờ nên có bè phái cả”. Đúng là người chiến binh không có bè phái, mà chỉ có đồng đội.

Thỉnh thoảng tôi lại nhớ đến giai điệu bi hùng của

bài hát về Bắc Sơn những ngày tiền khởi nghĩa: “Ồi còn đâu đây sắc chàm pha màu gió...”. Tôi vẫn thích đọc lại truyện ký “Ở rừng” của Nam Cao để gặp lại những khu rừng bí mật và những người dân tộc Tày, Dao chất phác của Việt Bắc. Tôi đã thấy cây phách ở Tuyên Quang như trong câu thơ của Tố Hữu:

*“Ve kêu rừng phách đổ vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình...”*

Và ở Tân Trào, đứng trước lán Nà Lừa của Bác Hồ, tôi cảm thấy không gian và cây cỏ, dòng sông ở đây có một vẻ thanh thoát lạ thường.

Tháng 12.2011

PHÍA BÊN KIA THÀNH CỔ

Đặng Anh Đào *

Khi anh Giáp đột ngột xuất hiện ở nhà tôi vào mùa thu năm 1945, đối với tôi, anh là một hình ảnh của những ngày mới. Bởi vào đầu những năm 30, khi anh còn ở trong nhà, dĩ nhiên là chưa có tôi. Trong khi đó, với ba mẹ và các chị tôi, đó là một sự trở về. Khoác bộ com lê trắng gần như thường trực (gần đây tôi còn biết được nó là nhất bộ!), mái tóc bóng bẩy và gương mặt sáng rõ, từ những cuộc họp của chính quyền cách mạng non trẻ và bận rộn, anh bất ngờ tạt qua nhà. Nếu trúng bữa cơm, mẹ tôi thường rán thêm một đĩa trứng gà: đó là món ăn anh đặc biệt thích, mẹ tôi không bao giờ quên. Nếu anh có báo trước, người lớn bao giờ cũng đợi ăn cùng. Vì có lần anh về muộn, ngồi ăn một mình sau đó mẹ tôi bảo: “Anh Giáp giận mọi người không đợi đó...”. Đến cả khi Bác Hồ tới nhà, tôi thấy Bác cũng chiều anh như đối với một cậu em út.

* Em gái vợ Đại tướng

Cùng với anh Giáp, những người bạn mới xuất hiện ở nhà tôi cũng giống như đã quen thân từ lâu. Những ngày mới cách mạng, ngoài ngôi nhà 32 Lý Thường Kiệt (trước là văn phòng của bà Brachet, hiệu trưởng trường Đồng Khánh - nay là Trưng Vương), tôi rất khoái vì chúng tôi còn có một biệt thự theo kiểu Tây ở đầu làng Mộc, tên là Les Saules (Liễu Trang), thuê của một bác sĩ người Pháp, ông De Massiac. Gần đây, anh Giáp có bảo tôi rằng đó là ngôi nhà Đảng đã đứng tên ba tôi để thuê. Có những ngày, anh Trường Chinh tới đó để làm việc, viết lách. Mấy chị em tôi lúc ấy thường đi xe đạp hoặc tàu điện (bến cuối ở Cầu Mới, ngay gần nhà) để vào trung tâm Hà Nội họp đội Nhi đồng và Thiếu nữ Tiền phong. Từ những cuộc mít tinh trở về, câu chuyện sôi nổi của chúng tôi khiến anh Trường Chinh phải rời bỏ công việc trong chốc lát. Tôi thấy anh người lớn mà cười hồn nhiên như con trẻ, mở to đôi mắt nâu ngạc nhiên khi nghe kể lại chuyện dân mình sôi nổi như thế nào, người ta đã khóc khi nghe Bác nói sau hội nghị từ Pháp trở về: “Hồ Chí Minh này không bao giờ bán nước”... Cái vui của quần chúng cũng khác thường, đến nỗi tôi còn nhớ câu thơ in trên báo của một nhà thơ lãng mạn (hình như là Xuân Diệu?): “Tôi muốn cười bằng tay và khóc bằng chân”! Đặc biệt, tôi thấy anh Trường Chinh có gương mặt, vóc người, đôi mắt to màu nâu giống anh Giáp cứ như hai anh em, dấu nhìn anh có vẻ dễ gần và hiền hơn anh Giáp. Một người rất thân với anh Giáp và cũng hay tới nhà là anh Phạm Văn Đồng. Thật buồn cười, bất kể tuổi tác, bọn chúng tôi bấy giờ đều

gọi những người đáng tuổi cô, chú mình là anh chị. Khi anh Đồng ở hội nghị Fontainebleau về, anh cho tôi và chị Lê một cái đồng hồ quả quýt Thụy Sĩ, dẹt đến mức không thể mỏng hơn nữa. Chị Hà thì được một cái áo mưa bằng nilon – cái áo nilon đầu tiên được thấy. Bởi trước đó, ở Việt Nam chỉ có áo mưa bằng giấy dầu, cao su, tuy đẹp nhưng nặng. Thứ nilon đó mỏng dính, nhẹ bồng (không giống những tấm nilon xuất hiện ở ta sau này), màu thiên thanh. Tôi đặt tên nó là Mưa Xuân, tên của một trong những chiếc áo kỳ diệu của nàng công chúa Da Lửa trong chuyện cổ tích.

Hồi đầu cách mạng, đội bảo vệ anh Giáp hầu hết là giải phóng quân từ chiến khu trở về. Mỗi lần tối qua đêm ở biệt thự Les Saules, có khoảng một tiểu đội đến cùng anh Giáp. Họ ngủ ở một gian nhà riêng biệt giữa vườn hoa mộc. Và người nổi tiếng nhất cũng tên là Mộc, một thanh niên người Thổ cao lớn, mặt rất đẹp với những nét như Tây. Dù thời ấy họ sống trong kỷ luật sắt, nhưng đã có vài tiểu thư Hà Nội khiến anh Mộc phải xiêu lòng. Một lần tôi giật mình vì nghe thấy tiếng nổ ở gian nhà giữa vườn hoa mộc: vì sơ ý khi lau súng, anh Mộc đã để đạn cướp cò, may mà lúc đó súng đang chĩa lên trần. Ít lâu sau tôi thấy người thanh niên miền núi giỏi võ và trung thành tận tụy ấy không còn đi theo anh Giáp nữa. Bản tính hoang sơ nhưng phóng khoáng của anh hẳn đã không trụ nổi trước những người đẹp phóng túng và cảm dỗ của phố phường.

Còn ở gần số nhà 32 Lý Thường Kiệt tôi về nhớ lại

một kỷ niệm khác. Trở về Hà Nội, dường như anh Giáp rất muốn được bù đắp tình cảm gia đình sau khi phải sống xa nhà một thời gian dài vì hoạt động bí mật. Có lần, chắc là vì quá bận, lâu không về chơi nhà nên anh cho người ghé tới đón tôi đến ăn cơm tối và ở chơi với anh một ngày ở một ngôi nhà phố Nguyễn Du bây giờ. Tôi còn nhớ ngay sau lưng nhà ấy là một biệt thự, trụ sở Quốc Dân Đảng, tại con phố song song với phố nhà anh Giáp, lúc ấy gọi là phố Ôn Như Hầu. Đột nhiên, số nhà ấy thành nổi tiếng vì một vụ khủng khiếp do công an ta phát hiện mà tới hôm nay ký ức của tôi còn ghi lại một cách máy móc những dòng chữ của cái tit ở trang nhất một tờ báo lớn nhất Hà Thành lúc ấy: “Vụ Ôn Như Hầu: hầm chứa xác người ở nhà số...phố Ôn Như Hầu”. Số nhà tôi đã quên, nhưng thật ghê sợ khi nghĩ nó gần như ở ngay sau lưng nhà anh Giáp, và tôi đã sống liền kề những cái xác! Chị cả tôi táo tợn nhất nhà, mới 18 tuổi nên chẳng hiểu gì, lén đến tận nơi xem căn hầm. Kết quả: về nhà chị thức trắng đêm vì sợ. Còn tôi và chị Lê, dựa theo ảnh chụp trên báo đã lấy những chiếc gối ôm dài đem dựng sau cánh cửa phòng ngủ của các chị, nhập nhoạng tối trông như những cái xác ở hầm Ôn Như Hầu. Màn “nghệ thuật sắp đặt” ấy đã khiến các chị sợ rú lên! Đường tàu điện từ Cầu Mới ra Hà Nội, có khi các chị đi đến đoạn Khâm Thiên phải trở về vì bọn “Tào Phù” nằm lẩn ngang đường ray (ta gọi bọn lính Tàu như vậy vì lúc đó Tường Giới Thạch nhật nhậm quân từ đám dân gần chết đói, bị phù thũng bụng beo nom rất tởm). Chúng “biểu tình

nằm” vì hôm trước có thằng nhảy tàu điện bị chết! Còn tôi thì giữ mãi ấn tượng ghê sợ vì khi vào thăm ba tôi ốm nằm ở nhà thương De Lanessan – nay là bệnh viện Hữu nghị Việt Xô và 108 - nhà thương Tây bấy giờ còn rộng lắm, tôi thấy lính Tưởng lê la khắp nơi, mang những cái chân lở loét ra rửa nơi các đài phun nước của khu vườn hoa sạch sẽ và tuyệt đẹp ấy! Tất cả những chuyện tôi chỉ thấy trên bề mặt hời hợt kia, lại thuộc về những vấn đề chính trị vô cùng bức xúc mà anh Giáp, Bác Hồ cùng các đồng chí lãnh đạo lúc ấy phải đau đầu, đối phó uyển chuyển sao cho dây đàn căng thẳng không bị đứt. Dầu chỉ là đối phó với bọn Tàu đang tưởng bỏ, giờ cái trò mà một chỉ huy cấp cao Pháp gọi là “Chinoiseries” (trò Tàu): khiêu khích, gây đổ máu và cướp nước ta. Trong câu chuyện của anh Giáp với ba tôi, tôi chỉ loáng thoáng nghe anh kể lại những chi tiết vui vui khi đi làm ngoại giao với Vũ Hồng Khanh, “tinh hoa” của Đảng Việt Quốc vốn dựa vào bọn Tào Phù, đồng bóng, ngổ ngáo và... nghiện ngập, nhưng lúc này đang chịu tác động từ sức cảm hóa của Bác Hồ. Để chứng tỏ sự thống nhất của dân tộc trước mặt bọn Pháp, Bác đã chọn Vũ Hồng Khanh là đại diện cùng Bác đi ký Hiệp định mong 6 tháng Ba. Bởi chỉ trên mảnh đất nhỏ miền Bắc, 20 vạn quân Tàu đã tràn ngập! Hiệp định Sơ bộ giúp ta tránh “phải chiến đấu cùng một lúc với thực dân Pháp, Tàu Trắng, bọn phản cách mạng trong nước” - theo chỉ thị của Đảng: “Hòa để Tiến”.

Còn khi anh Giáp cùng Nguyễn Tường Tam (tức Nhất Linh) dẫn đầu đoàn đại biểu Việt Nam dự hội nghị

Đà Lạt, ấn tượng của một đứa trẻ như tôi cũng chỉ là mơ ước... được đi chơi! Bởi lá thư viết vào tháng 4-1946 của anh Giáp gửi cho tôi chỉ nói toàn chuyện vui: “Đà Lạt đẹp quá, những con đường và những cây thông. Anh mong có các em cùng đi chơi”... Dĩ nhiên tôi không thể biết tới một câu trong những trang viết của chỉ huy tỉnh báo pháp Sainteny lúc ấy: “Hà Nội vẫn có Võ Nguyên Giáp được coi như là nhân vật đáng gờm nhất. Nhân vật hùng mạnh này đã chế ngự hội nghị trù bị tại Đà Lạt khai mạc ngày 18 tháng 4 dưới sự chủ tọa của đô đốc D’Argenlieu”.

Đà Lạt đẹp lắm, các em ạ. Có hồ, có núi, có dãy thông quanh hồ, có rừng bác đến nửa buổi trưa tàn. Có mùa đông ngày ngày và đêm giờ là do trời xuống. Những cái cây ở dưới gành núi thấp, thành phố bao nhiêu cái đẹp, cái mát, cái khỏe. Cái vui, cái dễ chịu đến trên tận đầu mắt.

Anh mong một ngày nữa, các em có dịp đi Đà Lạt và ngay lúc đó anh sẽ cùng anh em vui chơi.

Đã được nhiều thư vui từ anh bây giờ. Nếu có may, bây giờ trước thì đã gửi thư này về cho các em. Nhưng bây giờ có. Đang phải đợi ngay về mang về cho các em vậy. Viết thư để mang về cho các em, các em sẽ cười chứ gì! Được, cứ cười đi, anh cũng mong tâm cho các em vui mà thôi vậy.

Anh ;

Vân

Thư bác Giáp viết cho các cô em vợ (tháng 4-1946)

Như tất cả các cuộc cách mạng mới thành công, đây là thời kỳ của những nhà hùng biện xuất hiện trên lễ đài: Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Đình Thi, Phạm Văn Đồng... Những cuộc mít tinh với tôi giống như lễ hội cực kỳ vui vẻ, vốn thường diễn ra theo công thức “Mít tinh biến thành biểu tình tuần hành”... Về đến cổng vẫn còn hô khẩu hiệu! Có lần không được đi mít tinh, nhưng tôi vẫn được nghe người lớn say sưa kể về những tràng vỗ tay như sấm vang lên khi anh Giáp kết thúc một bài diễn văn với những lời cô đúc như một khẩu hiệu, mà vẫn tràn đầy chất thơ: “Thăng Long – Đông Đô – Hà Nội/ Trần Hưng Đạo – Lê Lợi – Hồ Chí Minh”. Chỉ mấy chữ mà đã làm sống lại cả hào khí dân tộc trong những lúc nước sôi lửa bỏng, truyền thống và hiện tại... Những hình ảnh của “cái thuở ban đầu lưu luyến ấy” vẫn khắc sâu trong trí nhớ của tôi, dẫu hơn nửa thế kỷ đã trôi đi. Phải chăng người ta vẫn nhận ra sức mạnh, sự trong sáng, chất thơ của những hình ảnh sóng đôi ấy qua một mật lệnh năm 1975 – được giải mã và hỏa tốc gửi đi vượt suối ngàn, biển cả, hải đảo, vùng bị chiếm đóng... để đến với những người đang kết thúc cuộc Tổng phản công: “Thần tốc, thần tốc hơn nữa/ Táo bạo, táo bạo hơn nữa”... Cũng như vậy, tới hôm nay, câu kết thúc của bài diễn văn 65 năm trước vẫn như một khẩu lệnh thời sự, dẫu diễn giả không còn có thể xuất hiện trên diễn đàn được nữa.

* * *

Mãi tới gần đây, tôi mới có dịp được đọc một số giấy tờ thời tháng 8 - 1945 đến tháng 11 - 1946, chữ được

chữ mất vì đó là những bản photocopy quá mờ, đặc biệt là những lá thư gửi cho một người Mỹ được gọi bằng cấp bậc của ông ta: Major Thomas – một trong những sĩ quan Đồng minh từng huấn luyện quân sự cho Giải phóng quân trước ngày Cách mạng Tháng Tám, ở chiến khu. Thư từ đều viết tay. Có lá thư bằng tiếng Anh, nét chữ rất đẹp, hơi ngả về bên phải, dưới ký tên C.M.Ho. Không phải là người chuyên nghiệp nhận dạng chữ ký, tôi đã thấy nó giống với chữ ký của ai ^(*). Dòng cuối lá thư viết: “Khi tôi vắng mặt, nếu ngài cần gì, xin nói với Mr Văn và Mr Lê”. Đồng thời còn có tờ “Tối hậu thư của Ủy ban Khởi nghĩa Toàn quốc (...) gửi cho anh em quân đội Nhật Bản và anh em quân đội người Mãn Châu, đóng tại tỉnh Thái Nguyên”, ở dưới ghi ngày 20 tháng 8 - 1945, nhân danh “Đại biểu của Ủy ban Khởi nghĩa và Đội quân Giải phóng Việt Nam... Ký tên: Văn”. Trong đó, bốn điều kiện đầu hàng đưa ra cho quân Nhật gần giống như trong bản “Surrender Ultimatum” của Allison K. Thomas – Major United States Army, cũng gửi cho quân Nhật, mà câu cuối cùng là: “Nếu vào... giờ (mất một chữ - C.T của Đ.A.Đ), các anh không đầu hàng, tôi sẽ dùng toàn bộ lực lượng của tôi cả Mỹ lẫn Việt Minh dưới sự chỉ đạo của tôi để tấn công”...

Qua loạt giấy tờ này, điều tôi nhận thấy là giữa anh Văn và Thomas, tuy vẫn trao đổi về công việc (vào một thời mà Bác Hồ đang cần tranh thủ một lực lượng Đồng minh để đối phó với thù trong, giặc ngoài), dần dà, giọng trong thư của họ đã chuyển sang tình cảm bạn bè. Đó có

lẽ cũng là một nét đặc biệt của anh Văn, đặc biệt là đối với các cộng sự vì sự nghiệp chung, trong suốt cuộc đời... Những lá thư ký tên Hồng hoặc Văn thời ở chiến khu, sau đó về Hà Nội, đã chuyển thành “Võ Nguyên Giáp alias Văn” viết trên giấy trắng, đầu trang có in tiêu đề “Bộ Nội Vụ... Số...”. Ở một bức thư “Major Thomas” đã chuyển thành “Très cher ami” (Bạn rất thân). Câu đầu tiên là một lời đùa bỡn khoe tiếng Anh (nhưng sau đó lại chuyển sang tiếng Pháp – vốn thông thạo hơn đối với anh Văn!) “How are you and where are you now? Vous voyez, j’ai fait des progrès en Anglais...” (Ông khỏe không và giờ đây đang ở đâu? Ông thấy đấy, tôi đã có tiến bộ trong tiếng Anh). Trao đổi về công việc cũng trầm giọng tâm sự: “Cuộc sống chính trị ở Hà Nội vẫn bình thường ngoại trừ sự có mặt của những toán quân Tàu ngày càng đông hơn (...). Chúng tôi đang hoàn tất việc thống nhất các đội quân của quốc gia và khi làm việc này, lại càng trầm thía hơn bao giờ hết về sự giúp đỡ và tham vấn bổ ích, cần thiết của các vị...”. Dường như còn có những lo lắng, ở một lá thư khác: “Một phái đoàn của Đồng minh đã tới Hà Nội hôm qua. Tôi chưa biết từ nước nào. Chưa thấy phái bộ Tàu (...). Quan điểm của tôi là kết thúc vụ Thái Nguyên một cách hòa bình nhanh nhất trong điều kiện có thể (...) Để dễ dàng đàm phán, hôm nay chúng tôi sẽ ngừng bắn ngay, với điều kiện là người Nhật cũng ngừng bắn ở mọi điểm của thành phố (...) Chúng tôi đã chiếm được tất cả các tỉnh lỵ ở Bắc Kỳ. Vậy nên ông hãy tới Hà Nội ngay đi, ông sẽ giúp chúng tôi liên hệ với phái bộ Mỹ ở phái đoàn Đồng minh...”

Tôi đặc biệt chú ý đến lá thư đề ngày 20-11--46 vì một lý do đặc biệt riêng tư: chỉ một tuần lễ sau ngày đó là mấy chị em chúng tôi đã phải đi theo gia đình bỏ lại tất cả Hà Nội với ngôi nhà “Sau lưng thêm nắng lá rơi đây”. Bấy giờ, đầu óc của tôi chỉ nghĩ tới cuộc chia ly không hề báo trước với chị cả chúng tôi. Là đứa trẻ, tôi chỉ biết ngày 27-11-46 là ngày chị đi theo anh Giáp, mà không hề biết đó là ngày ký hôn ước của anh chị. Và cũng chỉ giờ đây tôi mới được biết trước ngày ký ấy, “vị hôn phu” của chị đang lo lắng biết bao vì tình thế nguy nan của nước cộng hòa non trẻ, khi anh viết cho Thomas: “Năm nay với Hà Nội và toàn thể Việt Nam là một năm đầy ắp những sự kiện khó khăn, đầy nỗ lực kiên quyết của cả một dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh nay đã cải tổ chính phủ tới lần thứ tư, còn tôi hiện là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng”... Gần đây, tới những năm 90, vẫn có những lá thư của Thomas gửi lời cảm ơn vì cuộc hội ngộ, sau 44 năm xa cách...

Gia đình tôi, cho đến bấy giờ, không bao giờ sống xa nhau. Rồi Hà Nội năm 46, có ai biết trước được đó sẽ là một cuộc chia ly kéo dài tới chín năm?... Về Khu Tu, tôi được xem ảnh anh Giáp và chị Hà gửi về nhà, dĩ nhiên không phải là khói lửa chiến trường, sốt rét rừng, những con vắt mà sau này tôi mới biết và rất sợ. Chỉ thấy hình ảnh anh Văn oai phong lẫm lẫm cuỡi ngựa vượt suối đã đành, lại cả chị Hà cũng phi ngựa nữa, miệng cười rộng hết cỡ. Thời ở nhà, chị khác với chúng tôi ở chỗ không hề chơi búp bê, nhưng cũng chỉ thuộc loại “con trai mặc váy” (mà chị cũng mặc váy đầm thật!) ở chỗ thích phi xe đạp đi chơi mà thôi... Tình cờ, lại một sự tình cờ nữa, khi

chỉ trước đây hai hôm, tôi tìm thấy trong tập giấy tờ (mới được anh Kim Sơn cung cấp cho) hai lá thư, một viết tay, một đánh máy có ký tên “Bác”, liên quan tới chuyện cưới ngựa – có lẽ đó là phương tiện di chuyển tiện lợi nhất bấy giờ. Hai bức thư chỉ ghi ngày tháng, không có năm nhưng có thể đoán được bởi sự kiện xảy ra trong thư. Lá thư viết tay ghi:

Cháu Hà, Bác mạnh khỏe luôn. Cháu cũng khỏe chứ? Bác không bảo cháu đến chơi vì nay cháu đã có thai 4 – 5 tháng, cần phải cẩn thận, nếu không cần kíp lắm lắm thì không nên cỡi ngựa, lội nước trèo đèo, và làm zì nặng nề mệt nhọc quá.

Bao zờ có zip, Bác sẽ đến thăm cháu.

Hai cũng mạnh khỏe, độ vài hôm nữa sẽ về đến nhà.

1/11

Hôn cháu

Bác

Lá thư thứ hai đánh bằng máy chữ:

Hà,

Biết mẹ con cháu đều mạnh khỏe, Bác rất vui lòng. Cháu bé nặng mấy kilô?

Bao zờ trời tốt, đường zẽ đi, cháu thật khỏe, thì sang thăm Bác.

Nhà mới của Bác oai lắm. Bác khỏe luôn. Anh em đều gọi lời hỏi thăm cháu và cháu bé.

24/7

Cháu Hà
 Bác mạnh khỏe luôn.
 Cháu cũng khỏe lắm!
 Bác không bảo cháu đến chơi,
 vì nay cháu đã có thai 4-5
 tháng, còn lại còn thốn, nếu không
 cần kịp lắm lắm thì khó nên
 coi ngia, lợi nước, treo ở đó, và
 hôm gì nắng thì một việc quá.
 Bác sẽ có gì, Bác sẽ đến
 thăm cháu.
 Hai con mạnh khỏe, đó vâng
 hôn nữa sẽ về đến nhà.
 Hôn cháu
 1/11 B. A. C.

HÀ,

Biết mẹ con cháu đều mạnh khỏe, Bác rất
 vui lòng. Cháu bé nặng mấy kilô?

Bao giờ trời tốt, dương sẽ đi, cháu thật
 khỏe, thì sang thăm Bác.

Nhà mới của Bác ọai lã. Bác khỏe luôn.
 Anh em đều, gọi, lời hỏi thăm cháu và cháu bé.

Hôn cháu lớn và cháu bé.

... Năm này qua năm khác, dần dà, tôi còn phải chịu đựng biết bao cuộc chia tay, xa cách nữa, đấy là điều bình thường của người dân Việt lúc ấy. Tôi còn sung sướng vì những niềm vui mới sau mỗi chiến dịch: khăn quàng bằng vải dù cũng mang cấp bậc: chiến lợi phẩm là những tấm vải dù thu được từ lính địch không thể đẹp như dù sĩ quan. Lại còn “sôcôla”, thứ mà bé Dếnh, em út của tôi chỉ được hưởng rất hiếm, vì mới một tuổi nó đã sống trong chiến tranh... Có lẽ thời gian mà anh Giáp góp phần quan trọng của mình để cùng dân tộc “Chín năm làm một Điện Biên” lại là thời gian tôi ít hiểu biết về anh nhất. Cũng chỉ khoảng một năm nay, khi đi tìm những ghi chép của chồng tôi để dựng lại một mảnh đời của “người lính già đầu bạc” ấy, tôi mới hiểu mối liên hệ của anh Văn với cuộc đời của bao quân nhân ngày ấy.

Dĩ nhiên, bấy giờ tôi là một đứa trẻ hoàn toàn xa lạ với anh Phạm Hồng Sơn. Còn anh Văn thì đã in bóng dáng trong từng trận đánh của Phạm Hồng Sơn, ngay từ lúc còn là anh “Vệ túm” (lối gọi giấu nhại cái tên “Vệ Quốc quân”) khi Toàn quốc kháng chiến chưa nổ ra, mà mới nhen nhóm lên ở Nha Trang, Cam Ranh, cuối năm 1945. Trong hồi ký *Nửa đời chiến trận*, Phạm Hồng Sơn kể lại trận đánh đầu tiên là một cuộc chiến bại. Ngơ ngác vì lần đầu tiên thấy những ụ đất công sự của mình bị đại liên từ tàu Richelieu chỉ trong chốc lát san phẳng, anh đành nuốt hận, bắt lực ngồi ôm những khẩu súng trường và trung liên “cào cào” từ thời thế chiến I: “Nhìn mãi con tàu cũng chán, tôi đem chiếc ao len mang theo (từ Hà

Nội) ra bắt rận... ”. Để rồi sau đó, được lệnh rút lui khỏi bờ biển, lên rừng. Mới chân ướt chân ráo từ trường Quân chính kháng Nhật ra chiến trường, người sĩ quan đại đội ấy chỉ biết đánh trận. Phạm Hồng Sơn không biết rằng “nét nổi bật về bản lĩnh của Võ Nguyên Giáp là sớm có mặt ở mặt trận Nha Trang và Tây Nguyên từ cuối năm 1945 để chỉ đạo việc chuyển hướng từ đánh trận địa sang đánh du kích” (Hoàng Minh Phương)... Chiến dịch Biên giới, Phạm Hồng Sơn đã được thấy Tổng Tư lệnh bằng xương bằng thịt bởi anh Văn đã hộ tống Bác Hồ “chống gậy lên non xem trận địa” và nhận chỉ thị: chuyển hướng đột phá từ Cao Bằng sang Đông Khê, để rồi giải phóng biên giới, mở ra một chân trời rộng lớn cho việc chuẩn bị tổng phản công... Tháng 10 năm ấy (1950), Phạm Hồng Sơn đã nhận lệnh của anh Văn trực tiếp giữa lúc đánh trận Khâu Luông – Cốc Xá. Người chỉ huy trung đoàn 36 viết: “Tôi cảm máy và nhận ra tiếng anh Văn”. Quả là với riêng tôi, ấn tượng mạnh mẽ nhất toát ra từ một con người, ngoài đôi mắt, lại là giọng nói mà không phải những nét gì khác ở ngoại hình. Có những người mới gặp một lần, vậy mà nghe điện thoại, tôi nhận ra ngay được người đó qua giọng nói. Còn với một nhân vật lẫy lừng như Bác Hồ, hồi nhỏ, ấn tượng mạnh nhất đối với tôi là giọng nói âm vang như tiếng chuông đồng... Nguyễn Đình Thi giọng trầm và ấm... với anh Giáp tôi cũng bị ấn tượng mạnh về giọng nói. Song với cái tai của anh, Phạm Hồng Sơn vào thời điểm ấy, hẳn anh chỉ tiếp nhận tiếng nói hơn là giọng. Bởi với anh, trước hết, là mệnh lệnh. Thế nhưng nó lại giống như một đối thoại: “Từ chỉ huy sở

chiến dịch, đồng chí Tư lệnh hỏi: - Anh đang ở đâu đấy? Tôi đáp: - Thưa anh, tôi đang ở đỉnh núi 765 trước dãy núi đá vôi, đang có Đacôta bay thả dù tiếp tế cho địch. - Chỗ anh có nhìn thấy cao điểm 477 ở đâu không? - Tôi không biết đâu là cao điểm 477, nhưng trước mắt tôi về phía Bắc có dãy núi đá vôi, địch đang thả dù, về phía Tây cách khoảng ba cây số có một dãy núi trọc hướng Bắc - Nam, ở đó rất nhiều quân địch và cả thường dân. - Anh Văn nói to: “Đúng rồi, đây là cao điểm 477 đấy. Anh theo dõi kỹ rồi báo cáo cho tôi”... Đây là lúc lâm trận. Còn trong những tiếp xúc riêng với sĩ quan, cán bộ, anh Giáp gọi họ là “cậu” xưng “mình”.

... Năm 1953, sau một lần nghỉ phép, anh Sơn đột ngột báo cáo với anh Giáp và chị Hà rằng anh đã gặp tôi ở Nghệ An và “tìm hiểu” (theo lối nói thời ấy). Tuy ngạc nhiên, nhưng anh chị đều có vẻ “ủng hộ”, bởi thực ra, trong thời chống Pháp, ngay từ cấp tiểu đoàn (hoặc có khi cả chiến sĩ) những hành động và tính cách đột xuất đều được đại tướng biết. Đối với Phạm Hồng Sơn, ngay từ trước năm 1949, câu chuyện đến tai Tổng Tư lệnh về Phạm Hồng Sơn là một “thành tích” đặc biệt: là cán bộ Tiểu đoàn mà chưa được kết nạp Đảng, tức mình, có lần vị này thấy chi bộ triệu tập họp đảng viên, liền ra tay phát lệnh “báo động”, vậy là chẳng có họp hành gì hết. Thậm chí, ngay từ lúc ấy, anh Văn đã biết nhược điểm của người sĩ quan mà anh đánh giá là “đánh trận dững cảm và khôn lăm” nhưng “bướng và hay cãi cấp trên”. Đó là lời anh kể với tôi sau này, khi biết tin rằng tôi đã

hứa hôn với một trong những sĩ quan khá quen thuộc của trung đoàn 36 và đại đoàn quân Tiên phong – luôn có mặt trong những chiến dịch lớn... Rồi Điện Biên Phủ. Với tôi, đó là các đoàn dân công, là ánh đuốc sáng bừng từ những làng xóm ở Thanh Hóa nơi tôi tản cư, chỉ còn có mẹ và em gái út bên cạnh; là những bài hát không thể nào quên, và có khi, cả một chuỗi tù binh Âu Phi râu ria mệt mỏi bị giải qua làng, nghỉ tạm qua đêm... Và nhất là những đêm thoải mái thả đèn đuốc, những ngày tha hồ diện áo trắng vì không còn sợ bị máy bay “bà già” của Pháp sà xuống “mục tiêu” (?) – chúng còn bận rối rít ở Điện Biên Phủ... Kết thúc chiến dịch Điện Biên Phủ, tuy Phạm Hồng Sơn được nghỉ phép mấy ngày về cưới vợ, nhưng anh vẫn không có thì giờ kể chuyện chiến dịch, càng không kịp gặp anh Văn và chị cả tôi. Vì ra Bắc muộn mất vài ngày, anh còn phải đuổi theo đơn vị lúc ấy đã lên đường đi đánh trận cuối cùng (diễn ra sau Điện Biên Phủ hơn 2 tháng)... 50 năm sau, Phạm Hồng Sơn mới có dịp viết về Điện Biên Phủ, về hội nghị Thẩm Púa, về một thay đổi đột ngột sau đó. Thoạt đầu “Đại đoàn 308 được giao nhiệm vụ đánh thẳng vào trung tâm từ phía Tây, xuyên qua các cứ điểm trên cánh đồng trong một trận đánh từ trước tới nay, để đảm bảo bí mật, bất ngờ, chúng tôi không được đi trinh sát trận địa cụ thể hơn nữa: đánh như thế nào, vào cứ điểm nào? (...) Giờ đây, năm mươi năm sau chiến thắng Điện Biên Phủ, một câu hỏi vẫn đặt ra cho tôi, tại sao ngày 26 tháng 1 năm 1954 khi xuất quân đến cửa rừng, lúc 15 giờ tôi vẫn không có một ý nghĩ nào hoài nghi về quyết tâm trên tại hội nghị

Thảm Púa? Nếu không có sự thay đổi sang “đánh chắc, tiến chắc” của đồng chí Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp theo lời dặn của Bác Hồ “đánh chắc thắng” liệu có xảy ra chiến thắng quyết định số phận của chế độ thuộc địa thực dân Pháp ở Đông Dương hay không? Vậy là chúng tôi sẽ phải chuyển quân, để bắt đầu chiến dịch từ một nơi rất xa”... Về sự chuyển hướng của sư đoàn do giờ G hoãn muộn tới hai tháng sau, Phạm Hồng Sơn gọi đó là “cuộc hành quân xuyên qua nước Lào”, và mỗi đơn vị có lẽ đều có cách diễn đạt của riêng mình về sự chuyển hướng này. Nhưng riêng với pháo binh, động thái đặc trưng đối với họ, có lẽ có thể biểu thị bằng hình ảnh gợi cảm nhất: “Kéo pháo vào, kéo pháo ra”. Hơi thở nặng nhọc và hùng tráng của động thái ấy dường như không chỉ là kết quả mà còn biểu tượng cho sự thay đổi về chiến lược từ “đánh nhanh thắng nhanh” sang “đánh chắc thắng chắc”. Giữa người pháo binh và Tổng tư lệnh đều phải gồng mình trong một động thái tinh thần khó khăn và kiên định như nhau... Đối với tôi, một trong những bài ca chiến trận hay nhất, bài *Hò kéo pháo* của Hoàng Vân không chỉ là chuyện... hò kéo pháo. Âm hưởng bi tráng vọng lại mãi mãi từ rừng thẳm Điện Biên, bởi vì ta biết cái động tác tưởng như thuần túy cơ bắp ấy của một bộ phận đã phải đổi bằng bao mồ hôi xương máu để tiết kiệm cho toàn bộ anh em đồng đội trong cả chiến dịch. Anh Hoàng Minh Phương, trợ lý của anh Giáp bấy giờ, sau này kể lại rằng hôm Tổng tư lệnh ra quyết định không khai hỏa vào ngày 26 - 1, đại tướng đã trải qua một đêm thức trắng.

Sau hòa bình 1954, ngôi nhà của anh Văn và chị Hà ở lại có lính gác. Vốn quen tự do, tôi đã nói đùa với mọi người rằng đến cửa, mình thử rút một chiếc guốc ném ra như ném lựu đạn, xem thử xem sao, thật khác với thời chiến! Người ta nói với tôi rằng ngôi nhà đó là nơi tướng Chaland ở trước kia. Diễm Phùng Thị cho tôi biết biệt thự ấy được thiết kế bởi một vị kiến trúc sư Pháp có tên tuổi. Ông này (vẫn còn sống vào những năm 50) nói với chị rằng ông rất vui khi biết đây là tổng hành dinh của tướng Giáp. Trong một thời gian dài, anh Văn tiếp khách chủ yếu ở nhà 30 Hoàng Diệu. Những đồng bào cơ sở cách mạng của chiến khu Việt Bắc đi đến phòng salon “Tây” những món ăn của rừng già mà anh vẫn được nuôi dưỡng từ thời ở nơi “sắc chàm pha màu gió”: nắm tai mèo, cơm lam, và cả đôi đũa làm bằng cây kim giao, khi đi công tác bí mật, nếu nhúng vào thức ăn có thuốc độc, nó sẽ sủi lên... Trong một lần đi thăm cơ sở cách mạng Pác Bó năm 1989, anh Hoàng Huân - thư ký của anh Văn - kể lại khi cụ Lành ôm lấy tay anh Văn hỏi “Có còn nhớ không?” anh Văn đáp liền: “Còn nhớ lắm! Tôi ăn cơm của người Tày, của vùng cao, tôi không thể nào quên được. Đây là quê hương tôi (...). Người tiểu đội trưởng tiểu đội 1 Thu Sơn, mái đầu cũng đã bạc trắng, người đã giả đóng làm quan quản dẫn đầu đội quân hóa trang làm lính đồng đột nhập vào đồn Phai Khát, cướp súng giặc, diệt gọn đồn, lưng đã hơi còng, đã nghỉ hưu về quê làm rẫy nay gặp lại anh Văn, cái bắt tay thật lâu, thật chặt, ngỡ như không rời nhau được. Anh Văn chỉ thốt lên được câu: - Thu Sơn đầu đã bạc đến thế ư?” ... Phai Khát là

nơi anh Văn gặp lại những chiến sĩ cách mạng đầu tiên thời “bóng tối” làm nên chiến thắng đầu tiên ngày 25-12-1944, mở đầu cho trang sử trăm trận trăm thắng của quân đội Việt Nam... Bởi vậy, anh Văn xúc động kể tiếp những trận đánh: “Nà Ngần cũng thắng, đánh thắng tiếp Đồng Mu... Từ đó cho đến ngày toàn thắng, anh Bàn Tài Đoàn có câu thơ rất hay: *Lấy lá xây nên lâu đài*”... Xem lời kể của anh Hoàng Huân, tôi lại liên tưởng tới một nét đặc biệt bất ngờ ở anh Văn: xuất thân là nhà giáo dạy sử, nhưng anh đặc biệt nhớ và thích những câu thơ, những lời bài hát hay... Một trong những thi sĩ đầu tiên của thế hệ sau 1954 đã được mời tới gặp riêng anh Văn và chị Hà ở một thời điểm anh Văn rất bận về đại sự là tác giả của *Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây*. Phạm Tiến Duật đã xúc động kể lại cho tôi nghe về bữa cơm thân mật ấy... Cho tới hơn 50 năm sau, gần đây, có lần Trần Tiến cùng tôi đến thăm anh Văn. Nhạc sĩ muốn xin chụp một bức ảnh đại tướng ngồi chơi đàn piano. Quả là vào những năm 60 – 70, bác sĩ đã yêu cầu anh Văn học đàn, coi như một liệu pháp chống stress. Đó là một thời kỳ căng thẳng của chiến tranh, nhưng anh Văn đã học đàn rất đều đặn, thậm chí cô giáo dạy đàn (vợ nhà văn Đào Vũ) còn khen là anh rất có năng khiếu!... Còn ngày Trần Tiến đề nghị anh Văn chơi đàn, ngày 3/9/2007, tôi nhớ anh Văn cười và thú thực rằng đã từ lâu anh không ngồi bên cây đàn nữa. Với anh, chơi đàn là một nghĩa vụ thời chiến, không phải là “noblesse oblige”, không phải vì phong cách của cao nhân (?) mà vẫn là vì “nghĩa vụ đòi hỏi”. Đối lại anh Văn yêu cầu Trần Tiến hát về Trường Sơn. Mãi mãi là

Trường Sơn, dẫu xa cách lâu lắm rồi. Anh nói anh luôn muốn được nghe đọc thơ và hát về Trường Sơn. Tôi nhớ lúc hát đến bài thứ hai, Trần Tiến phải dừng lại vì một cơn ho rũ rượi. Anh Văn không biết rằng đêm hôm trước, Tiến đã bị đột ngột lên cơn đau thần kinh tọa, nhưng đến tiết mục của mình, Tiến đã phải bò lên sân khấu, sau lớp màn nhung để xuất hiện rất “hiên ngang”, đứng thẳng mà hát trên sân khấu, trước công chúng ... Đã nhận được cái hẹn gặp Đại tướng, sáng mùng 3 Trần Tiến cũng phải nén cơn đau, “hiên ngang” bước vào salon của nhà 30 Hoàng Diệu! Mấy đứa con cháu chỉ mãi nghe đến nỗi Trần Tiến phải nhắc: “Cho anh xin cốc nước”... để rồi dứt cơn ho, lại hát tiếp. Rồi nhà Đại tướng, Tiến phải bay vào Sài Gòn ngay để bấm huyết!



Đại tướng chơi đàn piano cùng nhạc sĩ Trần Tiến

Nhưng với anh Văn, dẫu sao, Phạm Tiến Duật, Trần Tiến... cũng là những người của thế hệ trẻ chỉ gặp gỡ qua nghệ thuật ... Như tôi đã nói trên, tôi thấy giữa anh Giáp và những người cộng sự, ngay ở ngoài lĩnh vực vũ trang, không chỉ đơn giản là sự gắn bó về lý tưởng, mà giữa họ, là cả một tình bạn chung thủy, trong sáng, hiếm có. Thậm chí có người đã nói là cuộc cách mạng của ta đã làm xuất hiện hai anh Văn: Võ Nguyên Giáp và Văn Cao (cũng có lúc được gọi tên tắt là Văn). Ở thế hệ chúng tôi, tất cả có lẽ đều biết Văn Cao qua bài *Tiến quân ca* trước khi trông thấy người. Riêng tôi, tôi đã được biết chị Thúy Bằng – bạn học của chị Lê tôi từ thời Cách mạng tháng Tám. Tôi nhớ hình ảnh cô gái nền nã bước từ trên chiếc xe tay nhà (tức xe riêng) xuống cửa trường. Chị Lê tôi nghịch như quỷ bảo với tôi rằng: “Con Thúy Bằng nó bảo ai nghe thấy bài hát anh Văn của tớ, đều phải đứng nghiêm.” Thực ra, hồi đó, tôi chưa thích *Tiến quân ca* bằng *Thiên Thai*, *Trường Chi*, *Đàn chim Việt*, *Bắc Sơn*, *Suối mơ*... Tôi cho rằng đó là những tuyệt khúc vĩnh hằng. Tản cư vào Thanh Hóa, nhìn thấy núi Nứa, tôi vẫn nghe văng vẳng “Ồi còn đâu đây sắc chàm pha màu gió...” Nhìn thấy một tháp chuông nhà thờ, tôi nghe ngân nga “Làng tôi xanh bóng tre...” Sông Lô thật, sông Lô trải dài trong ký ức tôi lại là dòng “Sông Lô sóng ngàn Việt Bắc bãi dài ngô lau núi rừng âm u/ Thu du bến sóng vàng từng làm mờ biếc một màu khói thu”... Thậm chí khi phải xa nhà đi học ở trường Tân Trào, vất vẻo leo lên cây cà phê vọng về miền xuôi, tôi không thấy lời hát nào diễn tả nỗi tâm trạng của tôi bằng nhạc điệu của những

câu “Nơi ấy có con đường tắm nắng vàng tươi/ Bờ tre nhà tranh vách mới/ Nơi ấy có con đường mệnh mông ngát hương”... Bài ấy tôi vẫn hát mà không biết của nhạc sĩ nào. Cũng như một bài về Bác Hồ, mà tôi vẫn tự hỏi cho đến gần đây (vì lúc ấy chưa biết tên nhạc sĩ): Sao lại có thể viết về Bác tự nhiên và thật đến thế? “Người về mang tới nguồn vui...” Với tôi, *Thiên thai và Trường Chi* là những tuyệt tác phi thời gian. Bởi thuở nhỏ, nó gọi lên cho tôi một thế giới lãng mạn; thời chiến tranh, khi hát lên, ta thấy cuộc đời nhẹ nhõm và quên đi gian khổ, còn cho tới bây giờ, tôi thấy Văn Cao đã nói lên những khát vọng và những nỗi buồn muôn thuở của con người khi muốn đạt tới cái tuyệt đích... Hân anh Văn rất hạnh phúc khi cách mạng đã có một thiên tài như Văn Cao. Đối với tôi, khi nhìn thấy bề ngoài Văn Cao, tôi có một cảm giác rất lạ: vẻ hình thức, và cả tính nết nữa, họ như đối lập với nhau, anh Văn thì kiên quyết, từ đường mày, đôi mắt, nét miệng, tất cả đều như tạc; còn Văn Cao thì hiền hòa, nét mặt không sắc cạnh. Thế nhưng ở họ, trong sâu thẳm, tôi thấy một tính cách mà tôi gọi là “nguyên phiến”. Dường như cuộc sống riêng tư và sự nghiệp, qua bao thử thách, chưa một điều gì có thể khiến họ lao đao, phủ nhận niềm tin, lý tưởng đỉnh ninh khắc cốt trong họ, kể cả khi Văn Cao viết một câu thơ như “Có lúc/ Nước mắt không chảy ra ngoài được”... Những nghệ sĩ như Tào Mạt cũng vậy. Tới những ngày cuối cùng, khi chị Hà thay mặt anh Văn cùng đi với tôi vào bệnh viện 108 thăm người bộ đội – nghệ sĩ ấy, mới đi tới hành lang đã nghe thấy tiếng Tào Mạt hát rung chuyển cả phòng bệnh: các bác sĩ nói anh

hát để nén những cơn đau của bệnh ung thư đang hành hạ giày vò anh.

Những trí thức bạn bè anh cũng “bộ đội hóa”. Tôi nhớ mãi một Tôn Thất Tùng lần đầu gặp, vận quân phục đeo thắt lưng to bản, đầu đội mũ béret basque (một loại mũ nổi của Tây hơi to, kéo xuống phía sau gáy) nom như một sĩ quan Tây mới nhảy dù xuống, lại hay nói tiếng Tây xen lẫn tiếng Việt, nhưng vẫn văng tục theo kiểu rất “mệ”. Thành tích sáng ngời của người anh hùng lao động ấy ai cũng đã biết. Nhưng điều ngạc nhiên đến với tôi là khi đọc những trang nhật ký về Điện Biên Phủ của “ông Tây” dòng họ Tôn Thất này: đơn giản, “nguyên phiên” đi thắng tới lý tưởng, chẳng khác gì Nguyễn Văn Thạc, Đặng Thùy Trâm... “Đêm qua mưa, nghĩ đến thương binh ở tiền tuyến trong các giao thông hào mà ứa nước mắt (...) Những trận mưa vừa qua làm cho anh em ướt át gian khổ thêm. Xin Tổng cục Chính trị nilông và D.D.T (...) Rét rừng, rét đến xương, tủy, mặc hết cả quần áo, đắp hết cả chăn mà hai đầu gối vẫn buốt. Còn như anh chị em dân công thì sao? (...) – 7/5/54. Chiến dịch Điện Biên Phủ đã kết thúc. Em và các con Trân Bách ơi! Chiến sĩ Điện Biên Phủ đã chiến thắng. Một trang sử mới bắt đầu. Ôi Việt Nam!... Đêm nay chắc không thể nào ngủ được...”. Cũng vào năm 2011 này, tôi đọc được một mẩu chuyện do học trò cũ của thầy Tôn Thất Tùng kể về thời đi thực tập ngay tại dưới hầm mỏ ở chiến trường. Thương binh nặng rên la, có người cáu gắt chửi cả bác sĩ. Người y sinh trẻ tuổi lộ vẻ tức giận vì điều đó (dám mắng mỏ một người như thầy

Tùng!), thì thấy thầy của mình nhẹ nhàng bảo: Anh em thương binh đau đớn quá, bệnh nhân khi đau như vậy phải thông cảm với họ... Ngẫu nhiên, tôi lại liên tưởng tới một giai thoại – tất cả những người anh hùng đều có giai thoại – về tật chửi bậy của bác sĩ Tùng: trong một số ca mổ căng thẳng, người phụ tá tích cực là bà Hồ (phu nhân của bác sĩ) lại chính là người được hứng những chuỗi mắng mỏ của nhà phẫu thuật lừng danh ấy!

Bạn bè của anh Văn xuất hiện từ những nguồn gốc, địa phương, xứ sở thật đa dạng, khác biệt đến bất ngờ. Dĩ nhiên, anh không thể nào đáp ứng được danh sách dày đặc hàng ngày của những cá nhân, đoàn thể muốn gặp gỡ. Nhưng riêng với những người từ chiến trường miền Nam, từ chiến khu Việt Bắc... thường khi đột xuất đến nhà, đó là những ngoại lệ. Lại còn các fan kiểu Tây ba lô! Cảnh vệ nhà 30 Hoàng Diệu có lần phải loay hoay với một anh chàng ngắt ngưỡng mắc võng qua đêm ngủ ở công viên giáp ranh để “biểu tình nằm” đòi vào gặp tướng Giáp!

Trong cuộc kháng chiến thứ hai, với tuổi tác, với nhiều trọng trách, tuy được trời phú cho sức khỏe và nghị lực phi thường, song nhiều khi tới nhà, tôi thấy anh bận bịu đến mức gần như không nhìn thấy tôi. Tuy nhiên, ngay vào những thời kỳ chiến dịch đang diễn ra, qua vài dòng thư đứt quãng bất ngờ từ chỗ tôi gửi về, tôi hiểu anh Văn trong những cuộc hội ý chớp nhoáng với Bộ Tư lệnh chiến dịch, vẫn tranh thủ “trấn an” người em cọc chèo. “...Anh về họp gặp anh Văn phần khởi được tin

em, các con và cả gia đình khỏe mạnh...”. “Hôm qua anh Văn đến chỗ anh, nói viết thư cho Đào, bận quá anh chưa gửi kịp”... Và trong những ngày mà Quảng Trị được gọi là “cối xay thịt”, tôi đến chơi chị Hà, lại càng thấy cái vẻ đặc biệt ấy: Anh Văn ở đó, nhưng tâm trí đang ở đâu đâu. Thời gian chiến dịch Quảng Trị diễn ra, tôi không hề nhận được thư của anh Sơn và khi gặp anh Văn, tôi cũng không hay hỏi tin tức chiến sự. Tuy nhiên, có một lần, đi qua chỗ tôi ngồi với chị Hà, trong giây lát, cặp mắt to màu nâu rất trong dưới đường mày rộng chăm chú nhìn tôi, anh nói: “Hồng Sơn có gọi điện về”... Bao năm trôi qua, chỉ đến bây giờ, đọc những câu chuyện của những cán vụ, vệ sĩ, trợ lý... sống và làm việc hàng ngày với anh Văn, tôi mới biết anh đã từng khóc như thế nào khi những trận đánh phải trả giá quá đắt bằng xương máu của bộ đội, đồng bào.

Bao nhiêu cuộc chia tay, vĩnh biệt đã giáng những đòn nặng nề vào trái tim của anh. Anh đã phải chứng kiến cái chết của những con người dũng cảm nhất, đã thấy những cảnh tượng “rải rác” *biên cương mở viễn xứ/ chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh*... Rồi sự ra đi của những cộng sự, tướng lĩnh lấy lòng đồng thời là bạn bè như Phạm Ngọc Thạch, Đặng Văn Ngũ, Nguyễn Chí Thanh, Vương Thừa Vũ, Lê Trọng Tấn, Trần Văn Trà... Với ba tôi, sau này mới là bố vợ, nhưng anh Giáp vẫn gọi là “anh Mai”, bởi một tình bạn vong niên kéo dài từ khi còn là học trò. Tôi nhớ lại năm 1984, ba tôi mất sau một thời gian hôn mê kéo dài. Bệnh viện chờ tới nửa đêm, khi

anh Văn từ cuộc họp rất muộn tới thẳng bên giường ba tôi, họ mới rút ống oxy. Khi ra về, trong bóng tối hun hút gió dấy hành lang lạnh buốt, tôi nghe giọng nói sâu thẳm của anh Văn: “Hôm qua, dầu thế nào, ba vẫn còn ở trên thế giới này với ta!”.

Về Bác Hồ, tất cả mọi người đều thán phục “con mắt xanh” của vị lãnh tụ đã nhìn thấy trước một thiên tài quân sự ở người thư sinh, thầy giáo dạy sử. Và Bác tin cậy ở người đó đến mức khi tình thế quyết định sẽ diễn ra ở Điện Biên Phủ, anh Văn hỏi xin ý kiến trước khi lâm trận, Bác đã trả lời: “Tướng quân tại ngoại. Có gì thì thống nhất với Đảng ủy và cố vấn, báo cáo sau”. Nhưng với riêng tôi, lần đầu tiên gặp Bác, tôi còn là một đứa trẻ với những hình dung rất ấu trĩ về cách mạng. Bởi vậy, khi Bác cùng anh Giáp đến nhà, tôi lại chú ý đến chuyện khác-Bác Hồ, với tôi là cách mạng, là người “của chung”. Thế nhưng tôi “phát hiện” ra ngay là Bác Hồ lại cũng rất “riêng”, Bác rất cưng anh Giáp, như một em út, như một đứa con...Anh Văn cũng vậy, vào những ngày trước đêm Quốc khánh năm 1969 đã túc trực bên giường bệnh của Bác như một đứa con. Mưa tầm tã, từ cuộc họp khuya trở về, anh đứng khóc bên Bác, khi cánh cửa còi bên kia đã mở ra. Thông thường, giữa con người chính trị với nhau, dầu cùng lý tưởng duy nhất đến mấy, trong đời sống riêng, họ vẫn có thể không gần gũi, thân thiết. Nhưng ở anh Văn, tôi thấy tình cảm riêng - chung hòa hợp thật tự nhiên. Bởi vậy, với anh Hồng Cư hoặc anh Hồng Sơn, trong cách xưng hô (gọi anh Văn là “anh” và xưng hô

“tôi”) cũng như khi nói chuyện trong gia đình, gần như ngay lập tức, họ chuyển sang chuyện “đánh đấm” ở thời chiến và chuyện thế sự ở thời bình.

Với anh Văn, có lẽ nỗi đau lớn nhất gần đây đã khiến anh quy xuống, đó là cái chết của Hồng Anh. Tôi đã nhiều lần thấy nếu Hồng Anh ở nhà, nghe thấy tiếng chân anh Văn về tới sảnh, bao giờ đưa con gái cưng ấy cũng chạy xuống đón cha về... Anh Văn đã phải chịu cái điều đau đớn nhất trong chuyện tử biệt sinh ly: “Lá vàng còn ở trên cây/ Lá xanh rụng mất, trời hay chăng trời?”.

* * *

Từ hai năm nay, anh Văn đã sống xa mọi âm thanh và cuồng nộ, nhiều khi nhìn chị Hà, tôi cũng thấy chị đã có một vẻ thanh thản và xa vắng, dường như chị cũng đã có một thế giới riêng, và nói ít hẳn đi. Điều ấy trái với tính cách của chị, vốn là người sôi nổi và hay nói. Thế nhưng có một lần, khi chị Hạnh hỏi chị cả tôi - “Ý nghĩa hạnh phúc lớn nhất của đời chị là gì?” thì tôi thấy chị đáp lại ngay lập tức: “Là chị đã có anh Văn”.

Qua bao nhiêu năm, chúng tôi không hề chú ý đến ngày cưới đâu là vàng hay bạc của anh chị. Nhưng ngày 27-11-2011 vừa rồi, tự nhiên lại rủ nhau đến ăn một cái bánh gatô có 65 bông hồng màu hồng bằng kem ở trên. Bệnh viện không cho phép mang hoa tươi vào phòng anh, chỉ có những bông hoa thất bằng lụa. Vẻ mặt chị Hà thật vui và thanh thản. Tự nhiên chị kể: “Câu tỏ tình đầu tiên của anh Văn với chị là: - Anh sẽ cưới Hà bằng

một đĩa xôi với một con gà. Anh nói thế vào một lần đèo xe đạp cho chị đi chơi lung tung”. Tôi ngạc nhiên, không hiểu. Chị kể tiếp: “Đi chơi đến Septo, nơi anh Giáp tập võ. Lúc ấy chị mới 8 tuổi, nhưng cũng đã biết nói chữ, chị hỏi: - Nhưng anh đã có hôn thê rồi mà? – Chị chỉ chưa biết phải gọi là vị hôn thê. Hồi ấy anh Giáp đã dẫn chị Quang Thái tới nhà ba mẹ”. Nhưng tôi hỏi chị còn nhớ gì về câu tỏ tình thực sự đầu tiên của anh Văn sau này, thì chị lại cười, bảo chả nhớ gì hết.

Lúc ra về, qua khu vườn nhỏ, tôi chợt để ý thấy có một cái ghế đá dưới gốc cây (có lẽ phải là cổ thụ tới hai trăm năm?) bởi lẽ ghế đã bị rễ cây to bám chằng chịt như những cánh tay níu nó vào thân, đến nỗi nó bị tụt hẳn xuống gần sát đất. Tôi cũng đã thấy những bức tường, tượng đá ở Angkor có rễ cây bám chằng chịt tạo thành những công trình nghệ thuật có một không hai. Nhưng cái ghế đá này, nó bắt đầu như thế từ bao giờ mà tôi không biết? Thời gian... thật khó hiểu. Ngay cả giờ đây, rất hiếm khi, tôi vòng ra phía sau vườn. Nhưng rồi hôm ấy, tôi thấy cạnh bức tường rêu phong, mảnh đất trống kinh giới, rau thơm vẫn mọc xum xuê, nhưng hoang dại. Ngày xưa (đã là ngày xưa!) khi anh Văn đi bách bộ nói chuyện cùng anh Hồng Sơn thì thể nào tôi và chị Hà cũng ra đây hái rau thơm và nhớ lại rằng mẹ hay cho ăn các loại rau thơm. Tôi thấy trong cả mấy chị em, chị Hà có nhiều nét giống mẹ tôi nhất, dù nhìn bề ngoài có vẻ đối nghịch: chị học trường đầm, là một trí thức, còn mẹ tôi là cô gái dệt cửi, răng đen, nghề nghiệp khai báo là “nội

trợ”. Thỉnh thoảng tôi rất sung sướng khi được chị cho một lọ khuynh diệp Quảng Bình. Tôi hít hà và hiểu ra vì sao lại cảm thấy hạnh phúc đến thế: trở về thời thơ ấu, thú dầu mẹ hay xoa cho khi ốm là dầu khuynh diệp.

Trong một thời gian dài gần đây, tôi cùng anh Hồng Sơn hay đi bộ về phía Hoàng thành, từ đó nhìn thấy mặt trời lặn lộng lẫy đỏ ối phía sau rặng cổ thụ đường Hoàng Diệu. Thật là một cảnh tượng hiếm thấy: mọi chân trời ở trung tâm Hà Nội đều bị che khuất bởi những tòa nhà đồ sộ. Phía ấy còn nhìn thấy được hoàng hôn, ở đó là không gian thoáng đãng của Lăng Bác, Quảng trường Ba Đình, nơi đọng lại quốc hồn Thăng Long – Đông Đô – Hà Nội.

NGƯỜI MANG KÝ ỨC CỦA TRÁI TIM

Đặng Anh Đào

Sau lần xuất bản thứ nhất của cuốn sách, hồi âm của bạn đọc là muốn được biết thêm nữa hình dung về Võ Nguyên Giáp qua lời kể của những người thân. Vả lại, có những người đã kể, nay lại lục lại thêm trong ký ức. Còn tôi, tôi cũng lại một lần nhớ lại để xem còn ai mà mình chưa tiếp cận được để họ kể thêm về anh Giáp. Bởi khi biết anh, hơn một năm sau đã nổ ra cuộc kháng chiến chống ngoại xâm lần thứ nhất, tôi chỉ là một đứa trẻ xuôi về miền Trung, tản cư ở những nơi được gọi là yên bình. Còn anh Giáp thì ở đầu não cuộc kháng chiến – chiến khu Việt Bắc. Rồi một ngày nào đó vào năm 1951, tôi lại “tạt lên” Việt Bắc, trong khoảng vài ba tháng, nhưng cũng sống gần anh Giáp với chị Hà có lẽ chỉ vài tuần ở Chiêm Hóa, vì tôi lại phải suốt suốt xách ba lô rời xa gia đình, đến trường Tân Trào ở Tuyên Quang, vót vát phần cuối của chương trình lớp 7.

Tuy nhiên, ngày đầu tới Chiêm Hóa, gặp lại anh

Giáp và chị Hà, sau 5 năm xa cách, tôi thấy anh chị (lúc đó đã có cháu gái đầu tiên) song không hề sống trong một ngôi nhà riêng mà là sống “tập thể”, xung quanh có anh em bộ đội và văn phòng của anh. Và họ chính là những người nay tôi cần tìm tới...

Giờ đây, nhớ lại, lúc ấy tôi chỉ để ý đến hai người nổi bật: anh Phạm Khắc Lãm, bí thư của anh Giáp và chị Hồi, thư ký đánh máy. Chị Hồi, sinh trưởng ở Đà Lạt, da trắng hồng, mắt một mí, tóc cắt ngắn, rất xinh. Trông chị cứ như một quả đào chín. Còn anh Lãm cũng rất đẹp; cao dong dỏng, cặp mắt đen sáng của anh rất lạ: nó như pha màu xanh sẫm – cho tới nay tôi không thấy ai có đôi mắt như vậy. Anh nói chuyện rất có duyên, mà khi mỉm cười lại nhếch mép về một phía, tôi không biết tả ra sao. Chỉ tới những năm gần đây, tôi mới thấy có một tài tử điện ảnh Mỹ (từng đoạt giải Oscar) là có cái nhếch mép tương tự... Anh Giáp rất quý anh Lãm vì sự thông minh, tinh tế, thật đúng là con nhà nòi. Chị Hà cũng rất thân với anh Lãm không chỉ vì họ đều cùng cố giúp cho công việc của văn phòng tiến hành tốt từ khi còn lạ nước lạ cái, mà còn vì rất nhiều điểm phù hợp riêng tư, ví dụ như cả hai đều chịu ảnh hưởng của văn hóa Pháp. Hiếm khi ông trời lại tạo ra những cơ hội gặp gỡ ngẫu nhiên như vậy. Những khi anh Giáp lên đường ra trận, anh yên tâm vì có một người em, giúp chị Hà đỡ buồn. Chị có người hợp “gu” để chuyện trò bên đống lửa nhóm lên, những tối mùa đông lạnh khủng khiếp của Việt Bắc. Cũng còn một người nữa tiếp xúc nhiều với anh Giáp lúc ấy là anh Mai

Xuân Tần. Chị Hà cũng rất thích kiểu nói chuyện từng từng của anh, nhưng ông này có vẻ “người lớn” kiêu lời, bộ điệu “phớt ăng - lê”. Vả lại, sau đó anh lại ra mặt trận cho đến hết cuộc kháng chiến lần thứ nhất. Anh tiếp tục làm cố vấn ở chiến trường C, phối hợp với lực lượng yêu nước Campuchia. Giải phóng Phnom Penh, tôi là chuyên gia sang dạy ở Đại học Phnom Penh, lại gặp anh, vẫn cao lớn, trắng trẻo như ngày nào. Ở Văn phòng Bộ Quốc phòng – Tổng Tư lệnh bây giờ còn có hàng chục đồng chí khác, nhưng rồi sau họ cũng ra chiến trường. Tôi chỉ nhớ lại một cái tên đặc biệt là Dững Mã, người có gương mặt đẹp như diễn viên từng đóng *Ruồi trâu* trong bộ phim cực hay, dựa trên tiểu thuyết nổi tiếng của nữ sĩ Ba Lan Voynitsh.

Giờ đây, anh Dững Mã (đã cùng ở đơn vị chiến đấu với chồng tôi) không biết đang ở nơi đâu? Chị Hồi đã thành người thiên cổ. Anh Mai Xuân Tần đã viết một cuốn hồi ký có nhiều đoạn về anh Giáp, nhưng không may và rất tiếc (cho tôi), đã xuất bản năm 2006. Chỉ còn anh Lâm. Từ hồi ở Việt Bắc, sau đó 5 năm anh chuyển công tác, anh vẫn đến nhà chị Hà và anh Giáp chơi, nhưng với tôi là biến biệt... Năm ngoái, tôi chợt thấy anh một thoáng ở sân bay đi Pháp. Có lẽ anh phải ở tuổi U80 rồi, nhưng “vẫn còn mắt biếc, nét cười xưa”(dĩ nhiên không phải là “hàm én, mày ngài...”). Và sự nghiệp của anh đã rẽ vào đường quan văn, mà không phải là quan võ, anh kinh qua nhiều chức vụ rất to. Trong những ngày này, tôi đột nhiên nhớ tới anh và dù anh rất bận rộn, tôi tin là

anh sẽ nhận viết lại hồi ức. Trục cảm cho tôi thấy anh vẫn là người trước sau như một. Ngược lại, có người chuyển từ quân đội ra ngoài, nhậm chức quan to, có một lần gặp lại thoáng qua (cũng ở một sân bay!) tôi lại bô bô nhắc đến thời anh còn là bác sĩ rất giỏi đã giúp tôi trong một lần “vượt cạn” nguy hiểm như thế nào: thế là mặt anh lạnh như tiền. Chắc anh không biết rằng với tôi, việc anh là bác sĩ giỏi đáng trân trọng hơn là chức quan to lúc đó của anh ấy. Anh cũng từng rất gần gũi anh Văn, chị Hà, nhưng tôi ngần ngại vì mặc cảm. Biết đâu...?

Tôi còn muốn có một dư âm gì, dù nhỏ nhất, của bác sĩ Tôn Thất Tùng qua phu nhân là bà Vi Thị Hồ. Người Anh hùng Lao động ấy đã mất vào đúng vào ngày 7 tháng 5 (chiến thắng Điện Biên Phủ) – chỉ khác năm (1982). Nhưng bà Tùng nói bà không biết gì về anh Giáp, đơn giản vì mỗi khi đến chơi, anh Giáp đi dạo quanh vườn nói chuyện với ông Tùng (theo lối vận động thư giãn của anh) còn bà Tùng ngồi nói chuyện riêng với chị Hà. Tôi hoàn toàn thông cảm với bà: bản thân tôi là em vợ của anh Giáp, mà cũng chẳng hiểu gì về anh, bởi một lý do giống hệt như bà!

Vốn xuất thân dạy sử ở trường Thăng Long, vào thời sau 1954, anh cũng có quan hệ làm việc thân thiết với một số sử gia như Hà Văn Tấn, Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Đinh Xuân Lâm, Dương Trung Quốc. Năm ngoài, tôi đã phỏng vấn anh Phan Huy Lê để viết một bài cho tờ Perspectives France – Vietnam của Pháp, anh đã trả lời:

Võ Nguyên Giáp đã viết nên lịch sử vĩ đại của những cuộc kháng chiến như là đồng tác giả với nhân dân và quân đội của chúng ta, đồng thời ông đã viết lại diễn biến lịch sử của cuộc chiến ấy qua những Hồi ức và những cuốn sách về chiến lược hiện đại. Trong một buổi trò chuyện với các sử gia ông đã nói: “Hiểu biết về phương pháp luận của một nhà sử học áp dụng vào việc chỉ huy quân sự và ngược lại, những kinh nghiệm chiến tranh đã giúp tôi có được tinh thần khách quan, độ chính xác lớn hơn trong tư duy.” Có lẽ, sự kết hợp giữa sự nghiệp đấu tranh với sự nghiệp của một sử gia đã mang lại cho ông kết quả ấy.

Thực ra, ngoài thì giờ làm công việc chính trị, quân sự và xã hội, anh Giáp đọc sách rất nhiều, và vẫn theo dõi trước tác của các nhà viết sử trong và ngoài nước, từ một cuốn rất cũ *Luận về chiến tranh* của Clausewitz để rút ra kinh nghiệm lịch sử (mà anh đã đọc bản tiếng Pháp ngay từ đầu những năm bùng nổ chiến tranh) – như anh đã từng kể cho sử gia Pháp Alain Ruscio nghe... Với Phan Huy Lê là nhà khảo cổ học, anh Giáp cũng đã từng cùng đi tham quan thực địa khi phát hiện khu Hoàng Thành và lắng nghe ý kiến của các học giả. Sử gia nước ngoài như Daniel Hemerry cũng từng tới xin gặp Đại tướng để tham khảo ý kiến về sử Việt Nam – lãnh vực chuyên môn của họ... Vào năm 1981, nghe tin tôi đang có mặt ở Paris, họ đã liên hệ với tôi và nói về những ấn tượng có tính chất riêng tư, cảm tình đặc biệt đối với anh – ngoài những quan hệ chuyên môn. Tôi nghĩ: Sở dĩ như vậy là vì trong liên hệ công việc, đầu hàng mấy ngàn người đã vụt

qua đời anh trong chốc lát, nhưng trong ký ức của anh, đặc biệt có phần “kỷ ức của trái tim”. Georges Boudarel, người đã tự nguyện xin gia nhập quân đội Việt Nam thời kháng chiến chống Pháp, cũng đã tìm gặp tôi năm 1981 (lúc ấy ông làm việc ở trường Paris 7). Dù chưa hề làm việc với anh Giáp, nhưng những câu đầu tiên ông hỏi thăm tôi là về anh Giáp (cuốn *Giáp* của nhà sử học này chỉ mới được dịch ra tiếng Việt 10 năm sau khi ông qua đời và có lược bỏ vài chỗ...)

... Ở bài viết phần đầu cuốn sách này (*Phía bên kia thành cổ*) tôi đã nhắc đến Major Thomas, người thiếu tá Mỹ từng huấn luyện cho lực lượng Việt Minh thời chuẩn bị Tổng khởi nghĩa 1945, và vẫn gửi thư cho anh Văn vào năm 1990... Năm nay – 2013 – tôi lại thấy trên báo Lao Động bài của Uyên Minh viết về một người Mỹ khác, cũng đã “từng hướng dẫn Đại tướng Võ Nguyên Giáp ném lựu đạn” khi anh Văn đang là... Tổng chỉ huy của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân... Henry A. Prunier, gần 70 năm sau, còn kể lại: “Ông Giáp muốn biết tại sao, chúng tôi lại tung bổng quả lựu đạn lên và cái gì đã kích hoạt súng cối”... Có lần tướng Giáp còn cúi đầu xuống để nhìn hằm vào thùng đạn súng cối: “Lúc đó, tôi bị sốc vì sự dũng cảm của ông Giáp...”. Qua lời kể của nhà báo, tôi lại chú ý hơn đến trí nhớ đặc biệt của anh Giáp. Bởi “Năm 1995, khi Prunier trở lại gặp những người lính Việt Minh năm xưa còn sống, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã nhận ra ngay. Ông cầm một quả cam theo cách cầm lựu đạn mà ông Prunier từng chỉ cho ông và kêu lên

phấn khích: - Như thế, như thế, như thế". (những chữ in nghiêng do Đ.A.Đ nhấn mạnh)... Tôi nghĩ anh Giáp có một loại ký ức không chỉ xuất phát từ sự thông tuệ, mà như trên tôi đã gọi, là "ký ức của trái tim" nên sự thu hút tình cảm đến cả từ hai phía: anh và lớp lớp người đã từng vụt qua trong chốc lát.

Những người Việt Minh thời ấy, vì thế, đã thu phục được thiện cảm của những nhân vật mà khi nổ ra chiến tranh, lại trở thành tướng tá hoặc chính khách của lực lượng viễn chinh Pháp. Tôi đã trích ở phần đầu cuốn sách này lời của Sainteny, Đặc ủy Cộng hòa Pháp tại Bắc bộ, nhớ lại thời hội nghị thương thảo ở Đà Lạt, tháng 4 – 1946, ông ta nói: "Võ Nguyên Giáp được coi như nhân vật đáng gờm nhất". Nhưng trong bài của anh Đặng Tiến viết cho đài BBC (năm 2010), có nhắc lại Hồi ký của Sainteny kể về việc dự cuộc duyệt binh của Võ Nguyên Giáp cùng tướng Leclerc: "Cuộc duyệt binh có sự tham dự của tiểu đoàn Việt Nam đầu tiên, gồm hầu hết là cựu binh sĩ khố đỏ". Thời đó, "lính khố đỏ" tuyển mộ người bản địa nhưng thuộc về lính đánh thuê cho Pháp. Tuy chỉ đưa ra một chi tiết hết sức khách quan, nhưng hẳn Sainteny đã thấy được ý nghĩa hàm chứa trong đó: sức thu phục của quân đội Việt Minh... Còn nữa, vẫn theo lời Đặng Tiến:

Tướng Salan lăn lộn trên chiến trường Đông Dương từ năm 1924, cấp bậc trung úy; trong Hồi ức I (viết đến thời kỳ năm 1946), ông nói nhiều đến những cố gắng thương thảo giữa hai bên Việt Pháp vào năm 1946 với nhiều cảm tình và kỷ niệm tốt đẹp với tướng Giáp.

Một ví dụ là chuyện đang hội họp căng thẳng thì cận vệ vào đưa tin vợ ông sinh con gái, tướng Giáp chúc mừng và mấy hôm sau gửi tặng vợ ông một bức bình phong sơn mài rất đẹp tả cảnh nông thôn miền Bắc. Chuyện nhỏ thôi, nhưng ngày nay đọc lại vẫn cảm động.

Hồi ức II (1946-1954) kể lại chi li cuộc chiến tranh Việt Pháp, khách đối tác trở thành địch thủ khi thắng khi thua, nhưng lời lẽ lúc nào cũng tao nhã. Khi Salan qua đời, 1985, tướng Giáp có gửi người viếng tang và phân ưu.

Những cuộc chiến, người ta vẫn không ngừng viết về chúng, gắn với những tên tuổi của tướng Giáp. Nhưng tôi nghĩ có lẽ Đặng Tiến đã gặp gỡ trong ý tưởng với tôi, khi trong hầu hết bài viết, ông lại nhấn mạnh những chi tiết trên. Võ Nguyên Giáp, ngay giữa những “địch thủ” và bản thân mình, còn có chung những “ký ức của trái tim”, hướng chi với những người đồng chí hướng, gần gũi, từ người bảo vệ đến nhà khoa học. Quả là trong phần đầu của cuốn sách này, một trong những bài làm tôi cảm động nhất chính là bài *Hai mươi năm làm cận vệ cho tướng Giáp*. Nhưng giờ đây, tới nhà 30 Hoàng Diệu, tuy tôi có gặp được một đồng chí lái xe cho anh Giáp là Đinh Văn Mùi, nhập ngũ từ năm 1975, lúc mới đôi mươi, nhưng mãi đến năm 1980, lên cấp thiếu úy, mới làm lái xe riêng cho anh Văn. Lúc ấy anh Văn đã thôi làm Bộ trưởng Quốc phòng, vào năm 1982, cũng thôi ở Bộ Chính trị, chỉ còn làm Phó Thủ tướng... Anh kể cho tôi:

Tôi là lái xe nên không được biết rõ về thủ trưởng như anh em bảo vệ, cần vụ. Vì đến đúng giờ thì xe chờ ở thêm, đến nơi thủ trưởng vào làm việc thì tôi phải ở ngoài, lau xe, tu bổ xe, để đảm bảo không bị sự cố gì khi trở về. Vì tuy bác Giáp đã thôi gần hết các chức vụ, nhưng vẫn làm việc suốt ngày, thường đi thăm các địa phương vào thứ bảy, chủ nhật. cứ thế cho đến khi phải vào nhập viện tháng 7/2009. Tôi nay là đã bốn cái Tết bác Văn không ăn cơm nhà. Nhưng tới năm 2010, tôi vẫn hàng ngày cùng bác Hà đưa cơm nhà vào Viện 108, sau đó bác ăn theo chế độ quy định của bác sĩ. Giờ đây, tôi lái xe dẫn bác Hà lên tận nơi vì bác cũng đã yếu hơn. Theo yêu cầu của trên, tuy đã quá hạn về hưu 8 năm, tôi vẫn ở lại, hưởng lương kịch trần của sĩ quan chuyên nghiệp (thượng tá).

Trước năm 2010, khi đi công tác, bao giờ cũng có bác Hà và chị Hồng Anh đi theo chăm sóc, và một bảo vệ ngồi cùng xe. Cũng có khi Hồng Anh ngồi ở đoàn xe tùy tùng, vì có người chuẩn bị làm việc cùng bác, trước khi tới địa điểm, ngay trên xe... Thời bao cấp (cho đến hết 1990), chúng tôi nuôi lợn, trồng chuối, trồng rau, nấu bếp... ngay trong khuôn viên có dãy nhà phụ, phía sau... Bữa ăn cũng được cải thiện, kham khổ nhưng mà vui. Bác Giáp ăn muộn. Thường đó là giờ bác đi bộ xung quanh vườn, có khi dừng lại uống chén nước trắng, chuyện trò với anh em.

Thời ấy, tôi cũng từng có khi đi lái xe mời các vị cần tôi ghi chép để viết sách cùng bác, như ông Đỗ Trình, Hữu Mai,... hoặc cô giáo Hồng Hạnh đến dạy đàn... Có khi lái xe cho bác đi thăm người thân, bạn bè như ông bà Tôn

Thất Tùng, Hồ Đắc Di, đến thăm hai cụ nhà ta... (tức ông bà Đặng Thai Mai).

... Ngay mới tuần trước, như thường lệ, tôi lại dẫn bác Hà đến bên giường bác Văn. Tôi nói: “Em là Mùi đây”... Bác chớp mắt, gật đầu, nắm chặt tay tôi...

Khi nói với tôi, anh Mùi gọi anh Văn là “bác”. Nhưng thực ra khi đối thoại với thủ trưởng của mình, anh vẫn xưng hô anh em. Đó là thông lệ của những người từng gần anh Văn...

Tôi lại tìm gặp chú công vụ mới nhất. Anh Nguyễn Văn Lợi đến ở nhà 30 Hoàng Diệu sau khi anh Thìn nghỉ hưu 6 năm. Cho tới nay, anh Lợi cũng đã bảo vệ đại tướng 20 năm – dẫu chỉ bằng nửa thời gian của anh Thìn. Điểm khác biệt nữa là lúc anh Lợi đến (1992) thì anh Văn đã rời khỏi mọi chức vụ, chỉ còn làm đề tài nghiên cứu: “Tư tưởng Hồ Chí Minh và quân đội Việt Nam”. Tuy vậy, anh Văn vẫn làm việc suốt ngày. Anh Lợi vì là bảo vệ, khác với lái xe, nên bất kỳ đại tướng đến đâu, đi công tác xa, đều cũng vào đứng bên cạnh ở các cuộc mít tinh, hội thảo, đi thăm các địa phương. Ngày anh Lợi ngồi nói chuyện với tôi lại đúng vào 7 tháng 5 năm 2013. Anh Lợi nói: “Tôi còn nhớ nhất hai lần đã đi theo anh Văn lên Điện Biên: lần chuẩn bị kỷ niệm 45 năm và lần chuẩn bị kỷ niệm 50 năm... Anh không đến vào đúng ngày 7, nhưng tôi đã phải cương hết sức lực để giải đường cho anh lúc đi bộ từ địa điểm này sang địa điểm khác cho kịp giờ, vì nhân dân và các nhà báo cứ vây chặt xung quanh. Mọi người muốn nắm tay đại tướng hoặc sờ vào vai một cái, nhưng cứ thế

thì nghèo hết cả đường.” (Tôi nghĩ họ làm vậy cũng phải, trước đây 5 năm anh đã được 88 tuổi... Lần kỷ niệm chẵn (năm 2014) anh đâu còn lên Điện Biên được nữa?).

Anh Lợi nói: “Lần vất vả gần đây nhất là lúc cùng anh Văn lên thăm lại Cao Bằng, năm 1994, đi xe Nissan. Đường rất mấp mô. Từ tỉnh đến địa điểm Khai Phất (nơi nổ ra trận chiến thắng đầu tiên của đội Tuyên truyền Giải phóng quân, 22/12/1944), đường rừng phải dùng bốn xe Land Cruiser của tỉnh. Nhưng đến cửa rừng nguyên sinh – nơi duy nhất nhân dân địa phương không đốt rừng làm rẫy – trời lại mưa. Có bốn người cùng đi bộ (anh Lợi, anh Mùi, một bác sĩ và một con trai là Võ Hồng Nam) phải hai người xốc nách anh Văn, còn một đi trước, một đi sau... Hẳn là ông cụ 83 tuổi có đỡ về ngả nào cũng có người đỡ! Nhưng ở nơi hoang vu ấy, người dân Hơ mông, Dao, Thái... vẫn chạy ra đón anh Văn, dưới mưa. Anh Văn dự lễ khánh thánh di tích lịch sử đỉnh đồi Trần Hưng Đạo, nơi có cánh rừng thành lập đội Tuyên truyền Giải phóng quân. Ngày hôm sau, lại dự mít tinh... Đó là chưa kể năm 93 tuổi anh còn lên Điện Biên kỷ niệm 50 năm chiến thắng. Hồi đó có máy bay nhưng phải đi làm hai chặng: từ Hà Nội đến sân bay Mường Thanh bằng chiếc IR 72 của Pháp, sau đó lại dùng trực thăng bay lên Mường Phăn. Quá đông phóng viên, cả người nước ngoài chen chúc, tôi lại phải cố ngăn sau cho họ khỏi giẫm lên chân hoặc xô ngã cụ! Anh Văn đi thăm lại mấy nghĩa trang liệt sĩ để thắp hương tưởng niệm, thăm lại hầm De Castries... Còn ở nhà, anh vẫn ngồi làm việc suốt

ngày. Theo lịch của bác sĩ, vào giờ nhất định, tôi mang sữa hoặc nước uống vào, nếu không thì anh Văn sẽ quên. Tuy nhiên, anh vẫn xếp giờ đi bộ, đánh bóng bàn, tập Thái Cực Trường Sinh Đạo (128 động tác, tập 2 lần trong ngày). Có lần, một phóng viên nước ngoài hỏi: Vì sao đại tướng trông vẫn trẻ và khỏe so với tuổi tác đã cao như thế? Anh Văn bảo: Do tôi lạc quan. – Quả vậy, ngoài việc kiểm tra sức khỏe định kỳ, cho tới năm anh Văn 97 tuổi, anh mới phải nhập viện một thời gian vì đau xương”. Đến đoạn tiếp sau, tôi nhận thấy giọng nói của anh Lợi (vốn rất hồ hởi, giọng của một người cận vệ khá to con, nước da đỏ au) trầm hẳn lại: “Thế rồi năm cụ 99 tuổi bị viêm phổi, phải nằm viện dài dài...”

Đó là lúc tôi đang ở Pháp, tháng 10 năm 2010, đột nhiên các con tôi báo sang cho biết cái tin dữ mà tôi không thể nào tưởng tượng nổi: Hồng Anh ốm nặng và đã mất. Sau này, về nước, tôi được biết rằng đúng vào thời gian anh Giáp nằm viện, Hồng Anh cũng vào chữa bệnh, thăm cha, nhưng được về nhà dùng thuốc. Có ngờ đâu chỉ vì một chút chủ quan... Sợ anh Giáp bị sốc, tới hôm đưa tang con gái cứng, mọi người chỉ dám nói với anh rằng Hồng Anh ốm rất nặng. Đang nằm ốm liệt giường, anh bật dậy, hét to: “Có phải nó chết rồi không?”. Kể từ đó anh cũng không thể trở dậy để đi viếng mộ con, và đã không về nhà, kể cả ngày Tết. Tôi nghĩ rằng trong bệnh viện, người ta phải sống những ngày thật cô đơn. Nhưng anh Lợi – vẫn là anh – nói như đoán được ý nghĩ của tôi:

“Cho đến nay, ở tư thế nằm, anh vẫn tập một số động tác thể dục đều đặn. Những ngày lễ lớn, ngày Tết, ngày sinh nhật, ở phòng tiếp khách của anh Văn trong bệnh viện, tứ trụ triều đình có mặt đông đủ cả. Thời gian đầu, anh còn có thể ngồi xe đẩy ra phòng ngoài tiếp khách. Hiện nay, có hai phòng dành cho hai nhóm trực 24 trên 24: nhóm y tá và nhóm bảo vệ chúng tôi đây. Còn một phòng nữa, các con của anh Văn vào trực đêm, thay phiên nhau. Lúc còn nói nhiều được, anh vẫn nói chuyện với chúng tôi, anh nói rằng ngoài giờ, anh em công vụ có thể học thêm trường đại học buổi tối. Chúng tôi đã có người học ở trường đại học Xã hội Nhân văn, học Cao đẳng kế toán, học kinh tế... Còn nâng cao võ thuật thì hẳn rồi (hồi ở nhà chúng tôi vẫn đôi khi xuất chương để luyện võ cùng đại tướng). Khi nằm trên giường, mắt còn tỉnh, có lúc anh đánh dấu vào títt bài báo, bảo tôi đọc cho anh nghe. Bí thư của anh Văn là đồng chí Huân vẫn vào viện cập nhật thông tin, Thông tấn xã cũng gửi băng ghi âm cho anh Văn. Gần đây, giọng nói của anh rất yếu, nhưng tai vẫn nghe rõ. Theo lệnh của Trung ương và Bộ trưởng Quốc phòng, riêng đối với đại tướng Võ Nguyên Giáp, vẫn duy trì chế độ giữ nguyên khung cán bộ cho cơ quan được gọi là “Văn phòng Đại tướng”, tất nhiên là số lượng nhân viên thu nhỏ lại còn dưới 10 người. Riêng tôi không biết diễn tả thế nào lòng quý mến, ngưỡng mộ. Chúng tôi mấy anh em vẫn coi anh Văn như người thầy, người cha để học tập, cố gắng không ngừng, theo gương anh.”

Nghe anh Lợi nói, tôi lại nghĩ: vậy là anh vẫn sống

“tập thể”, bệnh viện như ngôi nhà Hoàng Diệu thu nhỏ lại... Trong phần bổ sung của lần xuất bản này, có những nhà khoa học, nhà báo vẫn tiếp tục trực tiếp viết thêm những mảnh ký ức. Riêng đối với giáo sư Đinh Xuân Lâm, vì thầy đã sắp đến tuổi 90, tôi xin phép được đến ghi ý kiến của thầy trong một tiếng vì sau đó thầy sẽ bận việc suốt từ trưa cho đến chiều, ở viện Sử. Đến nơi, tôi thấy thầy đang cầm ở tay bản dịch từ cuốn Võ Nguyên Giáp của Boudarel. Thấy không kể lại hồi ức mà đối thoại với tôi, cứ như là phóng viên. Thấy giở cuốn sách lên và bảo tôi:

- Ở trang 31 cuốn này, có hai điểm mà Boudarel sinh thời đã không biết và bị lầm. Thứ nhất là ông ấy viết là quan cai trị Marty đã đưa Giáp ra khỏi trại giam Lao Bảo trước khi mãn hạn tù, vì ông ta “lọc lõi, kinh nghiệm trong ngành an ninh, lại có đầu óc sáng suốt đáng gờm...”; Marty sợ Giáp ở lâu trong tù, ý chí cách mạng sẽ càng trưởng thành hơn khi tiếp xúc với các chính trị phạm khác. Thế nhưng Boudarel không hiểu rằng Marty đã không “sáng suốt v...v...”: dẫu chỉ là học sinh (ở Huế) bị bắt vì tội tham gia quyền góp ủng hộ các nông dân yêu nước bị tù, nhưng lúc ấy anh Giáp đã mang nặng nợ nước, thù nhà. Điều sai thứ hai của Boudarel, là nói Giáp ra Hà Nội học ở Albert Sarraut. Thực ra, chỉ có chị Bích Hà là học ở Albert Sarraut. Vô tình, viết như vậy, Boudarel không biết rằng có thời sau 1954, những chi tiết ấy có thể là nguồn gốc để ở ta có tin đồn là ông Giáp đã từng hợp tác với thực dân, trước Cách mạng...

Thầy Lâm đúng là... sử gia (?!), vẫn theo kiểu chính xác về chi tiết lịch sử! Tôi đáp lại thầy:

- Vâng, về nguồn gốc của lời đồn thổi này là do từ vài dòng trong cuốn Hồi ký của ông C. trước khi sang định cư ở Mỹ ông hay đến chơi với ba em, từ thời em còn bé. Em nhớ đến ông ấy đặc biệt vì bà vợ: bà có tên rất đẹp: Hằng Phấn, hơn thế, bà lại là một trong số vài ba phụ nữ đẹp nhất em đã từng gặp. Khi lời đồn thổi về anh Giáp được tung ra, ba em vẫn còn sống và nói với em: “Ông C. cũng không có ác ý gì với anh Văn. Có lẽ vào đầu những năm 30, khi anh Giáp ra Hà Nội, có thể ông C. đến chơi nhà ta, có thấy lá thư của Marty, trùm mật thám Đông Dương gửi cho anh Giáp mà ba để trên bàn, có ghi ở đầu: Cher enfant... Bọn Tây muốn mị dân, dụ dỗ anh Giáp, ghi những chữ đó là chuyện thường tình. Nó không phải chuyển ra tiếng Việt là Con thân yêu để rồi từ đó nói rằng Marty nhận anh Giáp làm con nuôi như tin đồn hiện nay được...”.

Thì giờ còn rất ít, tôi xin thầy ý kiến nhận xét về anh Giáp vì anh cũng là một trong “tứ trụ” sử gia từng làm việc với anh:

- Ấn tượng của tôi là anh Giáp làm việc rất kỹ: lắng nghe rồi đối chiếu với các ý kiến của các chuyên gia, từ đó rút ra kết luận của mình. Anh trao đổi kỹ bằng cách luôn nêu ra các câu hỏi với người đối thoại, rồi ghi chép lại. Ví dụ: Thiếu tướng Bùi Phan Kỳ ở Viện Lịch sử Quân đội chủ trì đề tài nghiên cứu về Học thuyết quân sự Việt Nam chỉ mời một số chuyên gia: Phan Huy Lê, Đinh Xuân Lâm,

anh Giáp... Anh ngồi lắng nghe, ghi chép, cuối cùng mới phát biểu: kết luận chung là Việt Nam có học thuyết quân sự.

Hoặc về giả thiết khoa học. Một nhà nghiên cứu nêu ý kiến: Hồ Chí Minh không chịu ảnh hưởng Phật giáo từ nhỏ, vì trong ngôi nhà ở làng Sen không có thờ tượng Phật. Một ý kiến ngược lại: đây không thể là căn cứ để kết luận, bởi Phật giáo thấm nhuần cả xã hội Việt Nam và cách giáo dục của nhà Phật cũng khác với nhiều tôn giáo khác, có khi không bày tượng ở trong nhà, mà ở ngoài vườn... Ngôi nhà ở làng Sen là một sự khôi phục lại, làm lại hàng rào, nhưng có thể không phải mọi chi tiết đều y nguyên, ngay cả bản sao cuối cùng... Anh Giáp chỉ ghi chép, lắng nghe: rõ ràng điều gì anh không biết thì không có ý kiến! Ngay cả việc phục hồi lại hầm De Castries, anh cũng triệu tập cả những người từng hiểu biết nó khi đánh trận, để đi đến quyết định.

Riêng tôi, tôi ít làm việc với anh hơn là Phan Huy Lê, Trần Quốc Vương và Dương Trung Quốc... Vì tôi phụ trách phần cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Nhưng hôm tôi đọc báo cáo về “Tính chất và đặc điểm Việt Nam cuối thế kỷ XIX tới đầu thế kỷ XX” tôi thấy anh Giáp đến nghe và ghi chép rất kỹ. Có lẽ vì đoạn này liên quan tới cuộc xâm lược của thực dân Pháp.

Trong cuốn sách, Boudarel cũng đã nói rất đúng rằng Giáp đã rút kinh nghiệm của tất cả các nhà quân sự nổi tiếng nhất trên thế giới, nhưng vẫn rút ra kết luận của

riêng mình... Chính vì vậy mà anh Giáp có được bản chất tốt đẹp của người chỉ huy: anh lắng nghe ý kiến của nhân dân, và làm nên cuộc “Chiến tranh Nhân dân”.

Dân ta lại còn đồn rằng Bác Hồ là người tài giỏi về khoa tướng số. Bác nhìn thấy ở Võ Nguyên Giáp có phúc tướng nên mới chọn anh Văn đi theo, ngay từ lần đầu tiên anh được gặp Bác”.

Nói đến đó, thầy Đinh Xuân Lâm hơi cười cười... Thế nhưng tôi lại nhớ tới một chi tiết trong *Tổng tập hồi ký Võ Nguyên Giáp*. Tháng 5 năm 1940, anh được bí mật vượt biên sang Côn Minh, rồi được đưa đến gặp “đồng chí Vương” trên một chiếc thuyền: “Ngay từ phút đầu, tôi đã cảm thấy như mình được ở rất gần Bác, được quen biết Bác từ lâu rồi...”. Phải chăng đó cũng là mệnh trời, tạo ra cơ hội gặp gỡ, ngay từ trong nhịp đập của trái tim?...

... Lúc từ biệt tôi, thầy Lâm mỉm cười hóm hỉnh. Câu nói cuối cùng với tôi là:

- Còn tôi, tôi có tự hào là nhà sử học Việt Nam được chụp ảnh cạnh anh Văn nhiều nhất. Anh là Chủ tịch Danh dự của Hội Sử học, còn tôi ở Ban Chấp hành!

*

* *

Trong những bài viết đăng tiếp theo đây, tiếp tục được viết bởi những người thân thiết với anh Văn, tôi thấy được từ người chiến sĩ cận vệ đến nhà khoa học, báo giới, họ đều có một điểm chung: coi anh Văn như một “người Thầy”. Và ấn bản rất độc đáo của Nhà Xuất bản

Trẻ (2012) hình thành từ ý tưởng của C. Davis Thomas – họa sĩ người Mỹ - và lời kể của nhà văn Tạ Đức, lại có tựa đề: “Võ Nguyên Giáp . Người yêu nước. Người thầy. Người lính”: một sự mở rộng hơn nữa, bao quát cuộc sống của anh Văn.

Riêng với tôi, tập hợp những kỷ niệm của mọi người viết về anh Văn, tôi gọi anh là “Người mang ký ức của trái tim” hướng về mọi người cũng như tiếp nhận sự đáp lại. Mới đây, Hồng Nam, con trai của anh Văn, còn kể lại:

“Gần đây, cháu hay lên xã Tam Kim (Khai Phất), Cao Bằng, mảnh đất đầu tiên đã che chở cho ba cháu làm cách mạng. Họ nói với cháu bằng tiếng Tày: Mì lai rềng slổng ké. Cháu không hiểu họ nói gì, về bệnh viện thăm ba, cháu viết lại phiên âm vào lòng bàn tay cho ba cháu. Ba vẫn nhớ tiếng Tày Nùng và dịch lại: *Nhiều sức khỏe, sống lâu*”.

Thật ảm áp, khi phải chống chọi lại với những khó khăn của mệnh người “Sinh, lão, bệnh,...” tới lúc này, mà vẫn nhận được bao ân tình, đại nghĩa.

Tháng 5.2013

TRỞ LẠI BAO BIÊN

Phạm Khắc Lãm *

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, để giữ bí mật, cơ quan Văn phòng Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh (tên gọi lúc bấy giờ), cũng là nơi ở và làm việc của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, phải di chuyển qua nhiều địa điểm khác nhau thuộc huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Nơi dừng lại lâu nhất (từ 1949 đến 1954) là xóm Bao Biên, xã Bảo Linh. Nơi đó giờ đây đã thành di tích lịch sử.

*
* *

Sau hơn nửa thế kỷ với bao biến thiên, gần đây tôi mới có dịp trở lại Bao Biên, nơi tôi đã sống và làm việc tại phòng Bí thư thuộc Văn phòng Bộ Quốc phòng Tổng Tư lệnh suốt 6 năm trời. Trong ký ức của tôi, đó là những năm tháng gian khổ nhưng cũng là đẹp nhất của đời mình.

* Nguyên Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam

Theo mũi tên của bảng chỉ đường (xem ảnh) tôi băng qua ruộng lúa, leo lên ngọn đồi, xưa kia vốn là nơi ở và làm việc của anh Văn. Ngôi nhà vách nứa, mái cọ, ba gian được phục dựng lại dưới tán những cây cổ thụ rừng nguyên sinh. Gian giữa vừa là nơi làm việc, hội họp, tiếp khách vừa là phòng ăn với một bàn dài, mặt bàn đan bằng nứa và hai dãy ghế dài là những cây tre già ghép lại. Hai gian hai bên là phòng ngủ, một của anh Văn - chị Hà (phu nhân Đại tướng), một cho thư ký. Giường cũng bằng tre nứa, tất nhiên không có đệm mà ngả lưng ngay trên giát giường nứa đan. Đêm đến, xong công việc trong ngày, dưới ánh sáng của cây đèn bão hoặc ngọn đèn dầu Hoa Kỳ có chụp che để ánh sáng khỏi lọt ra ngoài, anh thường đọc sách hoặc viết đến rất khuya. Cuốn sách gối đầu giường của anh lúc đó là cuốn “*Bàn về chiến tranh*” của Clauzewitz, nhà lý luận quân sự nổi tiếng người Phổ mà anh mang theo khi rời Hà Nội. Tác phẩm mà anh đã tranh thủ hoàn thành dưới ánh sáng chập chờn của những ngọn đèn dầu là cuốn “*Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân*”. Cuốn sách này đã được in trên giấy dó và phát hành ở Việt Bắc ngay lúc đó. Bìa sách in hình anh bộ đội Cụ Hồ mặc áo trấn thủ, đầu đội mũ cối đính ngôi sao vàng và có lưới nguy trang. Khi đọc cho chị Hà hoặc thư ký chép, anh thỉnh thoảng dừng lại, giảng giải thêm. Ví dụ như tên cuốn sách đặt chữ “tuyên truyền” lên trước chữ “giải phóng quân” theo ý kiến Bác (Hồ Chủ tịch) để nhấn mạnh rằng Đội phải đặt công tác Chính trị (tuyên truyền) trên quân sự (hoạt động vũ trang). Anh kể về diễn biến trận Phay Khắt, Nà Ngần (25, 26 – 12 -

1944) và cho biết Nông Văn Hồng, chú bé người Tày làm liên lạc viên ở cơ quan phòng Bí thư Văn phòng Bộ Quốc phòng – Tổng Tư lệnh lúc đó chính là chú bé đã lọt vào đồn địch trước trận đánh nói trên để trinh sát tại chỗ. Anh không quên đồng đội, dù đó chỉ là chú thiếu nhi liên lạc. Sau này về Hà Nội, ở 30 Hoàng Diệu, cứ mỗi lần Văn phòng tổ chức gặp gỡ mừng thọ anh khi tuổi đã cao, anh đều dặn nhớ mời tất cả những người giúp việc cũ các thời kỳ nay còn sống. Đó cũng là tình cảm thủy chung của người “Anh Cả” đối với toàn quân.

*
* *

Trưởng phòng Bí thư Văn phòng Bộ Quốc phòng – Tổng Tư lệnh những năm đầu kháng chiến chống Pháp là đồng chí Nguyễn Cơ Thạch, bí danh Bế Văn Quý. Sau này anh Thạch rời cơ quan để về lãnh đạo một địa phương; rồi chuyển sang làm đối ngoại, trở thành Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao. Sau anh Thạch, phụ trách phòng Bí thư là đồng chí Mạnh Việt. Công tác ở phòng Bí thư còn có các đồng chí Mai Xuân Tần, Văn Phác, Dũng Mã, Thanh Tâm, Vy Ngọ, Hoàng Văn Ngô, Nguyễn Văn Toàn, Phùng Ngọc Bảo, Lê Xuân Phương và nhiều đồng chí khác. Những đồng chí trên đây, đều là những cán bộ chính trị, quân sự xuất sắc và có bước trưởng thành dưới trướng anh Văn.

Riêng tôi phải nói rằng may mắn của số phận đã đưa tôi đến được Bao Biên, dù rằng con đường dẫn đến may mắn đó cũng khá gian nan. Khi kháng chiến toàn

quốc bùng nổ (19-12-1946), mẹ và các em tôi đã kịp tản cư về quê nội (Đức Thọ, Hà Tĩnh). Cha tôi là cụ Phạm Khắc Hoè và hai con trai lớn (Phạm Khắc Lãm 16 tuổi và Phạm Khắc Hằng 15 tuổi) dự định về sau nhưng rồi bị kẹt lại ở nội thành và cha tôi bị Pháp bắt giam, tìm cách dụ dỗ nhưng không thành, đến tháng 4-1947 chúng buộc phải thả ra, cho “tại ngoại”. Cuối tháng 6-1947, cha tôi và một số trí thức khác ở Hà Nội nhận được thư anh Văn từ chiến khu gửi vào thăm và nhắn ra vùng tự do tham gia kháng chiến. Chiều 25-8-1947, dưới sự hướng dẫn và giúp đỡ của Công an Hà Nội, ba cha con tôi cùng ông bà Đặng Phúc Thông vượt vòng vây địch thoát ra vùng tự do.

Đúng dịp kỷ niệm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh mồng 2 - 9 lần thứ hai chúng tôi lên đến Châu Tự do (tức huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang), cửa ngõ vào A.T.K (An toàn khu) Việt Bắc. Từ Châu Tự do, sáng ngày 4 -9-1947 cha tôi được đưa vào gặp Bác Hồ và được giao nhiệm vụ đi Hồng Kông tìm gặp cựu hoàng Bảo Đại để thuyết phục ông ta đừng để địch lợi dụng. Trước khi đi, cha tôi gặp anh Văn và đề nghị anh giúp đỡ trông nom giáo dục hai anh em tôi. Chúng tôi được về sinh hoạt tại cơ quan phòng Bí thư, Văn phòng Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh. Cha tôi chưa kịp lên đường thì quân Pháp nhảy dù xuống Bắc Kạn (7-10-1947), chuyển đi không thực hiện được như dự kiến. Cha tôi trở về Bộ Nội vụ công tác. Em tôi theo đồng chí Dũng Mã ra đơn vị. Tôi ở lại phòng Bí thư với nhiệm vụ theo dõi tin tức trong nước

và quốc tế qua đài phát thanh các nước để hàng ngày báo cáo kịp thời cho Đại tướng. Phương tiện theo dõi tin tức là một đài bán dẫn bỏ túi mà tiếng nhiễu sóng nhiều lúc át tiếng phát thanh viên. Ngoài ra tôi còn làm nhiệm vụ của một thư ký: ghi chép, giữ gìn tài liệu, lên lịch làm việc, tiếp khách hàng ngày của anh Văn và kèm theo đó là công tác lễ tân. Hằng ngày, anh Văn phải gặp gỡ, tiếp xúc, làm việc với rất nhiều chỉ huy các đơn vị và lãnh đạo các ban, ngành địa phương và cả khách quốc tế. Công việc của tôi không có gì phức tạp, khó khăn nhưng đòi hỏi phải tỉ mỉ, cẩn thận, và nhất là không được quên! Tôi cũng phải tham gia công tác chính trị nội bộ và cố nhiên phải giữ gìn tư cách, tác phong, đạo đức người quân nhân ở một cơ quan đầu não. Khi đến Bao Biên, tôi 18 tuổi. Khi rời Bao Biên tôi bước vào tuổi 23. Trong những năm quyết định chí hướng của đời mình, Bao Biên là một trường học vô giá đối với tôi và anh Văn là người THẤY lớn, của tất cả chúng tôi.

*

* *

Tại Bao Biên, dưới sự chỉ đạo của Bác và Thường vụ Trung ương, Anh đã cùng các đồng chí lãnh đạo Bộ Quốc phòng xây dựng kế hoạch các chiến dịch: Lê Lợi (Hòa Bình cuối năm 1949), Lê Hồng Phong (ở Tây Bắc), chiến dịch Biên giới (1950), chiến dịch Hòa Bình (cuối 1951 đầu 1952) v.v... cho đến khi quân Pháp nhảy dù xuống Điện Biên Phủ ngày 20-11-1953. Nghe tin này, anh nhận định “sự kiện này tạo cho chúng ta một tình thế thuận

lợi đây” và trận “quyết chiến chiến lược” Điện Biên Phủ đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta.



Mùa xuân 1954, khi chiến dịch Điện Biên Phủ sắp bắt đầu, Trung ương quyết định cử học sinh đi học ở nước ngoài trên quy mô lớn để chuẩn bị cán bộ cho sự nghiệp xây dựng lại đất nước sau chiến tranh. Trên 500 thanh niên có trình độ văn hóa tốt nghiệp cấp 3 được chọn từ các đơn vị quân đội, các cơ quan ban ngành, các trường học đã đã được tập trung về “chỉnh huấn” ở Chiêm Hóa trước khi “xuất dương”. Anh Văn nhất trí với ý kiến của các đồng chí phụ trách phòng Bí thư Văn phòng Bộ Quốc Phòng - Tổng Tư lệnh cử tôi đi dự lớp đó.

Trong cuộc gặp chia tay với đơn vị trước khi lên đường, anh đã tặng tôi bức ảnh chân dung mặc quân phục dạ đen, đầu đội mũ cát có gắn sao vàng, phía sau bức ảnh là dòng chữ: “Chúc cậu Lãm học chuyên môn giỏi và chú ý tự rèn luyện về chính trị”. Tôi đã cố gắng suốt đời làm theo lời dạy của anh.



Tác giả đứng cạnh biển hướng dẫn vào Di tích nơi ở và làm việc của Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Ảnh do tác giả cung cấp)



Đại tướng Võ Nguyên Giáp (hàng trên, thứ 5 từ phải) với cán bộ, chiến sĩ Phòng Bí thư Văn phòng Bộ Quốc phòng – Tổng Tư lệnh tại Bao Biên, Tết Kỷ Sửu 1949 (tác giả hàng trên ngoài cùng bên phải)-
Ảnh: Vũ Năng An

THẦN TỐC, THẦN TỐC HƠN NỮA TÁO BẠO, TÁO BẠO HƠN NỮA

Trung tướng Hồng Cư

Trong cuộc đời quân ngũ của tôi, có những lần tôi nhận được lệnh của Đại tướng Võ Nguyên Giáp mà khi đọc lên thì mệnh lệnh đó âm vang trong tâm hồn tôi như một lời hịch của non sông đất nước. Đặc biệt phải kể tới là ngày 7-4-1975, trên đường hành quân tiến về Sài Gòn, tôi nhận được bức điện của Đại tướng Tổng Tư lệnh với nội dung: “Thần tốc, thần tốc hơn nữa. Táo bạo, táo bạo hơn nữa. Tranh thủ từng giờ, từng phút, xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam. Quyết chiến và toàn thắng”. Mệnh lệnh nổi tiếng ấy như một lời hịch của Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong chỉ đạo chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Lúc ấy, tôi là phái viên của Tổng cục Chính trị theo sát cánh quân Duyên Hải. Tôi giúp đồng chí Lê Quang Hòa truyền đạt tức khắc mệnh lệnh của Đại tướng đến khắp các đơn vị thuộc cánh quân Duyên Hải.

Cánh quân này mới thành lập, không nằm trong dự kiến từ trước, gồm lực lượng Quân đoàn 2 vừa tham gia giải phóng Huế, Đà Nẵng, Sư đoàn 3 Sao Vàng thuộc

Quân khu 5, các đơn vị pháo binh, cao xạ, xe tăng, công binh, có nhiệm vụ đánh địch trong hành tiến, khẩn trương hành quân để đến kịp thời gian cùng các cánh quân bạn tham gia giải phóng Sài Gòn. Đồng chí Lê Trọng Tấn là Tư lệnh, đồng chí Lê Quang Hòa là Bí thư Ban Cán sự Đảng lâm thời.

Cánh quân Duyên Hải hồ hởi lên đường như được chấp cánh bay về Nam, bảo đảm tốc độ. Thế nhưng, mới ra khỏi Đà Nẵng, chúng tôi đã gặp trở ngại đầu tiên: Cầu Cầu Lâu bắc qua sông Thu Bồn bị địch phá sập hai nhịp, công binh khắc phục bắc cầu tạm cho các đơn vị trang bị nhẹ đi trước, triển khai một bến phà quân sự để chở loại xe trọng tải lớn. Cứ như vậy thì quá chậm. Một người dân vùng mới giải phóng cho biết, phía thượng lưu cách cầu Cầu Lâu hơn 10km, có một cây cầu, thế là cả đoàn xe tăng rầm rập cơ động dọc theo bờ sông Thu Bồn cố gắng bù lại thời gian đã mất.

Dọc đường qua các tỉnh miền Trung mới giải phóng, đông đảo đồng bào ra đứng hai bên đường hoan hô bộ đội. Tôi gặp một tốp phụ nữ đứng chỉ trỏ, hỏi ra mới biết trong số phụ nữ này, có một chị đã chờ chồng từ 20 năm nay, thấy bộ đội giải phóng về vội chạy ra đón, hy vọng được thấy anh ấy trở về.

Ngày 10-4, đến Phan Rang thì cánh quân Duyên Hải gặp tuyến phòng thủ từ xa của địch ngăn chặn. Chúng tôi còn cách Sài Gòn 350km. Tại đây có hai hải cảng Tân Thành và Ninh Chữ, có sân bay Thành Sơn với lực lượng bộ binh và một sư đoàn không quân ngụy. Sáng 14-4, quân ta nổ súng đánh Phan Rang, quân địch được

phi pháo yểm hộ, dựa vào hệ thống công sự và địa hình có lợi, ngoan cố chống cự. Sáng 16-4, Tư lệnh Quân đoàn 2 Nguyễn Hữu An tổ chức một đội hình thọc sâu gồm xe tăng, thiết giáp đánh thẳng theo đường số 1, chiếm thị xã Phan Rang, chiếm hai cảng Tân Thành và Ninh Chữ, đồng thời theo đường 11 đánh ngược lên phía Tây Bắc, vu hồi vào sườn phía tây của địch, chiếm sân bay Thành Sơn, thu 40 máy bay còn nguyên vẹn (sau này dùng để tổ chức phi đội Quyết thắng ném bom sân bay Tân Sơn Nhất chiều 28-4). Tối 16-4, tôi và đồng chí Đào Huy Vũ, Tư lệnh bộ đội Tăng – Thiết giáp, phái viên của Bộ Tổng Tư lệnh có mặt ở sân bay Thành Sơn lúc quân ta bắt sống viên Trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi và viên Chuẩn tướng không quân Phạm Ngọc Sang.

Thừa thắng, bộ binh và xe tăng của Quân đoàn 2 tiến đánh thị xã Phan Thiết. Sáng 20-4, chúng tôi đến Xuân Lộc. Anh Lê Trọng Tấn và anh Lê Quang Hòa nhanh chóng bắt liên lạc với Bộ Chỉ huy Mặt trận Sài Gòn. Cánh quân Duyên Hải trở thành cánh quân phía Đông trực thuộc Bộ Chỉ huy Mặt trận Sài Gòn.

Cuộc tiến quân thần tốc của cánh quân Duyên Hải với hơn 32.000 quân và 2.276 xe, pháo, tăng thiết giáp vượt qua một chặng đường gần một nghìn ki lô mét, đánh địch mà đi xốc tới mặt trận theo mệnh lệnh của Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một hành động táo bạo kịp thời, đánh thông tuyến đường số 1 từ Bắc vào Nam, đến tận cửa ngõ phía Đông Sài Gòn, tăng thêm lực lượng cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng: chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

TRÒ CHUYỆN VỚI NGƯỜI 20 NĂM LÀ TRỢ LÝ CỦA ĐẠI TƯỚNG

PHAN TÙNG SƠN

Ngồi tiếp chuyện tôi, thỉnh thoảng ông lại lấy tay xoa ngực, thở mạnh. Xuân này ông vào tuổi thượng thọ 86. Ông bảo, mình mắc bệnh ở gan và thận nên sức khỏe ngày càng sa sút, phải nhập viện thường xuyên. Tuổi già, việc chống chọi với bệnh tật, đau yếu là một thử thách đặc biệt khó khăn. Nhưng cũng như thời còn sung sức, ông có một nguyên tắc sống là dù khó khăn, thử thách đến đâu cũng không bao giờ chùn bước, không bao giờ bi quan, nản chí. Ông luôn sống lạc quan, tự tin, không ngừng học, không ngừng đọc, không để cho tư duy của mình bị cũ mòn, coi tư duy là một hình thức “thể thao” cho đầu óc. Ông bảo, những điều ấy ông học được từ người thầy lớn của đời mình – Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Đại tá Hoàng Minh Phương bắt đầu câu chuyện với chúng tôi bằng những hồi ức về cuộc đời mình: “Tôi sinh ra ở huyện Can Lộc (nay là huyện Lộc Hà), tỉnh Hà Tĩnh. Ông cụ thân sinh là nhà giáo. Vì tham gia phong trào chống sưu thuế ở địa phương nên bị truy bức, phải vào Phan Thiết dạy học ở Trường Dục Thanh những năm

1910 – 1911. Cha mất sớm, tôi được mẹ, chú và anh trai nuôi nấng cho học hết cấp 3. Năm 1945, tôi lên đường tham gia Thanh niên cứu quốc ở Hà Nội. Sau Cách mạng tháng Tám được giao phụ trách Tự vệ thành ở khu Chợ Hôm, Hà Nội, sau đó chuyển sang Vệ quốc đoàn rồi đi bộ đội vào năm 1946. Sau sự kiện Toàn quốc kháng chiến, tôi chuyển từ lực lượng Tiếp hồng binh sang Quân đội Quốc gia, lần lượt làm trung đội trưởng, chính trị viên đại đội, chính trị viên tiểu đoàn rồi đi học. Năm 1949, được lựa chọn đi học Trường Đảng cao cấp ở Trung Quốc. Cuối năm 1950 được giao đi cùng Đoàn cố vấn quân sự của Trung Quốc sang Việt Bắc với vai trò cán bộ phiên dịch. Tôi may mắn được gặp rồi gần gũi, giúp việc Đại tướng Tổng Tư lệnh từ đó. Đó là cái duyên lớn, là cái phúc lớn của cuộc đời tôi”.

Trong đời quân ngũ của mình, Đại tá Hoàng Minh Phương đã có 27 năm (1950 - 1977) làm trợ lý Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp (trong khoảng thời gian ấy, ông có một số năm được điều đi chiến đấu ở chiến trường để bổ sung kinh nghiệm thực tiễn). Với ông, Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một người thầy lớn, một nhân cách lớn mà suốt đời ông luôn phấn đấu học tập, noi theo.

Tôi được gặp Đại tá Hoàng Minh Phương lần đầu tiên vào cuối năm 2011. Đó là lần tôi đến hỏi chuyện ông, xin tư liệu để viết bài về Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Theo lời hẹn, khi đến gặp ông ở nhà riêng tại quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, tôi có cảm giác hơi ngại trước vẻ nghiêm nghị của ông. Nhưng tiếp xúc rồi mới hay, ông rất chân thành, tình cảm, cởi mở. Ông dặn tôi, trước

khi gửi bài đăng báo thì chuyển cho ông xem để ông góp ý. “Viết về Đại tướng không chỉ cần thái độ tôn kính mà còn cần một tư duy khoa học. Tuyệt đối không được để xảy ra một sai sót nào, dù là nhỏ nhất.” – Đại tá Hoàng Minh Phương nói và còn truyền đạt thêm cho tôi những kinh nghiệm, tư duy làm báo mà ông học được từ Đại tướng. Trong nhà riêng, những không gian trang trọng nhất đều được Đại tá Hoàng Minh Phương sử dụng trưng bày các hình ảnh, hiện vật, trong đó có nhiều hình ảnh, tư liệu lịch sử có giá trị to lớn về Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng những kỷ niệm của ông với Đại tướng. Đại tá Hoàng Minh Phương kể: “Trong Chiến dịch Biên giới 1950, ngay từ giờ phút đầu tiên được tiếp xúc, giúp việc Đại tướng, trong tôi đã dậy lên cảm xúc hạnh phúc, tự hào. Mặc dù nhiệm vụ là do trên phân công, nhưng tôi cảm giác mình là người may mắn khi được gần gũi, giúp việc Đại tướng từ rất sớm. Nhờ đó, tôi học hỏi được từ Đại tướng rất nhiều điều”.

Hơn hai thập kỷ giúp việc Đại tướng, bắt đầu từ công tác phiên dịch, đối ngoại trong giai đoạn đầu Chiến dịch Biên giới 1950 đến công tác nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm chiến tranh, viết luận văn quân sự, biên soạn các bài giảng về đường lối quân sự của Đảng, về nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân và nhiều tài liệu khoa học có giá trị khác..., Đại tá Hoàng Minh Phương luôn nhận được từ Đại tướng tình cảm thân thiết, bao dung của một người thầy, sự quan tâm chu đáo như một người anh cả, sự gần gũi, sẻ chia của một đồng chí. Noi theo tấm gương Đại tướng, trong công việc nghiên cứu, viết

luận văn, tài liệu khoa học hay khi chỉ huy đơn vị chiến đấu trên chiến trường, Đại tá Hoàng Minh Phương luôn tận tâm, tận lực với nhiệm vụ được giao, luôn gần gũi, sẻ chia, đồng cam cộng khổ với cấp dưới và chiến sĩ.

*
* *

Một trong những giai đoạn lịch sử quan trọng, để lại dấu ấn sâu sắc trong cuộc đời Đại tá Hoàng Minh Phương, đó là làm trợ lý cho Đại tướng trong Chiến dịch Điện Biên Phủ. Có những chi tiết rất nhỏ, rất đời thường nhưng đầy tính nhân văn, cảm động từ Đại tướng, đến bây giờ Đại tá Hoàng Minh Phương vẫn nhớ như in. “Đêm 25-1-1954, Đại tướng thức trắng suy nghĩ cách đánh. Sáng hôm sau, tôi lên gặp Đại tướng thì đầu của Đại tướng được quần lá ngải cứu. Tôi lo lắng hỏi Đại tướng bị đau đầu hay sao, thì nghe Đại tướng nói: “Mười một ngày qua mình trần trở vì chủ trương đánh nhanh thắng nhanh và suốt đêm qua không thể ngủ được. Theo dự kiến, chiều nay trận đánh sẽ bắt đầu rồi mà những yếu tố thắng lợi ta chưa nắm chắc. Cậu qua báo với trưởng đoàn cố vấn đề nghị xin làm việc sớm để mình thuyết phục cho kéo pháo ra, chuẩn bị lại theo phương châm đánh chắc tiến chắc”. Câu chuyện cảm động này về sau được Đại tá Hoàng Minh Phương viết trong bài “Năm ngải cứu trên đầu Tổng Tư lệnh” đăng trên báo Quân đội nhân dân, sau đó được đưa vào một cuốn sách viết về Đại tướng Tổng Tư lệnh, do Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa ấn hành năm 2006. Tựa đề của bài báo được lấy đặt tên cho cuốn sách.

Sau Chiến dịch Điện Biên Phủ, Hoàng Minh Phương được giao nhiệm vụ làm Trưởng phòng Bí thư Ngoại văn, thuộc Văn phòng Bộ Quốc phòng, chuyên nghiên cứu tài liệu nước ngoài phục vụ công tác nghiên cứu và đối ngoại của Đại tướng. Hoàng Minh Phương trưởng thành nhanh chóng về mọi mặt. Ông sử dụng thành thạo ba ngoại ngữ: Trung Quốc, Pháp và Nga. Từ một cán bộ phiên dịch trong Chiến dịch Biên giới năm 1950, với quá trình học tập, phấn đấu không ngừng cùng sự kèm cặp, giúp đỡ của Đại tướng, Hoàng Minh Phương dần phát triển thành một nhà khoa học quân sự, giúp việc Đại tướng nghiên cứu, tổng kết nghệ thuật quân sự Việt Nam. Khối lượng công việc nhiều, yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao, Hoàng Minh Phương học tập tư duy, phong cách làm việc của Đại tướng để đạt hiệu quả tốt nhất trong mọi nhiệm vụ. Ông kể cho chúng tôi nghe nhiều kỷ niệm cảm động của hai thầy trò. Có những giai đoạn công việc nhiều, hai thầy trò phải thức trắng đêm, làm việc ở văn phòng chưa xong lại về nhà riêng làm việc tiếp. Ở đâu cũng vậy. Công việc nào cũng vậy. Đại tướng không bao giờ khoán trắng cho trợ lý mà luôn đồng hành cùng trợ lý từ đầu đến cuối. Khi thực hiện các luận văn hoặc các bài viết mang tính chỉ đạo chiến lược, sau khi định hướng chủ đề, nội dung, Đại tướng ngồi cạnh trợ lý cùng thực hiện bài viết, Hoàng Minh Phương viết đến đâu, Đại tướng đọc, sửa chữa, bổ sung đến đó. Có nhiều đoạn trợ lý không viết được hoặc viết đi viết lại vẫn chưa đạt yêu cầu thì Đại tướng trực tiếp viết vào bản thảo luôn. Với cách làm việc gần gũi, hòa đồng của Đại

tướng, với Hoàng Minh Phương vừa là dịp học hỏi Đại tướng để hoàn thiện bản thân, vừa chịu ảnh hưởng sâu sắc tư duy, phong cách làm việc của Đại tướng. Có một kỷ niệm nhỏ mà đến nay mỗi khi nhắc lại, Đại tá Hoàng Minh Phương lại rưng rưng cảm động. Ấy là một lần do phải thức đến gần 4 giờ sáng để dịch tài liệu nên ông ngủ quên. Khi tỉnh dậy, Hoàng Minh Phương hốt hoảng vì đã muộn giờ ra sân bay làm thủ tục bay cho Đại tướng. Vội vàng chạy ra sân bay, ông đã thấy Đại tướng có mặt ở đó. Hoàng Minh Phương chưa kịp nói lời xin lỗi thì Đại tướng đã bước đến, ôn tồn: “Cậu thức đêm dịch tài liệu, mệt quá nên ngủ quên chứ gì? Chắc phải kiếm một cô vợ cho cậu để quản lý cậu chứ cứ thế này mãi không ổn”. Hoàng Minh Phương không biết nói gì nữa. Trong thâm tâm, ông đã chuẩn bị sẵn tâm lý đón nhận sự trách móc, la mắng của Đại tướng, nhưng Đại tướng không làm vậy. Đại tướng luôn quan tâm đến mọi cán bộ, chiến sĩ. Quan tâm đến những điều rất bình dị trong cuộc sống đời thường. Phẩm chất ấy của Đại tướng khiến ông hết lòng trân trọng, ngưỡng mộ và phấn đấu noi theo.

Sau nhiều năm giúp việc Đại tướng, năm 1967, Hoàng Minh Phương được điều ra chiến trường, làm Trung đoàn phó Trung đoàn 102, Đại đoàn 308 để tích lũy kinh nghiệm thực tế chiến trường. Đến năm 1969, ông được Đại tướng gọi về tham gia xây dựng đề án thành lập Viện Khoa học Quân sự - Bộ Quốc phòng và giữ cương vị Trưởng khoa Lý luận chung của Viện, tiếp tục giúp việc Đại tướng trong lĩnh vực viết luận văn quân sự, biên soạn các tài liệu, công trình khoa học nghệ thuật quân sự.

SỨC MẠNH CỦA CON NGƯỜI LÀM NÊN LỊCH SỬ

Dương Trung Quốc

Gười sử học chúng tôi coi Đại tướng Võ Nguyên Giáp không chỉ là một nhân vật của lịch sử mà còn là người đồng nghiệp lão thành và lão luyện. Nói như vậy không chỉ để nhắc lại một thời trai trẻ Võ Nguyên Giáp đã từng là một giáo sư (theo cách gọi đương thời) dạy sử tại trường Thăng Long ở Hà Nội, mà khi đã trở thành một nhà hoạt động chính trị, một nhà quân sự lớn, ông vẫn luôn mang tư duy của một nhà sử học và là người có những đóng góp to lớn trong những tổng kết lịch sử về cách mạng và đặc biệt là chiến tranh cách mạng.

Chỉ cần nhìn vào khối lượng đồ sộ và chất lượng sâu sắc những công trình ông đã viết, kể cả một pho hồi ức nhiều tập gắn cuộc đời của ông với lịch sử của thế kỷ XX mà ông có mặt gần trọn vẹn, lại cũng là thế kỷ có nhiều biến động nhất trong lịch sử dân tộc ta, cũng có thể coi ông là nhà sử học hàng đầu xứng đáng với những giải thưởng cao quý nhất về trí tuệ.

Từ đúng hai thập kỷ nay, qua 4 nhiệm kỳ (1988-2008) ông nhận lời làm Chủ tịch Danh dự của Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam và ông đã đảm nhận danh vị ấy với một tinh thần trách nhiệm mẫu mực.

Chúng tôi không bao giờ quên lần Đại tướng tham gia chủ trì hội thảo khoa học về hai nhân vật lịch sử quê ở Quảng Nam là Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng, tại thành phố Đà Nẵng (1996). Từ trên bục chủ tọa, ông xách ghế đi xuống đặt sát cạnh cụ Nguyễn Văn Xuân để lắng nghe lời phát biểu của nhà giáo có giọng nói đặc xứ Quảng. Sau hội thảo, ông còn lưu lại tiếp xúc với nhiều cơ quan có trách nhiệm để đánh giá hiệu quả của hội thảo đồng thời cũng để điều chỉnh những ý kiến chưa thật đúng về một cuộc hội thảo khoa học vào thời điểm mà nhận thức chưa cởi mở trong một số vấn đề lịch sử như bây giờ.

Ông có mặt và đọc những tham luận sâu sắc trong nhiều sinh hoạt sử học tưởng niệm các danh nhân, đặc biệt là các tướng lĩnh từng dưới quyền ông. Những bài phát biểu của ông về Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi... về Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng cũng như về những người đồng chí như Tô Hiệu, Phan Thanh, Trần Huy Liệu..., các tướng lĩnh như Nguyễn Sơn, Nguyễn Chánh, Hoàng Văn Thái, Vương Thừa Vũ v.v... nếu tập hợp lại sẽ là một pho nhân vật chí có giá trị.

Võ Nguyên Giáp có một đời sống đầy thử thách. Trưởng thành từ lớp trí thức được đào tạo quy củ của nhà trường trong chế độ cũ, ông được trang bị những

tri thức và phương pháp tư duy theo kịp những tư tưởng hiện đại. Và cũng vì thế ông có được sự giác ngộ sâu sắc từ trong những điều học được từ nhà trường thực dân mà nhận biết sự cần thiết phải đánh đổ chủ nghĩa thực dân và hướng đến những tư tưởng nhân văn của thời đại. Lòng yêu nước của ông, do vậy, không chỉ có được từ những tình cảm sâu xa của một dân tộc đang chịu ách nô lệ muốn thay đổi thân phận của mình mà còn nhận biết con đường để phấn đấu đạt được mục tiêu ấy từ những tri thức xã hội mà cốt lõi là những bài học rút ra từ lịch sử dân tộc và lịch sử nhân loại.

Sau một tuổi trẻ sôi nổi làm báo tại miền Trung được dẫn dắt bởi những vị chí sĩ nổi tiếng của phong trào Duy Tân như Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng, Võ Nguyên Giáp trở thành một nhà giáo dạy sử mẫu mực của trường Thăng Long tại trung tâm Hà Nội. Đó cũng là thời kỳ Đảng Cộng sản đang hoạt động sôi nổi trên chính trường và báo chí công khai. Ông trở thành một cây bút xuất sắc của báo chí thời Mặt trận Bình dân cũng như những hoạt động xã hội khác như phong trào Đông Dương đại hội, Hội nghị báo giới và Hội Truyền bá Quốc ngữ do Đảng làm hạt nhân. Đó cũng là thời kỳ xác lập những mối liên hệ đầu tiên với lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đang từ nước ngoài tiếp cận và chỉ đạo phong trào ở trong nước.

Người phát hiện ra năng lực và giao phó trách nhiệm để Võ Nguyên Giáp trở thành một nhà quân sự lỗi lạc lại chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đặt tên cho

người đồng chí họ Võ một bí danh là “Văn”, vị lãnh đạo tối cao của cách mạng đã nêu lên một nguyên lý tạo nên sức mạnh vô địch của lực lượng vũ trang cách mạng. Đó là phải lấy chính trị và sức mạnh của nhân dân làm gốc. Chỉ thị thành lập ra một đạo quân với tên gọi “Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân” của Bác Hồ khi giao nhiệm vụ cho Võ Nguyên Giáp đã toát lên tư tưởng chỉ đạo đó.

Di dọc cuộc trường chinh “đánh thắng hai đế quốc to”, Võ Nguyên Giáp với cương vị là Tổng Tư lệnh, cùng các đồng ngũ của mình đã tuân thủ tư tưởng đó của Hồ Chí Minh và đó cũng chính là nguyên nhân sâu xa tạo nên truyền thống biết đánh và biết thắng của lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam trước mọi kẻ thù. Nhưng cũng như cái tên của Bác Hồ đặt cho Võ Nguyên Giáp, ở vị tướng cầm quân này, tư tưởng nhân văn bắt nguồn từ truyền thống của tổ tiên “lấy nhân nghĩa thắng cường bạo” luôn soi sáng các hoạt động quân sự của ông.

Hai lần ông gặp cựu Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ Mc Namara tại Hà Nội (1995 & 1997) tôi may mắn đều được chứng kiến. Cả hai lần Đại tướng Võ Nguyên Giáp đều trả lời câu hỏi “Liệu có cơ hội nào bị bỏ lỡ khiến hai nước chúng ta không tránh được chiến tranh hay không?” bằng một lập luận nhất quán và đầy tính thuyết phục: “Việt Nam là nước nhỏ, nước nghèo nên không khi nào muốn đụng đầu với một ai, nhất là với một nước lớn, nước giàu như Hoa Kỳ. Mọi cơ hội có thể tranh thủ hòa bình Việt Nam đều tranh thủ triệt để. Chỉ có điều, đó

phải là nền hòa bình danh dự của một quốc gia độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Nhưng khi đã buộc phải tiến hành chiến tranh thì dân tộc Việt Nam đã hành động như Ngài đã biết”.

Lần gặp con trai của cố Tổng thống Hoa kỳ JF Kennedy tại Hà Nội cách đây đúng 10 năm (23-8-1988), vị Đại tướng 88 tuổi đã nói với một tổng biên tập một tờ báo ở thủ đô Hoa Kỳ (Washington Chronicle) kém mình đúng 50 tuổi một lời nhắn nhủ: “Số đông những người Mỹ trẻ tuổi như anh chỉ biết đến lịch sử của cuộc chiến tranh khốc liệt mà không biết rằng giữa hai quốc gia chúng ta đã từng là đồng minh với nhau trong cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít”. Rồi vị lão tướng của chúng ta chỉ lên tấm hình chụp Đại tướng cùng Bác Hồ chụp chung với đơn vị biệt kích có bí danh là “Con Nai” của Mỹ tại sân Bắc Bộ phủ những ngày cách mạng mới thành công mà nói rằng các thế hệ trẻ của hai nước và của cả thế giới phải cùng nhau viết tiếp những trang sử hòa bình và hợp tác.

Tôi không quên được nét mặt của vị con trai của cố Tổng thống Mỹ hoàn toàn bị chinh phục bởi một bài giảng lịch sử ngắn gọn và sâu sắc của một vị tướng vốn là một thầy dạy sử. Đường như chính những tri thức lịch sử đã giúp vị giáo sư sử học trở thành một vị đại tướng đã cùng dân tộc mình làm nên lịch sử.

Vào thời điểm sinh nhật lần thứ 98 (tính theo tuổi ta) năm 2008, vị lão tướng vẫn nung nấu với những suy nghĩ về lịch sử: ông vẫn cùng giới sử học bàn bạc

về việc làm sao bảo vệ những di sản của lịch sử, để khu Di chỉ quý giá của Hoàng thành Thăng Long sớm được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa nhân loại, không thôi băn khoăn vì sao học sinh vẫn chưa say mê học sử... Và mới đây nhất ông gửi thư cho Hội Khoa học Lịch sử đặt vấn đề nên thảo luận thật thấu đáo việc có nên lấy lại tên “Thăng Long” vào trong dịp Hà Nội kỷ niệm nghìn tuổi...?!

Sức sống của lịch sử vẫn nung nấu trong con người đã góp phần làm nên lịch sử oai hùng của dân tộc trong thế kỷ XX và mong muốn trao truyền cho các thế hệ tiếp theo cái nhiệt huyết đã từng giúp ông thầy dạy sử trở thành một vị Đại tướng lừng lẫy trong lịch sử dân tộc.

Tháng 8 năm 2008

NHỚ VÀ KỂ LẠI NHỮNG ĐIỀU ĐÃ GHI

Ngọc Toàn

Bước vào tuổi 84 nên cũng theo cách sống, sẽ kể lại những điều đã ghi.

Chuyện 1: Điện Biên Phủ và kỷ niệm 30 năm chiến thắng ấy năm 1984 theo những gì tôi ghi chép. (7/5/1954 – 7/5/1984).

Được đi dự kỷ niệm 30 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, trong đoàn cán bộ quân đội đến Điện Biên, đây là lần thứ ba tôi về thăm lại Điện Biên. Hai lần trước, một lần đi với đoàn Bộ Tổng tham mưu. Một lần đi với cán bộ Đại đoàn 308. So sánh với hai lần trước thì lần này đoàn quân đội đông hơn, có nhiều đại biểu của nhiều quân binh chủng, bên cạnh đó có rất nhiều các đoàn khác trong nước, ngoài nước. Đoàn dân sự như các phóng viên, các nhà báo, các đại biểu của đại sứ quán nhiều nước. Rất nhiều cán bộ, nhiều màu da của cán bộ nước ngoài. Ban tổ chức cũng đã sắp xếp, trình bày và chuẩn bị rất nhiều

các nghĩa trang của liệt sĩ cũng như các hầm hố của tướng Đờ Cát (De Castries). Đường đi đến các trận địa trước đây cũng đã được dọn dẹp sửa chữa chăm sóc so với hai lần trước kia mà tôi đã chứng kiến.

Có một việc mà tôi đã ghi nhớ và được bàn tán xôn xao. Tại sao trong phòng trưng bày các chiến lợi phẩm, các tranh ảnh mà chỉ thấy ảnh của các bại tướng như Đờ Cát với bộ sậu hoặc dòng tù binh dài. Trong lúc đó lại không thấy ảnh của Đại tướng Tổng Tư lệnh. Có lẽ qua những tiếng xì xào bàn khoăn, Ban tổ chức đã kịp thời treo thêm ảnh có Bác Hồ cùng với Đại tướng và Bộ Chính trị đang thảo luận kế hoạch Đông xuân năm 1953-54.

Lúc đó mọi người có kể, một ông già khi gặp Đại tướng ở hội chợ đã mạnh dạn hỏi: “Thưa đồng chí Đại tướng, tại sao Đại tướng không ở lại trong Bộ Chính trị để cho dân nhờ?”, và Đại tướng đã mỉm cười trả lời: “Tôi là đảng viên làm theo sự phân công của Đảng, việc gì nhỏ mà lợi cho dân thì tôi vẫn làm. Việc gì to mà nguy hiểm mà hại cho dân thì tôi cũng không làm”.

Và thế là đã rõ. Tôi cũng nói thêm một chi tiết sau khi xong chương trình, đoàn quân đội sắp ra về thì có mấy ý kiến đề nghị: Chúng tôi rất phấn khởi được Ban tổ chức của Bộ Quốc phòng được cho đến đây thăm lại chiến trường. Nhưng vẫn còn một yêu cầu xin để đạt: Chúng tôi từ nhiều địa phương xa thủ đô được tập hợp về đây. Giá như sau khi dự kỷ niệm chiến thắng 30 năm mà được đến thăm Đại tướng Tổng Tư lệnh thì thật là mãn nguyện. Nhưng sau khi đợi xin ý kiến cấp trên, một

đồng chí phụ trách của đoàn đã trả lời vì điều kiện xe cộ và đề xuất gấp quá cho nên các đồng chí vui lòng để hẹn lại lần sau.



Anh Văn – chị Hà, Hồng Anh, cùng với anh B. anh H. và tôi ảnh:
Đại tá Nguyễn Thị Ngọc Toàn
(phu nhân của cố Trung tướng Cao Văn Khánh)

Lúc đó, tôi đang đi cạnh đồng chí B. phụ trách pháo binh, tôi hỏi: Anh có xe riêng không? Chắc thế nào anh cũng ghé về Hà Nội. Vậy cho tôi đi nhờ và ta sẽ ghé thăm trước khi anh đi về có được không?

Và thế là chúng tôi chỉ ba người trong đó có đồng chí B. và đồng chí H. là nam, chỉ mình tôi là nữ, nhưng khi đến chúng tôi đã bàn nhau là đại diện có nam có nữ của đoàn ai cũng muốn thăm đồng chí Tổng Tư lệnh nhưng vì trục trặc kỹ thuật và vì thế chúng tôi có ảnh kèm theo. Đó là một kỷ niệm mà tôi nhớ.

Chuyện 2: Chuyện game Điện Biên Phủ và giấy phép để xây dựng Hội Nạn nhân chất độc da cam.

Cách đây 13 năm, Lady Borton – một phụ nữ Mỹ đã đưa cho tôi một hộp bên ngoài có chữ “Game Điện Biên Phủ” kèm theo sách “*Điện Biên Phủ điểm hẹn lịch sử*” vừa mới xuất bản năm 2000 và nói: “Nhờ chị Toàn làm sao chuyển Game này và xin chữ ký vào sách để chúng tôi rằng Game này đã đến được tay Đại tướng. Đây là quà của một người bạn Canada có công ty sản xuất các trò chơi điện tử. Ông ấy rất quý Việt Nam và nhất là rất phục Đại tướng Võ Nguyên Giáp, vì vậy ông sáng tạo ra trò chơi này và dặn tôi nếu đưa được đến tay Đại tướng và xin được chữ ký thì ông sẽ tiếp tục sáng tạo thêm để có sản phẩm khác.

Và chiếc hộp game nhỏ bé lại vô tình trở thành chiếc vé thông hành giúp tôi gặp được Đại tướng và đã hoàn thành được một nhiệm vụ quan trọng lúc đó: Xin giấy phép để thành lập Hội Nạn nhân chất độc da cam.

Nhớ lại, ngày 8/3/2002, đã có cuộc họp tại Tổng hội Y học bàn về chất độc diệt cỏ do Mỹ rải xuống Việt Nam trong những năm chiến tranh. Dù trước đó hội nghị Việt - Mỹ đã có bàn tới nhưng vẫn không đưa lại kết quả do cho rằng chưa đủ chứng cứ.

Tại cuộc họp của Tổng hội Y học đó, đề xuất thành lập Hội Nạn nhân chất độc da cam được đưa ra. GS LCD, GS. Đặng Đức Trạch đã bàn và GS. Thu Nhạn lúc đó khá tâm đắc với ý kiến này. Tuy nhiên việc xin giấy phép thực

khó khăn vì việc phê duyệt cần có chữ ký của Đại tướng. Vào thời điểm đó, việc gặp được Đại tướng không hề dễ dàng.

Rồi ngày 15/3 tại số 5 Nguyễn Đình Chiểu có bốn người: cố GS LCD, GS Luật. LVĐ, NĐT và tôi. Các đồng chí phân công tôi phải nhanh chóng gặp ngay Đại tướng Võ Nguyên Giáp và đồng chí LQĐ để thúc đẩy việc xin giấy phép thành lập Hội Nạn nhân chất độc da cam.

Vậy là sẵn dịp đưa bản “game Điện Biên Phủ” đến cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp, tôi đã tranh thủ để hoàn thành nhiệm vụ mà các đồng chí đã giao phó.

Thật tình cờ “Điện Biên Phủ” lại trở thành giấy thông hành cho Hội Nạn nhân chất độc da cam.

PHỤ LỤC ẢNH



Đại tướng Võ Nguyên Giáp và phu nhân



Đại tướng cùng các tướng Lê Trọng Tấn, Cao Văn Khánh,
Phạm Hồng Sơn và Hoàng Phương



Anh Văn và Trung tướng Phạm Hồng Cư trên cầu Mường Thanh vào
dịp 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ - ảnh Trần Hồng



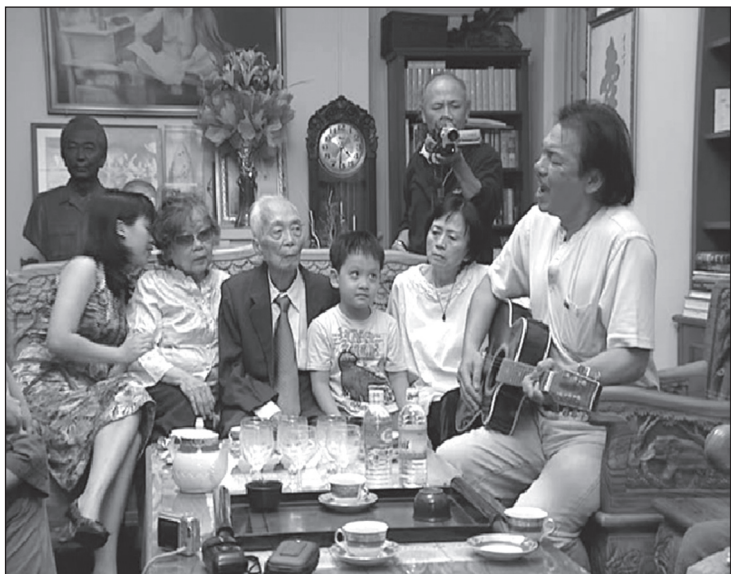
Dựa theo bức ảnh chân dung Đại tướng Võ Nguyên Giáp của nữ nhiếp ảnh gia Catherien Kranow, họa sĩ Nguyễn Ngọc Minh cùng các cộng sự đã làm bức tranh ghép từ 8.800 bức ảnh nhỏ



Một phần chi tiết bên má trái ảnh chân dung Đại tướng (tổng số ảnh ghép lại từ 8.800 ảnh, trong đó khoảng 900 ảnh tư liệu khác nhau)



Đại tướng Võ Nguyên Giáp, phu nhân Đặng Bích Hà và vợ chồng Đặng Anh Đào - Trung tướng Phạm Hồng Sơn ở 30 Hoàng Diệu



Cùng gia đình (có cả con gái Võ Hồng Anh) nghe Trần Tiến hát



Vợ chồng Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Thượng tướng Trần Văn Trà dự tiệc cưới của một sĩ quan trẻ - năm 1990

To Major Thomas.
Dear Sir.

I send you a bottle of liquor, for your
honour-arming. I hope you like it.

If you have some letters to Humming
please give them to the courier.

Your plan about the Japs' surrender
(ultimatum, attitude, etc.) is excellent,
I believe it will get very good result.

It will be very good, if you wire the
same plan to Capt. Holland.

During my absence, if you need
something, please tell Mr. Yon or
Mr. Li.

Kindest regards!

Yours sincerely

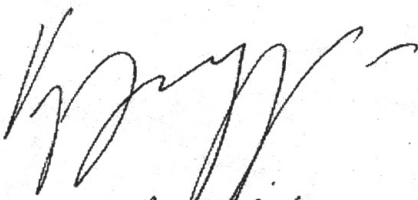
C. M. Hoang

Thư Bác Hồ gửi Major Thomas

Văn Cao đã ra đi!

Chúng ta vô cùng nhớ tiếc người
nghệ sĩ tài ba xuất chúng.

Những tác phẩm của anh, đặc biệt là
bài *Đuối Ca*,
những bài ca hùng tráng, những bản
nhạc trữ tình, "sống mãi với thời
gian, với dân tộc, như một di sản
sang trọng nên ngôi thơ ca Việt Nam



Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Đại tướng viết trong sổ tang
khi đến viếng đám tang nhạc sĩ Văn Cao

Mục lục

	trang
<i>Lời giới thiệu</i>	5
- Một tuổi hai mươi - Phạm Hồng Cư	7
- Đại tướng Võ Nguyên Giáp và thiếu sinh quân chiến khu 1 - Liên khu 10 - Nhiều tác giả	69
- Uống nước nhớ nguồn - Mai Sơn	90
- Hai mươi năm làm cận vụ cho tướng Giáp - Nguyễn Thúc Quỳnh	94
- Đại tướng Võ Nguyên Giáp: Tình nghĩa lớn và chi tiết nhỏ - Thiếu tướng Chu Phác	105
- “Bác Hồ” và “Anh Cả” Giáp - thầy và trò, nhà biên tập và nhà văn - Lady Borton	112
- Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Trần Đăng Khoa	116
- Mừng Đại tướng Võ Nguyên Giáp đại thọ tròn 100 tuổi - Đại tá Nguyễn Huyền	130
- Chúc mừng anh Cả vượt trăm xuân! - Hoàng Minh Phương	138

- Tình cảm của Đại tướng Võ Nguyên Giáp dành cho
nhạc sĩ Văn Cao
 - **Thúy Bằng** (kể) **Bích Thuận** (ghi).....161
- Tình bạn ngày đầu kháng chiến - **Nguyệt Tú**168
- Sầm Sơn, một chiều sau cơn bão
 - **Đặng Thị Hạnh**175
- Việt Bắc mờ xa - **Đặng Xuyên Như**.....185
- Phía bên kia thành cổ - **Đặng Anh Đào**.....197
- Người mang ký ức của trái tim - **Đặng Anh Đào** 226
- Trở lại Bao Biên - **Phạm Khắc Lãm**244
- Thần tốc, thần tốc hơn nữa. Táo bạo, táo bạo hơn nữa
 - **Phạm Hồng Cư**.....251
- Trò chuyện với người 20 năm là trợ lý của Đại tướng
 - **Phan Tùng Sơn**254
- Sức mạnh của con người làm nên lịch sử
 - **Dương Trung Quốc**260
- Nhớ và kể lại những điều đã ghi - **Ngọc Toàn**266
- Phụ bản ảnh*271

VO NGUYEN GIAP

qua lời kể những người thân

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ TP.HCM

88-90 Ký Con, P.Nguyễn Thái Bình, Quận 1 - TP.HCM

ĐT: (08) 38216009 - 39142419

Fax: (08) 39142890

Email: nxbvhvn@nxbvanhoavannghe.org.vn

nxbvanhoavannghe@yahoo.com.vn

Website: nxbvanhoavannghe.org.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Huỳnh Thị Xuân Hạnh

Biên tập: Nguyễn Ánh Tuyết

Sửa bản in: Quốc Chính

Trình bày: Lâm Đệ Hùng

Bìa: Mai Quế Vũ

In lần thứ nhất. Số lượng: 2.000 cuốn, Khổ 13 x 20cm.

Tại **Công ty Cổ phần In Khuyến học phía Nam**.

Số đăng ký KHXB: 09-2014/CXB/09-130/VHVN

Quyết định xuất bản số: 213/QĐ-NXBVHVN ngày 18/6/2014.

In xong và nộp lưu chiểu Quý III năm 2014.